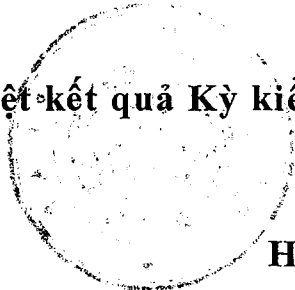


Số: 1404/QĐ-HĐKT

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2025



QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng
lần thứ năm

HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

Căn cứ Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng;

Căn cứ Quyết định số 2230/QĐ-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm;

Căn cứ Quyết định số 2317/QĐ-HĐKT ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm về việc ban hành Kế hoạch tổ chức Kỳ kiểm tra;

Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-HĐKT ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm phê duyệt Kết quả phúc tra Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm;

Xét đề nghị của Ban Thư ký Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm (có Danh sách kèm theo).

Điều 2. Cấp Giấy chứng nhận cho các thí sinh đạt kết quả Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm (có Danh sách kèm theo).

Điều 3. Hội đồng kiểm tra thông báo kết quả Kỳ kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận đạt kết quả Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm nêu tại Điều 1, 2 của Quyết định này đến Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thí sinh trong Danh sách kèm theo Quyết định này, đồng thời đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng kiểm tra, thành viên các Ban giúp việc cho Hội đồng kiểm tra và các thí sinh có tên trong Danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ily*

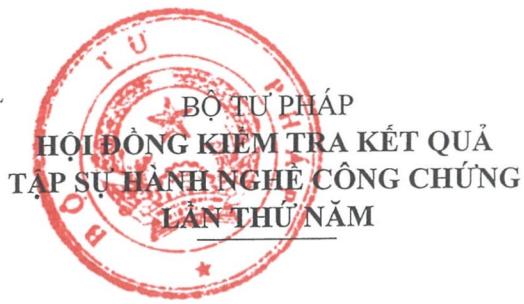
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, HĐKT

**TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
CHỦ TỊCH**



**THỦ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
Mai Lương Khôi**



BỘ TƯ PHÁP
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ
TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG
LẦN THỨ NĂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG
LẦN THỨ NĂM - KHU VỰC PHÍA BẮC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1404/QĐ-HĐKT ngày 08/5/2025 của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm)

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	MB-01	Đầu Hoàng	An	Nữ	25/6/1992	Thanh Hóa	24.50	62	Không đạt
2	MB-02	Phạm Hưng	An	Nam	08/12/1974	Ninh Thuận	32.25	64	Không đạt
3	MB-03	Hà Thanh	An	Nam	31/8/1977	Hà Nội	39.75	54	Không đạt
4	MB-04	Nguyễn Thanh	An	Nữ	26/12/1991	Nghệ An	29.50	62	Không đạt
5	MB-05	Đào Thúc	An	Nữ	25/01/1990	Hà Nội	41.25	64	Không đạt
6	MB-06	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	04/01/1984	Khánh Hòa	14.00	40	Không đạt
7	MB-07	Nguyễn Tiến	An	Nam	08/3/1991	Hà Nội	26.00	52	Không đạt
8	MB-08	Bùi Thị	Ấn	Nữ	10/5/1991	Hà Nội			Không đạt
9	MB-09	Hoàng Thị	Ấn	Nữ	16/4/1986	Hà Nội	27.25	54	Không đạt
10	MB-10	Trần Đình Bảo	Anh	Nam	10/4/1994	Hà Nội	15.75	66	Không đạt
11	MB-11	Phan Diệu	Anh	Nữ	24/8/1995	Hà Nội	36.13	54	Không đạt
12	MB-12	Trần Đức	Anh	Nam	02/8/1994	Nghệ An	30.13	50	Không đạt
13	MB-13	Nguyễn Bá Duy	Anh	Nam	21/7/1995	Hà Nội	33.63	62	Không đạt
14	MB-14	Trần Duy	Anh	Nam	12/12/1997	Hà Nội	58.63	88	Đạt
15	MB-15	Trần Hải	Anh	Nam	26/3/1996	Hà Giang	17.88	50	Không đạt
16	MB-16	Trần Huệ	Anh	Nữ	22/11/1994	Hà Nội	28.25	70	Không đạt
17	MB-17	Bùi Thị Kim	Anh	Nữ	26/12/1990	Hà Nội	27.75	48	Không đạt
18	MB-18	Đỗ Thị Kim	Anh	Nữ	18/4/1996	Đắk Lắk	40.75	58	Không đạt
19	MB-19	Thái Doãn Lâm	Anh	Nam	15/02/1983	Nghệ An	36.50	64	Không đạt
20	MB-20	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	28/8/1992	Cao Bằng	21.38	62	Không đạt
21	MB-21	Đặng Nhật Lan	Anh	Nữ	06/12/1999	Thái Bình			Không đạt
22	MB-22	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	27/6/1992	Lạng Sơn	30.13	46	Không đạt
23	MB-23	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	12/02/1986	Gia Lai	32.63	72	Không đạt
24	MB-24	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	22/10/1998	Hà Nội	51.00	64	Đạt
25	MB-25	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	21/4/1996	Thanh Hóa	34.63	70	Không đạt
26	MB-26	Đinh Thị Mai	Anh	Nữ	25/9/1996	Quảng Ninh	22.13	44	Không đạt
27	MB-27	Đỗ Thị Ngọc	Anh	Nữ	24/8/1992	Bắc Ninh	20.13	56	Không đạt
28	MB-28	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	14/8/1985	Hà Nội	39.50	60	Không đạt
29	MB-29	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	01/10/1997	Phú Thọ	44.00	62	Không đạt
30	MB-30	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	20/01/1996	Quảng Nam	26.50	62	Không đạt
31	MB-31	Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	14/12/1997	Hà Nội	37.50	80	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
32	MB-32	Hoàng Nhật	Anh	Nam	04/9/1996	Hà Nội	35.38	74	Không đạt
33	MB-33	Ngô Phuong	Anh	Nữ	12/10/1992	Hà Nội	39.75	70	Không đạt
34	MB-34	Nguyễn Phuong	Anh	Nữ	31/12/1997	Hà Nội	19.75	68	Không đạt
35	MB-35	Nguyễn Phuong	Anh	Nữ	01/5/1994	Hà Nội	50.00	72	Đạt
36	MB-36	Nguyễn Thị Phuong	Anh	Nữ	19/6/1996	Quảng Ninh	54.38	62	Đạt
37	MB-37	Vương Quốc	Anh	Nam	05/9/1997	Hà Nội	51.13	74	Đạt
38	MB-38	Hồ Vũ Quỳnh	Anh	Nữ	30/5/1990	Hà Nội	60.00	76	Đạt
39	MB-39	Dương Thế	Anh	Nam	16/3/1977	Hà Nội			Không đạt
40	MB-40	Lê Thế	Anh	Nam	12/8/1991	Hà Nội	31.00	68	Không đạt
41	MB-41	Đoàn Thị	Anh	Nữ	12/7/1988	Hà Nội	44.25	68	Không đạt
42	MB-42	Lưu Thị	Anh	Nữ	13/10/1994	Hải Dương	42.38	72	Không đạt
43	MB-43	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	15/01/1993	Điện Biên	32.13	78	Không đạt
44	MB-44	Trần Thị	Anh	Nữ	22/11/1991	Phú Thọ	29.38	40	Không đạt
45	MB-45	Vũ Thục	Anh	Nữ	05/7/1965	Hà Nội			Không đạt
46	MB-46	Vi Thị Thùy	Anh	Nữ	14/12/1993	Hà Nội	45.63	64	Không đạt
47	MB-47	Trần Trâm	Anh	Nữ	25/11/1996	Hà Nội	32.75	78	Không đạt
48	MB-48	Lương Thị Trung	Anh	Nữ	09/11/1994	Hà Nội	56.00	62	Đạt
49	MB-49	Nguyễn Tú	Anh	Nam	21/01/1994	Thái Bình	26.00	48	Không đạt
50	MB-50	Đặng Tuấn	Anh	Nam		Hà Nội			Không đạt
51	MB-51	Hoàng Tuấn	Anh	Nam	01/7/1991	Yên Bái	38.13	70	Không đạt
52	MB-52	Ngô Tuấn	Anh	Nam	30/8/1994	Hà Nội	30.50	50	Không đạt
53	MB-53	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	27/9/1983	Hà Nội	38.13	56	Không đạt
54	MB-54	Phạm Tuấn	Anh	Nam	19/4/1987	Vĩnh Phúc	22.25	56	Không đạt
55	MB-55	Phan Tuấn	Anh	Nam	23/6/1982	Hà Nội	7.38	46	Không đạt
56	MB-56	Nguyễn Tất Tuấn	Anh	Nam	18/10/1985	Bắc Ninh	41.13	60	Không đạt
57	MB-57	Trần Tuấn	Anh	Nam	12/3/1976	Hung Yên	33.50	60	Không đạt
58	MB-58	Võ Tuấn	Anh	Nam	06/11/1991	Nghệ An	25.13	60	Không đạt
59	MB-59	Ngô Vũ Tuấn	Anh	Nam	16/01/1989	Tuyên Quang	26.75	72	Không đạt
60	MB-60	Đặng Thị Vân	Anh	Nữ	22/10/1986	Hải Phòng	51.75	78	Đạt
61	MB-61	Hồ Thị Vân	Anh	Nữ	05/12/1989	Tuyên Quang	22.25	42	Không đạt
62	MB-62	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	19/6/1991	Hải Dương			Không đạt
63	MB-63	Phạm Trần Vân	Anh	Nữ	22/7/1996	Đắk Lắk	22.13	66	Không đạt
64	MB-64	Trần Thị Yến	Anh	Nữ	29/6/1993	Hà Nội	31.88	50	Không đạt
65	MB-65	Hoàng	Anh	Nam	07/12/1983	Hà Nội	35.50	62	Không đạt
66	MB-66	Đỗ Ngọc	Ánh	Nam	14/7/1967	Khánh Hòa	18.75	38	Không đạt
67	MB-67	Hứa Ngọc	Ánh	Nam	23/01/1994	Hà Nội	51.00	74	Đạt
68	MB-68	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	10/10/1994	Hà Nội	62.50	76	Đạt
69	MB-69	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	16/5/1995	Quảng Bình	23.75	52	Không đạt
70	MB-70	Tô Ngọc	Ánh	Nữ	31/12/1988	Hà Nội	36.00	58	Không đạt
71	MB-71	Trần Ngọc	Ánh	Nữ	15/6/1993	Nghệ An	51.00	70	Đạt
72	MB-72	Phạm Thị	Ánh	Nữ	09/10/1988	Hà Nội	36.00	58	Không đạt
73	MB-73	Từ Thị	Ánh	Nữ	30/11/1980	Hà Nội	31.50	50	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
74	MB-74	Hoàng Văn	Ánh	Nam	03/11/1975	Hà Nội			Không đạt
75	MB-75	Nguyễn Thị Thanh	Ba	Nữ	02/7/1989	Đà Nẵng	23.25	56	Không đạt
76	MB-76	Đoàn Quang	Bá	Nam	06/01/1970	Hà Tĩnh	19.75	64	Không đạt
77	MB-77	Hoàng Xuân	Bách	Nam	21/9/1989	Thanh Hóa	26.25	70	Không đạt
78	MB-78	Trần Vũ	Ban	Nam	01/01/1965	Quảng Ngãi	36.25	54	Không đạt
79	MB-79	Ngô Thị	Bán	Nữ	17/9/1991	Thái Nguyên	21.75	44	Không đạt
80	MB-80	Nguyễn Xuân	Bản	Nam	11/10/1974	Hải Phòng	7.25	46	Không đạt
81	MB-81	Nguyễn Tuệ	Bằng	Nam	25/9/1994	Hà Nội	30.00	70	Không đạt
82	MB-82	Trần Văn	Bằng	Nam	24/3/1983	Hà Nam	42.25	54	Không đạt
83	MB-83	Đào Ngọc	Bảo	Nữ	07/9/1993	Bắc Ninh	35.00	54	Không đạt
84	MB-84	Võ Văn	Bảo	Nam	15/01/1994	Quảng Nam	33.25	72	Không đạt
85	MB-85	Mã Đình	Bày	Nam	01/11/1993	Yên Bái	53.25	84	Đạt
86	MB-86	Nguyễn Thị Hồng	Bích	Nữ	11/4/1993	Quảng Ninh	52.00	84	Đạt
87	MB-87	Đào Thị	Bích	Nữ	15/10/1989	Hà Nội	59.50	76	Đạt
88	MB-88	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	10/12/1986	Hà Nội	28.25	66	Không đạt
89	MB-89	Phan Xuân	Bính	Nam	16/01/1976	Hà Tĩnh	0.50	40	Không đạt
90	MB-90	Nguyễn Đức	Biên	Nam	20/6/1987	Hà Nội	28.50	64	Không đạt
91	MB-91	Nguyễn Hoàng	Binh	Nam	10/01/1994	Hà Nội	41.25	78	Không đạt
92	MB-92	Vũ Nguyễn Thái	Bình	Nam	25/5/1994	Đắk Lắk	19.50	46	Không đạt
93	MB-93	Vũ Thanh	Bình	Nữ	14/11/1986	Lào Cai	63.75	62	Đạt
94	MB-94	Hoàng Thị	Bình	Nữ	24/8/1996	Hà Nội	23.50	50	Không đạt
95	MB-95	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	01/9/1992	Bắc Ninh	50.50	60	Đạt
96	MB-96	Trần Thị	Bình	Nữ	15/7/1965	Bắc Giang	23.88	40	Không đạt
97	MB-97	Trương Thị	Bình	Nữ	11/01/1966	Hà Nội	7.00	40	Không đạt
98	MB-98	Đỗ Văn	Bộ	Nam	27/7/1977	Bắc Ninh	14.38	60	Không đạt
99	MB-99	Nguyễn Khánh	Cảm	Nam	04/01/1989	Đà Nẵng	35.88	68	Không đạt
100	MB-100	Mai Thế	Cần	Nam	29/7/1977	Đà Nẵng	21.13	68	Không đạt
101	MB-101	Vũ Minh	Cảnh	Nam	17/9/1989	Thái Bình	27.13	62	Không đạt
102	MB-102	Nguyễn Quốc	Cảnh	Nam	07/01/1959	Hải Dương	29.75	76	Không đạt
103	MB-103	Trịnh Văn	Cảnh	Nam	26/9/1962	Hà Nội	3.00	46	Không đạt
104	MB-104	Lê Ngọc	Cát	Nam	08/5/1984	Lạng Sơn	26.00	62	Không đạt
105	MB-105	Hoàng Thị Thu	Chang	Nữ	22/6/1992	Phú Thọ	30.88	66	Không đạt
106	MB-106	Lê Thị	Chang	Nữ	18/02/1992	Hà Nội	17.88	84	Không đạt
107	MB-107	Nguyễn Thị Hà	Chi	Nữ	02/02/1987	Nam Định	35.75	48	Không đạt
108	MB-108	Lê Thị Kim	Chi	Nữ	26/01/1990	Đắk Lắk	16.75	52	Không đạt
109	MB-109	Vũ Thị Kim	Chi	Nữ	06/4/1985	Kon Tum	38.50	66	Không đạt
110	MB-110	Tô Kim	Chi	Nữ	11/4/1985	Hà Nội	36.25	50	Không đạt
111	MB-111	Bùi Lê Lan	Chi	Nữ	01/6/1989	Gia Lai	53.50	74	Đạt
112	MB-112	Quách Linh	Chi	Nữ	17/3/1995	Thái Nguyên	51.00	84	Đạt
113	MB-113	Phan Mai	Chi	Nữ	06/2/1987	Nghệ An	33.75	70	Không đạt
114	MB-114	Trương Thị Mỹ	Chi	Nữ	19/4/1983	Gia Lai	38.25	72	Không đạt
115	MB-115	Đình Anh	Chiến	Nam	14/8/1979	Hà Nội	21.88	56	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
116	MB-116	Phạm Chí	Chiến	Nam	31/7/1996	Đà Nẵng	51.00	74	Đạt
117	MB-117	Đặng Văn	Chiến	Nam	01/02/1987	Nam Định	45.00	72	Không đạt
118	MB-118	Lê Văn	Chiến	Nam	14/4/1985	Thanh Hóa	33.50	78	Không đạt
119	MB-119	Đỗ Đức	Chinh	Nam	21/8/1987	Hải Phòng	29.00	70	Không đạt
120	MB-120	Nguyễn Thị Mai	Chinh	Nữ	14/4/1985	Hải Phòng	50.75	82	Đạt
121	MB-121	Nguyễn Thị Phương	Chinh	Nữ	03/8/1996	Bắc Giang	39.00	60	Không đạt
122	MB-122	Đỗ Thị	Chinh	Nữ	22/3/1995	Bắc Ninh	28.63	52	Không đạt
123	MB-123	Hoàng Thị	Chinh	Nữ	17/01/1980	Thanh Hóa			Không đạt
124	MB-124	Nguyễn Đức	Chính	Nam	22/5/1981	Hải Dương	28.25	70	Không đạt
125	MB-125	Nguyễn Thị	Chính	Nữ	14/12/1990	Bắc Giang	50.63	76	Đạt
126	MB-126	Lò Văn	Chuẩn	Nam	18/4/1966	Sơn La	6.00	30	Không đạt
127	MB-127	Lại Thị	Chúc	Nữ	09/02/1990	Ninh Bình	18.75	64	Không đạt
128	MB-128	Lê Đức	Chung	Nam	31/01/1984	Hải Phòng	11.50	64	Không đạt
129	MB-129	Huỳnh Ngọc	Chung	Nam	12/9/1991	Quảng Ngãi	36.50	62	Không đạt
130	MB-130	Đình Thị	Chung	Nữ	17/12/1966	Tuyên Quang	33.25	50	Không đạt
131	MB-131	Trương Nữ Trần	Chung	Nữ	06/3/1985	Phú Yên	26.75	42	Không đạt
132	MB-132	Trần Đức	Chước	Nam	06/5/1986	Hải Phòng	20.75	50	Không đạt
133	MB-133	Lương Văn	Chuyên	Nam	16/12/1988	Lạng Sơn	24.25	64	Không đạt
134	MB-134	Đỗ Thị Hồng	Chuyên	Nữ	17/11/1991	Hà Nội			Không đạt
135	MB-135	Nguyễn Minh	Công	Nam	05/10/1998	Nghệ An	34.00	56	Không đạt
136	MB-136	Nguyễn Thành	Công	Nam	27/3/1983	Quảng Nam	23.75	58	Không đạt
137	MB-137	Nguyễn Văn	Công	Nam	20/9/1983	Lào Cai	6.50	40	Không đạt
138	MB-138	Phạm Thị Thu	Cúc	Nữ	13/3/1995	Hải Dương	37.25	68	Không đạt
139	MB-139	Phạm Thị Thu	Cúc	Nữ	20/9/1963	Thái Bình			Không đạt
140	MB-140	Phạm Tiến	Cường	Nam	10/02/1981	Hải Phòng	12.75	38	Không đạt
141	MB-141	Hoàng Thị	Cương	Nữ	02/6/1993	Tuyên Quang	25.00	68	Không đạt
142	MB-142	Trần Văn	Cương	Nam	21/5/1974	Hà Nội	32.75	72	Không đạt
143	MB-143	Trương Văn	Cương	Nam	22/4/1985	Hà Nội	13.75	42	Không đạt
144	MB-144	Doãn Bảo	Cường	Nam	30/10/1992	Hà Nội	50.50	62	Đạt
145	MB-145	Đặng Cao	Cường	Nam	28/7/1993	Bình Định	27.50	58	Không đạt
146	MB-146	Nguyễn Cao	Cường	Nam	05/3/1979	Yên Bái	28.75	50	Không đạt
147	MB-147	Đỗ Hoàng	Cường	Nam	16/11/1986	Hà Nội	39.25	52	Không đạt
148	MB-148	Nguyễn Khắc	Cường	Nam	15/01/1981	Đà Nẵng	50.25	86	Đạt
149	MB-149	Khổng Trọng	Cường	Nam	13/6/1994	Phú Thọ	52.75	74	Đạt
150	MB-150	Hà Văn	Cường	Nam	05/7/1984	Đắk Lắk			Không đạt
151	MB-151	Nguyễn Việt	Cường	Nam	23/12/1990	Hải Dương	32.25	58	Không đạt
152	MB-152	Nguyễn Xuân	Cường	Nam	07/10/1996	Nghệ An	16.00	48	Không đạt
153	MB-153	Đỗ Công	Đa	Nam	13/10/1960	Khánh Hòa	18.00	76	Không đạt
154	MB-154	Nguyễn Văn	Đắc	Nam	04/3/1961	Thái Nguyên	15.25	48	Không đạt
155	MB-155	Nguyễn Chí	Đại	Nam	26/8/1973	Lai Châu	34.00	66	Không đạt
156	MB-156	Trần Hữu	Đại	Nam	25/12/1992	Hà Tĩnh	29.00	70	Không đạt
157	MB-157	Giang Lê	Đại	Nam	24/9/1994	Hà Nội	37.63	50	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
158	MB-158	Nguyễn Ngọc	Đại	Nam	25/9/1990	Hà Nội	50.38	74	Đạt
159	MB-159	Nguyễn Văn	Đại	Nam	13/7/1991	Bắc Ninh	17.75	54	Không đạt
160	MB-160	Trịnh Xuân	Đại	Nam	05/7/1991	Đắk Lắk	11.50	48	Không đạt
161	MB-161	Nguyễn Thị	Dân	Nữ	01/3/1964	Phú Thọ	15.63	44	Không đạt
162	MB-162	Nguyễn Hữu	Dân	Nam	14/6/1962	Quảng Ninh	31.88	70	Không đạt
163	MB-163	Lê Thị Linh	Đan	Nữ	18/8/1992	Quảng Bình	51.13	64	Đạt
164	MB-164	Lê Đặng Uyên	Đan	Nữ	02/5/1994	Đắk Lắk	33.00	62	Không đạt
165	MB-165	Nguyễn Anh	Đào	Nữ	28/02/1977	Hà Nội	38.25	72	Không đạt
166	MB-166	Vũ Thị	Đào	Nữ	19/12/1991	Nam Định	41.38	64	Không đạt
167	MB-167	Hoàng Hữu	Đạo	Nam	15/5/1995	Bắc Giang	50.88	74	Đạt
168	MB-168	Hoàng Mạnh	Đạt	Nam	28/10/1983	Hà Nam	29.75	56	Không đạt
169	MB-169	Phan Thành	Đạt	Nam	30/7/1995	Thừa Thiên Huế	20.13	56	Không đạt
170	MB-170	Đặng Thúy	Đạt	Nữ	24/11/1993	Hà Nội	31.88	62	Không đạt
171	MB-171	Trần Văn	Đạt	Nam	25/3/1993	Kon Tum	41.75	62	Không đạt
172	MB-172	Đặng Ngọc	Đẹp	Nam	28/9/1991	Hà Nội	27.75	56	Không đạt
173	MB-173	Nguyễn Hoàng	Diễm	Nữ	28/12/1989	Quảng Nam	51.25	68	Đạt
174	MB-174	Đình Ngọc	Diễm	Nữ	22/7/1993	Khánh Hòa	37.63	62	Không đạt
175	MB-175	Nguyễn Thị Xuân	Diễm	Nữ	10/8/1995	Quảng Nam	51.75	86	Đạt
176	MB-176	Hà Thị	Diên	Nữ	15/02/1994	Thái Nguyên	52.00	66	Đạt
177	MB-177	Nguyễn Văn	Diên	Nam	11/02/1966	Quảng Ninh	21.38	52	Không đạt
178	MB-178	Vũ Thị Ngọc	Diệp	Nữ	12/6/1994	Quảng Ninh	43.00	66	Không đạt
179	MB-179	Trương Ngọc	Diệp	Nữ	26/11/1997	Đắk Lắk	69.25	84	Đạt
180	MB-180	Dương Thị	Diệp	Nữ	10/12/1995	Thái Nguyên	58.13	84	Đạt
181	MB-181	Nguyễn Văn	Diệp	Nam	28/3/1987	Vĩnh Phúc	31.88	38	Không đạt
182	MB-182	Vy Thị	Định	Nữ	18/9/1995	Hà Nội	45.75	78	Không đạt
183	MB-183	Nguyễn Văn	Định	Nam	10/01/1993	Đà Nẵng	41.88	78	Không đạt
184	MB-184	Nguyễn Văn	Định	Nam	08/10/1990	Hải Phòng	40.38	76	Không đạt
185	MB-185	Nguyễn Thành	Đô	Nam	21/12/1995	Hà Nội	33.88	82	Không đạt
186	MB-186	Trần Đức	Độ	Nam	06/7/1992	Đà Nẵng	20.13	76	Không đạt
187	MB-187	Trần Công	Đoan	Nam	30/12/1994	Hà Nội	13.13	38	Không đạt
188	MB-188	Đình Đỗ Đài	Đoan	Nữ	09/5/1991	Khánh Hòa	26.38	54	Không đạt
189	MB-189	Nguyễn Thục	Đoan	Nữ	22/5/1991	Quảng Ngãi	51.00	74	Đạt
190	MB-190	Hà Quốc	Đoàn	Nam	24/4/1986	Vĩnh Phúc	14.25	52	Không đạt
191	MB-191	Hoàng Văn	Đoàn	Nam	17/10/1988	Lạng Sơn	36.75	76	Không đạt
192	MB-192	Nguyễn Văn	Đông	Nam	15/11/1999	Hà Nội	39.63	76	Không đạt
193	MB-193	Đặng Quang	Đông	Nam	15/12/1965	Sơn La	19.63	62	Không đạt
194	MB-194	Trần Đức	Đồng	Nam	28/4/1974	Ninh Thuận	25.13		Không đạt
195	MB-195	Cáp Trọng	Du	Nam	12/5/1988	Bắc Ninh	25.63	48	Không đạt
196	MB-196	Nguyễn Thế	Dự	Nam	28/01/1985	Bắc Ninh	15.75	46	Không đạt
197	MB-197	Lê Anh	Đức	Nam	20/01/1987	Gia Lai	35.00	62	Không đạt
198	MB-198	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	20/6/1976	Đắk Lắk	25.63	66	Không đạt
199	MB-199	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	02/01/1991	Hà Nội	30.38	68	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
200	MB-200	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	06/10/1989	Hà Nội	32.50	82	Không đạt
201	MB-201	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	12/4/1986	Phú Thọ	17.75	46	Không đạt
202	MB-202	Ngô Thanh Huỳnh	Đức	Nam	07/11/1997	Hà Nội	52.88	74	Đạt
203	MB-203	Nguyễn Khoa	Đức	Nam	04/3/1994	Quảng Ngãi	33.38	80	Không đạt
204	MB-204	Trần Phương	Đức	Nam	04/12/1983	Quảng Nam	15.63	62	Không đạt
205	MB-205	Nguyễn Văn	Đức	Nam	06/11/1977	Hải Phòng	18.63	64	Không đạt
206	MB-206	Dương	Đức	Nam	17/8/1992	Quảng Ninh	32.00	66	Không đạt
207	MB-207	Trần Hạnh	Dung	Nữ	28/02/1994	Khánh Hòa	28.25	72	Không đạt
208	MB-208	Đinh Thị Kiều	Dung	Nữ	08/3/1989	Bình Định	53.38	84	Đạt
209	MB-209	Dương Thị Kim	Dung	Nữ	04/8/1965	Phú Thọ	21.75	36	Không đạt
210	MB-210	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	25/3/1995	Hà Nội	36.13	58	Không đạt
211	MB-211	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	22/11/1963	Nam Định			Không đạt
212	MB-212	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	24/11/1966	Vĩnh Phúc	14.25	46	Không đạt
213	MB-213	Phạm Thị Kim	Dung	Nữ	14/7/1992	Hòa Bình	52.00	50	Đạt
214	MB-214	Nguyễn Lê	Dung	Nữ	13/7/1982	Khánh Hòa	25.13	60	Không đạt
215	MB-215	Lưu Thị Ngọc	Dung	Nữ	04/6/1983	Hải Phòng	34.63	56	Không đạt
216	MB-216	Đỗ Thị	Dung	Nữ	22/10/1997	Hà Nội	31.63	74	Không đạt
217	MB-217	Dương Thị	Dung	Nữ	10/11/1997	Thanh Hóa	30.63	62	Không đạt
218	MB-218	Hoàng Thị	Dung	Nữ	04/6/1995	Nghệ An	31.25	62	Không đạt
219	MB-219	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	11/7/1989	Đà Nẵng	33.38	76	Không đạt
220	MB-220	Lê Thị Thu	Dung	Nữ	17/9/1980	Bình Định	7.38	34	Không đạt
221	MB-221	Lê Thị Thu	Dung	Nữ	22/10/1999	Hà Nội	36.13	68	Không đạt
222	MB-222	Hoàng Thị Thùy	Dung	Nữ	23/5/1993	Quảng Trị	28.25	66	Không đạt
223	MB-223	Lưu Thị Thùy	Dung	Nữ	20/8/1980	Hà Nội	23.00	44	Không đạt
224	MB-224	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	16/11/1992	Hà Nội	38.25	78	Không đạt
225	MB-225	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	03/5/1997	Hà Nội	37.88	72	Không đạt
226	MB-226	Trần Thị Thùy	Dung	Nữ	19/12/1995	Đà Nẵng	33.13	60	Không đạt
227	MB-227	Vũ Thị Thùy	Dung	Nữ	11/5/1990	Đắk Lắk	12.63	62	Không đạt
228	MB-228	Nguyễn Bá	Dũng	Nam	07/9/1991	Thanh Hóa	42.13	54	Không đạt
229	MB-229	Vũ Mạnh	Dũng	Nam	25/01/1996	Hà Nội	31.00	48	Không đạt
230	MB-230	Đặng Ngọc	Dũng	Nam	17/9/1991	Đà Nẵng	25.25	64	Không đạt
231	MB-231	Lê Phi	Dũng	Nam	14/12/1971	Nghệ An	17.63	82	Không đạt
232	MB-232	Nguyễn Quang	Dũng	Nam	25/5/1985	Đắk Lắk	7.13	54	Không đạt
233	MB-233	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	01/6/1976	Bắc Ninh	19.25	60	Không đạt
234	MB-234	Nguyễn Trịnh	Dũng	Nam	15/6/1975	Hải Phòng	17.25	48	Không đạt
235	MB-235	Lô Trung	Dũng	Nam	19/10/1988	Hà Nội	30.88	66	Không đạt
236	MB-236	Châu Trương	Dũng	Nam	01/01/1993	Quảng Nam	30.13	70	Không đạt
237	MB-237	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	20/8/1992	Hải Phòng	50.38	70	Đạt
238	MB-238	Lê Viết	Dũng	Nam	10/5/1982	Hà Tĩnh	22.75	70	Không đạt
239	MB-239	Lê Đại	Dương	Nam	02/4/1986	Thanh Hóa	24.63	56	Không đạt
240	MB-240	Hoàng Kim	Dương	Nam	09/3/1991	Hải Dương	17.88	54	Không đạt
241	MB-241	Lê Long	Dương	Nam	03/7/1988	Quảng Ninh	17.50	50	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
242	MB-242	Hoàng Ngọc	Dương	Nam	25/11/1986	Hung Yên	32.00	82	Không đạt
243	MB-243	Lê Thị	Dương	Nữ	10/01/1990	Thanh Hóa	25.50	54	Không đạt
244	MB-244	Nguyễn Thị	Dương	Nữ	16/02/1982	Quảng Ngãi	17.50	46	Không đạt
245	MB-245	Nguyễn Thị	Dương	Nữ	10/8/1983	Thanh Hóa	23.88	48	Không đạt
246	MB-246	Lý Thùy	Dương	Nữ	13/11/1986	Hà Nội	37.25	76	Không đạt
247	MB-247	Hoàng Trung	Dương	Nam	10/7/1967	Hải Phòng	21.00	44	Không đạt
248	MB-248	Huỳnh Văn	Dương	Nam	12/4/1973	Phú Yên	19.00	56	Không đạt
249	MB-249	Trần Xuân	Dương	Nam	17/8/1988	Vĩnh Phúc	26.88	50	Không đạt
250	MB-250	Nguyễn Đình	Duy	Nam	09/12/1987	Hải Phòng	37.50	66	Không đạt
251	MB-251	Đào Đức	Duy	Nam	11/03/1993	Lạng Sơn	13.38	50	Không đạt
252	MB-252	Nguyễn Đức	Duy	Nam	12/8/1997	Đà Nẵng	39.50	76	Không đạt
253	MB-253	Nguyễn Ngọc Hoàng	Duy	Nam	24/11/1995	Khánh Hòa	28.38	74	Không đạt
254	MB-254	Nguyễn Quang	Duy	Nam	08/4/1982	Hải Phòng	7.38	56	Không đạt
255	MB-255	Đào Thị An	Duyên	Nữ	17/5/1983	Hà Tĩnh	24.00	72	Không đạt
256	MB-256	Nguyễn Thị Lê	Duyên	Nữ	01/4/1993	Quảng Nam	30.00	58	Không đạt
257	MB-257	Dương Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24/11/1995	Thái Nguyên	26.88	74	Không đạt
258	MB-258	Trương Mỹ	Duyên	Nữ	21/7/1996	Thái Nguyên	50.13	74	Đạt
259	MB-259	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	24/01/1991	Bắc Ninh	26.50	68	Không đạt
260	MB-260	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	24/7/1993	Hà Nội	41.75	78	Không đạt
261	MB-261	Tăng Bá	Giang	Nam	20/02/1982	Hải Phòng	25.63	48	Không đạt
262	MB-262	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	Nữ	11/12/1994	Bắc Giang	16.38	58	Không đạt
263	MB-263	Vi Đức	Giang	Nam	21/4/1995	Hà Nội	24.88	62	Không đạt
264	MB-264	Lê Hương	Giang	Nữ	02/9/1982	Thanh Hóa	20.38	46	Không đạt
265	MB-265	Dương Thị Hương	Giang	Nữ	24/10/1984	Hà Nội	24.88	64	Không đạt
266	MB-266	Hoàng Thị Hương	Giang	Nữ	02/6/1999	Hà Nội	54.13	74	Đạt
267	MB-267	Hoàng Lệ	Giang	Nữ	28/5/1993	Bắc Giang	27.25	54	Không đạt
268	MB-268	Đặng Hoàng Linh	Giang	Nữ	22/8/1994	Lạng Sơn	26.00	60	Không đạt
269	MB-269	Tổng Thị	Giang	Nữ	24/02/1976	Hà Nội			Không đạt
270	MB-270	Bùi Thị Thu	Giang	Nữ	01/02/1993	Phú Thọ	50.63	68	Đạt
271	MB-271	Nguyễn Thùy	Giang	Nữ	10/9/1997	Hà Nội	37.75	74	Không đạt
272	MB-272	Nguyễn Tiến	Giang	Nam	13/10/1996	Bắc Giang	21.38	80	Không đạt
273	MB-273	Bùi Thị Trà	Giang	Nữ	02/01/1994	Quảng Ninh	31.50	56	Không đạt
274	MB-274	Lê Trường	Giang	Nam	22/6/1989	Thanh Hóa	24.38	64	Không đạt
275	MB-275	Nguyễn Trường	Giang	Nam	12/02/1998	Hà Nội	26.63	60	Không đạt
276	MB-276	Phạm Văn	Giang	Nam	23/8/1987	Hà Tĩnh	33.88	76	Không đạt
277	MB-277	Hà Hải	Hà	Nam	01/01/1994	Bình Định	30.38	50	Không đạt
278	MB-278	Lê Thị Hồng	Hà	Nữ	02/01/1991	Quảng Bình	35.50	50	Không đạt
279	MB-279	Nguyễn Mạnh	Hà	Nam	01/5/1983	Bắc Giang	34.13	62	Không đạt
280	MB-280	Quách Mạnh	Hà	Nam	24/6/1991	Hà Nội	40.63	70	Không đạt
281	MB-281	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	01/10/1994	Hà Nội	50.00	54	Đạt
282	MB-282	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	11/10/1986	Hà Nội	23.38	70	Không đạt
283	MB-283	Phan Thị Ngọc	Hà	Nữ	05/8/1990	Bình Định	21.00	58	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
284	MB-284	Hoàng Thị Thanh	Hà	Nữ	28/12/1982	Quảng Nam	16.88	44	Không đạt
285	MB-285	Bùi Thị	Hà	Nữ	12/7/1987	Vĩnh Phúc	22.25	46	Không đạt
286	MB-286	Hồ Thị	Hà	Nữ	20/8/1987	Nghệ An	30.88	50	Không đạt
287	MB-287	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	01/8/1994	Bắc Ninh	28.75	66	Không đạt
288	MB-288	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	18/8/1995	Hòa Bình	50.00	84	Đạt
289	MB-289	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	12/02/1994	Nghệ An	18.88	54	Không đạt
290	MB-290	Cầm Thu	Hà	Nữ	27/02/1998	Sơn La	5.88	34	Không đạt
291	MB-291	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	10/3/1986	Vĩnh Phúc	23.13	48	Không đạt
292	MB-292	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	24/5/1997	Hà Nội	17.63	40	Không đạt
293	MB-293	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	20/01/1997	Hải Dương	23.13	60	Không đạt
294	MB-294	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	01/10/1994	Quảng Ninh	36.75	60	Không đạt
295	MB-295	Trần Thu	Hà	Nữ	13/02/1993	Hà Nội	36.00	74	Không đạt
296	MB-296	Trần Thu	Hà	Nữ	01/5/1994	Hà Nội	53.63	74	Đạt
297	MB-297	Trần Thu	Hà	Nữ	16/12/1992	Hà Nội	28.38	58	Không đạt
298	MB-298	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	02/02/1991	Đắk Lắk	36.63	62	Không đạt
299	MB-299	Lê Thị Thúy	Hà	Nữ	22/12/1976	Nghệ An	25.63	56	Không đạt
300	MB-300	Hoàng Thị Tú	Hà	Nữ	03/8/1999	Hà Nội	39.00	68	Không đạt
301	MB-301	Nguyễn Văn	Hà	Nam	05/7/1994	Vĩnh Phúc	42.75	64	Không đạt
302	MB-302	Bùi Thị Việt	Hà	Nữ	02/3/1997	Gia Lai	38.13	72	Không đạt
303	MB-303	Vũ Xuân	Hà	Nam	17/10/1970	Sơn La	13.88	34	Không đạt
304	MB-304	Cao Thị Đan	Hạ	Nữ	28/02/1995	Đắk Lắk	41.00	72	Không đạt
305	MB-305	Phạm Văn	Hải	Nam	24/9/1996	Thanh Hóa	27.38	62	Không đạt
306	MB-306	Nguyễn Anh	Hải	Nam	01/02/1990	Hà Nội	36.38	62	Không đạt
307	MB-307	Nguyễn Hồng	Hải	Nam	07/01/1990	Bình Định	45.50	84	Không đạt
308	MB-308	Vũ Hồng	Hải	Nam	27/5/1982	Hà Nội	14.63	58	Không đạt
309	MB-309	Nguyễn Huy	Hải	Nam	01/11/1984	Quảng Trị	19.13	50	Không đạt
310	MB-310	Nguyễn Lê	Hải	Nam	17/5/1992	Bắc Kạn	14.00	54	Không đạt
311	MB-311	Đặng Minh	Hải	Nam	29/4/1967	Khánh Hòa	28.88	66	Không đạt
312	MB-312	Trương Minh	Hải	Nam	01/6/1988	Hà Nội	16.63	40	Không đạt
313	MB-313	Đào Nam	Hải	Nam	24/10/1990	Hải Phòng	31.88	58	Không đạt
314	MB-314	Nguyễn Phú	Hải	Nam	22/11/1993	Khánh Hòa	27.00	66	Không đạt
315	MB-315	Nguyễn Quốc	Hải	Nam	02/11/1982	Vĩnh Phúc	30.00	54	Không đạt
316	MB-316	Nguyễn Sơn	Hải	Nam	18/4/1977	Hà Nội	39.13	66	Không đạt
317	MB-317	Hà Thị	Hải	Nữ	20/12/1981	Đà Nẵng	39.88	70	Không đạt
318	MB-318	Trần Thị	Hải	Nữ	18/10/1962	Quảng Ninh	24.00	52	Không đạt
319	MB-319	Đỗ Tiến	Hải	Nam	12/12/1981	Hà Nội	38.75	60	Không đạt
320	MB-320	Trần Tiên	Hải	Nam	24/06/1993	Đà Nẵng	39.00	74	Không đạt
321	MB-321	Lê Trương	Hải	Nam	23/8/1994	Thanh Hóa	26.38	60	Không đạt
322	MB-322	Trương Văn	Hải	Nam	26/3/1975	Gia Lai	21.13	58	Không đạt
323	MB-323	Phạm Thị Ngọc	Hân	Nữ	10/9/1991	Hải Phòng	34.63	78	Không đạt
324	MB-324	Trần Văn	Hân	Nam	06/5/1974	Hà Nội	31.75	50	Không đạt
325	MB-325	Nguyễn Thị	Hàng	Nữ	22/7/1989	Quảng Nam			Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
326	MB-326	Lê Thị Bích	Hằng	Nữ	21/11/1969	Quảng Nam	9.50	54	Không đạt
327	MB-327	Bùi Minh	Hằng	Nữ	27/01/1993	Thanh Hóa	22.75	60	Không đạt
328	MB-328	Trần Thị Mỹ	Hằng	Nữ	05/7/1982	Gia Lai	21.75	62	Không đạt
329	MB-329	Trần Thị Phương	Hằng	Nữ	15/4/1984	Hải Phòng	34.38	62	Không đạt
330	MB-330	Đỗ Thanh	Hằng	Nữ	09/4/1981	Phú Thọ	25.75	44	Không đạt
331	MB-331	Vương Thanh	Hằng	Nữ	28/3/1996	Hà Nội	54.38	62	Đạt
332	MB-332	Bùi Thị	Hằng	Nữ	19/9/1992	Hà Nội	61.50	82	Đạt
333	MB-333	Bùi Thị	Hằng	Nữ	10/10/1983	Nghệ An	30.25	40	Không đạt
334	MB-334	Cần Thị	Hằng	Nữ	05/11/1976	Khánh Hòa	25.38	46	Không đạt
335	MB-335	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	19/10/1980	Hà Nội	38.50	72	Không đạt
336	MB-336	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	16/8/1991	Thanh Hóa	50.88	60	Đạt
337	MB-337	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	05/01/1989	Vĩnh Phúc	41.25	68	Không đạt
338	MB-338	Phan Thị	Hằng	Nữ	03/8/1995	Hà Nội	43.50	58	Không đạt
339	MB-339	Phùng Thị	Hằng	Nữ	28/3/1992	Vĩnh Phúc	24.50	74	Không đạt
340	MB-340	Quản Thị	Hằng	Nữ	11/5/1986	Thanh Hóa	30.00	44	Không đạt
341	MB-341	Tăng Thị	Hằng	Nữ	08/8/1994	Nghệ An	32.13	50	Không đạt
342	MB-342	Trần Thị	Hằng	Nữ	15/8/1989	Bắc Ninh	18.88	38	Không đạt
343	MB-343	Trần Thị	Hằng	Nữ	09/9/1989	Hà Nội	33.25	72	Không đạt
344	MB-344	Trịnh Thị	Hằng	Nữ	03/8/1981	Hà Nội	25.88	58	Không đạt
345	MB-345	Đinh Thị Thu	Hằng	Nữ	13/02/1986	Khánh Hòa	23.50	52	Không đạt
346	MB-346	Đỗ Thị Thu	Hằng	Nữ	20/6/1983	Hà Nam	29.50	58	Không đạt
347	MB-347	Đoàn Thị Thu	Hằng	Nữ	31/10/1991	Bắc Ninh	37.25	66	Không đạt
348	MB-348	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	19/12/1981	Hà Nội	21.13	40	Không đạt
349	MB-349	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	07/11/1995	Phú Thọ	34.50	54	Không đạt
350	MB-350	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	30/10/1989	Thanh Hóa	53.88	70	Đạt
351	MB-351	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	19/11/1996	Tuyên Quang	36.88	48	Không đạt
352	MB-352	Chu Thị Thúy	Hằng	Nữ	05/10/1996	Hà Tĩnh	30.63	68	Không đạt
353	MB-353	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	27/10/1997	Hải Dương	27.38	34	Không đạt
354	MB-354	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	16/4/1995	Nghệ An	60.75	64	Đạt
355	MB-355	Nguyễn Thị	Hành	Nữ	09/5/1986	Hà Tĩnh	54.50	70	Đạt
356	MB-356	Chu Thị Bích	Hạnh	Nữ	16/9/1991	Hà Nội	55.00	66	Đạt
357	MB-357	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	20/10/1978	Bắc Ninh	24.00	36	Không đạt
358	MB-358	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	20/8/1992	Đắk Lắk	30.00	54	Không đạt
359	MB-359	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	26/11/1977	Hà Nội	30.13	42	Không đạt
360	MB-360	Phan Đức	Hạnh	Nam	19/4/1988	Quảng Bình	32.00	68	Không đạt
361	MB-361	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	02/6/1989	Hà Nội	35.00	64	Không đạt
362	MB-362	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	26/6/1991	Nghệ An	51.25	68	Đạt
363	MB-363	Hứa Thị Hồng	Hạnh	Nữ	07/8/1993	Đắk Lắk	60.25	74	Đạt
364	MB-364	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	03/11/1980	Hà Nội	55.00	56	Đạt
365	MB-365	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	09/12/1998	Quảng Ninh	39.50	66	Không đạt
366	MB-366	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	24/6/1987	Tuyên Quang	21.13	44	Không đạt
367	MB-367	Trịnh Thị Hồng	Hạnh	Nữ	29/7/1985	Bắc Ninh	38.00	60	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
368	MB-368	Vũ Huy	Hạnh	Nam	14/8/1982	Hải Phòng	50.00	58	Đạt
369	MB-369	Đặng Thị Minh	Hạnh	Nữ	11/11/1976	Hà Nội			Không đạt
370	MB-370	Trần Thị Minh	Hạnh	Nữ	04/7/1987	Hải Dương	32.50	48	Không đạt
371	MB-371	Dương Thị	Hạnh	Nữ	08/3/1997	Hà Nội	39.75	80	Không đạt
372	MB-372	Hoàng Thị	Hạnh	Nữ	21/3/1993	Thái Nguyên	53.00	60	Đạt
373	MB-373	Ngô Thị	Hạnh	Nữ	27/4/1978	Đà Nẵng	42.50	50	Không đạt
374	MB-374	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	13/11/1984	Quảng Nam	54.75	68	Đạt
375	MB-375	Phạm Thị	Hạnh	Nữ	17/01/1983	Hải Dương	32.00	58	Không đạt
376	MB-376	Trịnh Thị	Hạnh	Nữ	11/7/1979	Hà Nội			Không đạt
377	MB-377	Nguyễn Anh	Hào	Nam	06/01/1994	Bắc Ninh	39.63	66	Không đạt
378	MB-378	Dương Văn	Hào	Nam	22/5/1963	Hòa Bình			Không đạt
379	MB-379	Lê Thị Hoàng	Hào	Nữ	14/02/1996	Gia Lai	42.75	64	Không đạt
380	MB-380	Đỗ Như	Hào	Nữ	09/9/1996	Vĩnh Phúc	54.25	66	Đạt
381	MB-381	Nguyễn Thị	Hào	Nữ	02/12/1992	Hà Nội	43.75	44	Không đạt
382	MB-382	Đặng Từ	Hào	Nam	09/12/1998	Khánh Hòa	41.75	64	Không đạt
383	MB-383	Phạm Đức	Hậu	Nam	15/10/1975	Vĩnh Phúc	27.75	46	Không đạt
384	MB-384	Lê Hải	Hậu	Nam	15/02/1991	Đắk Lắk	33.50	64	Không đạt
385	MB-385	Nguyễn Hùng	Hậu	Nam	11/6/1980	Hà Nội	29.38	56	Không đạt
386	MB-386	Bùi Thị	Hậu	Nữ	29/4/1998	Hải Dương	25.00	70	Không đạt
387	MB-387	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	27/10/1990	Nghệ An	27.25	68	Không đạt
388	MB-388	Trần Thị	Hậu	Nữ	24/9/1994	Phú Thọ	25.75	72	Không đạt
389	MB-389	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	11/02/1994	Đà Nẵng	19.75	72	Không đạt
390	MB-390	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	11/01/1966	Hà Nội	6.88	30	Không đạt
391	MB-391	Lê Thị	Hiên	Nữ	10/4/1998	Hà Nội	52.00	76	Đạt
392	MB-392	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	19/02/1985	Hà Nội	28.50	54	Không đạt
393	MB-393	Lương Thị Bích	Hiên	Nữ	20/6/1992	Bình Định	36.00	66	Không đạt
394	MB-394	Trần Đình	Hiên	Nam	07/7/1988	Thừa Thiên Huế	32.75	82	Không đạt
395	MB-395	Tiêu Thị Minh	Hiên	Nữ	21/3/1990	Hải Dương	50.88	76	Đạt
396	MB-396	Lê Quang	Hiên	Nam	28/11/1973	Kon Tum	35.00	60	Không đạt
397	MB-397	Lê Quốc	Hiên	Nam	09/10/1958	Thanh Hóa	14.63	52	Không đạt
398	MB-398	Nguyễn Thái	Hiên	Nam	20/4/1984	Phú Yên	11.00	52	Không đạt
399	MB-399	Lê Thanh	Hiên	Nam	16/9/1985	Quảng Bình	24.00	54	Không đạt
400	MB-400	Phạm Thị Thanh	Hiên	Nữ	03/6/1975	Hải Phòng	17.00	28	Không đạt
401	MB-401	Phùng Thị Thanh	Hiên	Nữ	10/12/1967	Hà Nội	27.63	66	Không đạt
402	MB-402	Võ Thanh	Hiên	Nữ	30/11/1992	Hà Nội	33.25	70	Không đạt
403	MB-403	Lê Thị	Hiên	Nữ	25/6/1965	Đắk Lắk	40.50	70	Không đạt
404	MB-404	Lê Thị	Hiên	Nữ	10/9/1990	Thanh Hóa	38.13	64	Không đạt
405	MB-405	Lê Thị	Hiên	Nữ	30/8/1996	Thanh Hóa	23.50	60	Không đạt
406	MB-406	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	17/8/1996	Hà Nội	25.25	64	Không đạt
407	MB-407	Phạm Thị	Hiên	Nữ	23/02/1990	Quảng Ninh	30.75	44	Không đạt
408	MB-408	Phạm Thị	Hiên	Nữ	28/12/1989	Điện Biên	32.50	38	Không đạt
409	MB-409	Nguyễn Thiện	Hiên	Nam	09/10/1966	Nghệ An	12.00	46	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
410	MB-410	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	05/02/1989	Quảng Nam	45.63	74	Không đạt
411	MB-411	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	27/7/1982	Vĩnh Phúc	34.25	72	Không đạt
412	MB-412	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	14/6/1975	Hà Nội	31.38	54	Không đạt
413	MB-413	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	02/10/1984	Lào Cai	36.00	62	Không đạt
414	MB-414	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	14/8/1987	Vĩnh Phúc	41.75	84	Không đạt
415	MB-415	Phan Thị Thu	Hiền	Nữ	24/7/1993	Hà Nội	50.25	72	Đạt
416	MB-416	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	16/10/1995	Nam Định	40.75	72	Không đạt
417	MB-417	Hồ Thị Tú	Hiền	Nữ	06/01/1994	Nghệ An	29.63	54	Không đạt
418	MB-418	Đỗ Văn	Hiền	Nam	19/02/1964	Hà Nội	21.13	30	Không đạt
419	MB-419	Vũ Thị	Hiền	Nữ	20/11/1990	Thái Bình			Không đạt
420	MB-420	Nguyễn Văn	Hiền	Nam	10/5/1990	Hải Phòng	59.13	74	Đạt
421	MB-421	Nguyễn Đăng	Hiệp	Nam	26/8/1998	Bắc Ninh	33.25	46	Không đạt
422	MB-422	Lê Đình	Hiệp	Nam	08/11/1997	Hà Nội	58.00	76	Đạt
423	MB-423	Trương Thị Hải	Hiệp	Nữ	26/9/1980	Hà Nội	29.50	50	Không đạt
424	MB-424	Chê Thị Hồng	Hiệp	Nữ	23/01/1995	Bình Định	59.75	86	Đạt
425	MB-425	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	25/10/1990	Hòa Bình	50.00	68	Đạt
426	MB-426	Đỗ Lê Anh	Hiếu	Nam	20/12/1988	Thừa Thiên Huế	50.25	52	Đạt
427	MB-427	Hà Mạnh	Hiếu	Nam	25/12/1995	Hà Nội	41.50	72	Không đạt
428	MB-428	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	14/01/1958	Nghệ An	20.50	72	Không đạt
429	MB-429	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	Nữ	18/9/1989	Hải Phòng	58.25	70	Đạt
430	MB-430	Phan Thị	Hiếu	Nữ	20/10/1991	Nghệ An	50.13	68	Đạt
431	MB-431	Trần Thị	Hiếu	Nữ	09/11/1985	Hung Yên	38.38	46	Không đạt
432	MB-432	Đinh Trọng	Hiếu	Nam	01/8/1982	Quảng Trị	45.25	64	Không đạt
433	MB-433	Bùi Trung	Hiếu	Nam	19/6/1994	Đắk Lắk	28.13	76	Không đạt
434	MB-434	Trần Trung	Hiếu	Nam	28/11/1997	Hà Nội	50.63	78	Đạt
435	MB-435	Nguyễn Thị Diễm	Hoa	Nữ	20/7/1995	Vĩnh Phúc	41.75	58	Không đạt
436	MB-436	Tô Kiều	Hoa	Nữ	05/11/1987	Hải Phòng	29.63	60	Không đạt
437	MB-437	Nghiêm Thị Kim	Hoa	Nữ	22/10/1968	Thái Nguyên			Không đạt
438	MB-438	Ngô Thị Kim	Hoa	Nữ	15/3/1992	Khánh Hòa	32.75	42	Không đạt
439	MB-439	Trần Thị Minh	Hoa	Nữ	27/10/1991	Hải Phòng	56.88	78	Đạt
440	MB-440	Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	24/9/1996	Hà Nội	52.00	70	Đạt
441	MB-441	Diệp Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	27/12/1992	Thái Nguyên	38.38	72	Không đạt
442	MB-442	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	12/6/1993	Bắc Ninh	50.00	86	Đạt
443	MB-443	Phạm Thị Thanh	Hoa	Nữ	04/7/1982	Hải Phòng			Không đạt
444	MB-444	Lương Thị	Hoa	Nữ	17/9/1979	Thanh Hóa	34.38	50	Không đạt
445	MB-445	Tạ Bà	Hòa	Nam	02/5/1977	Ninh Bình			Không đạt
446	MB-446	Bùi Thanh	Hòa	Nữ	15/10/1987	Hòa Bình	38.13	40	Không đạt
447	MB-447	Bùi Thị Thanh	Hòa	Nữ	18/11/1976	Bình Định	50.00	72	Đạt
448	MB-448	Bùi Thị	Hòa	Nữ	23/01/1992	Quảng Ninh	50.63	74	Đạt
449	MB-449	Đỗ Thị	Hòa	Nữ	16/11/1990	Hà Nội	58.75	82	Đạt
450	MB-450	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	15/3/1990	Bắc Ninh	44.50	64	Không đạt
451	MB-451	Vũ Trung	Hòa	Nam	30/12/1996	Hà Nam	58.50	76	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
452	MB-452	Nguyễn Xuân	Hòa	Nam	11/02/1957	Hà Nội	12.00	46	Không đạt
453	MB-453	Trần Nguyễn Bích	Hoài	Nữ	02/6/1994	Thừa Thiên Huế	52.00	62	Đạt
454	MB-454	Doãn Thị Đỗ	Hoài	Nữ	23/11/1988	Thái Bình	40.00	44	Không đạt
455	MB-455	La Khánh	Hoài	Nữ	01/7/1998	Lạng Sơn	33.00	50	Không đạt
456	MB-456	Hoàng Thanh	Hoài	Nữ	19/9/1994	Hà Nội	30.25	58	Không đạt
457	MB-457	Võ Thị	Hoài	Nữ	27/8/1994	Nghệ An	65.50	78	Đạt
458	MB-458	Đặng Thị Thu	Hoài	Nữ	02/01/1966	Nam Định	16.00	68	Không đạt
459	MB-459	Trương Văn	Hoài	Nam	12/4/1966	Quảng Nam	17.50	48	Không đạt
460	MB-460	Trịnh Thị	Hoan	Nữ	15/5/1990	Thanh Hóa	53.00	68	Đạt
461	MB-461	Phan Duy	Hoàn	Nam	25/4/1991	Thái Nguyên	62.00	70	Đạt
462	MB-462	Cao Bảo	Hoàng	Nam	17/01/1989	Đắk Lắk	25.00	50	Không đạt
463	MB-463	Lê Công	Hoàng	Nam	18/11/1988	Hải Dương	29.50	70	Không đạt
464	MB-464	Đỗ Huy	Hoàng	Nam	11/10/1963	Bắc Ninh	17.00	46	Không đạt
465	MB-465	Trần Huy	Hoàng	Nam	25/6/1995	Quảng Bình	39.75	68	Không đạt
466	MB-466	Nguyễn Quang	Hoàng	Nam	02/01/1997	Quảng Trị	12.00	72	Không đạt
467	MB-467	Dương Thị Thanh	Hoàng	Nữ	10/4/1998	Gia Lai	18.38	34	Không đạt
468	MB-468	Vi Trọng	Hoàng	Nam	26/6/1993	Bắc Ninh	31.00	52	Không đạt
469	MB-469	Phạm Việt	Hoàng	Nam	16/5/1960	Ninh Bình	6.50	30	Không đạt
470	MB-470	Nguyễn Thị Bích	Hồng	Nữ	19/7/1998	Kon Tum	52.50	74	Đạt
471	MB-471	Vũ Diệu	Hồng	Nữ	12/7/1993	Lạng Sơn	58.50	62	Đạt
472	MB-472	Nguyễn Đình	Hồng	Nam	08/11/1977	Nghệ An	32.50	64	Không đạt
473	MB-473	Lê Thị Thanh	Hồng	Nữ	06/5/1990	Nghệ An	50.00	76	Đạt
474	MB-474	Ngô Thị Thanh	Hồng	Nữ	03/6/1977	Ninh Thuận	14.50	40	Không đạt
475	MB-475	Đặng Thị	Hồng	Nữ	12/4/1997	Quảng Ninh	39.00	54	Không đạt
476	MB-476	Đoàn Thị	Hồng	Nữ	27/11/1982	Hà Nội	29.50	46	Không đạt
477	MB-477	Dương Thị	Hồng	Nữ	01/7/1995	Hà Nội	61.50	66	Đạt
478	MB-478	Hà Thị	Hồng	Nữ	02/12/1996	Thanh Hóa	50.00	56	Đạt
479	MB-479	Hoàng Thị	Hồng	Nữ	15/9/1986	Hà Nội	28.50	38	Không đạt
480	MB-480	Lê Thị	Hồng	Nữ	20/9/1995	Đà Nẵng	59.00	76	Đạt
481	MB-481	Lê Thị	Hồng	Nữ	08/7/1995	Hà Nội	40.25	72	Không đạt
482	MB-482	Vi Thị	Hồng	Nữ	14/4/1995	Thanh Hóa	34.38	70	Không đạt
483	MB-483	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	07/10/1974	Đà Nẵng	48.38	64	Không đạt
484	MB-484	Vũ Thị Thúy	Hồng	Nữ	21/8/1992	Gia Lai	34.50	70	Không đạt
485	MB-485	Đào Việt	Hồng	Nam	06/10/1987	Phú Thọ	22.00	42	Không đạt
486	MB-486	Nguyễn Thị Xuân	Hồng	Nữ	09/02/1992	Phú Yên	22.38	60	Không đạt
487	MB-487	Bùi Thị Thanh	Hợp	Nữ	10/9/1978	Bình Định	6.25	44	Không đạt
488	MB-488	Lê Thị	Hợp	Nữ	17/8/1981	Đà Nẵng	30.88	58	Không đạt
489	MB-489	Đặng Công	Huân	Nam	29/10/1987	Quảng Bình	43.63	74	Không đạt
490	MB-490	Nguyễn Hữu	Huân	Nam	01/12/1982	Hà Nội	26.50	56	Không đạt
491	MB-491	Phạm Quốc	Huân	Nam	23/3/1991	Đắk Lắk			Không đạt
492	MB-492	Bùi Ngọc	Huệ	Nữ	18/3/1997	Quảng Bình	34.00	70	Không đạt
493	MB-493	Hoàng Thị Thanh	Huệ	Nữ	05/6/1983	Hải Phòng	51.38	68	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
494	MB-494	Đàm Thị	Huệ	Nữ	12/8/1992	Hà Nội	53.00	66	Đạt
495	MB-495	Hoàng Thị	Huệ	Nữ	02/7/1986	Thái Bình	33.00	66	Không đạt
496	MB-496	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	22/02/1988	Quảng Ninh	13.00	42	Không đạt
497	MB-497	Quách Thị Thu	Huệ	Nữ	21/11/1994	Hà Nội	50.25	44	Không đạt
498	MB-498	Cao Huy	Hùng	Nam	04/4/1984	Khánh Hòa	38.13	78	Không đạt
499	MB-499	Nguyễn Huy	Hùng	Nam	01/3/1970	Hà Nội	35.00	60	Không đạt
500	MB-500	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	03/9/1996	Thanh Hóa			Không đạt
501	MB-501	Vũ Mạnh	Hùng	Nam	04/10/1966	Hà Nội	54.63	66	Đạt
502	MB-502	Nguyễn Ngọc	Hùng	Nam	09/02/1985	Nghệ An	26.75	52	Không đạt
503	MB-503	Nguyễn Ngọc	Hùng	Nam	11/01/1972	Thanh Hóa	24.50	52	Không đạt
504	MB-504	Phạm Ngọc	Hùng	Nam	20/10/1996	Hải Phòng	40.00	66	Không đạt
505	MB-505	Nguyễn Quốc	Hùng	Nam	01/10/1968	Đà Nẵng			Không đạt
506	MB-506	Nguyễn Tiến	Hùng	Nam	29/12/1994	Quảng Nam	35.50	46	Không đạt
507	MB-507	Lê Văn	Hùng	Nam	23/7/1969	Hà Nội	37.75	72	Không đạt
508	MB-508	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	10/6/1962	Bình Định	12.38	42	Không đạt
509	MB-509	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	06/7/1984	Thanh Hóa	40.50	64	Không đạt
510	MB-510	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	16/6/1974	Thanh Hóa	35.25	60	Không đạt
511	MB-511	Lưu Việt	Hùng	Nam	23/11/1994	Quảng Bình	11.50	62	Không đạt
512	MB-512	Nguyễn Việt	Hùng	Nam	27/8/1982	Phú Thọ	36.13	62	Không đạt
513	MB-513	Nguyễn Xuân	Hùng	Nam	27/8/1987	Hà Nội	35.63	76	Không đạt
514	MB-514	Nguyễn Hữu	Hùng	Nam	24/10/1996	Hà Nội	12.25	44	Không đạt
515	MB-515	Hứa Thị Khánh	Hùng	Nữ	27/3/1985	Khánh Hòa	9.00	42	Không đạt
516	MB-516	Mai Lý	Hùng	Nam	07/4/1990	Bắc Ninh	4.00	62	Không đạt
517	MB-517	Vũ Mạnh	Hùng	Nam	09/01/1988	Hà Nam	20.13	38	Không đạt
518	MB-518	Hoàng Ngọc	Hùng	Nam	24/9/1991	Thanh Hóa	50.50	68	Đạt
519	MB-519	Lê Ngọc	Hùng	Nam	12/01/1994	Hà Nội	29.50	64	Không đạt
520	MB-520	Hoàng Thị	Hùng	Nữ	14/9/1989	Phú Thọ	42.00	76	Không đạt
521	MB-521	Trần Văn	Hùng	Nam	07/4/1987	Hà Nội	15.75	58	Không đạt
522	MB-522	Bùi Thị Lan	Hương	Nữ	15/11/1999	Hà Nội	36.88	92	Không đạt
523	MB-523	Phạm Thị Lan	Hương	Nữ	16/01/1996	Ninh Bình	22.88	42	Không đạt
524	MB-524	Trần Thị Lan	Hương	Nữ	07/5/1981	Bắc Ninh	27.88	58	Không đạt
525	MB-525	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	10/02/1996	Thanh Hóa	9.00	62	Không đạt
526	MB-526	Nguyễn Quốc	Hương	Nam	10/5/1965	Hà Nội	18.88	48	Không đạt
527	MB-527	Trần Thị Quỳnh	Hương	Nữ	27/7/1992	Bình Định	27.50	64	Không đạt
528	MB-528	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	09/9/1976	Điện Biên	23.75	46	Không đạt
529	MB-529	Bạch Thị	Hương	Nữ	07/8/1974	Hà Nội	18.63	52	Không đạt
530	MB-530	Lê Thị	Hương	Nữ	24/12/1996	Thanh Hóa	26.88	66	Không đạt
531	MB-531	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	29/8/1981	Đà Nẵng	28.13	36	Không đạt
532	MB-532	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	05/5/1983	Hà Nội	29.88	76	Không đạt
533	MB-533	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	26/11/1996	Hà Nội	16.50	68	Không đạt
534	MB-534	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	07/3/1994	Hải Phòng	18.50	72	Không đạt
535	MB-535	Phạm Thị	Hương	Nữ	31/12/1999	Thanh Hóa	29.88	60	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
536	MB-536	Phùng Thị	Hương	Nữ	06/9/1992	Hà Nội	24.00	50	Không đạt
537	MB-537	Cao Thị Thu	Hương	Nữ	02/4/1996	Hà Nội	50.13	68	Đạt
538	MB-538	Đỗ Thị Thu	Hương	Nữ	23/01/1986	Quảng Ninh	32.63	74	Không đạt
539	MB-539	Đoàn Thị Thu	Hương	Nữ	19/7/1985	Đắk Lắk	23.00	54	Không đạt
540	MB-540	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	12/3/1990	Bắc Giang	33.88	70	Không đạt
541	MB-541	Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	07/3/1991	Hà Nội	4.88		Không đạt
542	MB-542	Vũ Thu	Hương	Nữ	02/01/1977	Bắc Giang	29.75	66	Không đạt
543	MB-543	Võ Thị Lan	Hương	Nữ	26/4/1992	Nghệ An	34.38	62	Không đạt
544	MB-544	Đỗ Thị Xuân	Hương	Nữ	28/10/1981	Hà Nội	42.38	68	Không đạt
545	MB-545	Hồ Thị Thảo	Hương	Nữ	25/6/1994	Đà Nẵng	36.00	62	Không đạt
546	MB-546	Vũ Thế	Hương	Nữ	19/4/1958	Hà Nội			Không đạt
547	MB-547	Cao Thị	Hương	Nữ	02/01/1979	Lai Châu	16.25	44	Không đạt
548	MB-548	Hoàng Thị	Hương	Nữ	04/9/1988	Hà Nội	15.50	52	Không đạt
549	MB-549	Lê Thị	Hương	Nữ	12/3/1996	Quảng Ninh	43.50	82	Không đạt
550	MB-550	Lê Thị	Hương	Nữ	02/7/1976	Quảng Trị	51.00	88	Đạt
551	MB-551	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	29/5/1993	Bắc Giang	40.13	56	Không đạt
552	MB-552	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	15/6/1993	Hà Nội	51.75	80	Đạt
553	MB-553	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	11/6/1992	Quảng Ninh	41.25	86	Không đạt
554	MB-554	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	13/10/1978	Thanh Hóa	21.38	56	Không đạt
555	MB-555	Phạm Thị	Hương	Nữ	20/5/1982	Hà Nội	19.13	58	Không đạt
556	MB-556	Thạch Thị	Hương	Nữ	31/01/1993	Hà Nội	41.63	60	Không đạt
557	MB-557	Khuong Văn	Hương	Nam	13/6/1982	Hà Nội	32.50	48	Không đạt
558	MB-558	Trương Công	Hữu	Nam	13/8/1992	Bắc Giang	36.00	56	Không đạt
559	MB-559	Trịnh Tài	Hữu	Nam	15/02/1996	Quảng Nam	35.50	72	Không đạt
560	MB-560	Vũ Đình	Huy	Nam	09/10/1992	Hung Yên	33.00	48	Không đạt
561	MB-561	Trần Lê	Huy	Nam	02/10/1979	Phú Thọ	25.88	60	Không đạt
562	MB-562	Lê	Huy	Nam	28/9/1991	Hà Nội	43.50	72	Không đạt
563	MB-563	Trịnh Minh	Huy	Nam	27/5/1983	Hải Phòng	32.75	42	Không đạt
564	MB-564	Bùi Quang	Huy	Nam	22/11/1994	Hà Nội	21.88	70	Không đạt
565	MB-565	Dương Quang	Huy	Nam	17/11/1984	Thái Nguyên	29.00	60	Không đạt
566	MB-566	Nguyễn Quang	Huy	Nam	10/9/1985	Hà Nội	9.88	52	Không đạt
567	MB-567	Phạm Quang	Huy	Nam	08/01/1988	Nghệ An	51.75	78	Đạt
568	MB-568	Phạm Quốc	Huy	Nam	24/4/1997	Quảng Ninh	33.50	64	Không đạt
569	MB-569	Trịnh Quốc	Huy	Nam	30/3/1995	Hà Nội	39.25	72	Không đạt
570	MB-570	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	Nữ	05/9/1990	Đắk Lắk	54.88	68	Đạt
571	MB-571	Phạm Thị Minh	Huyền	Nữ	28/4/1985	Hà Nội			Không đạt
572	MB-572	Bùi Thanh	Huyền	Nữ	25/9/1992	Hòa Bình	40.25	60	Không đạt
573	MB-573	Hoàng Thị Thanh	Huyền	Nữ	03/12/1981	Hải Phòng	22.25	52	Không đạt
574	MB-574	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	07/10/1987	Hà Nội	26.00	50	Không đạt
575	MB-575	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	29/7/1988	Hà Nội	39.63	48	Không đạt
576	MB-576	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	19/11/1990	Quảng Bình	33.00	64	Không đạt
577	MB-577	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	04/01/1983	Hà Nội	20.50	48	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
578	MB-578	Trần Thị Thanh	Huyện	Nữ	01/12/1992	Quảng Bình	31.00	64	Không đạt
579	MB-579	Âu Thị	Huyện	Nữ	22/5/1995	Bắc Giang	43.75	52	Không đạt
580	MB-580	Dương Thị	Huyện	Nữ	05/10/1992	Hà Nội	36.50	46	Không đạt
581	MB-581	Mai Thị	Huyện	Nữ	24/4/1994	Điện Biên	51.00	82	Đạt
582	MB-582	Mai Thị	Huyện	Nữ	23/7/1994	Hà Nội	35.25	60	Không đạt
583	MB-583	Nguyễn Thị	Huyện	Nữ	12/9/1991	Nghệ An	40.00	52	Không đạt
584	MB-584	Nguyễn Thị	Huyện	Nữ	24/3/1992	Thanh Hóa	35.50	62	Không đạt
585	MB-585	Phạm Thị	Huyện	Nữ	20/11/1990	Hải Phòng	52.00	70	Đạt
586	MB-586	Phùng Thị	Huyện	Nữ	23/4/1994	Hà Nội	32.50	60	Không đạt
587	MB-587	Trần Thị	Huyện	Nữ	22/7/1984	Hung Yên	28.50	42	Không đạt
588	MB-588	Ngô Thu	Huyện	Nữ	20/5/1994	Quảng Ninh	36.00	68	Không đạt
589	MB-589	Nguyễn Thu	Huyện	Nữ	28/4/1993	Hà Nội	36.25	68	Không đạt
590	MB-590	Phạm Thu	Huyện	Nữ	13/11/1998	Hà Nội	36.00	62	Không đạt
591	MB-591	Phan Thu	Huyện	Nữ	06/8/1997	Hà Nội	41.75	60	Không đạt
592	MB-592	Nguyễn Thị Thu	Huyện	Nữ	20/8/1992	Bắc Giang	31.75	64	Không đạt
593	MB-593	Trần Thị Thu	Huyện	Nữ	25/11/1989	Nam Định	39.50	64	Không đạt
594	MB-594	Nguyễn Văn	Huyện	Nam	08/7/1982	Hà Nội	41.00	72	Không đạt
595	MB-595	Nguyễn Trọng	Huỳnh	Nam	22/4/1979	Thừa Thiên Huế	31.00	56	Không đạt
596	MB-596	Lê Mai	Khanh	Nữ	20/01/1994	Hà Nội	35.25	50	Không đạt
597	MB-597	Nguyễn Đăng	Khánh	Nam	13/4/1990	Hải Phòng	27.75	64	Không đạt
598	MB-598	Võ Lê	Khánh	Nam	12/11/1982	Đắk Lắk	32.50	42	Không đạt
599	MB-599	Võ Quốc	Khánh	Nam	02/9/1991	Đà Nẵng	39.25	60	Không đạt
600	MB-600	Đình Văn	Khánh	Nam	03/6/1995	Hà Nội	30.00	50	Không đạt
601	MB-601	Phùng Văn	Khánh	Nam	20/11/1985	Hà Nội	31.75	52	Không đạt
602	MB-602	Phạm Văn	Khiêm	Nam	10/11/1985	Hải Dương	35.50	62	Không đạt
603	MB-603	Nguyễn Ngọc	Khoa	Nam	23/01/1983	Hà Nội	24.25	48	Không đạt
604	MB-604	Nguyễn Việt	Khoa	Nam	14/10/1979	Hà Nội	36.00	52	Không đạt
605	MB-605	Nguyễn Quốc Bảo	Khôi	Nam	03/8/1999	Hung Yên	50.25	70	Đạt
606	MB-606	Lê Minh	Khôi	Nam	07/5/1982	Quảng Ninh	36.25	58	Không đạt
607	MB-607	Tạ Đức	Khuong	Nam	01/9/1991	Gia Lai	43.25	80	Không đạt
608	MB-608	Nguyễn Trọng	Khuong	Nam	10/10/1960	Hà Nội	36.00	78	Không đạt
609	MB-609	Nông Văn	Khuong	Nam	26/5/1988	Lạng Sơn	30.00	68	Không đạt
610	MB-610	Phan Văn	Khuong	Nam	01/01/1993	Quảng Nam	23.38	50	Không đạt
611	MB-611	Nguyễn Công	Kiên	Nam	05/01/1966	Hà Nội	38.75	80	Không đạt
612	MB-612	Vũ Đức	Kiên	Nam	25/01/1973	Hải Dương	27.25	64	Không đạt
613	MB-613	Trần Ngọc	Kiên	Nam	01/3/1992	Hà Nội	28.50	56	Không đạt
614	MB-614	Dương Quang	Kiên	Nam	19/02/1985	Bắc Kạn	11.88	38	Không đạt
615	MB-615	Nguyễn Thanh	Kiên	Nam	03/02/1988	Thanh Hóa	19.25	46	Không đạt
616	MB-616	Lê Trung	Kiên	Nam	03/6/1984	Hà Nội	28.63	70	Không đạt
617	MB-617	Lò Trung	Kiên	Nam	29/11/1990	Sơn La	38.25	58	Không đạt
618	MB-618	Lê Ngọc Trung	Kiên	Nam	02/9/1990	Khánh Hòa	34.25	80	Không đạt
619	MB-619	Nguyễn Xuân	Kiên	Nam	24/6/1988	Hà Nội	28.75	54	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
620	MB-620	Phan Khắc	Kiều	Nam	02/4/1992	Hà Tĩnh	26.50	70	Không đạt
621	MB-621	Nguyễn Thị	Kiều	Nữ	20/02/1985	Thừa Thiên Huế	44.50	80	Không đạt
622	MB-622	Đào Thị Bạch	Kim	Nữ	10/3/1966	Đắk Lắk	31.13	68	Không đạt
623	MB-623	Ngô Thế	Kim	Nam	10/4/1983	Lào Cai	7.38	36	Không đạt
624	MB-624	Nguyễn Ngọc Hồng	Kông	Nữ	18/8/1987	Quảng Bình	23.38	54	Không đạt
625	MB-625	Vũ Cao	Kỳ	Nam	03/6/1977	Hà Nội			Không đạt
626	MB-626	Thái Văn	Kỳ	Nam	17/8/1995	Quảng Ngãi	42.25	72	Không đạt
627	MB-627	Lê Văn	Lai	Nam	29/10/1990	Ninh Thuận	30.75	68	Không đạt
628	MB-628	Nguyễn Thị Thanh	Lam	Nữ	16/7/1988	Bắc Ninh	36.63	54	Không đạt
629	MB-629	Nguyễn Đình	Lam	Nam	07/7/1990	Đắk Lắk	52.50	76	Đạt
630	MB-630	Nguyễn Hồng Duy	Lâm	Nữ	09/02/1990	Đà Nẵng	30.38	48	Không đạt
631	MB-631	Phùng Xuân	Lâm	Nam	02/01/1978	Hà Nội	15.50	54	Không đạt
632	MB-632	Trần Bích	Lan	Nữ	27/5/1983	Nghệ An	32.25	70	Không đạt
633	MB-633	Đình Thị Hoàng	Lan	Nữ	01/11/1998	Quảng Bình			Không đạt
634	MB-634	Trần Thị Hương	Lan	Nữ	23/7/1994	Yên Bái	25.88	64	Không đạt
635	MB-635	Hồ Thị Mai	Lan	Nữ	15/10/1994	Hà Nội	30.63	56	Không đạt
636	MB-636	Lư Ngọc	Lan	Nữ	03/8/1992	Hà Nội	51.63	80	Đạt
637	MB-637	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	02/12/1975	Hà Nội	35.50	64	Không đạt
638	MB-638	Nguyễn Thị Phương	Lan	Nữ	14/8/1996	Hà Nội	24.00	64	Không đạt
639	MB-639	Phạm Thị Phương	Lan	Nữ	30/12/1997	Hà Nam	46.63	82	Không đạt
640	MB-640	Đình Thị Thanh	Lan	Nữ	04/02/1995	Hà Nội	27.00	62	Không đạt
641	MB-641	Lê Thị	Lan	Nữ	13/02/1990	Đắk Lắk	53.00	72	Đạt
642	MB-642	Lê Thị	Lan	Nữ	20/01/1991	Hải Dương	33.38	70	Không đạt
643	MB-643	Lê Thị	Lan	Nữ	21/12/1993	Thanh Hóa	50.50	70	Đạt
644	MB-644	Lê Thị	Lan	Nữ	02/6/1990	Thanh Hóa	15.00	48	Không đạt
645	MB-645	Lê Thị	Lan	Nữ	06/3/1995	Thanh Hóa	24.00	50	Không đạt
646	MB-646	Ngô Thị	Lan	Nữ	28/5/1994	Hà Nội	59.50	64	Đạt
647	MB-647	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	12/3/1994	Quảng Ninh	44.50	82	Không đạt
648	MB-648	Nông Thị	Lan	Nữ	26/6/1992	Tuyên Quang			Không đạt
649	MB-649	Trần Thị	Lan	Nữ	10/5/1992	Bắc Ninh	33.50	56	Không đạt
650	MB-650	Điền Tuyết	Lan	Nữ	05/11/1961	Ninh Bình	17.50	42	Không đạt
651	MB-651	Lê Thị Yên	Lan	Nữ	28/10/1993	Gia Lai	50.00	72	Đạt
652	MB-652	Nghiêm Mạnh	Lân	Nam	24/4/1961	Hà Nội			Không đạt
653	MB-653	Nguyễn Thị Kim	Lành	Nữ	06/8/1977	Hà Tĩnh			Không đạt
654	MB-654	Nguyễn Thị Thu	Lập	Nữ	20/8/1992	Gia Lai	42.50	68	Không đạt
655	MB-655	Nguyễn Thị Như	Lê	Nữ	04/7/1995	Quảng Nam	59.63	78	Đạt
656	MB-656	Nguyễn Thị Thúy	Lê	Nữ	12/02/1986	Hà Nội	39.50	74	Không đạt
657	MB-657	Nguyễn Thị Hồng	Lệ	Nữ	29/9/1992	Quảng Ngãi	38.00	68	Không đạt
658	MB-658	Trần Thị Nhật	Lệ	Nữ	10/9/1996	Quảng Ninh	32.75	60	Không đạt
659	MB-659	Quách Thị	Len	Nữ	26/6/1982	Hà Nội	38.00	62	Không đạt
660	MB-660	Trần Văn	Liên	Nam	25/06/1984	Hà Nội	22.00	54	Không đạt
661	MB-661	Lê Thị Bích	Liên	Nữ	06/4/1986	Hà Nội	37.00	60	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
662	MB-662	Triệu Thị Bích	Liên	Nữ	22/12/1983	Vĩnh Phúc	21.00	54	Không đạt
663	MB-663	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	08/7/1995	Hà Nội	50.00	60	Đạt
664	MB-664	Kiều Thị Mai	Liên	Nữ	13/01/1965	Hà Nội			Không đạt
665	MB-665	Trần Thị	Liên	Nữ	26/10/1990	Thừa Thiên Huế	25.00	62	Không đạt
666	MB-666	Nguyễn Thị Thu	Liên	Nữ	13/9/1974	Quảng Trị	32.00	50	Không đạt
667	MB-667	Trần Thủy	Liên	Nữ	18/6/1993	Thanh Hóa	39.88	58	Không đạt
668	MB-668	Trần Ngọc	Liên	Nam	05/9/1991	Đắk Lắk	34.50	66	Không đạt
669	MB-669	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	16/7/1991	Hưng Yên	42.75	70	Không đạt
670	MB-670	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	14/12/1994	Hà Nội	55.75	92	Đạt
671	MB-671	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	05/12/1995	Hà Nội	50.50	68	Đạt
672	MB-672	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	02/9/1995	Nghệ An	34.00	60	Không đạt
673	MB-673	Phạm Thị Diệu	Linh	Nữ	19/10/1995	Bắc Ninh	50.50	82	Đạt
674	MB-674	Phan Thị Diệu	Linh	Nữ	22/12/1986	Hải Phòng	38.50	62	Không đạt
675	MB-675	Vũ Diệu	Linh	Nữ	08/4/1994	Phú Thọ	50.00	70	Đạt
676	MB-676	Nguyễn Thị Giang	Linh	Nữ	03/7/1994	Hà Nội	50.00	58	Đạt
677	MB-677	Từ Công Hải	Linh	Nam	14/8/1992	Quảng Bình	66.50	80	Đạt
678	MB-678	Văn Đặng Hoàng	Linh	Nữ	27/10/1996	Gia Lai	32.50	56	Không đạt
679	MB-679	Khang Khánh	Linh	Nữ	18/4/1994	Vĩnh Phúc	31.50	42	Không đạt
680	MB-680	Phạm Lâm Khánh	Linh	Nữ	31/01/1987	Đà Nẵng	50.00	54	Đạt
681	MB-681	Phạm Thị Khánh	Linh	Nữ	10/7/1995	Ninh Bình	50.50	68	Đạt
682	MB-682	Trương Khánh	Linh	Nữ	23/10/1997	Đà Nẵng	50.50	54	Đạt
683	MB-683	Vũ Mạnh	Linh	Nam	15/6/1989	Thanh Hóa	51.00	60	Đạt
684	MB-684	Đào Mỹ	Linh	Nữ	03/3/1990	Hà Nội	37.25	68	Không đạt
685	MB-685	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	13/12/1996	Hà Tĩnh	50.00	56	Đạt
686	MB-686	Lê Ngọc	Linh	Nam	05/7/1993	Thanh Hóa	25.00	48	Không đạt
687	MB-687	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	16/7/1997	Hà Nội	38.50	50	Không đạt
688	MB-688	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	17/7/1995	Quảng Bình			Không đạt
689	MB-689	Phạm Ngọc	Linh	Nam	14/5/1995	Hà Nội	29.50	62	Không đạt
690	MB-690	Nguyễn	Linh	Nam	01/12/1958	Bình Định	32.50	54	Không đạt
691	MB-691	Hoàng Nhật	Linh	Nam	17/8/1990	Quảng Bình	50.00	86	Đạt
692	MB-692	Hoàng Phương	Linh	Nữ	03/12/1997	Bắc Ninh	53.50	86	Đạt
693	MB-693	Trần Phương	Linh	Nữ	04/12/1997	Tuyên Quang	42.00	68	Không đạt
694	MB-694	Bùi Thị	Linh	Nữ	01/6/1991	Hải Dương	55.50	80	Đạt
695	MB-695	Bùi Thị	Linh	Nữ	02/02/1988	Thái Bình	50.00	66	Đạt
696	MB-696	Hoàng Thị	Linh	Nữ	12/8/1990	Lào Cai	40.50	42	Không đạt
697	MB-697	Ngô Thị	Linh	Nữ	13/02/1980	Sơn La	6.00	38	Không đạt
698	MB-698	Phạm Thị	Linh	Nữ	02/4/1992	Sơn La	40.00	74	Không đạt
699	MB-699	Trần Thị	Linh	Nữ	19/9/1995	Khánh Hòa	59.00	80	Đạt
700	MB-700	Bùi Thùy	Linh	Nữ	11/10/1981	Thái Nguyên	52.50	74	Đạt
701	MB-701	Đặng Thùy	Linh	Nữ	06/4/1990	Hòa Bình	37.50	74	Không đạt
702	MB-702	Cao Thị Thùy	Linh	Nữ	03/11/1998	Hà Nội	39.50	54	Không đạt
703	MB-703	Đàm Thị Thùy	Linh	Nữ	05/5/1998	Bắc Ninh	25.50	64	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
704	MB-704	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	19/7/1979	Quảng Bình	17.50	52	Không đạt
705	MB-705	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	12/10/1996	Nghệ An	31.00	54	Không đạt
706	MB-706	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	04/6/1995	Quảng Bình	39.50	66	Không đạt
707	MB-707	Vương Tiểu	Linh	Nữ	14/5/1994	Bình Định	29.88	86	Không đạt
708	MB-708	Trần Việt	Linh	Nam	31/12/1990	Nghệ An	26.13	68	Không đạt
709	MB-709	Đặng Thị Châu	Loan	Nữ	07/3/1963	Nam Định	23.13	60	Không đạt
710	MB-710	Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	15/9/1995	Hà Nội	39.50	46	Không đạt
711	MB-711	Hà Phương	Loan	Nữ	15/11/1992	Yên Bái	25.88	74	Không đạt
712	MB-712	Phan Thị Thanh	Loan	Nữ	08/6/1992	Phú Thọ	61.00	76	Đạt
713	MB-713	Đinh Thị	Loan	Nữ	27/6/1997	Hà Nội	43.75	66	Không đạt
714	MB-714	Hoàng Thị	Loan	Nam	03/4/1987	Hải Dương			Không đạt
715	MB-715	Lê Thị	Loan	Nữ	10/6/1994	Gia Lai	41.13	68	Không đạt
716	MB-716	Lê Thị	Loan	Nữ	18/9/1984	Vĩnh Phúc	48.00	76	Không đạt
717	MB-717	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	19/6/1993	Bắc Ninh	39.50	76	Không đạt
718	MB-718	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	28/12/1981	Quảng Ninh	30.25	36	Không đạt
719	MB-719	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	06/12/1996	Thanh Hóa	55.25	82	Đạt
720	MB-720	Trần Thị	Loan	Nữ	28/5/1993	Hà Nội	44.25	72	Không đạt
721	MB-721	Hà Vi	Loan	Nữ	20/9/1996	Thanh Hóa	32.50	60	Không đạt
722	MB-722	Tạ Thị Bích	Lợi	Nữ	12/5/1988	Vĩnh Phúc	24.13	52	Không đạt
723	MB-723	Huỳnh Đức	Lợi	Nam	10/8/1983	Đà Nẵng	43.75	76	Không đạt
724	MB-724	Phạm Công	Long	Nam	22/01/1989	Kon Tum	38.75	70	Không đạt
725	MB-725	Đào Đức	Long	Nam	06/5/1988	Hải Phòng	38.00	78	Không đạt
726	MB-726	Lê Bá Hoàng	Long	Nam	01/8/1995	Khánh Hòa	50.63	78	Đạt
727	MB-727	Lê Hoàng	Long	Nam	29/4/1988	Khánh Hòa	37.63	62	Không đạt
728	MB-728	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	03/11/1988	Khánh Hòa	34.00	56	Không đạt
729	MB-729	Nguyễn Quang	Long	Nam	24/4/1988	Hà Nội	34.75	48	Không đạt
730	MB-730	Phí Thanh	Long	Nam	26/6/1961	Hà Nội	17.38	66	Không đạt
731	MB-731	Trần Thanh	Long	Nam	16/5/1993	Quảng Nam	33.00	72	Không đạt
732	MB-732	Nguyễn Thành	Long	Nam	24/3/1988	Hà Nội	43.50	68	Không đạt
733	MB-733	Nguyễn Thành	Long	Nam	09/7/1957	Hà Nội			Không đạt
734	MB-734	Đậu Thị	Long	Nữ	14/02/1993	Ninh Thuận	43.00	62	Không đạt
735	MB-735	Đinh Văn	Long	Nam	16/02/1993	Bắc Ninh	42.88	62	Không đạt
736	MB-736	Nguyễn Văn	Long	Nam	10/6/1986	Thanh Hóa	29.25	66	Không đạt
737	MB-737	Phạm Văn	Long	Nam	06/02/1995	Ninh Thuận	50.13	62	Đạt
738	MB-738	Kiều Xuân	Long	Nam	19/9/1976	Hà Nội	22.00	48	Không đạt
739	MB-739	Nguyễn Văn	Luân	Nam	10/3/1991	Hà Nội	58.50	70	Đạt
740	MB-740	Cao Văn	Luật	Nam	22/8/1998	Đà Nẵng	39.00	68	Không đạt
741	MB-741	Nguyễn Tấn	Lực	Nam	25/6/1990	Quảng Ngãi	42.00	60	Không đạt
742	MB-742	Vũ Quang	Lương	Nam	02/3/1998	Thanh Hóa	50.13	70	Đạt
743	MB-743	Triệu Sinh	Lương	Nam	17/7/1992	Thái Nguyên	24.00	76	Không đạt
744	MB-744	Đỗ Thị	Lương	Nữ	31/12/1996	Hà Nội	54.00	84	Đạt
745	MB-745	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	26/10/1990	Thái Nguyên	58.25	74	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
746	MB-746	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	08/02/1994	Vĩnh Phúc	28.13	32	Không đạt
747	MB-747	Nguyễn Tiến	Lương	Nam	26/7/1989	Sơn La	37.00	60	Không đạt
748	MB-748	Lại Tuấn	Lượng	Nam	23/7/1984	Vĩnh Phúc	27.63	34	Không đạt
749	MB-749	Đào Văn	Lượng	Nam	19/9/1984	Thanh Hóa	50.25	46	Không đạt
750	MB-750	Lê Văn	Lưu	Nam	20/10/1988	Phú Yên	11.50	64	Không đạt
751	MB-751	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	30/11/1966	Sơn La	21.25	44	Không đạt
752	MB-752	Nguyễn Thị Lưu	Luyến	Nữ	30/5/1990	Phú Thọ	50.25	74	Đạt
753	MB-753	Nguyễn Thị Ánh	Ly	Nữ	03/10/1998	Quảng Nam	37.50	60	Không đạt
754	MB-754	Chu Cẩm	Ly	Nữ	25/8/1992	Đắk Lắk	53.00	68	Đạt
755	MB-755	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	24/9/1990	Nghệ An	50.38	72	Đạt
756	MB-756	Trịnh Thảo	Ly	Nữ	26/11/1995	Thanh Hóa	50.25	76	Đạt
757	MB-757	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	15/6/1989	Kon Tum	32.63	52	Không đạt
758	MB-758	Lê Thủy	Ly	Nữ	06/6/1996	Quảng Nam	55.25	76	Đạt
759	MB-759	Nguyễn Thị Trà	Ly	Nữ	29/3/1988	Đà Nẵng	34.75	62	Không đạt
760	MB-760	Trần Trang	Ly	Nữ	05/9/1994	Phú Thọ	50.25	54	Đạt
761	MB-761	Nguyễn Công	Lý	Nam	07/5/1987	Khánh Hòa	45.25	56	Không đạt
762	MB-762	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	21/10/1996	Đắk Lắk	32.50	64	Không đạt
763	MB-763	Trần Văn	Lý	Nam	01/01/1961	Tuyên Quang	35.25	54	Không đạt
764	MB-764	Vũ Thị Hương	Mai	Nữ	14/7/1992	Hà Nội	26.75	50	Không đạt
765	MB-765	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	14/3/1967	Khánh Hòa	40.75	60	Không đạt
766	MB-766	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	08/02/1992	Đắk Lắk	51.25	68	Đạt
767	MB-767	Phan Thị Ngọc	Mai	Nữ	21/02/1993	Nam Định	27.50	60	Không đạt
768	MB-768	Hoàng Trần Ngọc	Mai	Nữ	29/02/1992	Đà Nẵng	43.50	66	Không đạt
769	MB-769	Lê Thị Quỳnh	Mai	Nữ	11/7/1988	Hòa Bình	16.38	54	Không đạt
770	MB-770	Trần Quỳnh	Mai	Nữ	24/12/1990	Phú Thọ	17.50	40	Không đạt
771	MB-771	Đào Thị	Mai	Nữ	21/6/1992	Thanh Hóa	31.75	60	Không đạt
772	MB-772	Trần Thị	Mai	Nữ	19/9/1992	Hà Nội	52.75	72	Đạt
773	MB-773	Đặng Thị Tuyết	Mai	Nữ	03/3/1988	Bình Định	33.13	64	Không đạt
774	MB-774	Huỳnh Thị Tuyết	Mai	Nữ	02/10/1965	Bình Định	19.00	46	Không đạt
775	MB-775	Lê Thị Tuyết	Mai	Nữ	12/9/1993	Hà Nội	42.63	58	Không đạt
776	MB-776	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	23/11/1995	Bắc Ninh	41.50	70	Không đạt
777	MB-777	Đỗ Đức	Mạnh	Nam	02/6/1992	Hà Nội	23.00	66	Không đạt
778	MB-778	Nguyễn Thế	Mạnh	Nam	15/5/1996	Quảng Ninh	19.13	64	Không đạt
779	MB-779	Hoàng Tiến	Mạnh	Nam	18/5/1975	Khánh Hòa	13.00	40	Không đạt
780	MB-780	Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	06/02/1987	Nghệ An	33.25	76	Không đạt
781	MB-781	Văn Việt	Mạnh	Nam	21/02/1986	Thừa Thiên Huế	16.25	62	Không đạt
782	MB-782	Lại Văn	Mậu	Nam	22/12/1988	Hà Nội	28.50	70	Không đạt
783	MB-783	Đỗ Thị Hồng	Mây	Nữ	20/02/1992	Hà Nội	23.63	68	Không đạt
784	MB-784	Nguyễn Thị	Mây	Nữ	23/7/1980	Hải Dương	11.50	56	Không đạt
785	MB-785	Quảng Thị	Miền	Nữ	10/10/1992	Hà Nội	24.00	68	Không đạt
786	MB-786	Đỗ Anh	Minh	Nam	31/01/1996	Thanh Hóa	55.50	82	Đạt
787	MB-787	Phan Bình	Minh	Nam	10/12/1993	Đắk Lắk	53.63	84	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
788	MB-788	Hà Thị Bình	Minh	Nữ	14/5/1991	Bắc Kạn	38.25	52	Không đạt
789	MB-789	Đỗ Chí	Minh	Nam	19/10/1995	Thanh Hóa	22.13	80	Không đạt
790	MB-790	Phạm Công	Minh	Nam	27/10/1991	Hà Nội	35.00	86	Không đạt
791	MB-791	Lê Đặng Hòa	Minh	Nữ	14/12/1995	Khánh Hòa	35.63	48	Không đạt
792	MB-792	Ngô Hoàng	Minh	Nam	03/4/1985	Hà Nam	30.00	54	Không đạt
793	MB-793	Đào Ngọc	Minh	Nam	12/10/1979	Hải Dương	9.88	60	Không đạt
794	MB-794	Đình Quang	Minh	Nam	04/02/1993	Hà Nội	13.63	76	Không đạt
795	MB-795	Vũ Thị	Minh	Nữ	06/8/1994	Hải Phòng	41.38	88	Không đạt
796	MB-796	Chu Văn	Minh	Nam	12/9/1991	Nghệ An	40.25	68	Không đạt
797	MB-797	Nguyễn Văn	Minh	Nam	12/10/1957	Bình Định	8.00	32	Không đạt
798	MB-798	Vũ Xuân	Minh	Nam	01/01/1978	Hà Nội	12.50	54	Không đạt
799	MB-799	Đặng Thị	Mơ	Nữ	29/12/1989	Nam Định	33.63	44	Không đạt
800	MB-800	Lê Thị	Mơ	Nữ	25/02/1992	Nghệ An	33.25	60	Không đạt
801	MB-801	Cao Thị Trà	Mơ	Nữ	05/9/1985	Hà Nội	42.63	66	Không đạt
802	MB-802	Trương Văn	Mùi	Nam	15/05/1986	Hải Phòng			Không đạt
803	MB-803	Nguyễn Thị	Mười	Nữ	16/8/1965	Gia Lai	33.13	50	Không đạt
804	MB-804	Nguyễn Trà	My	Nữ	05/02/1992	Tuyên Quang	21.75	48	Không đạt
805	MB-805	Phan Thị Tuyết	My	Nữ	21/6/1990	Đắk Lắk	13.75	56	Không đạt
806	MB-806	Bùi Thị Huyền	Mỹ	Nữ	07/11/1993	Hòa Bình	36.00	70	Không đạt
807	MB-807	Lại Thị Lệ	Mỹ	Nữ	15/6/1995	Hà Tĩnh	39.38	68	Không đạt
808	MB-808	Nguyễn Thị Phương	Mỹ	Nữ	09/10/1991	Hà Nội	43.13	62	Không đạt
809	MB-809	Nguyễn Anh	Nam	Nam	28/9/1972	Hải Phòng	19.50	40	Không đạt
810	MB-810	Trịnh Đức	Nam	Nam	05/9/1996	Thanh Hóa	28.00	72	Không đạt
811	MB-811	Nguyễn Hải	Nam	Nam	16/8/1990	Hải Phòng	51.13	84	Đạt
812	MB-812	Phạm Hoài	Nam	Nam	20/10/1983	Khánh Hòa	36.38	50	Không đạt
813	MB-813	Chu Hoàng	Nam	Nam	15/8/1983	Thái Nguyên	30.13	48	Không đạt
814	MB-814	Nguyễn Nhất	Nam	Nam	21/12/1994	Hà Nội	68.38	86	Đạt
815	MB-815	Đình Thị Phương	Nam	Nữ	04/02/1977	Hà Nội	19.50	60	Không đạt
816	MB-816	Nguyễn Thị	Nam	Nữ	23/6/1987	Hải Phòng	30.63	66	Không đạt
817	MB-817	Nguyễn Thom	Nam	Nữ	09/02/1966	Bắc Giang			Không đạt
818	MB-818	Đoàn Tiến	Nam	Nam	04/8/1976	Hà Nội	32.50	70	Không đạt
819	MB-819	Hoàng Văn	Nam	Nam	20/8/1993	Nghệ An	26.38	56	Không đạt
820	MB-820	Phạm Văn	Nam	Nam	15/8/1993	Hà Nội	51.50	64	Đạt
821	MB-821	Hoàng Thị Hằng	Nga	Nữ	15/12/1997	Nghệ An	36.75	62	Không đạt
822	MB-822	Nguyễn Hồng	Nga	Nữ	23/7/1994	Hà Nội	50.75	78	Đạt
823	MB-823	Nguyễn Thị Mai	Nga	Nữ	07/6/1995	Hà Nội	37.75	58	Không đạt
824	MB-824	Nguyễn Thị Phương	Nga	Nữ	13/3/1994	Hà Nội	56.38	78	Đạt
825	MB-825	Lưu Thị Quỳnh	Nga	Nữ	27/4/1995	Vĩnh Phúc	40.00	50	Không đạt
826	MB-826	Phạm Thị Quỳnh	Nga	Nữ	06/11/1997	Đắk Lắk	18.63	56	Không đạt
827	MB-827	Tạ Thị Quỳnh	Nga	Nữ	16/11/1983	Lào Cai	37.63	78	Không đạt
828	MB-828	Đặng Thị	Nga	Nữ	03/8/1991	Hà Nội	40.68	66	Không đạt
829	MB-829	Hoàng Thị	Nga	Nữ	04/9/1994	Nghệ An	36.50	68	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả	
830	MB-830	Ngô Thu		Ngà	Nữ	07/02/1982	Lạng Sơn	28.88	46	Không đạt
831	MB-831	Nguyễn Thị Kim		Ngân	Nữ	04/01/1990	Thanh Hóa	50.88	70	Đạt
832	MB-832	Trần Thị Kim		Ngân	Nữ	21/5/1994	Bắc Giang	39.00	70	Không đạt
833	MB-833	Trần Thị Kim		Ngân	Nữ	19/5/1991	Vĩnh Phúc	36.13	78	Không đạt
834	MB-834	Phạm		Ngân	Nam	19/5/1961	Ninh Thuận	6.75	20	Không đạt
835	MB-835	Ngô Thị Phương		Ngân	Nữ	19/9/1997	Nam Định	54.63	74	Đạt
836	MB-836	Phạm Thị		Ngân	Nữ	20/02/1997	Nam Định	44.38	66	Không đạt
837	MB-837	Nguyễn Thị Thu		Ngân	Nữ	22/8/1995	Kon Tum	32.25	52	Không đạt
838	MB-838	Nguyễn Thị Thúy		Ngân	Nữ	11/3/1996	Thái Nguyên	42.50	64	Không đạt
839	MB-839	Nguyễn Thị		Ngát	Nữ	24/8/1979	Vĩnh Phúc	24.88	72	Không đạt
840	MB-840	Phạm Văn		Nghị	Nam	30/12/1975	Đắk Lắk	25.01	58	Không đạt
841	MB-841	Đinh Thị Thu		Nghĩa	Nữ	27/9/1985	Nghệ An	19.13	64	Không đạt
842	MB-842	Nguyễn Minh		Nghiệp	Nam	02/10/1994	Quảng Nam	36.25	66	Không đạt
843	MB-843	Phạm Thị		Ngoan	Nữ	13/11/1995	Hà Nội	23.63	76	Không đạt
844	MB-844	Lê Thị Anh		Ngọc	Nữ	11/10/1995	Hà Nội			Không đạt
845	MB-845	Vương Nguyễn Bảo		Ngọc	Nữ	19/3/1995	Quảng Bình	33.88	58	Không đạt
846	MB-846	Cáp Thị Bảo		Ngọc	Nữ	21/10/1994	Gia Lai	53.63	86	Đạt
847	MB-847	Đỗ Thị Bảo		Ngọc	Nữ	24/01/1996	Đà Nẵng	40.00	60	Không đạt
848	MB-848	Hoàng Thị Bích		Ngọc	Nữ	26/10/1991	Hà Nội			Không đạt
849	MB-849	Lê Thị Bích		Ngọc	Nữ	16/7/1994	Quảng Ngãi	27.88	64	Không đạt
850	MB-850	Trần Thị Bích		Ngọc	Nữ	01/9/1966	Khánh Hòa	41.00	68	Không đạt
851	MB-851	Nguyễn Đức		Ngọc	Nam	11/02/1992	Hà Nội	45.63	76	Không đạt
852	MB-852	Phạm Đức		Ngọc	Nam	11/02/1982	Đắk Lắk	17.13	50	Không đạt
853	MB-853	Cao Thị Hồng		Ngọc	Nữ	15/4/1985	Hà Nội	41.00	74	Không đạt
854	MB-854	Nguyễn Thị Hồng		Ngọc	Nữ	20/9/1994	Hà Nội	37.13	48	Không đạt
855	MB-855	Trần Thị Hồng		Ngọc	Nữ	02/9/1995	Thái Bình	43.88	56	Không đạt
856	MB-856	Nguyễn Lê		Ngọc	Nữ	02/01/1997	Lào Cai	36.88	54	Không đạt
857	MB-857	Ngô Minh		Ngọc	Nam	03/10/1989	Hải Phòng	28.25	56	Không đạt
858	MB-858	Hồ Thanh Minh		Ngọc	Nữ	04/8/1987	Bắc Ninh	51.88	72	Đạt
859	MB-859	Bạch Thị Mỹ		Ngọc	Nữ	06/9/1996	Quảng Nam	19.50	60	Không đạt
860	MB-860	Phạm Quang		Ngọc	Nam	08/11/1987	Nam Định	18.88	72	Không đạt
861	MB-861	Lê Thị Thanh		Ngọc	Nữ	03/9/1996	Thanh Hóa	22.50	54	Không đạt
862	MB-862	Đỗ Thị		Ngọc	Nữ	24/12/1995	Quảng Ninh	41.50	82	Không đạt
863	MB-863	Lê Thị		Ngọc	Nữ	19/9/1988	Thanh Hóa	27.00	46	Không đạt
864	MB-864	Nguyễn Thị		Ngọc	Nữ	10/11/1997	Bắc Ninh	36.75	64	Không đạt
865	MB-865	Đỗ Trọng		Ngọc	Nam	13/6/1993	Yên Bái	40.25	74	Không đạt
866	MB-866	Hoàng Văn		Ngọc	Nam	06/12/1990	Quảng Ninh	50.50	74	Đạt
867	MB-867	Nguyễn Văn		Ngọc	Nam	26/5/1985	Hải Phòng	26.25	56	Không đạt
868	MB-868	Bùi Xuân		Ngọc	Nam	15/8/1963	Đắk Lắk	28.00	44	Không đạt
869	MB-869	Lưu Thị Yên		Ngọc	Nữ	11/11/1992	Cao Bằng	36.50	64	Không đạt
870	MB-870	Nguyễn Thị Phúc		Nguyên	Nữ	30/3/1998	Khánh Hòa	40.75	52	Không đạt
871	MB-871	Nguyễn Thảo		Nguyên	Nữ	22/12/1983	Bình Định	27.63	58	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
872	MB-872	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	08/9/1982	Kon Tum	22.50	42	Không đạt
873	MB-873	Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	12/10/1996	Gia Lai	33.25	52	Không đạt
874	MB-874	Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	10/3/1996	Quảng Bình	39.25	52	Không đạt
875	MB-875	Nguyễn Văn	Nguyên	Nam	16/6/1993	Đà Nẵng	33.75	78	Không đạt
876	MB-876	Phan Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	09/8/1992	Hà Nội	36.50	70	Không đạt
877	MB-877	Nguyễn Khánh	Nguyệt	Nữ	11/01/1963	Lào Cai	30.25	40	Không đạt
878	MB-878	Vũ Thị Minh	Nguyệt	Nữ	11/4/1986	Hải Phòng	28.75	62	Không đạt
879	MB-879	Phạm Như	Nguyệt	Nữ	21/4/1980	Thanh Hóa	24.25	58	Không đạt
880	MB-880	Lang Thị	Nguyệt	Nữ	14/01/1995	Nghệ An	21.75	44	Không đạt
881	MB-881	Trần Thị	Nguyệt	Nữ	14/11/1992	Bắc Giang	44.38	62	Không đạt
882	MB-882	Trần Thị	Nguyệt	Nữ	22/8/1990	Nghệ An	42.00	56	Không đạt
883	MB-883	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	06/02/1994	Kon Tum	50.75	80	Đạt
884	MB-884	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	06/5/1980	Quảng Ninh	27.75	70	Không đạt
885	MB-885	Vũ Thị	Nhàn	Nữ	10/02/1996	Hà Nội	53.25	84	Đạt
886	MB-886	Hoàng Quốc	Nhàn	Nam	05/11/1992	Nghệ An	52.00	84	Đạt
887	MB-887	Phạm Thị	Nhanh	Nữ	30/11/1964	Hà Nội	50.50	70	Đạt
888	MB-888	Nguyễn Thị	Nhất	Nữ	26/7/1995	Quảng Nam	32.25	54	Không đạt
889	MB-889	Đoàn Thị Nhi	Nhật	Nữ	07/8/1991	Đắk Lắk	56.38	66	Đạt
890	MB-890	Lê Văn	Nhật	Nam	03/5/1986	Hà Nội	56.25	64	Đạt
891	MB-891	Cao Việt	Nhật	Nam	09/12/1994	Hà Nội	44.25	54	Không đạt
892	MB-892	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	29/8/1996	Hà Nội	34.88	46	Không đạt
893	MB-893	Phan Thị Hà	Nhị	Nữ	28/5/1985	Đà Nẵng	35.00	58	Không đạt
894	MB-894	Nguyễn Thị Thanh	Nhị	Nữ	14/02/1987	Hà Nội	31.50	42	Không đạt
895	MB-895	Phạm Thị	Như	Nữ	02/12/1988	Kon Tum	27.25	70	Không đạt
896	MB-896	Hoàng Hồng	Nhung	Nữ	12/11/1981	Quảng Ninh	46.00	70	Không đạt
897	MB-897	Đào Thị Hồng	Nhung	Nữ	26/7/1995	Hà Nội			Không đạt
898	MB-898	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/8/1999	Hà Nội	52.13	62	Đạt
899	MB-899	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	21/3/1994	Hà Nội	52.50	74	Đạt
900	MB-900	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/12/1995	Hà Nội	51.75	72	Đạt
901	MB-901	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhung	Nữ	18/7/1984	Gia Lai	19.50	42	Không đạt
902	MB-902	Bùi Thị	Nhung	Nữ	05/6/1991	Lào Cai	40.38	74	Không đạt
903	MB-903	Đương Thị	Nhung	Nữ	19/9/1993	Thanh Hóa	39.13	56	Không đạt
904	MB-904	Hà Thị	Nhung	Nữ	28/3/1987	Gia Lai	26.00	46	Không đạt
905	MB-905	Hoàng Thị	Nhung	Nữ	18/12/1994	Lạng Sơn	24.25	58	Không đạt
906	MB-906	Lê Thị	Nhung	Nữ	05/12/1986	Hà Nội	30.25	74	Không đạt
907	MB-907	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	10/01/1997	Lào Cai	52.75	66	Đạt
908	MB-908	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	31/7/1983	Quảng Bình	35.25	64	Không đạt
909	MB-909	Mai Tuyết	Nhung	Nữ	20/10/1996	Lào Cai	35.88	38	Không đạt
910	MB-910	Hoàng Thị Tuyết	Nhung	Nữ	19/8/1987	Thái Bình	43.00	56	Không đạt
911	MB-911	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	07/7/1991	Hà Nội	41.25	60	Không đạt
912	MB-912	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	14/4/1979	Hà Nội	51.63	74	Đạt
913	MB-913	Đậu Đình	Ninh	Nam	31/7/1988	Yên Bái	17.50	68	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
914	MB-914	Vũ Thị Thùy	Ninh	Nữ	02/12/1994	Hà Nội	51.38	70	Đạt
915	MB-915	Trần Hoàng	Điệp	Nữ	11/4/1988	Hà Nội	44.00	68	Không đạt
916	MB-916	Lê Thị Hồng	Mính	Nữ	23/6/1993	Hà Nội	36.63	74	Không đạt
917	MB-917	Nguyễn Hoàng Kim	Nữ	Nữ	05/12/1994	Thái Nguyên	30.88	56	Không đạt
918	MB-918	Huỳnh Đức	Oanh	Nam	26/7/1977	Quảng Ngãi	42.25	60	Không đạt
919	MB-919	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	Nữ	22/12/1991	Quảng Trị	32.50	52	Không đạt
920	MB-920	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	14/02/1993	Hà Nội	37.38	70	Không đạt
921	MB-921	Trần Thị Kiều	Oanh	Nữ	03/02/1997	Tuyên Quang	26.35	62	Không đạt
922	MB-922	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	28/10/1996	Hà Nội	51.75	72	Đạt
923	MB-923	Phạm Thị Kim	Oanh	Nữ	03/7/1981	Hải Phòng			Không đạt
924	MB-924	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	Nữ	27/3/1995	Bắc Giang	18.25	54	Không đạt
925	MB-925	Huỳnh Thị Ngọc	Oanh	Nữ	07/10/1979	Quảng Ngãi	22.25	52	Không đạt
926	MB-926	Lê Thị	Oanh	Nữ	12/9/1986	Nghệ An	36.13	56	Không đạt
927	MB-927	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	07/8/1989	Hà Nội	21.50	44	Không đạt
928	MB-928	Nguyễn Thúy	Oanh	Nữ	30/8/1987	Hải Phòng	40.75	60	Không đạt
929	MB-929	Tôn Phạm Tấn	Phát	Nam	20/6/1994	Quảng Ngãi	37.75	80	Không đạt
930	MB-930	Trần Tiến	Phát	Nam	06/8/1998	Hà Nội	62.00	70	Đạt
931	MB-931	Nguyễn Văn	Phát	Nam	03/7/1991	Hà Nội	48.25	80	Không đạt
932	MB-932	Phạm Văn	Phê	Nam	23/10/1963	Hòa Bình	29.58	58	Không đạt
933	MB-933	Vũ Đức	Phi	Nam	25/7/1966	Hải Phòng	24.75	38	Không đạt
934	MB-934	Lê Việt	Phong	Nam	26/02/1997	Thừa Thiên Huế	39.00	68	Không đạt
935	MB-935	Vũ Gia	Phú	Nam	23/02/1981	Đắk Lắk	33.63	62	Không đạt
936	MB-936	Nguyễn Hoàng	Phú	Nam	10/9/1994	Đà Nẵng	41.75	52	Không đạt
937	MB-937	Hồ Công	Phúc	Nam	12/7/1990	Thừa Thiên Huế	18.90	50	Không đạt
938	MB-938	Vũ Thị Hồng	Phúc	Nữ	12/11/1985	Hà Nội	38.50	58	Không đạt
939	MB-939	Trần Mậu	Phúc	Nam	25/6/1988	Hà Nội	41.75	76	Không đạt
940	MB-940	Đỗ Thị	Phùng	Nữ	10/10/1983	Quảng Ngãi	16.25	42	Không đạt
941	MB-941	Lê Thị Xuân	Phụng	Nữ	20/11/1994	Quảng Ngãi	39.75	60	Không đạt
942	MB-942	Lê Hoàng	Phước	Nam	21/02/1993	Khánh Hòa	22.88	66	Không đạt
943	MB-943	Nguyễn Cảnh	Phương	Nam	16/01/1966	Điện Biên	31.38	58	Không đạt
944	MB-944	Phan Thị Hà	Phương	Nữ	25/5/1993	Lào Cai	65.75	72	Đạt
945	MB-945	Trịnh Thị Hà	Phương	Nữ	06/3/1995	Thanh Hóa	57.50	80	Đạt
946	MB-946	Nguyễn Thị Hồng	Phương	Nữ	04/8/1987	Điện Biên	23.00	52	Không đạt
947	MB-947	Phạm Thị Hồng	Phương	Nữ	02/6/1991	Thái Bình	58.50	82	Đạt
948	MB-948	Nguyễn Lan	Phương	Nữ	06/7/1988	Hà Nội	56.00	74	Đạt
949	MB-949	Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	14/5/1964	Lào Cai	13.00	48	Không đạt
950	MB-950	Dương Linh	Phương	Nữ	12/10/1992	Đắk Lắk	46.00	88	Không đạt
951	MB-951	Lê Mai	Phương	Nữ	24/02/1995	Hà Nội	55.25	60	Đạt
952	MB-952	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	18/11/1996	Phú Thọ	57.38	72	Đạt
953	MB-953	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	01/6/1996	Quảng Ninh	34.25	66	Không đạt
954	MB-954	Triệu Thị Mai	Phương	Nữ	09/6/1996	Khánh Hòa	31.00	62	Không đạt
955	MB-955	Bùi Thị Minh	Phương	Nữ	16/12/1994	Hải Phòng	41.75	68	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
956	MB-956	Dương Thị Minh	Phuong	Nữ	19/12/1981	Phú Thọ	39.38	70	Không đạt
957	MB-957	Nguyễn Thị Minh	Phuong	Nữ	25/10/1987	Hải Phòng	41.75	52	Không đạt
958	MB-958	Phạm Thị Minh	Phuong	Nữ	23/02/1966	Đắk Lắk	41.50	64	Không đạt
959	MB-959	Trần Minh	Phuong	Nữ	07/5/1996	Nam Định	13.50	50	Không đạt
960	MB-960	Hoàng Mỹ	Phuong	Nữ	06/4/1989	Thái Nguyên	43.50	56	Không đạt
961	MB-961	Lê Thanh	Phuong	Nam	24/7/1986	Khánh Hòa	37.38	52	Không đạt
962	MB-962	Nguyễn Thị Thanh	Phuong	Nữ	21/4/1987	Thanh Hóa	35.50	68	Không đạt
963	MB-963	Trịnh Thế	Phuong	Nam	17/02/1977	Hà Nội			Không đạt
964	MB-964	Hà Thị	Phuong	Nữ	24/7/1992	Hòa Bình	53.50	74	Đạt
965	MB-965	Hoàng Thị	Phuong	Nữ	24/01/1989	Hà Nội	37.38	66	Không đạt
966	MB-966	Lương Thị	Phuong	Nữ	20/01/1995	Hà Nội	52.50	50	Đạt
967	MB-967	Nguyễn Thị	Phuong	Nữ	20/8/1991	Bắc Giang	54.00	68	Đạt
968	MB-968	Nguyễn Thị	Phuong	Nữ	21/11/1994	Hải Dương	60.25	66	Đạt
969	MB-969	Nguyễn Thị	Phuong	Nữ	15/11/1994	Ninh Bình	62.50	70	Đạt
970	MB-970	Phạm Thị	Phuong	Nữ	17/7/1995	Hà Nội	43.75	48	Không đạt
971	MB-971	Tô Thị	Phuong	Nữ	22/3/1979	Hà Nội	32.00	68	Không đạt
972	MB-972	Trần Thị	Phuong	Nữ	22/02/1986	Hà Nội	37.50	48	Không đạt
973	MB-973	Vũ Thị	Phuong	Nữ	10/9/1979	Hải Dương	31.13	64	Không đạt
974	MB-974	Trương Thị Thu	Phuong	Nữ	23/3/1991	Hà Nội	65.50	82	Đạt
975	MB-975	Phạm Thị Thùy	Phuong	Nữ	27/8/1985	Quảng Ngãi	32.13	64	Không đạt
976	MB-976	Trần Tri	Phuong	Nam	06/01/1984	Hà Nội	32.25	74	Không đạt
977	MB-977	Bùi Văn	Phuong	Nam	20/12/1976	Quảng Trị	9.25	44	Không đạt
978	MB-978	Nguyễn Văn	Phuong	Nam	04/11/1980	Bình Định	39.75	48	Không đạt
979	MB-979	Nguyễn Văn	Phuong	Nam	14/10/1993	Hà Nội	24.25	66	Không đạt
980	MB-980	Trần Văn	Phuong	Nam	05/6/1988	Đắk Lắk	29.50	60	Không đạt
981	MB-981	Phạm Thị Ái	Phuong	Nữ	17/6/1996	Bắc Giang	27.25	58	Không đạt
982	MB-982	Dương Giao	Phuong	Nữ	01/5/1996	Hà Nội	35.00	48	Không đạt
983	MB-983	Võ Thị Mỹ	Phuong	Nữ	22/01/1974	Đà Nẵng	20.75	22	Không đạt
984	MB-984	Nguyễn Thị	Phuong	Nữ	29/4/1993	Hà Nội	54.75	84	Đạt
985	MB-985	Nguyễn Thị	Phuong	Nữ	21/4/1984	Hà Nội	34.50	56	Không đạt
986	MB-986	Nguyễn Thị	Phuong	Nữ	29/11/1983	Hà Nội	60.25	80	Đạt
987	MB-987	Phan Thị	Phuong	Nữ	24/10/1996	Nghệ An	52.75	74	Đạt
988	MB-988	Vy Thị	Phuong	Nữ	13/6/1994	Hà Nội	34.50	68	Không đạt
989	MB-989	Trần Thị Thúy	Phuong	Nữ	28/01/1995	Đắk Lắk	31.00	50	Không đạt
990	MB-990	Phạm Hồng	Quân	Nam	03/9/1994	Hà Nội	32.00	66	Không đạt
991	MB-991	Nghiêm Văn	Quân	Nam	28/10/1987	Hà Nội	30.00	48	Không đạt
992	MB-992	Nguyễn Việt	Quân	Nam	07/5/1988	Hà Nội	43.88	82	Không đạt
993	MB-993	Lê	Quân	Nam	15/10/1985	Quảng Nam	40.50	62	Không đạt
994	MB-994	Trương Đức	Quang	Nam	17/9/1987	Thanh Hóa	29.25	72	Không đạt
995	MB-995	Nguyễn Văn	Quang	Nam	22/7/1980	Thái Nguyên	25.00	32	Không đạt
996	MB-996	Trần Văn	Quang	Nam	23/02/1990	Vĩnh Phúc	30.63	46	Không đạt
997	MB-997	Lê Việt	Quang	Nam	08/4/1981	Bình Định	51.63	84	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
998	MB-998	Hà Công	Quảng	Nam	10/5/1987	Phú Thọ	47.75	70	Không đạt
999	MB-999	Nguyễn Thị Hồng	Quý	Nữ	20/02/1996	Đà Nẵng	51.63	68	Đạt
1000	MB-1000	Hoàng Trọng	Quốc	Nam	20/4/1956	Bình Định	21.13	28	Không đạt
1001	MB-1001	Hoàng Thị Kim	Quy	Nữ	04/11/1988	Quảng Ninh	30.75	60	Không đạt
1002	MB-1002	Đào Anh	Quý	Nam	04/8/1996	Hà Nội	32.25	54	Không đạt
1003	MB-1003	Phạm Đăng	Quý	Nam	04/4/1997	Hà Nam	33.25	66	Không đạt
1004	MB-1004	Trần Đình	Quý	Nam	06/6/1966	Sơn La	6.50	34	Không đạt
1005	MB-1005	Tôn Lê	Quý	Nữ	20/8/1993	Quảng Ngãi	29.75	56	Không đạt
1006	MB-1006	Nguyễn Ngọc	Quý	Nam	11/8/1993	Phú Thọ	37.88	76	Không đạt
1007	MB-1007	Nguyễn Thị	Quý	Nữ	19/7/1991	Thái Nguyên	36.75	52	Không đạt
1008	MB-1008	Nguyễn Thị	Quý	Nữ	30/4/1983	Thanh Hóa	36.25	64	Không đạt
1009	MB-1009	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	Nữ	30/3/1983	Lai Châu	18.75	38	Không đạt
1010	MB-1010	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	05/8/1999	Hà Nội	57.13	88	Đạt
1011	MB-1011	Lê Ngọc	Quyên	Nam	30/8/1991	Hà Nội	41.63	80	Không đạt
1012	MB-1012	Nguyễn Thế	Quyên	Nam	21/7/1988	Phú Thọ	41.00	60	Không đạt
1013	MB-1013	Phạm Thế	Quyên	Nam	20/02/1976	Hà Nội	21.38	66	Không đạt
1014	MB-1014	Hoàng Văn	Quyên	Nam	10/5/1991	Hà Nội	53.63	82	Đạt
1015	MB-1015	Hoàng Giao	Quyên	Nam	03/10/1972	Hải Phòng			Không đạt
1016	MB-1016	Nguyễn Mạnh	Quyên	Nam	05/11/1969	Hà Tĩnh	19.50	74	Không đạt
1017	MB-1017	Đỗ Như	Quyên	Nữ	19/6/1993	Thanh Hóa	54.25	72	Đạt
1018	MB-1018	Lê Như	Quyên	Nữ	03/4/1990	Hà Nội	45.25	56	Không đạt
1019	MB-1019	Bùi Thị Như	Quyên	Nữ	25/8/1993	Đà Nẵng	46.00	74	Không đạt
1020	MB-1020	Dương Thị Như	Quyên	Nữ	22/11/1991	Hà Nội	44.75	68	Không đạt
1021	MB-1021	Lê Thị Như	Quyên	Nữ	17/01/1997	Quảng Trị	55.25	70	Đạt
1022	MB-1022	Nguyễn Thị Như	Quyên	Nữ	02/4/1993	Hà Nội	40.75	46	Không đạt
1023	MB-1023	Trịnh Thị Như	Quyên	Nữ	23/8/1994	Hà Nội	37.88	48	Không đạt
1024	MB-1024	Võ Thị Như	Quyên	Nữ	22/10/1990	Quảng Ngãi	44.63	68	Không đạt
1025	MB-1025	Chu Thị	Quyên	Nữ	12/12/1997	Hà Nội	50.00	80	Đạt
1026	MB-1026	Lê Thị	Quyên	Nữ	24/12/1995	Thanh Hóa	34.63	58	Không đạt
1027	MB-1027	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	14/11/1995	Hà Nội	35.75	74	Không đạt
1028	MB-1028	Tông Thị	Quyên	Nữ	02/8/1989	Sơn La	26.88	52	Không đạt
1029	MB-1029	Trương Thị Xuân	Quyên	Nữ	14/10/1997	Quảng Nam	50.00	66	Đạt
1030	MB-1030	Nguyễn Thành	Rin	Nam	23/10/1994	Quảng Nam	48.05	66	Không đạt
1031	MB-1031	Phí Thị Hải	Sâm	Nữ	25/01/1983	Hà Nội	32.25	68	Không đạt
1032	MB-1032	Nguyễn Thị Linh	Sâm	Nữ	12/11/1977	Nghệ An	10.50	44	Không đạt
1033	MB-1033	Nguyễn Thị	Sang	Nữ	19/7/1993	Quảng Ngãi	48.25	66	Không đạt
1034	MB-1034	Nguyễn Thị Thu	Sang	Nữ	20/02/1983	Kon Tum	5.75	54	Không đạt
1035	MB-1035	Đặng Xuân	Sang	Nam	12/02/1962	Bắc Giang	32.50	54	Không đạt
1036	MB-1036	Nguyễn Xuân	Sang	Nam	26/9/1995	Đắk Lắk	33.25	56	Không đạt
1037	MB-1037	Hoàng Minh	Sáng	Nam	18/3/1992	Nghệ An	30.38	56	Không đạt
1038	MB-1038	Lê Thị	Sánh	Nữ	07/5/1991	Hà Nội	39.25	72	Không đạt
1039	MB-1039	Hoàng Đức	Sở	Nam	18/9/1979	Quảng Ninh	3.00	32	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1040	MB-1040	Nguyễn Thị Ánh	Soi	Nữ	25/6/1987	Hà Nội	1.13	50	Không đạt
1041	MB-1041	Nguyễn Thị	Sợi	Nữ	06/4/1965	Nam Định			Không đạt
1042	MB-1042	Nguyễn Đình	Son	Nam	10/4/1979	Hà Tĩnh	19.38	62	Không đạt
1043	MB-1043	Nguyễn Hải	Son	Nam	19/6/1996	Kon Tum	17.25	56	Không đạt
1044	MB-1044	Nguyễn Hoàng	Son	Nam	12/6/1997	Hà Nội	31.25	50	Không đạt
1045	MB-1045	Nguyễn Hồng	Son	Nam	19/10/1991	Hà Giang	21.75	36	Không đạt
1046	MB-1046	Nguyễn Hồng	Son	Nam	20/10/1989	Thanh Hóa	29.75	64	Không đạt
1047	MB-1047	Đặng Hữu	Son	Nam	01/12/1981	Hà Nội	38.00	46	Không đạt
1048	MB-1048	Hồ Minh	Son	Nam	27/3/1990	Thừa Thiên Huế	36.50	68	Không đạt
1049	MB-1049	Lương Minh	Son	Nam	11/10/1971	Hà Nội			Không đạt
1050	MB-1050	Trần Minh	Son	Nam	27/7/1958	Vĩnh Phúc	19.75		Không đạt
1051	MB-1051	Hà Ngọc	Son	Nam	21/8/1993	Bắc Ninh	50.25	64	Đạt
1052	MB-1052	Phạm Ngọc	Son	Nam	08/12/1992	Thanh Hóa	34.75	60	Không đạt
1053	MB-1053	Nguyễn Thanh	Son	Nam	24/11/1997	Hà Nội	47.00	62	Không đạt
1054	MB-1054	Lê Thành	Son	Nam	25/5/1976	Hà Nội	25.75	48	Không đạt
1055	MB-1055	Ngô Văn	Son	Nam	05/5/1989	Tuyên Quang	43.75	64	Không đạt
1056	MB-1056	Nguyễn Văn	Son	Nam	08/12/1966	Hà Giang	9.75	34	Không đạt
1057	MB-1057	Nguyễn Văn	Son	Nam	27/12/1997	Hà Nội	35.50	70	Không đạt
1058	MB-1058	Nguyễn Văn	Son	Nam	06/02/1991	Hải Dương	24.75	62	Không đạt
1059	MB-1059	Hà Xuân	Son	Nam	25/11/1993	Hà Nội	18.00	70	Không đạt
1060	MB-1060	Nguyễn Thanh	Sự	Nam	06/6/1988	Đắk Lắk	33.25	70	Không đạt
1061	MB-1061	Hà Văn	Tạ	Nam	15/01/1978	Bắc Kạn	7.38	50	Không đạt
1062	MB-1062	Nguyễn Anh	Tài	Nam	24/7/1987	Hải Phòng	51.75	68	Đạt
1063	MB-1063	Nguyễn Văn	Tài	Nam	23/3/1982	Hà Nội	36.00	72	Không đạt
1064	MB-1064	Vũ Văn	Tài	Nam	24/5/1960	Hà Nội			Không đạt
1065	MB-1065	Lê Nhật	Tâm	Nữ	06/5/1997	Khánh Hòa	42.50	62	Không đạt
1066	MB-1066	Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	10/12/1994	Hà Nội	45.75	70	Không đạt
1067	MB-1067	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	12/3/1997	Đắk Lắk	29.00	54	Không đạt
1068	MB-1068	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	23/7/1993	Quảng Trị	34.25	58	Không đạt
1069	MB-1069	Doãn Thị	Tâm	Nữ	04/10/1990	Đắk Lắk	50.75	68	Đạt
1070	MB-1070	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	28/02/1991	Thanh Hóa	38.75	58	Không đạt
1071	MB-1071	Phạm Thị	Tâm	Nữ	04/11/1984	Hải Dương	55.00	76	Đạt
1072	MB-1072	Huỳnh Bá	Tân	Nam	06/8/1996	Đà Nẵng	35.50	72	Không đạt
1073	MB-1073	Nguyễn Duy	Tân	Nam	11/5/1995	Lào Cai	41.00	70	Không đạt
1074	MB-1074	Trần Minh	Tân	Nam	16/12/1986	Hà Nam	46.00	78	Không đạt
1075	MB-1075	Nguyễn Văn	Tấn	Nam	30/5/1979	Thái Nguyên	36.75	64	Không đạt
1076	MB-1076	Phạm Quang	Tạo	Nam	20/10/1991	Đắk Lắk	33.25	72	Không đạt
1077	MB-1077	Đỗ Văn	Thạch	Nam	15/9/1993	Hải Dương	33.75	58	Không đạt
1078	MB-1078	Nguyễn Duy	Thái	Nam	07/10/1994	Bắc Ninh	25.25	48	Không đạt
1079	MB-1079	Trần Hoàng	Thái	Nam	16/9/1994	Đắk Lắk	41.50	82	Không đạt
1080	MB-1080	Nguyễn Hồng	Thái	Nam	12/7/1983	Quảng Nam	30.00	70	Không đạt
1081	MB-1081	Phạm Hồng	Thái	Nữ	28/02/1984	Hà Nội	44.00	74	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1082	MB-1082	Bùi Quang	Thái	Nam	06/7/1982	Nghệ An	43.25	74	Không đạt
1083	MB-1083	Đào Quang	Thái	Nam	20/01/1962	Quảng Ngãi	15.25	44	Không đạt
1084	MB-1084	Hoàng Quang	Thái	Nam	14/01/1981	Quảng Ninh	31.25	50	Không đạt
1085	MB-1085	Nguyễn Thị Hồng	Thám	Nữ	12/11/1997	Đà Nẵng	45.50	70	Không đạt
1086	MB-1086	Trần Thị Hồng	Thám	Nữ	31/5/1983	Vĩnh Phúc	50.50	64	Đạt
1087	MB-1087	Trương Thị Hồng	Thám	Nữ	09/6/1995	Hà Nội	66.50	84	Đạt
1088	MB-1088	Chữ Thị	Thám	Nữ	04/9/1993	Hà Nội	41.25	62	Không đạt
1089	MB-1089	Lương Thị	Thám	Nữ	15/9/1992	Quảng Ninh	58.00	68	Đạt
1090	MB-1090	Trần Cao	Thắng	Nam	19/3/1991	Hà Nội	51.75	80	Đạt
1091	MB-1091	Hoàng Chiến	Thắng	Nam	07/02/1987	Hải Phòng	35.75	54	Không đạt
1092	MB-1092	Nguyễn Đăng	Thắng	Nam	17/6/1991	Hà Nội	55.25	80	Đạt
1093	MB-1093	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	19/9/1989	Thái Nguyên	34.75	54	Không đạt
1094	MB-1094	Ngô Mạnh	Thắng	Nam	31/10/1994	Hà Nội	55.88	90	Đạt
1095	MB-1095	Phạm Minh	Thắng	Nam	20/02/1969	Bình Định	39.50	62	Không đạt
1096	MB-1096	Giang Ngọc	Thắng	Nam	12/12/1968	Hà Nội	13.25	44	Không đạt
1097	MB-1097	Đỗ Quang	Thắng	Nam	23/7/1995	Hà Nội	55.10	82	Đạt
1098	MB-1098	Nguyễn Quyết	Thắng	Nam	12/7/1993	Thanh Hóa	36.00	50	Không đạt
1099	MB-1099	Trần Toàn	Thắng	Nam	23/11/1978	Quảng Ninh	20.50	60	Không đạt
1100	MB-1100	Hà Văn	Thắng	Nam	09/9/1986	Hà Nội	36.75	66	Không đạt
1101	MB-1101	Lê Văn	Thắng	Nam	17/01/1997	Hải Phòng	32.75	54	Không đạt
1102	MB-1102	Nguyễn Thị Huyền	Thanh	Nữ	15/10/1990	Hà Nội	55.75	60	Đạt
1103	MB-1103	Nguyễn Kim	Thanh	Nữ	21/9/1996	Hà Nội	60.50	70	Đạt
1104	MB-1104	Hoàng Thị Kim	Thanh	Nữ	12/02/1992	Hà Nội	66.75	66	Đạt
1105	MB-1105	Nguyễn Lê	Thanh	Nam	14/10/1986	Hà Nội	25.50	44	Không đạt
1106	MB-1106	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	Nữ	18/9/1991	Gia Lai	29.75	68	Không đạt
1107	MB-1107	Lê Thị Phương	Thanh	Nữ	28/10/1992	Hà Nội	33.50	66	Không đạt
1108	MB-1108	Phạm Thị Thanh	Thanh	Nữ	20/11/1996	Hà Nội	50.25	54	Đạt
1109	MB-1109	Bùi Thị	Thanh	Nữ	09/7/1964	Hải Phòng			Không đạt
1110	MB-1110	Đặng Thị	Thanh	Nữ	15/12/1975	Đà Nẵng	20.50	54	Không đạt
1111	MB-1111	Hoàng Thị	Thanh	Nữ	03/6/1991	Thanh Hóa	52.00	74	Đạt
1112	MB-1112	Lê Thị	Thanh	Nữ	21/01/1983	Phú Thọ	29.75	58	Không đạt
1113	MB-1113	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	22/4/1968	Gia Lai	11.25	18	Không đạt
1114	MB-1114	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	05/10/1994	Hà Nội	37.00	64	Không đạt
1115	MB-1115	Phan Thị	Thanh	Nữ	13/8/1966	Phú Thọ	6.00	50	Không đạt
1116	MB-1116	Nguyễn Thị Tuyết	Thanh	Nữ	02/11/1980	Yên Bái	13.75	30	Không đạt
1117	MB-1117	Đỗ Xuân	Thanh	Nam	08/5/1979	Thanh Hóa	33.75	54	Không đạt
1118	MB-1118	Vũ Công	Thành	Nam	04/6/1996	Thái Bình	36.50	66	Không đạt
1119	MB-1119	Từ Mạnh	Thành	Nam	19/12/1971	Hà Nội	50.25	60	Đạt
1120	MB-1120	Võ Thị Mỹ	Thành	Nữ	14/9/1992	Quảng Nam	50.50	78	Đạt
1121	MB-1121	Hoàng Như	Thành	Nam	30/5/1988	Thanh Hóa	15.00	58	Không đạt
1122	MB-1122	Hoàng Trung	Thành	Nam	01/8/1985	Thừa Thiên Huế	33.00	64	Không đạt
1123	MB-1123	Nguyễn Trung	Thành	Nam	31/12/1993	Quảng Ninh	31.00	64	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1124	MB-1124	Phạm Văn	Thành	Nam	12/01/1994	Ninh Thuận	56.50	84	Đạt
1125	MB-1125	Phạm Thị Kim	Thảo	Nữ	20/8/1982	Quảng Nam	32.00	62	Không đạt
1126	MB-1126	Mai Ngọc	Thảo	Nữ	05/4/1987	Ninh Thuận	50.50	56	Đạt
1127	MB-1127	Lê Phương	Thảo	Nữ	16/02/1993	Đắk Lắk	53.50	80	Đạt
1128	MB-1128	Đinh Thị Phương	Thảo	Nữ	05/4/1991	Hà Nội			Không đạt
1129	MB-1129	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	28/8/1995	Gia Lai	25.00	66	Không đạt
1130	MB-1130	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	13/02/1995	Quảng Trị	40.00	64	Không đạt
1131	MB-1131	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	01/01/1998	Gia Lai	8.00	46	Không đạt
1132	MB-1132	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	28/3/1991	Hà Nội	29.00	52	Không đạt
1133	MB-1133	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	22/9/1995	Hải Phòng	55.00	66	Đạt
1134	MB-1134	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	15/8/1980	Nghệ An	44.13	58	Không đạt
1135	MB-1135	Trần Phương	Thảo	Nữ	20/8/1984	Bình Định	40.50	80	Không đạt
1136	MB-1136	Trần Phương	Thảo	Nữ	07/8/1993	Hà Nội	50.50	82	Đạt
1137	MB-1137	Vũ Phương	Thảo	Nữ	15/02/1990	Quảng Ngãi	15.50	44	Không đạt
1138	MB-1138	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	29/8/1994	Hà Giang	37.50	64	Không đạt
1139	MB-1139	Bùi Thị	Thảo	Nữ	10/7/1990	Thanh Hóa	19.00	70	Không đạt
1140	MB-1140	Bùi Thị	Thảo	Nữ	02/3/1994	Hà Nội	44.50	58	Không đạt
1141	MB-1141	La Thị	Thảo	Nữ	07/3/1993	Hà Nội	40.00	50	Không đạt
1142	MB-1142	Lê Thị	Thảo	Nữ	23/6/1982	Hà Nội	26.00	66	Không đạt
1143	MB-1143	Lê Thị	Thảo	Nữ	01/8/1993	Hà Nội	50.00	70	Đạt
1144	MB-1144	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	19/8/1988	Nghệ An	50.75	56	Đạt
1145	MB-1145	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	02/7/1990	Quảng Nam	35.88	54	Không đạt
1146	MB-1146	Trần Thị Hà	Thảo	Nữ	18/5/1991	Thái Nguyên	29.88	66	Không đạt
1147	MB-1147	Trần Thị	Thảo	Nữ	09/5/1991	Thanh Hóa	36.50	70	Không đạt
1148	MB-1148	Trịnh Thị	Thảo	Nữ	03/10/1992	Hòa Bình	53.38	78	Đạt
1149	MB-1149	Vũ Thị	Thảo	Nữ	27/9/1991	Hà Nội	50.88	74	Đạt
1150	MB-1150	Mai Thu	Thảo	Nữ	30/9/1993	Thanh Hóa	41.25	60	Không đạt
1151	MB-1151	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	05/4/1995	Hà Nội	53.75	84	Đạt
1152	MB-1152	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	09/4/1989	Quảng Nam	54.00	74	Đạt
1153	MB-1153	Hoàng Thị Thu	Thảo	Nữ	14/01/1993	Thái Nguyên	44.25	72	Không đạt
1154	MB-1154	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	01/6/1991	Quảng Bình			Không đạt
1155	MB-1155	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	31/8/1989	Hải Phòng	33.13	72	Không đạt
1156	MB-1156	Tạ Thị Thu	Thảo	Nữ	24/9/1995	Hà Nội	55.50	80	Đạt
1157	MB-1157	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	23/7/1995	Hà Nội	53.00	72	Đạt
1158	MB-1158	Vũ Thu	Thảo	Nữ	08/9/1997	Hà Nội	55.50	84	Đạt
1159	MB-1159	Đinh Vy	Thảo	Nữ	02/9/1996	Quảng Ngãi	21.00	52	Không đạt
1160	MB-1160	Nguyễn Xuân	Thế	Nam	06/01/1986	Quảng Bình	17.50	44	Không đạt
1161	MB-1161	Vũ Thị	Thêu	Nữ	04/9/1990	Thái Bình	53.50	70	Đạt
1162	MB-1162	Lê Minh	Thị	Nam	26/01/1979	Thanh Hóa	8.63	70	Không đạt
1163	MB-1163	Nguyễn Thị	Thiện	Nữ	17/7/1986	Lào Cai	24.50	52	Không đạt
1164	MB-1164	Mai Văn	Thìn	Nam	20/7/1987	Hà Nội	26.00	60	Không đạt
1165	MB-1165	Dương Thái	Thịnh	Nam	29/11/1986	Đắk Lắk	34.25	68	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1166	MB-1166	Nguyễn Tấn Trường	Thọ	Nam	16/01/1993	Quảng Nam	55.50	82	Đạt
1167	MB-1167	Nguyễn Hữu	Thọ	Nam	14/12/1998	Quảng Nam	24.00	54	Không đạt
1168	MB-1168	Nguyễn Kim	Thoa	Nữ	16/6/1978	Hà Nội	2.00		Không đạt
1169	MB-1169	Huỳnh Thị Kim	Thoa	Nữ	27/02/1996	Đắk Lắk	28.25	66	Không đạt
1170	MB-1170	Võ Thị Kim	Thoa	Nữ	19/01/1992	Quảng Ngãi	24.00	54	Không đạt
1171	MB-1171	Cao Phương	Thoa	Nữ	06/8/1978	Hà Nội	32.88	54	Không đạt
1172	MB-1172	Cao Thị	Thoa	Nữ	29/9/1995	Hà Nội	55.00	76	Đạt
1173	MB-1173	Trương Thị	Thoại	Nữ	23/10/1995	Hà Nội	36.75	76	Không đạt
1174	MB-1174	Nguyễn Thị	Thom	Nữ	10/12/1991	Vĩnh Phúc	39.50	62	Không đạt
1175	MB-1175	Lê Hòa	Thu	Nữ	10/3/1982	Tuyên Quang	42.88	54	Không đạt
1176	MB-1176	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	21/3/1977	Đà Nẵng	34.25	70	Không đạt
1177	MB-1177	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	05/9/1993	Lào Cai	53.50	76	Đạt
1178	MB-1178	Phan Thị Hoài	Thu	Nữ	02/8/1993	Hà Nội	50.25	78	Đạt
1179	MB-1179	Đinh Thị Kim	Thu	Nữ	19/07/1967	Lào Cai	37.00	72	Không đạt
1180	MB-1180	Hoàng Lệ	Thu	Nữ	08/10/1995	Hà Nội	51.75	80	Đạt
1181	MB-1181	Đào Minh	Thu	Nữ	11/02/1987	Hải Phòng	41.50	68	Không đạt
1182	MB-1182	Triệu Minh	Thu	Nữ	02/9/1994	Hà Giang	37.63	44	Không đạt
1183	MB-1183	Dương Thị Thanh	Thu	Nữ	13/7/1995	Quảng Ngãi	22.00	74	Không đạt
1184	MB-1184	Đinh Thị	Thu	Nữ	07/11/1981	Thanh Hóa	19.75	60	Không đạt
1185	MB-1185	Dương Thị	Thu	Nữ	05/10/1996	Tuyên Quang	24.75	56	Không đạt
1186	MB-1186	Lê Thị	Thu	Nữ	25/10/1996	Quảng Nam	34.25	68	Không đạt
1187	MB-1187	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	01/7/1980	Hải Dương	33.50	56	Không đạt
1188	MB-1188	Tô Thị	Thu	Nữ	11/02/1991	Bắc Ninh	24.25	54	Không đạt
1189	MB-1189	Trần Thị Xuân	Thu	Nữ	19/02/1996	Quảng Ninh	50.25	76	Đạt
1190	MB-1190	Đỗ Thị	Thủ	Nữ	01/8/1984	Phú Thọ	30.50	74	Không đạt
1191	MB-1191	Trần Anh	Thư	Nữ	29/4/1981	Ninh Thuận	53.00	86	Đạt
1192	MB-1192	Nguyễn Thị Hồng	Thư	Nữ	28/6/1997	Hà Nội	50.00	80	Đạt
1193	MB-1193	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	03/12/1995	Thừa Thiên Huế	41.25	58	Không đạt
1194	MB-1194	Tân Thị Thanh	Thư	Nữ	10/8/1994	Quảng Ngãi	46.25	62	Không đạt
1195	MB-1195	Nguyễn Văn	Thư	Nam	07/11/1987	Thái Bình	22.50	46	Không đạt
1196	MB-1196	Lê Thị Bích	Thuận	Nữ	05/5/1982	Gia Lai	45.38	74	Không đạt
1197	MB-1197	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	Nữ	04/7/1983	Khánh Hòa	28.88	48	Không đạt
1198	MB-1198	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	16/02/1982	Thanh Hóa	21.25	46	Không đạt
1199	MB-1199	Cao Văn	Thuận	Nam	09/01/1989	Bắc Ninh	25.25	62	Không đạt
1200	MB-1200	Lê Thị Thanh	Thục	Nữ	01/02/1994	Khánh Hòa	28.50	50	Không đạt
1201	MB-1201	Nguyễn Thị	Thung	Nữ	24/6/1988	Hà Nội	26.75	58	Không đạt
1202	MB-1202	Vi Diệp	Thương	Nữ	26/9/1995	Lạng Sơn	29.25	66	Không đạt
1203	MB-1203	Nguyễn Thị Hồng	Thương	Nữ	18/02/1986	Nghệ An	34.50	78	Không đạt
1204	MB-1204	Nguyễn Quỳnh	Thương	Nữ	08/10/1989	Nghệ An	34.75	68	Không đạt
1205	MB-1205	Dương Thị Thanh	Thương	Nữ	30/6/1993	Quảng Trị	18.88	46	Không đạt
1206	MB-1206	Nguyễn Thị Thu	Thương	Nữ	17/9/1976	Hà Nội	28.00	60	Không đạt
1207	MB-1207	Nguyễn Thị Thu	Thương	Nữ	18/10/1982	Nghệ An	25.00	50	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1208	MB-1208	Nguyễn Thị	Thượng	Nữ	01/6/1984	Hà Nội			Không đạt
1209	MB-1209	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	Nữ	11/12/1991	Thanh Hóa	39.50	72	Không đạt
1210	MB-1210	Phan Thị	Thúy	Nữ	06/01/1987	Đắk Lắk	41.00	64	Không đạt
1211	MB-1211	Bùi Thị	Thùy	Nữ	19/4/1999	Thanh Hóa	43.75	80	Không đạt
1212	MB-1212	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	30/10/1991	Bắc Ninh	44.25	72	Không đạt
1213	MB-1213	Mai Diệu	Thúy	Nữ	02/8/1991	Quảng Nam	44.63	82	Không đạt
1214	MB-1214	Nguyễn Thị Hà	Thúy	Nữ	30/01/1996	Đà Nẵng	31.50	88	Không đạt
1215	MB-1215	Lê Hồng	Thúy	Nữ	04/10/1990	Ninh Thuận	37.00	66	Không đạt
1216	MB-1216	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	Nữ	03/02/1989	Hà Nội	39.75	60	Không đạt
1217	MB-1217	Phạm Minh	Thúy	Nữ	30/07/1996	Quảng Ninh	30.75	64	Không đạt
1218	MB-1218	Chu Thị Minh	Thúy	Nữ	28/11/1994	Ninh Bình	31.38	62	Không đạt
1219	MB-1219	Mai Thị Như	Thúy	Nữ	27/6/1995	Quảng Nam	33.13	40	Không đạt
1220	MB-1220	Lê Thị Phương	Thúy	Nữ	17/7/1984	Quảng Ninh	30.88	34	Không đạt
1221	MB-1221	Trương Thanh	Thúy	Nữ	15/01/1987	Hà Nội	35.88	54	Không đạt
1222	MB-1222	Đỗ Thị	Thúy	Nữ	17/8/1980	Thanh Hóa	34.38	46	Không đạt
1223	MB-1223	Hoàng Thị	Thúy	Nữ	09/02/1994	Hà Nội	51.25	70	Đạt
1224	MB-1224	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	20/11/1992	Bình Định	58.00	82	Đạt
1225	MB-1225	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	01/01/1994	Hà Nội	31.38	58	Không đạt
1226	MB-1226	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	08/5/1993	Nghệ An	41.25	46	Không đạt
1227	MB-1227	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	05/01/1995	Quảng Ninh	70.88	94	Đạt
1228	MB-1228	Phạm Thị	Thúy	Nữ	28/8/1996	Hà Nam	41.88	72	Không đạt
1229	MB-1229	Trần Thị	Thúy	Nữ	09/02/1987	Hải Dương	51.63	70	Đạt
1230	MB-1230	Trịnh Thị	Thúy	Nữ	02/6/1993	Hà Nội	47.75	72	Không đạt
1231	MB-1231	Nguyễn Thị Thu	Thúy	Nữ	22/11/1990	Vĩnh Phúc	43.63	74	Không đạt
1232	MB-1232	Nguyễn Đình	Thùy	Nam	07/10/1988	Hà Nội	39.50	66	Không đạt
1233	MB-1233	Doãn	Thùy	Nam	30/3/1984	Quảng Ninh	50.88	74	Đạt
1234	MB-1234	Nông Thị Phương	Thùy	Nữ	10/9/1995	Lào Cai	27.00	74	Không đạt
1235	MB-1235	Ngô Thị	Thùy	Nữ	06/12/1994	Đắk Lắk	36.75	66	Không đạt
1236	MB-1236	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	27/12/1988	Quảng Ninh	39.25	74	Không đạt
1237	MB-1237	Hoàng Bích	Thủy	Nữ	10/12/1981	Nam Định	27.75	70	Không đạt
1238	MB-1238	Nguyễn Thị Bích	Thủy	Nữ	17/8/1967	Phú Thọ	20.25	52	Không đạt
1239	MB-1239	Nguyễn Hoàng	Thủy	Nữ	08/10/1989	Gia Lai			Không đạt
1240	MB-1240	Đỗ Thị Hồng	Thủy	Nữ	26/7/1976	Hà Nội	32.50	62	Không đạt
1241	MB-1241	Cầm Thị Kim	Thủy	Nữ	07/10/1993	Sơn La	52.38	78	Đạt
1242	MB-1242	Nguyễn Phương	Thủy	Nữ	22/5/1995	Bắc Ninh	40.50	74	Không đạt
1243	MB-1243	Phạm Thị Phương	Thủy	Nữ	10/9/1995	Đà Nẵng	40.00	54	Không đạt
1244	MB-1244	Phan Đặng Thanh	Thủy	Nữ	20/4/1991	Thừa Thiên Huế	21.00	52	Không đạt
1245	MB-1245	Doãn Thanh	Thủy	Nữ	21/02/1982	Hà Nội	45.88	68	Không đạt
1246	MB-1246	Đinh Thị Thanh	Thủy	Nữ	11/3/1984	Thái Nguyên	23.13	56	Không đạt
1247	MB-1247	Đồng Thị Thanh	Thủy	Nữ	06/7/1995	Hà Tĩnh	30.00	66	Không đạt
1248	MB-1248	Phạm Thị Thanh	Thủy	Nữ	19/11/1999	Hà Nội	33.63	66	Không đạt
1249	MB-1249	Phạm Thị Thanh	Thủy	Nữ	24/01/1983	Ninh Bình	35.25	60	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1250	MB-1250	Vũ Thị Thanh	Thủy	Nữ	10/6/1985	Hải Phòng	35.75	54	Không đạt
1251	MB-1251	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	01/10/1991	Bắc Ninh	39.63	82	Không đạt
1252	MB-1252	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	08/8/1996	Hà Nội	44.25	72	Không đạt
1253	MB-1253	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	20/10/1981	Hà Nội	22.38	38	Không đạt
1254	MB-1254	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	14/11/1966	Son La	39.38	64	Không đạt
1255	MB-1255	Phạm Thị	Thủy	Nữ	09/12/1964	Hung Yên	12.25	46	Không đạt
1256	MB-1256	Trịnh Thị	Thủy	Nữ	28/9/1993	Hà Nội	41.50	70	Không đạt
1257	MB-1257	Trần Lê Thu	Thủy	Nữ	09/7/1995	Đà Nẵng	50.63	74	Đạt
1258	MB-1258	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	01/8/1995	Hà Nội	59.63	84	Đạt
1259	MB-1259	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	03/5/1999	Hà Nội	36.00	68	Không đạt
1260	MB-1260	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	07/8/1989	Bình Định	40.25	54	Không đạt
1261	MB-1261	Trương Thị Thu	Thủy	Nữ	25/9/1992	Hà Nội	53.75	74	Đạt
1262	MB-1262	Trương Thị Thu	Thủy	Nữ	28/11/1996	Thừa Thiên Huế	41.88	58	Không đạt
1263	MB-1263	Nguyễn Duy	Thụy	Nam	20/10/1991	Thái Bình	35.00	80	Không đạt
1264	MB-1264	Nguyễn Văn	Thụy	Nam	22/12/1985	Quảng Ninh	26.00	44	Không đạt
1265	MB-1265	Đông Thị Minh	Thy	Nữ	22/8/1996	Đà Nẵng	52.50	64	Đạt
1266	MB-1266	Dương Thy	Thy	Nữ	20/3/1997	Khánh Hòa	41.25	72	Không đạt
1267	MB-1267	Bùi Thị Thùy	Tiên	Nữ	29/01/1995	Hải Phòng	57.38	60	Đạt
1268	MB-1268	Bùi Thị Thùy	Tiên	Nữ	30/9/1995	Thái Bình	39.75	76	Không đạt
1269	MB-1269	Hoàng Quang	Tiến	Nam	11/12/1978	Hà Nội	26.75	50	Không đạt
1270	MB-1270	Nguyễn Thanh	Tiến	Nam	20/01/1993	Bắc Ninh	33.50	54	Không đạt
1271	MB-1271	Hoàng Trung	Tiến	Nam	19/7/1995	Hà Nội	56.25	58	Đạt
1272	MB-1272	Lâm Văn	Tiến	Nam	06/6/1995	Vĩnh Phúc	29.88	66	Không đạt
1273	MB-1273	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	10/4/1995	Hà Tĩnh	54.00	80	Đạt
1274	MB-1274	Phạm Xuân	Tiến	Nam	03/02/1990	Hà Nội	33.13	52	Không đạt
1275	MB-1275	Vũ Đức	Tiếp	Nam	08/9/1991	Bắc Giang	39.00	72	Không đạt
1276	MB-1276	Trần Văn	Tín	Nam	29/4/1994	Đà Nẵng	31.38	62	Không đạt
1277	MB-1277	Nguyễn Phú	Tĩnh	Nam	20/11/1991	Quảng Nam	23.50	38	Không đạt
1278	MB-1278	Nguyễn Thị	Tĩnh	Nữ	01/5/1993	Đắk Lắk	41.25	76	Không đạt
1279	MB-1279	Đình Văn	Tĩnh	Nam	16/7/1960	Nam Định	18.88	56	Không đạt
1280	MB-1280	Đình Xuân	Tĩnh	Nam	20/7/1979	Đắk Lắk	26.88	50	Không đạt
1281	MB-1281	Nguyễn Văn	Toại	Nam	24/11/1964	Khánh Hòa			Không đạt
1282	MB-1282	Nguyễn Thị	Toán	Nữ	01/02/1991	Hà Nội	37.63	56	Không đạt
1283	MB-1283	Nguyễn Dương	Toàn	Nam	18/01/1976	Hải Dương	39.00	72	Không đạt
1284	MB-1284	Nguyễn Duy	Toàn	Nam	25/3/1995	Hà Nội	44.50	70	Không đạt
1285	MB-1285	Nguyễn Khánh	Toàn	Nam	10/01/1994	Ninh Thuận	39.50	60	Không đạt
1286	MB-1286	Nguyễn Mạnh	Toàn	Nam	27/9/1971	Hải Phòng	20.38	34	Không đạt
1287	MB-1287	Nguyễn Ngọc	Toàn	Nam	29/6/1975	Hà Nội	36.88	68	Không đạt
1288	MB-1288	Trần Quốc	Toàn	Nam	02/4/1995	Hà Nội	44.00	52	Không đạt
1289	MB-1289	Nguyễn Anh	Trà	Nữ	12/02/1962	Hà Nội	23.13	44	Không đạt
1290	MB-1290	Bạch Hương	Trà	Nữ	26/11/1981	Hải Phòng	29.38	56	Không đạt
1291	MB-1291	Lê Thị	Trà	Nữ	28/6/1991	Hà Nội	45.75	76	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1292	MB-1292	Nguyễn Trần Ngọc	Trâm	Nữ	13/5/1994	Quảng Ngãi	31.13	68	Không đạt
1293	MB-1293	Lương Ngọc Quỳnh	Trâm	Nữ	14/5/1995	Gia Lai	39.13	50	Không đạt
1294	MB-1294	Phạm Thị Thúy	Trâm	Nữ	26/3/1985	Nghệ An	20.38	48	Không đạt
1295	MB-1295	Phạm Bảo	Trân	Nữ	31/5/1986	Phú Yên	52.63	74	Đạt
1296	MB-1296	Lê Thị Đài	Trang	Nữ	27/10/1993	Kon Tum	52.38	74	Đạt
1297	MB-1297	Đặng Thị Diệp	Trang	Nữ	03/8/1997	Quảng Nam	34.13	60	Không đạt
1298	MB-1298	Nguyễn Thị Đoan	Trang	Nữ	10/5/1995	Hà Nội	43.38	62	Không đạt
1299	MB-1299	Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	13/6/1984	Quảng Nam			Không đạt
1300	MB-1300	Trần Thị Hải	Trang	Nữ	09/10/1993	Ninh Bình	38.00	58	Không đạt
1301	MB-1301	Trịnh Hồng	Trang	Nữ	16/3/1997	Quảng Ninh	41.38	70	Không đạt
1302	MB-1302	Nguyễn Thị Hương	Trang	Nữ	08/3/1971	Phú Yên	20.38	54	Không đạt
1303	MB-1303	Mai Huyền	Trang	Nữ	14/12/1990	Bắc Kạn	39.88	76	Không đạt
1304	MB-1304	Hà Thị Huyền	Trang	Nữ	28/01/1993	Lai Châu			Không đạt
1305	MB-1305	Lương Thị Huyền	Trang	Nữ	21/01/1992	Đắk Lắk	35.25	62	Không đạt
1306	MB-1306	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24/3/1989	Hà Nội	26.38	52	Không đạt
1307	MB-1307	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	19/7/1994	Hà Nội	30.13	62	Không đạt
1308	MB-1308	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	02/10/1991	Thanh Hóa	44.63	70	Không đạt
1309	MB-1309	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	09/5/1986	Thanh Hóa	35.13	62	Không đạt
1310	MB-1310	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	11/10/1989	Hải Phòng	21.00	60	Không đạt
1311	MB-1311	Phan Thị Huyền	Trang	Nữ	13/10/1994	Hà Nội	28.13	54	Không đạt
1312	MB-1312	Trịnh Huyền	Trang	Nữ	14/8/1994	Hòa Bình	39.88	56	Không đạt
1313	MB-1313	Trần Thị Minh	Trang	Nữ	03/10/1994	Quảng Ninh	32.25	78	Không đạt
1314	MB-1314	Triệu Minh	Trang	Nữ	26/8/1995	Hà Nội	33.25	48	Không đạt
1315	MB-1315	Đặng Quỳnh	Trang	Nữ	19/12/1995	Lào Cai	22.00	54	Không đạt
1316	MB-1316	Lê Quỳnh	Trang	Nữ	01/01/1981	Hải Phòng	50.50	56	Đạt
1317	MB-1317	Lê Ngọc Quỳnh	Trang	Nữ	27/01/1997	Nghệ An	24.25	60	Không đạt
1318	MB-1318	Phạm Quỳnh	Trang	Nữ	16/10/1988	Hải Phòng	41.75	78	Không đạt
1319	MB-1319	Lê Thị Quỳnh	Trang	Nữ	08/02/1997	Nghệ An	50.00	76	Đạt
1320	MB-1320	Tổng Quỳnh	Trang	Nữ	13/10/1994	Hà Nội	25.25	64	Không đạt
1321	MB-1321	Nguyễn Thanh	Trang	Nữ	31/8/1992	Hà Nội	45.88	80	Không đạt
1322	MB-1322	Nguyễn Cao Thảo	Trang	Nữ	17/11/1993	Đắk Lắk			Không đạt
1323	MB-1323	Lê Thị Thảo	Trang	Nữ	12/12/1996	Hải Dương	35.75	66	Không đạt
1324	MB-1324	Đào Thị	Trang	Nữ	15/8/1987	Hà Nội	35.38	68	Không đạt
1325	MB-1325	Dương Thị	Trang	Nữ	23/6/1986	Hà Nội	36.25	56	Không đạt
1326	MB-1326	Lê Thị	Trang	Nữ	14/4/1998	Thanh Hóa	37.25	70	Không đạt
1327	MB-1327	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	03/7/1994	Hà Nội	51.63	68	Đạt
1328	MB-1328	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10/5/1993	Quảng Bình	51.25	70	Đạt
1329	MB-1329	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	12/10/1991	Thanh Hóa	40.00	72	Không đạt
1330	MB-1330	Trần Thị	Trang	Nữ	26/4/1994	Đắk Lắk	31.50	66	Không đạt
1331	MB-1331	Triệu Thị	Trang	Nữ	15/12/1990	Hà Nội	37.25	68	Không đạt
1332	MB-1332	Vũ Thị	Trang	Nữ	30/9/1995	Khánh Hòa	0.00	72	Không đạt
1333	MB-1333	Hà Thu	Trang	Nữ	09/10/1994	Quảng Ninh	44.88	70	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1334	MB-1334	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	10/4/1998	Hải Dương	32.75	42	Không đạt
1335	MB-1335	Lại Thị Thu	Trang	Nữ	26/9/1996	Hà Nội	51.25	78	Đạt
1336	MB-1336	Mai Thị Thu	Trang	Nữ	28/8/1992	Hà Giang	34.63	68	Không đạt
1337	MB-1337	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	31/10/1995	Hà Nội			Không đạt
1338	MB-1338	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	25/8/1992	Tuyên Quang	41.50	76	Không đạt
1339	MB-1339	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	15/8/1992	Hà Nội	53.75	72	Đạt
1340	MB-1340	Đoàn Thuý	Trang	Nữ	21/5/1983	Thanh Hóa	27.00	38	Không đạt
1341	MB-1341	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	09/5/1996	Quảng Ngãi	16.25	34	Không đạt
1342	MB-1342	Đặng Văn	Trang	Nam	12/5/1991	Quảng Nam	29.00	70	Không đạt
1343	MB-1343	Đặng Hùng	Tráng	Nam	03/11/1981	Bình Định	19.00	68	Không đạt
1344	MB-1344	Lê Văn	Tri	Nam	31/01/1985	Khánh Hòa	30.75	64	Không đạt
1345	MB-1345	Đàm Ngọc	Trí	Nam	10/4/1982	Khánh Hòa	44.00	68	Không đạt
1346	MB-1346	Bùi Văn	Tri	Nam	06/7/1985	Nghệ An	50.50	82	Đạt
1347	MB-1347	Nguyễn Thị Huyền	Trình	Nữ	08/02/1988	Hà Nội	50.63	86	Đạt
1348	MB-1348	Mai Ngọc	Trình	Nữ	07/7/1993	Đắk Lắk	50.25	90	Đạt
1349	MB-1349	Nguyễn Thị	Trình	Nữ	30/5/1995	Hà Nội	12.13	62	Không đạt
1350	MB-1350	Đặng Thị Thùy	Trình	Nữ	05/6/1994	Quảng Nam	28.75	58	Không đạt
1351	MB-1351	Đặng Thị Tú	Trình	Nữ	19/01/1996	Đắk Lắk	35.75	72	Không đạt
1352	MB-1352	Phan Thị Tuyết	Trình	Nữ	19/7/1991	Vĩnh Phúc	40.13	72	Không đạt
1353	MB-1353	Nguyễn Việt	Trình	Nữ	09/11/1994	Vĩnh Phúc	35.75	68	Không đạt
1354	MB-1354	Mã Thị	Trình	Nữ	10/5/1991	Hà Nội	50.00	74	Đạt
1355	MB-1355	Võ Đăng	Trình	Nam	19/9/1996	Phú Yên	39.75	68	Không đạt
1356	MB-1356	Trần Thị	Trọng	Nữ	12/10/1986	Nghệ An	36.50	74	Không đạt
1357	MB-1357	Đỗ Thạch	Trụ	Nam	03/6/1995	Quảng Nam	39.75	82	Không đạt
1358	MB-1358	Nguyễn Thị Anh	Trúc	Nữ	06/5/1994	Quảng Nam	32.75	52	Không đạt
1359	MB-1359	Thái Bảo	Trung	Nam	01/7/1993	Nghệ An	19.75	46	Không đạt
1360	MB-1360	Nguyễn Duy	Trung	Nam	01/9/1992	Lai Châu	37.13	78	Không đạt
1361	MB-1361	Nguyễn Hiếu	Trung	Nam	25/3/1976	Hà Nội	25.63	58	Không đạt
1362	MB-1362	Trần Nam	Trung	Nam	02/8/1978	Gia Lai	24.63	72	Không đạt
1363	MB-1363	Trần Thành	Trung	Nam	05/02/1979	Hà Nội	37.00	74	Không đạt
1364	MB-1364	Đào Văn	Trung	Nam	12/8/1975	Hải Dương	18.25	54	Không đạt
1365	MB-1365	Vũ Đình	Trường	Nam	19/7/1970	Quảng Ninh	27.38	42	Không đạt
1366	MB-1366	Nguyễn Hữu	Trường	Nam	21/11/1994	Hà Nội	39.13	64	Không đạt
1367	MB-1367	Vũ Tài	Trường	Nam	28/4/1984	Bắc Ninh			Không đạt
1368	MB-1368	Hồ Xuân	Trường	Nam	15/9/1983	Khánh Hòa			Không đạt
1369	MB-1369	Lò Xuân	Trường	Nam	11/10/1986	Sơn La	25.50	56	Không đạt
1370	MB-1370	Lê Trọng	Trường	Nam	11/01/1992	Hung Yên	17.00	50	Không đạt
1371	MB-1371	Nguyễn Thị Nhật	Truyền	Nữ	20/6/1987	Khánh Hòa	34.38	68	Không đạt
1372	MB-1372	Lê Anh	Tú	Nam	15/02/1996	Quảng Nam	33.75	54	Không đạt
1373	MB-1373	Nguyễn Anh	Tú	Nam	13/3/1983	Hà Nội	17.75	46	Không đạt
1374	MB-1374	Phạm Anh	Tú	Nam	20/02/1997	Hà Nội	39.13	72	Không đạt
1375	MB-1375	Vũ Anh	Tú	Nam	10/11/1991	Quảng Ninh	11.75	68	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1376	MB-1376	Nguyễn Cẩm	Tú	Nữ	08/12/1995	Hà Nội	45.50	78	Không đạt
1377	MB-1377	Trần Thị Cẩm	Tú	Nữ	20/7/1994	Nghệ An	21.13	66	Không đạt
1378	MB-1378	Vũ Thị Cẩm	Tú	Nữ	04/10/1996	Nghệ An	30.50	64	Không đạt
1379	MB-1379	Dương Quang	Tú	Nam	10/10/1992	Gia Lai	50.25	84	Đạt
1380	MB-1380	Đào Thị Thủy	Tú	Nữ	31/12/1990	Phú Thọ	29.50	66	Không đạt
1381	MB-1381	Nguyễn Hữu	Tuân	Nam	22/02/1986	Hà Nội	26.25	60	Không đạt
1382	MB-1382	Trần Ngọc	Tuân	Nam	03/6/1984	Phú Thọ	31.00	56	Không đạt
1383	MB-1383	Hoàng Anh	Tuấn	Nam	03/02/1978	Quảng Bình	22.25	48	Không đạt
1384	MB-1384	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	02/6/1978	Bắc Giang	23.38	54	Không đạt
1385	MB-1385	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	11/4/1985	Hà Nội	17.75	52	Không đạt
1386	MB-1386	Phạm Anh	Tuấn	Nam	01/12/1989	Hà Nội	28.13	78	Không đạt
1387	MB-1387	Nguyễn Đăng	Tuấn	Nam	28/8/1976	Thanh Hóa	8.75	42	Không đạt
1388	MB-1388	Hoàng Diệu	Tuấn	Nam	30/10/1972	Hòa Bình	29.38	64	Không đạt
1389	MB-1389	Lê Khắc	Tuấn	Nam	09/10/1987	Hà Nội	33.50	50	Không đạt
1390	MB-1390	Trịnh Quang	Tuấn	Nam	15/3/1976	Hà Nội	20.25	30	Không đạt
1391	MB-1391	Phan Tấn	Tuấn	Nam	09/6/1993	Đắk Lắk	27.63	66	Không đạt
1392	MB-1392	Bùi Thanh	Tuấn	Nam	12/8/1993	Ninh Bình	28.25	74	Không đạt
1393	MB-1393	Bùi Thanh	Tuấn	Nam	21/3/1984	Quảng Nam	22.50	40	Không đạt
1394	MB-1394	Trần Thanh	Tuấn	Nam	02/9/1995	Thừa Thiên Huế	25.13	64	Không đạt
1395	MB-1395	Mai Văn	Tuấn	Nam	30/6/1992	Vĩnh Phúc	32.88	56	Không đạt
1396	MB-1396	Lý Việt	Tuấn	Nam	01/8/1995	Quảng Ninh	26.63	56	Không đạt
1397	MB-1397	Trần Trọng Việt	Tuấn	Nam	18/8/1993	Đắk Lắk	35.50	70	Không đạt
1398	MB-1398	Nguyễn Công	Tuệ	Nam	08/02/1996	Thái Nguyên	36.50	62	Không đạt
1399	MB-1399	Phạm Duy	Tùng	Nam	20/11/1994	Quảng Ninh	34.63	54	Không đạt
1400	MB-1400	Trịnh Minh	Tùng	Nam	01/01/1993	Quảng Nam	45.75	66	Không đạt
1401	MB-1401	Trần Quang	Tùng	Nam	16/02/1996	Thanh Hóa	25.00	52	Không đạt
1402	MB-1402	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	20/8/1991	Nam Định	11.75	62	Không đạt
1403	MB-1403	Trần Thanh	Tùng	Nam	10/11/1985	Hà Nội	19.25	50	Không đạt
1404	MB-1404	Nguyễn Minh	Từu	Nam	06/5/1991	Đắk Lắk	38.50	80	Không đạt
1405	MB-1405	Nguyễn Hữu	Túy	Nam	24/8/1979	Hà Nội	17.00	50	Không đạt
1406	MB-1406	Đỗ Thị	Tuyên	Nữ	18/4/1986	Bắc Ninh	27.13	46	Không đạt
1407	MB-1407	Phạm Tuấn	Tuyên	Nam	10/7/1992	Tuyên Quang	8.13	42	Không đạt
1408	MB-1408	Nguyễn Đức	Tuyên	Nam	05/12/1995	Quảng Nam	23.63	84	Không đạt
1409	MB-1409	Nguyễn Văn	Tuyên	Nam	10/12/1979	Thừa Thiên Huế	54.75	90	Đạt
1410	MB-1410	Nguyễn Thị Lâm	Tuyên	Nữ	11/12/1991	Phú Yên	37.25	64	Không đạt
1411	MB-1411	Đào Thanh	Tuyên	Nữ	10/7/1994	Vĩnh Phúc	41.25	46	Không đạt
1412	MB-1412	Đỗ Thị	Tuyên	Nữ	24/5/1990	Hà Nội	50.25	80	Đạt
1413	MB-1413	Đoàn Thị Ánh	Tuyệt	Nữ	24/10/1987	Hà Tĩnh	44.50	78	Không đạt
1414	MB-1414	Vũ Mai	Tuyệt	Nữ	26/10/1991	Hà Nội	51.00	66	Đạt
1415	MB-1415	Đỗ Thị Thanh	Tuyệt	Nữ	21/01/1993	Hà Nội	60.50	74	Đạt
1416	MB-1416	Lê Thị	Tuyệt	Nữ	24/6/1986	Hà Nội	19.75	64	Không đạt
1417	MB-1417	Văn Thị	Tuyệt	Nữ	17/12/1996	Thanh Hóa	53.00	78	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1418	MB-1418	Nguyễn Thị Nhã	Uyên	Nữ	26/10/1987	Đà Nẵng	38.75	52	Không đạt
1419	MB-1419	Đặng Thị Phương	Uyên	Nữ	18/8/1995	Khánh Hòa	34.75	70	Không đạt
1420	MB-1420	Đỗ Thị Tố	Uyên	Nữ	03/5/1997	Thanh Hóa	20.75	64	Không đạt
1421	MB-1421	Nguyễn Thị Trâm	Uyên	Nữ	25/7/1997	Đắk Lắk	41.50	78	Không đạt
1422	MB-1422	Nguyễn Hoàng Phi	Uyên	Nữ	10/8/1991	Nghệ An	58.00	64	Đạt
1423	MB-1423	Lê Thị Cẩm	Vân	Nữ	20/7/1991	Quảng Ninh	51.00	70	Đạt
1424	MB-1424	Dương Thị Cẩm	Vân	Nữ	24/10/1997	Thanh Hóa	16.25	54	Không đạt
1425	MB-1425	Lê Thị Cẩm	Vân	Nữ	16/8/1994	Vĩnh Phúc			Không đạt
1426	MB-1426	Hồ Hà	Vân	Nữ	18/02/1986	Đắk Lắk	50.25	62	Đạt
1427	MB-1427	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	29/11/1993	Hà Nội	53.75	66	Đạt
1428	MB-1428	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	03/3/1998	Hà Nội	51.25	80	Đạt
1429	MB-1429	Lý Khánh	Vân	Nữ	02/6/1994	Lào Cai			Không đạt
1430	MB-1430	Đông Thị Khánh	Vân	Nữ	12/6/1981	Vĩnh Phúc	25.25	66	Không đạt
1431	MB-1431	Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	16/8/1988	Nam Định	50.25	76	Đạt
1432	MB-1432	Hoàng Thị	Vân	Nữ	09/12/1972	Hung Yên	21.75	42	Không đạt
1433	MB-1433	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	15/9/1991	Nghệ An	52.50	66	Đạt
1434	MB-1434	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	01/9/1957	Ninh Thuận	37.75	52	Không đạt
1435	MB-1435	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	30/12/1995	Vĩnh Phúc	35.50	54	Không đạt
1436	MB-1436	Trần Thị	Vân	Nữ	10/7/1993	Hà Tĩnh	54.25	76	Đạt
1437	MB-1437	Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	09/11/1983	Kon Tum	28.50	40	Không đạt
1438	MB-1438	Lê Thị Tường	Vân	Nữ	08/5/1983	Hải Dương	50.00	74	Đạt
1439	MB-1439	Vũ Hữu	Vân	Nam	20/01/1961	Hải Phòng	40.50	64	Không đạt
1440	MB-1440	Trần Minh	Vân	Nam	24/3/1979	Thanh Hóa			Không đạt
1441	MB-1441	Nguyễn Hồng	Vân	Nam	09/8/1962	Hà Nội			Không đạt
1442	MB-1442	Nguyễn Thị Anh	Vi	Nữ	16/12/1997	Kon Tum	53.25	94	Đạt
1443	MB-1443	Trần Nguyễn Thảo	Vi	Nữ	05/4/1996	Gia Lai	51.88	60	Đạt
1444	MB-1444	Đặng Thị	Vi	Nữ	03/6/1991	Vĩnh Phúc	25.25	48	Không đạt
1445	MB-1445	Cao Thị Thu	Vi	Nữ	29/9/1996	Kon Tum			Không đạt
1446	MB-1446	Phạm Thị Thúy	Vi	Nữ	02/01/1993	Khánh Hòa	41.00	54	Không đạt
1447	MB-1447	Phạm Thảo	Vi	Nữ	08/6/1996	Bình Định	32.38	56	Không đạt
1448	MB-1448	Võ Thị Tường	Vi	Nữ	15/7/1990	Quảng Nam	46.50	68	Không đạt
1449	MB-1449	Lê Xuân	Vĩ	Nữ	28/8/1993	Quảng Nam	50.25	68	Đạt
1450	MB-1450	Phạm Kim	Viên	Nam	04/9/1987	Quảng Nam	25.25	60	Không đạt
1451	MB-1451	Nguyễn Thị	Viễn	Nữ	04/12/1993	Quảng Ngãi	30.50	74	Không đạt
1452	MB-1452	Nguyễn	Việt	Nam	26/12/1984	Hà Nội	6.88	46	Không đạt
1453	MB-1453	Trần Quốc	Việt	Nam	07/6/1977	Thanh Hóa	28.00	68	Không đạt
1454	MB-1454	Trần Thị	Việt	Nữ	16/12/1964	Đắk Lắk	10.25	28	Không đạt
1455	MB-1455	Phạm	Vinh	Nam	08/8/1981	Quảng Nam	20.50	54	Không đạt
1456	MB-1456	Lâm Quốc	Vinh	Nam	25/3/1974	Quảng Nam	31.50	76	Không đạt
1457	MB-1457	Lê Thị	Vinh	Nữ	20/6/1989	Thanh Hóa			Không đạt
1458	MB-1458	Hán Văn	Vinh	Nam	25/9/1993	Phú Thọ	50.00	86	Đạt
1459	MB-1459	Nguyễn Đắc Tường	Vĩnh	Nam	03/02/1988	Quảng Nam	26.00	72	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1460	MB-1460	Đoãn Hoàng	Vũ	Nam	10/11/1989	Nam Định	37.00	56	Không đạt
1461	MB-1461	Trần Khánh	Vũ	Nam	15/10/1992	Hà Nội	32.50	70	Không đạt
1462	MB-1462	Bùi Nguyên	Vũ	Nam	21/9/1984	Khánh Hòa	35.13	60	Không đạt
1463	MB-1463	Đào Nguyễn	Vũ	Nam	13/3/1983	Hung Yên	23.00	48	Không đạt
1464	MB-1464	Đình Quang	Vũ	Nam	19/3/1993	Đà Nẵng	30.25	58	Không đạt
1465	MB-1465	Đặng Quốc	Vũ	Nam	10/11/1972	Hà Nội	33.13	58	Không đạt
1466	MB-1466	Bùi Thanh	Vũ	Nam	22/11/1983	Quảng Bình	28.00	66	Không đạt
1467	MB-1467	Dương Thanh	Vũ	Nam	08/6/1998	Gia Lai	34.25	66	Không đạt
1468	MB-1468	Hoàng Trung	Vũ	Nam	10/10/1991	Thanh Hóa	8.13	46	Không đạt
1469	MB-1469	Nguyễn Nhật	Vui	Nam	15/9/1995	Phú Yên	29.50	58	Không đạt
1470	MB-1470	Trần Trọng	Vượng	Nam	15/01/1963	Quảng Bình	50.63	84	Đạt
1471	MB-1471	Phạm Hà	Vy	Nữ	09/3/1997	Kon Tum	23.50	68	Không đạt
1472	MB-1472	Nguyễn Thúy	Vy	Nữ	20/7/1995	Phú Yên	24.25	68	Không đạt
1473	MB-1473	Trần Võ Hoàng	Vỹ	Nữ	01/01/1991	Khánh Hòa	38.25	60	Không đạt
1474	MB-1474	Nguyễn Thị	Xoan	Nữ	01/02/1974	Quảng Ninh			Không đạt
1475	MB-1475	Nguyễn Thị Kim	Xuân	Nữ	20/9/1975	Khánh Hòa	28.25	50	Không đạt
1476	MB-1476	Lê Thị	Xuân	Nữ	02/9/1994	Hải Dương	49.00	76	Không đạt
1477	MB-1477	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	26/3/1984	Nghệ An	50.50	60	Đạt
1478	MB-1478	Vũ Thị	Xuân	Nữ	22/02/1987	Thái Nguyên	32.25	70	Không đạt
1479	MB-1479	Phạm Thanh	Xuyên	Nam	03/8/1990	Hà Nội	50.50	70	Đạt
1480	MB-1480	Đỗ Thị Hồng	Yên	Nữ	05/8/1993	Đà Nẵng	28.25	56	Không đạt
1481	MB-1481	Đặng Hải	Yên	Nữ	18/10/1973	Bắc Giang	37.50	66	Không đạt
1482	MB-1482	Nguyễn Diệp Hải	Yên	Nữ	30/12/1997	Hà Nội	39.00	56	Không đạt
1483	MB-1483	Chu Lữ Hải	Yên	Nữ	16/02/1987	Hà Nội	45.75	62	Không đạt
1484	MB-1484	Nguyễn Hải	Yên	Nữ	14/8/1991	Bắc Giang	45.50	72	Không đạt
1485	MB-1485	Hoàng Thị Hải	Yên	Nữ	30/10/1987	Hà Nội	41.25	62	Không đạt
1486	MB-1486	Hoàng Thị Hải	Yên	Nữ	16/10/1993	Hà Nội	39.25	76	Không đạt
1487	MB-1487	Lại Thị Hải	Yên	Nữ	13/12/1992	Hà Nội	28.63	60	Không đạt
1488	MB-1488	Nguyễn Thị Hải	Yên	Nữ	12/10/1982	Hải Phòng	48.00	54	Không đạt
1489	MB-1489	Nguyễn Thị Hải	Yên	Nữ	31/10/1992	Lạng Sơn	27.75	68	Không đạt
1490	MB-1490	Nguyễn Thị Hải	Yên	Nữ	15/01/1997	Quảng Bình	28.63	50	Không đạt
1491	MB-1491	Quách Thị Hải	Yên	Nữ	15/4/1989	Thanh Hóa	39.75	34	Không đạt
1492	MB-1492	Đỗ Thị Hoàng	Yên	Nữ	09/10/1992	Quảng Ninh	53.88	62	Đạt
1493	MB-1493	Kiều Kiều	Yên	Nữ	03/02/1991	Quảng Nam	29.25	78	Không đạt
1494	MB-1494	Lê Thị Thanh Hiền	Yên	Nữ	01/02/1976	Hà Nội	22.25	40	Không đạt
1495	MB-1495	Khuất Thị	Yên	Nữ	02/7/1992	Hà Nội	22.75	66	Không đạt
1496	MB-1496	Nguyễn Thị	Yên	Nữ	18/5/1996	Hà Tĩnh	41.50	78	Không đạt
1497	MB-1497	Phạm Thị	Yên	Nữ	15/6/1982	Hà Nội	31.63	70	Không đạt

Thy



BỘ TƯ PHÁP
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ
TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG
LẦN THỨ NĂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG
LẦN THỨ NĂM - KHU VỰC PHÍA NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1404/QĐ-HĐKT ngày 08/5/2025
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	MN-01	Nguyễn Thị Ngọc	Ái	Nữ	29/8/1993	Tp. Hồ Chí Minh	36.63	64	Không đạt
2	MN-02	Trần Thị Nhân	Ái	Nữ	15/01/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	50.50	68	Đạt
3	MN-03	Nguyễn Thị Thúy	Ái	Nữ	05/12/1996	Long An	25.25	62	Không đạt
4	MN-04	Nguyễn Dân	An	Nam	08/8/1980	Long An	31.25	66	Không đạt
5	MN-05	Vũ Thị Hoài	An	Nữ	08/11/1995	Lâm Đồng			Không đạt
6	MN-06	Đoàn Hoàng	An	Nữ	02/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	36.13	72	Không đạt
7	MN-07	Nguyễn Hoàng	An	Nam	20/10/1974	Tiền Giang			Không đạt
8	MN-08	Lê Quốc	An	Nam	08/7/1991	Tp. Hồ Chí Minh	42.63	64	Không đạt
9	MN-09	Nguyễn Lê Thị Trường	An	Nữ	31/5/1976	Tiền Giang	15.00	50	Không đạt
10	MN-10	Nguyễn Thu	An	Nữ	21/9/1998	Đồng Nai	35.00	46	Không đạt
11	MN-11	Đặng Lê Trường	An	Nam	26/5/1993	Long An	32.13	68	Không đạt
12	MN-12	Nguyễn Văn	An	Nam	05/9/1989	Tp. Hồ Chí Minh	30.50	72	Không đạt
13	MN-13	Tô Nguyễn Xuân	An	Nữ	05/10/1990	Tp. Hồ Chí Minh	44.25	62	Không đạt
14	MN-14	Nguyễn Đức	Anh	Nam	03/6/1983	An Giang	21.00	64	Không đạt
15	MN-15	Nguyễn Hoài	Anh	Nam	23/10/1986	Tp. Hồ Chí Minh	32.88	74	Không đạt
16	MN-16	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	25/8/1983	Cần Thơ	22.00	46	Không đạt
17	MN-17	Đào Thị Hoàng	Anh	Nữ	24/10/1985	Tp. Hồ Chí Minh	33.50	50	Không đạt
18	MN-18	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	Nữ	28/8/1990	Tp. Hồ Chí Minh	27.00	72	Không đạt
19	MN-19	Nguyễn Hữu	Anh	Nam	05/02/1985	Bình Phước	17.00	62	Không đạt
20	MN-20	Đỗ Thái Kim	Anh	Nữ	08/10/1996	Hậu Giang	22.00	50	Không đạt
21	MN-21	Hà Thị Kim	Anh	Nữ	27/7/1997	Tp. Hồ Chí Minh	43.00	78	Không đạt
22	MN-22	Lê Thị Kim	Anh	Nữ	21/12/1994	Bình Phước	23.25	52	Không đạt
23	MN-23	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	04/10/1993	Tp. Hồ Chí Minh	54.75	78	Đạt
24	MN-24	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	20/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	43.25	74	Không đạt
25	MN-25	Nguyễn Trần Lan	Anh	Nữ	13/3/1996	Đồng Nai	37.13	56	Không đạt
26	MN-26	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	09/12/1997	Sóc Trăng	35.50	54	Không đạt
27	MN-27	Lương Thị Mỹ	Anh	Nữ	01/5/1992	Lâm Đồng	46.13	74	Không đạt
28	MN-28	Phạm Thị Mỹ	Anh	Nữ	01/12/1970	Bà Rịa - Vũng Tàu	13.00	42	Không đạt
29	MN-29	Trần Ngọc	Anh	Nam	27/12/1978	Bình Dương	5.00	26	Không đạt
30	MN-30	Nguyễn Hồ Như	Anh	Nữ	01/11/1993	Tây Ninh	52.50	76	Đạt
31	MN-31	Trần Ngọc Quang	Anh	Nam	10/10/1982	Tây Ninh	14.00	64	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
32	MN-32	Tạ Quý	Anh	Nam	30/4/1983	Đồng Nai	50.00	64	Đạt
33	MN-33	Trần Hoàng Quỳnh	Anh	Nữ	28/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	31.50	78	Không đạt
34	MN-34	Cầm Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	16/3/1997	Lâm Đồng	55.50	76	Đạt
35	MN-35	Trần Thị Tú	Anh	Nữ	17/7/1979	Tây Ninh	22.50	46	Không đạt
36	MN-36	Đỗ Tuấn	Anh	Nam	08/12/1993	Long An	24.00	48	Không đạt
37	MN-37	Vũ Tuấn	Anh	Nam	28/4/1982	Tp. Hồ Chí Minh	17.50	62	Không đạt
38	MN-38	Lý Tuyết	Anh	Nữ	23/4/1985	Cần Thơ	10.13	44	Không đạt
39	MN-39	Nguyễn Phan Trọng	Anh	Nam	02/12/1994	Đồng Nai	36.38	80	Không đạt
40	MN-40	Đặng Thị Vân	Anh	Nữ	28/10/1996	Bình Dương	56.00	82	Đạt
41	MN-41	Đỗ Thị Vân	Anh	Nữ	24/12/1993	Đồng Nai	50.50	90	Đạt
42	MN-42	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	06/4/1994	Đồng Nai	27.00	74	Không đạt
43	MN-43	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	25/12/1991	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	62	Đạt
44	MN-44	Lê Trần Vân	Anh	Nữ	27/7/1977	Bình Dương	39.50	78	Không đạt
45	MN-45	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	26/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	52.00	58	Đạt
46	MN-46	Trần Hoàng Quang	Ánh	Nữ	12/02/1981	Tp. Hồ Chí Minh	60.50	80	Đạt
47	MN-47	Nguyễn Kim	Án	Nữ	22/7/1986	Tp. Hồ Chí Minh	25.00	56	Không đạt
48	MN-48	Đào Thị Bé	Ba	Nữ	20/8/1990	Bến Tre	32.00	54	Không đạt
49	MN-49	Phan Văn	Ba	Nam	16/02/1991	Tp. Hồ Chí Minh	37.50	68	Không đạt
50	MN-50	Nguyễn Duy	Bá	Nam	30/3/1978	Đồng Nai	17.50	40	Không đạt
51	MN-51	Nguyễn Xuân	Bách	Nam	14/4/1978	Bà Rịa - Vũng Tàu	23.50	62	Không đạt
52	MN-52	Lương Thanh	Bảng	Nam	1983	An Giang	32.63	76	Không đạt
53	MN-53	Tô Văn	Bảng	Nam	14/10/1993	Tp. Hồ Chí Minh	37.50	88	Không đạt
54	MN-54	Nguyễn Minh	Bảo	Nam	19/5/1994	Vĩnh Long	52.00	86	Đạt
55	MN-55	Lê Hà Minh	Bão	Nam	25/5/1995	Long An	26.00	56	Không đạt
56	MN-56	Hoàng Đình	Bảy	Nam	20/5/1975	Đồng Nai	17.00	32	Không đạt
57	MN-57	Võ Tấn	Bằng	Nam	07/10/1995	Hậu Giang	16.50	66	Không đạt
58	MN-58	Hoàng Thị	Bé	Nữ	14/10/1993	Tp. Hồ Chí Minh	26.00	62	Không đạt
59	MN-59	Vũ Thị	Bé	Nữ	26/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	29.50	78	Không đạt
60	MN-60	Nguyễn Văn	Bi	Nam	18/3/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	86	Đạt
61	MN-61	Phạm Thị Hồng	Bích	Nữ	21/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	35.63	64	Không đạt
62	MN-62	Trần Ngọc	Bích	Nữ	30/12/1994	Lâm Đồng	40.25	70	Không đạt
63	MN-63	Đinh Thị Thanh	Biên	Nữ	26/5/1996	Bình Dương	32.50	70	Không đạt
64	MN-64	Nguyễn Thị	Biết	Nữ	24/7/1992	Kiên Giang	28.38	66	Không đạt
65	MN-65	Nguyễn Hải	Bình	Nam	25/9/1989	Bình Dương	27.75	72	Không đạt
66	MN-66	Hoàng Thị Ngọc	Bình	Nữ	15/02/1995	Bình Phước	36.25	58	Không đạt
67	MN-67	Trương Ngọc	Bình	Nam	07/3/1988	Tp. Hồ Chí Minh	25.95	66	Không đạt
68	MN-68	Nguyễn Nhật	Bình	Nam	19/8/1987	Tiền Giang	13.50	62	Không đạt
69	MN-69	Quách Tấn	Bình	Nam	07/7/1980	Tp. Hồ Chí Minh	17.50	52	Không đạt
70	MN-70	Nguy Tuấn	Bình	Nam	17/6/1985	Tp. Hồ Chí Minh	20.38	60	Không đạt
71	MN-71	Nguyễn Thái	Bình	Nam	08/12/1972	Lâm Đồng	28.75	62	Không đạt
72	MN-72	Phạm Thái	Bình	Nam	01/02/1984	Tp. Hồ Chí Minh	26.88	52	Không đạt
73	MN-73	Đoàn Thanh	Bình	Nam	03/02/1991	Cần Thơ	22.75	80	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
74	MN-74	Lê Thanh	Bình	Nam	06/5/1975	Bình Phước	32.63	58	Không đạt
75	MN-75	Vũ Thị Thanh	Bình	Nam	29/12/1993	Tp. Hồ Chí Minh	40.38	86	Không đạt
76	MN-76	Đỗ Thị	Bình	Nữ	22/10/1992	Bình Dương	52.25	66	Đạt
77	MN-77	Phạm Thị	Bình	Nữ	17/6/1986	Tp. Hồ Chí Minh			Không đạt
78	MN-78	Trương Thị	Bình	Nữ	15/3/1978	Tây Ninh	18.13	52	Không đạt
79	MN-79	Trần Văn	Bình	Nam	17/9/1996	Bình Phước	68.00	94	Đạt
80	MN-80	Trần Văn	Bình	Nam	03/7/1967	Long An			Không đạt
81	MN-81	Trần Văn	Bộ	Nam	20/12/1983	Bình Phước	27.25	58	Không đạt
82	MN-82	Võ Văn	Buôn	Nam	02/01/1993	Cần Thơ	35.25	42	Không đạt
83	MN-83	Đoàn Ngọc Nhật	Bừu	Nam	02/9/1990	Long An	38.75	60	Không đạt
84	MN-84	Nã Thị Ngọc	Cam	Nữ	05/4/1980	Tp. Hồ Chí Minh	20.25	42	Không đạt
85	MN-85	Trương Văn	Can	Nam	19/10/1992	Cần Thơ	50.25	70	Đạt
86	MN-86	Vi Văn	Can	Nam	15/11/1990	Bình Dương	29.25	48	Không đạt
87	MN-87	Nguyễn Đình	Cang	Nam	17/9/1985	Tp. Hồ Chí Minh	30.75	60	Không đạt
88	MN-88	Hà Văn	Cánh	Nam	24/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	62.63	70	Đạt
89	MN-89	Nguyễn Thanh	Cao	Nam	12/10/1988	An Giang	35.00	58	Không đạt
90	MN-90	Võ Thị	Cầm	Nữ	10/4/1996	Hậu Giang	18.63	58	Không đạt
91	MN-91	Nguyễn Thế	Cần	Nam	22/12/1986	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	76	Đạt
92	MN-92	Đặng Văn	Cần	Nam	25/8/1959	Tp. Hồ Chí Minh	22.38	42	Không đạt
93	MN-93	Lê Minh	Có	Nam	16/6/1997	Cần Thơ	59.63	80	Đạt
94	MN-94	Võ Chí	Công	Nam	08/3/1982	Đồng Nai	24.38	58	Không đạt
95	MN-95	Vũ Thành	Công	Nam	02/5/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.13	76	Đạt
96	MN-96	Nguyễn Văn	Công	Nam	15/11/1986	Vĩnh Long	23.50	46	Không đạt
97	MN-97	Trần Văn	Cư	Nam	01/9/1964	Bình Thuận			Không đạt
98	MN-98	Nguyễn Hoàng Kim	Cương	Nữ	28/08/1999	Bình Dương	31.13	66	Không đạt
99	MN-99	Huỳnh Thị Kim	Cương	Nữ	10/10/1985	Cần Thơ	25.50	64	Không đạt
100	MN-100	Nguyễn Cao	Cường	Nam	08/12/1990	Tp. Hồ Chí Minh	58.88	84	Đạt
101	MN-101	Nguyễn Võ Chí	Cường	Nam	19/3/1994	Bình Dương	35.63	50	Không đạt
102	MN-102	Nguyễn Duy	Cường	Nam	17/01/1987	Bến Tre	27.00	56	Không đạt
103	MN-103	Nguyễn Đức	Cường	Nam	12/4/1993	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	82	Đạt
104	MN-104	Lê Hồng	Cường	Nam	07/5/1993	Tp. Hồ Chí Minh	55.00	76	Đạt
105	MN-105	Trần Mạnh	Cường	Nam	31/5/1991	Lâm Đồng	16.00	38	Không đạt
106	MN-106	Nguyễn Minh	Cường	Nam	26/6/1984	Bến Tre	32.13	48	Không đạt
107	MN-107	Trần Minh	Cường	Nam	20/8/1994	Tp. Hồ Chí Minh	37.88	62	Không đạt
108	MN-108	Lê Quốc	Cường	Nam	03/1/1980	Tp. Hồ Chí Minh	22.25	44	Không đạt
109	MN-109	Phạm Quốc	Cường	Nam	01/11/1973	Tp. Hồ Chí Minh	24.63	36	Không đạt
110	MN-110	Nguyễn Văn	Cường	Nam	25/11/1975	Đồng Nai	32.25	58	Không đạt
111	MN-111	Nguyễn Việt	Cường	Nam	21/8/1988	Bà Rịa - Vũng Tàu	51.50	64	Đạt
112	MN-112	Trần Quốc	Cường	Nam	22/3/1982	Trà Vinh	27.63	46	Không đạt
113	MN-113	Nguyễn Huyền	Châm	Nữ	13/3/1996	Bạc Liêu			Không đạt
114	MN-114	Võ Thị	Chân	Nữ	01/01/1996	Cà Mau	50.50	72	Đạt
115	MN-115	Phạm Văn	Chấn	Nam	10/10/1982	Đồng Nai	26.75	64	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
116	MN-116	Võ Lê Bảo	Châu	Nữ	06/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	38.38	58	Không đạt
117	MN-117	Phạm Ngọc Minh	Châu	Nữ	30/4/1991	Tp. Hồ Chí Minh	58.00	86	Đạt
118	MN-118	Nguyễn Ngọc	Châu	Nam	03/02/1983	Tp. Hồ Chí Minh	22.13	66	Không đạt
119	MN-119	Nguyễn Lan	Chi	Nữ	01/3/1987	Long An	32.25	70	Không đạt
120	MN-120	Hồ Thị Mặc	Chi	Nữ	20/6/1997	Tp. Hồ Chí Minh	58.88	80	Đạt
121	MN-121	Huỳnh Thị Tông	Chi	Nữ	21/5/1993	Bình Dương	35.50	92	Không đạt
122	MN-122	Nguyễn Thị Thanh	Chi	Nữ	01/4/1984	Lâm Đồng	17.25	46	Không đạt
123	MN-123	Lê Hữu	Chiến	Nam	20/6/1987	Đồng Nai	27.50	60	Không đạt
124	MN-124	Hoàng Trung	Chiến	Nam	12/3/1993	Tp. Hồ Chí Minh	35.63	70	Không đạt
125	MN-125	Huỳnh Văn	Chiến	Nam	20/5/1984	Tây Ninh	39.25	56	Không đạt
126	MN-126	Nguyễn	Chín	Nam	10/6/1984	Lâm Đồng	16.25	52	Không đạt
127	MN-127	Nguyễn Duy	Chinh	Nam	11/12/1985	Bình Dương	38.13	70	Không đạt
128	MN-128	Đỗ Hữu	Chinh	Nam	04/01/1978	Lâm Đồng	10.38	38	Không đạt
129	MN-129	Lê Tự	Chinh	Nam	05/12/1995	Lâm Đồng	26.50	46	Không đạt
130	MN-130	Võ Văn	Chinh	Nam	06/5/1992	Tp. Hồ Chí Minh	35.00	68	Không đạt
131	MN-131	Kim	Chính	Nam	25/8/1991	Trà Vinh	14.75	56	Không đạt
132	MN-132	Nguyễn	Chính	Nam	26/6/1997	Tp. Hồ Chí Minh	50.25	74	Đạt
133	MN-133	Chu Tự	Chính	Nam	20/8/1993	Tp. Hồ Chí Minh	42.75	84	Không đạt
134	MN-134	Huỳnh Văn	Choi	Nam	20/8/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	34.63	82	Không đạt
135	MN-135	Nguyễn Hữu	Chương	Nam	28/8/1985	Tp. Hồ Chí Minh	28.25	76	Không đạt
136	MN-136	Trần Minh	Chương	Nam	31/3/1983	Bình Dương	19.25	74	Không đạt
137	MN-137	Nguyễn Công	Danh	Nam	05/10/1995	Bình Dương	40.50	82	Không đạt
138	MN-138	Khâu	Danh	Nam	27/11/1979	Trà Vinh	10.25	56	Không đạt
139	MN-139	Nguyễn Thành	Danh	Nam	13/3/1992	Long An	25.25	66	Không đạt
140	MN-140	Huỳnh Thị Bích	Diễm	Nữ	15/5/1991	Cần Thơ	34.75	64	Không đạt
141	MN-141	Phạm Thị Hồng	Diễm	Nữ	08/3/1981	Tp. Hồ Chí Minh	37.38	64	Không đạt
142	MN-142	Nguyễn Huỳnh	Diễm	Nữ	16/6/1985	Kiên Giang	15.75	44	Không đạt
143	MN-143	Lê Kiều	Diễm	Nữ	10/10/1993	Tp. Hồ Chí Minh	12.50	64	Không đạt
144	MN-144	Mai Thị Kiều	Diễm	Nữ	16/12/1989	Tp. Hồ Chí Minh	26.00	58	Không đạt
145	MN-145	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	Nữ	02/4/1995	Cần Thơ	35.38	82	Không đạt
146	MN-146	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	Nữ	24/4/1992	Kiên Giang	41.50	58	Không đạt
147	MN-147	Lê Đoàn Phượng	Diễm	Nữ	05/9/1992	Tp. Hồ Chí Minh	42.50	60	Không đạt
148	MN-148	Huỳnh Thị	Diễm	Nữ	29/6/1989	Tp. Hồ Chí Minh	37.50	74	Không đạt
149	MN-149	Nguyễn Thị	Diễm	Nữ	18/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	46.13	74	Không đạt
150	MN-150	Lê Thị	Diệp	Nữ	20/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	55.13	74	Đạt
151	MN-151	Lê Minh	Diệu	Nữ	26/7/1990	Bà Rịa - Vũng Tàu	44.25	76	Không đạt
152	MN-152	Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	04/5/1986	Tp. Hồ Chí Minh	28.88	70	Không đạt
153	MN-153	Trần Thị Cẩm	Dĩnh	Nữ	24/01/1985	Đồng Tháp	31.88	64	Không đạt
154	MN-154	Bùi Thị	Dịu	Nữ	24/7/1993	Tp. Hồ Chí Minh	45.25	80	Không đạt
155	MN-155	Đỗ Thị	Dịu	Nữ	14/5/1980	Lâm Đồng	29.75	58	Không đạt
156	MN-156	Lê Ngọc	Doanh	Nam	08/7/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	41.75	74	Không đạt
157	MN-157	Lê Hữu	Du	Nam	18/10/1986	Lâm Đồng	28.00	58	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
158	MN-158	Châu Thị Hoàng	Dung	Nữ	10/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	39.00	76	Không đạt
159	MN-159	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Nữ	17/12/1987	Tiền Giang	32.38	56	Không đạt
160	MN-160	Trần Thị Mỹ	Dung	Nữ	25/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	33.13	48	Không đạt
161	MN-161	Nguyễn Ngọc Phương	Dung	Nữ	09/10/1993	Lâm Đồng	44.50	62	Không đạt
162	MN-162	Phạm Ngọc Phương	Dung	Nữ	24/8/1994	Đồng Nai	50.00	68	Đạt
163	MN-163	Lê Thị Phương	Dung	Nữ	18/4/1990	Tây Ninh	27.00	58	Không đạt
164	MN-164	Trần Thị Phương	Dung	Nữ	06/10/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.63	78	Đạt
165	MN-165	Bùi Thị	Dung	Nữ	22/9/1977	Đắk Nông	37.00	58	Không đạt
166	MN-166	Cao Thị Thùy	Dung	Nữ	14/02/1992	Tp. Hồ Chí Minh	50.25	70	Đạt
167	MN-167	Mai Thị Thùy	Dung	Nữ	03/6/1989	Tp. Hồ Chí Minh	42.50	52	Không đạt
168	MN-168	Nguyễn Anh	Dũng	Nam	29/01/1977	Đồng Nai	34.25	64	Không đạt
169	MN-169	Phạm Hồng	Dũng	Nam	12/11/1981	Tp. Hồ Chí Minh	40.75	58	Không đạt
170	MN-170	Nguyễn Hữu Quốc	Dũng	Nam	03/6/1977	Tp. Hồ Chí Minh	13.75	42	Không đạt
171	MN-171	Nguyễn Quốc	Dũng	Nam	31/10/1989	Bình Dương	16.50	38	Không đạt
172	MN-172	Lê Quý Quốc	Dũng	Nam	29/10/1986	Tp. Hồ Chí Minh	5.00	40	Không đạt
173	MN-173	Trần Trí	Dũng	Nam	07/5/1990	Tp. Hồ Chí Minh	39.50	74	Không đạt
174	MN-174	Lê Văn	Dũng	Nam	10/2/1979	Long An	15.13	66	Không đạt
175	MN-175	Hà Anh	Duy	Nam	20/6/1996	Cần Thơ	17.25	54	Không đạt
176	MN-176	Huỳnh Điền Bảo	Duy	Nam	20/10/1990	Bình Phước	26.00	64	Không đạt
177	MN-177	Lê Bửu	Duy	Nam	17/4/1987	Đồng Nai	42.00	56	Không đạt
178	MN-178	Ngô Đình	Duy	Nam	11/8/1995	Cần Thơ	38.63	52	Không đạt
179	MN-179	Nguyễn Đức	Duy	Nam	28/5/1994	Tp. Hồ Chí Minh	40.88	66	Không đạt
180	MN-180	Lâm Hồ	Duy	Nam	12/02/1983	Trà Vinh	31.63	68	Không đạt
181	MN-181	Huỳnh	Duy	Nam	21/10/1991	Hậu Giang	40.50	82	Không đạt
182	MN-182	Trần Hữu	Duy	Nam	24/8/1995	Tp. Hồ Chí Minh	42.00	52	Không đạt
183	MN-183	Huỳnh Khánh	Duy	Nam	03/9/1994	Đồng Nai	41.88	76	Không đạt
184	MN-184	Nguyễn Văn Lam	Duy	Nam	20/4/1988	Bạc Liêu	27.75	50	Không đạt
185	MN-185	Hồ Minh	Duy	Nam	01/01/1989	Tp. Hồ Chí Minh	44.25	60	Không đạt
186	MN-186	Võ Cao Phương	Duy	Nam	17/8/1995	Bạc Liêu	50.00	62	Đạt
187	MN-187	Nguyễn Quốc	Duy	Nam	21/7/1993	Long An	50.75	74	Đạt
188	MN-188	Huỳnh Tư	Duy	Nam	25/4/1994	Tp. Hồ Chí Minh	39.00	74	Không đạt
189	MN-189	Đào Thanh	Duy	Nam	09/9/1984	Cần Thơ	35.25	60	Không đạt
190	MN-190	Trần Thụy Xuân	Duy	Nữ	24/3/1996	Tây Ninh	36.38	50	Không đạt
191	MN-191	Phạm Thị Hải	Duyên	Nữ	05/8/1993	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	74	Đạt
192	MN-192	Đậu Thị Mỹ	Duyên	Nữ	26/11/1994	Lâm Đồng	46.88	78	Không đạt
193	MN-193	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	28/8/1996	Long An	50.00	80	Đạt
194	MN-194	Phan Thị Mỹ	Duyên	Nữ	17/9/1995	Cần Thơ	61.25	62	Đạt
195	MN-195	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	27/12/1980	Cần Thơ	39.25	58	Không đạt
196	MN-196	Nguyễn Hữu	Dư	Nam	29/5/1971	Đồng Nai	10.50	40	Không đạt
197	MN-197	Danh	Dương	Nam	07/9/1995	Cần Thơ	54.25	64	Đạt
198	MN-198	Nguyễn Hoài	Dương	Nữ	03/4/1991	Tp. Hồ Chí Minh	36.68	62	Không đạt
199	MN-199	Nguyễn Hoàng	Dương	Nam	24/01/1995	Long An	35.00	62	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
200	MN-200	Ngô Thái	Dương	Nam	27/5/1990	Bình Phước	36.00	50	Không đạt
201	MN-201	Nguyễn Thái	Dương	Nam	07/4/1994	Đồng Nai	28.75	78	Không đạt
202	MN-202	Nguyễn Hoàng Thanh	Dương	Nữ	05/7/1991	Đồng Nai	44.50	68	Không đạt
203	MN-203	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	06/12/1980	Tp. Hồ Chí Minh	33.50	42	Không đạt
204	MN-204	Phan Thụy Thùy	Dương	Nữ	15/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	52.63	76	Đạt
205	MN-205	Trần Văn	Dương	Nam	30/6/1978	Tiền Giang	26.50	58	Không đạt
206	MN-206	Trương Thanh	Dương	Nam	01/01/1984	Cà Mau	33.50	48	Không đạt
207	MN-207	Lương Văn	Đa	Nam	22/12/1985	Lâm Đồng	50.33	60	Đạt
208	MN-208	Nguyễn Thanh	Đa	Nam	20/01/1985	Bình Phước	40.50	58	Không đạt
209	MN-209	Kiều Ngọc	Đài	Nữ	17/3/1995	Tp. Hồ Chí Minh	56.50	62	Đạt
210	MN-210	Nguyễn Trang	Đài	Nữ	06/10/1991	Cà Mau	55.13	70	Đạt
211	MN-211	Phạm Quang	Đại	Nam	08/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	35.75	62	Không đạt
212	MN-212	Bùi Văn	Đại	Nam	27/02/1996	Cần Thơ	52.63	76	Đạt
213	MN-213	Hà Văn	Đảm	Nam	1990	Long An	34.50	70	Không đạt
214	MN-214	Võ	Đang	Nam	02/8/1995	Tây Ninh	50.13	72	Đạt
215	MN-215	Nguyễn Thị Anh	Đào	Nữ	15/12/1988	Tp. Hồ Chí Minh	38.50	68	Không đạt
216	MN-216	Phạm Thị Anh	Đào	Nữ	07/7/1993	Bến Tre	33.25	64	Không đạt
217	MN-217	Trương Thị Bích	Đào	Nữ	23/12/1975	Tp. Hồ Chí Minh	41.00	58	Không đạt
218	MN-218	Lý Thị Hồng	Đào	Nữ	30/6/1988	Cà Mau	57.00	66	Đạt
219	MN-219	Cao Thị Ngọc	Đào	Nữ	07/9/1995	Long An	51.50	66	Đạt
220	MN-220	Nguyễn Hữu	Đạt	Nam	02/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	58.50	66	Đạt
221	MN-221	Nguyễn Ngọc	Đạt	Nam	26/8/1986	Đồng Nai	41.50	48	Không đạt
222	MN-222	Nguyễn Phước	Đạt	Nam	28/3/1992	Long An	51.38	82	Đạt
223	MN-223	Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	08/4/1984	Bà Rịa - Vũng Tàu	43.50	66	Không đạt
224	MN-224	Trần Quốc	Đạt	Nam	22/01/1992	Tp. Hồ Chí Minh	41.75	54	Không đạt
225	MN-225	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	26/7/1994	Tây Ninh	51.25	80	Đạt
226	MN-226	Võ Thành	Đạt	Nam	27/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	58.25	84	Đạt
227	MN-227	Huỳnh Trọng	Đạt	Nam	09/9/1988	Cần Thơ	42.75	70	Không đạt
228	MN-228	Bùi Lê Xuân	Đạt	Nam	28/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	40.25	54	Không đạt
229	MN-229	Nguyễn Kim	Đảng	Nữ	15/4/1985	Cà Mau	36.75	48	Không đạt
230	MN-230	Tạ Trung	Đảng	Nam	06/9/1994	Cần Thơ	45.13	90	Không đạt
231	MN-231	Đặng Văn	Đảng	Nam	02/4/1982	Bình Dương	38.75	54	Không đạt
232	MN-232	Phan Quang	Đầy	Nam	24/01/1994	Hậu Giang	39.00	58	Không đạt
233	MN-233	Võ Thị Hồng	Đẹp	Nữ	13/7/1987	Cần Thơ	56.00	62	Đạt
234	MN-234	Đàm Thị	Đẹp	Nữ	25/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	51.50	78	Đạt
235	MN-235	Phan Minh	Điện	Nam	18/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	50.75	82	Đạt
236	MN-236	Trần Thanh	Điện	Nam	13/01/1980	Tiền Giang	26.38	44	Không đạt
237	MN-237	Nguyễn Thị Mộng	Diệp	Nữ	17/01/1992	Cần Thơ	29.50	66	Không đạt
238	MN-238	Phạm Ngọc	Diệp	Nữ	20/11/1983	Tp. Hồ Chí Minh	17.75	82	Không đạt
239	MN-239	Nguyễn Văn	Điều	Nam	30/4/1960	Bình Thuận	13.00	46	Không đạt
240	MN-240	Trần Chí	Đĩnh	Nam	11/10/1996	Cà Mau	50.75	76	Đạt
241	MN-241	Lương Ngọc	Đĩnh	Nam	05/5/1995	Long An	25.00	40	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
242	MN-242	Trần Bình	Định	Nam	01/10/1976	Đắk Nông	19.75	60	Không đạt
243	MN-243	Phạm Công	Định	Nam	08/4/1993	Tp. Hồ Chí Minh	45.50	70	Không đạt
244	MN-244	Đình Hữu	Định	Nam	03/9/1990	Tp. Hồ Chí Minh	46.25	92	Không đạt
245	MN-245	Lê Thị	Đóa	Nữ	25/3/1967	An Giang	29.38	62	Không đạt
246	MN-246	Lê Hồng Thảo	Đoan	Nữ	06/6/1994	Tp. Hồ Chí Minh	28.75	68	Không đạt
247	MN-247	Nguyễn Văn	Đoàn	Nam	12/3/1973	Kiên Giang	13.00	42	Không đạt
248	MN-248	Lưu Xuân	Đô	Nam	16/01/1980	Kiên Giang	26.38	52	Không đạt
249	MN-249	Hà Việt	Độ	Nam	07/02/1985	Bình Phước	34.25	72	Không đạt
250	MN-250	Phạm Văn	Độ	Nam	18/5/1984	Bà Rịa - Vũng Tàu	32.75	52	Không đạt
251	MN-251	Phạm Nguyên	Đông	Nam	11/7/1995	Đắk Nông	50.50	68	Đạt
252	MN-252	Phan Trần Nhật	Đông	Nam	04/02/1989	Tp. Hồ Chí Minh	34.50	72	Không đạt
253	MN-253	Trương Quang	Đông	Nam	11/11/1970	Tp. Hồ Chí Minh	39.13	68	Không đạt
254	MN-254	Lâm Thành	Đông	Nam	13/10/1981	Bà Rịa - Vũng Tàu	31.63	76	Không đạt
255	MN-255	Phạm Duy	Đức	Nam	28/3/1988	Đồng Nai	38.75	54	Không đạt
256	MN-256	Lê Hoài	Đức	Nam	22/4/1982	Đồng Tháp	15.50	54	Không đạt
257	MN-257	Lê Huỳnh	Đức	Nam	12/12/1997	Lâm Đồng	31.25	64	Không đạt
258	MN-258	Lê Quang	Đức	Nam	20/8/1988	Tp. Hồ Chí Minh	32.88	80	Không đạt
259	MN-259	Đặng Thành	Đức	Nam	15/5/1979	An Giang	26.75	66	Không đạt
260	MN-260	Phạm Trọng	Đức	Nam	19/5/1984	Lâm Đồng	23.38	54	Không đạt
261	MN-261	Kiều Văn	Đức	Nam	16/6/1993	Tp. Hồ Chí Minh	27.38	68	Không đạt
262	MN-262	Trần Văn	Đức	Nam	16/5/1963	Tp. Hồ Chí Minh	12.38	44	Không đạt
263	MN-263	Võ Việt	Đức	Nam	30/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	41.63	82	Không đạt
264	MN-264	Nguyễn Văn	Được	Nam	15/10/1971	Bình Thuận	27.88	58	Không đạt
265	MN-265	Cao Thị Cẩm	Em	Nữ	18/3/1983	Cà Mau	29.00	52	Không đạt
266	MN-266	Lê Huyền	Em	Nữ	11/11/1978	An Giang	12.13	60	Không đạt
267	MN-267	Huỳnh Tấn	Em	Nam	11/11/1985	Cần Thơ	16.25	52	Không đạt
268	MN-268	Trần Tú	Em	Nam	12/4/1977	Bình Dương	17.38	62	Không đạt
269	MN-269	Nguyễn Thị Út	Em	Nữ	15/3/1988	Tiền Giang			Không đạt
270	MN-270	Huỳnh Công	Ga	Nam	29/5/1974	Đồng Tháp	26.00	44	Không đạt
271	MN-271	Nguyễn Thị	Gái	Nữ	10/02/1991	Bình Phước	30.88	68	Không đạt
272	MN-272	Nguyễn Văn	Gạt	Nam	23/02/1964	Tp. Hồ Chí Minh	18.50	54	Không đạt
273	MN-273	Huỳnh Thị Hồng	Gấm	Nữ	12/7/1985	Long An	11.88	52	Không đạt
274	MN-274	Nguyễn Thị Thanh	Gấm	Nữ	20/8/1992	Cần Thơ	25.88	54	Không đạt
275	MN-275	Phan Thị Cẩm	Giang	Nữ	11/6/1992	Cần Thơ	32.38	56	Không đạt
276	MN-276	Lê Trúc Hà	Giang	Nữ	23/7/1984	Trà Vinh	26.13	66	Không đạt
277	MN-277	Nguyễn Thụy Ngân	Giang	Nữ	27/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	44.88	62	Không đạt
278	MN-278	Bùi Thị	Giang	Nữ	26/6/1994	Tây Ninh	21.88	66	Không đạt
279	MN-279	Hoàng Thị	Giang	Nữ	15/4/1994	Bình Phước	51.13	74	Đạt
280	MN-280	Nguyễn Phạm Trường	Giang	Nam	30/9/1992	Tp. Hồ Chí Minh	25.25	52	Không đạt
281	MN-281	Lý Văn	Giang	Nam	26/3/1990	Tp. Hồ Chí Minh	31.25	66	Không đạt
282	MN-282	Nguyễn Việt	Giang	Nam	14/10/1985	Bình Phước	26.50	44	Không đạt
283	MN-283	Võ Thị Cẩm	Giang	Nữ	15/5/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	56.25	76	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
284	MN-284	Nguyễn Quỳnh	Giao	Nữ	19/11/1990	Sóc Trăng	33.00	66	Không đạt
285	MN-285	Thái Thị Ngọc	Giàu	Nữ	16/12/1987	Đồng Nai	34.75	72	Không đạt
286	MN-286	Phạm Văn	Giờ	Nam	01/01/1983	Kiên Giang	14.63	50	Không đạt
287	MN-287	Phạm Mạnh	Hà	Nam	09/8/1983	Cần Thơ	27.00	66	Không đạt
288	MN-288	Ngô Đắc Ngân	Hà	Nữ	01/4/1988	Tiền Giang	24.50	48	Không đạt
289	MN-289	Lữ Ngọc	Hà	Nữ	02/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	56.50	86	Đạt
290	MN-290	Đinh Thị Ngọc	Hà	Nữ	24/02/1992	Cần Thơ	43.25	60	Không đạt
291	MN-291	Trần Thị Ngọc	Hà	Nữ	03/01/1988	Đồng Nai	36.50	68	Không đạt
292	MN-292	Nguyễn Thị Phương	Hà	Nữ	19/09/1985	Đồng Nai	34.75	70	Không đạt
293	MN-293	Lương Thu	Hà	Nữ	24/10/1993	Đồng Nai	42.50	60	Không đạt
294	MN-294	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	14/01/1984	Cần Thơ	29.50	56	Không đạt
295	MN-295	Nông Thị Thu	Hà	Nữ	01/11/1998	Đồng Nai	50.00	62	Đạt
296	MN-296	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	11/01/1994	Lâm Đồng	50.50	56	Đạt
297	MN-297	Nguyễn Văn	Hà	Nam	11/01/1994	Lâm Đồng	40.75	68	Không đạt
298	MN-298	Trần Thị Việt	Hà	Nữ	29/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	59.00	78	Đạt
299	MN-299	Lê Văn	Hạ	Nam	13/6/1975	Bình Thuận	53.00	58	Đạt
300	MN-300	Nguyễn Bé	Hai	Nam	01/01/1982	Bạc Liêu	40.25	68	Không đạt
301	MN-301	Lê Thị	Hai	Nữ	18/02/1992	Sóc Trăng	16.25	58	Không đạt
302	MN-302	Lâm Văn	Hai	Nam	02/12/1983	Bình Dương	28.50	60	Không đạt
303	MN-303	Nguyễn Đình	Hải	Nam	28/7/1959	Đồng Nai	25.00	64	Không đạt
304	MN-304	Lê Hoàng	Hải	Nam	26/6/1973	Long An	16.50	66	Không đạt
305	MN-305	Lê Hồng	Hải	Nam	02/12/1972	Đắk Nông	25.50	64	Không đạt
306	MN-306	Bạch Ngọc Lam	Hải	Nữ	07/02/1993	Tiền Giang	44.50	54	Không đạt
307	MN-307	Lưu Minh	Hải	Nam	04/8/1989	Bình Thuận	43.00	66	Không đạt
308	MN-308	Nguyễn Thị Minh	Hải	Nữ	19/8/1986	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	72	Đạt
309	MN-309	Võ Minh	Hải	Nam	20/11/1989	Bình Dương	24.75	50	Không đạt
310	MN-310	Lâm Hoàng Phi	Hải	Nam	27/6/1988	Cần Thơ	26.00	50	Không đạt
311	MN-311	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	02/9/1987	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	60	Đạt
312	MN-312	Hồ Thị Thanh	Hải	Nữ	30/4/1979	Bình Dương			Không đạt
313	MN-313	Phan Thị	Hải	Nữ	03/2/1988	Tiền Giang	40.00	60	Không đạt
314	MN-314	Võ Thị	Hải	Nữ	04/4/1995	Bình Phước	38.00	64	Không đạt
315	MN-315	Ngô Trọng	Hải	Nam	17/6/1988	Đồng Tháp	20.00	48	Không đạt
316	MN-316	Đinh Văn	Hải	Nam	21/11/1997	Bình Dương	23.38	54	Không đạt
317	MN-317	Tô Văn	Hải	Nam	29/10/1971	Tp. Hồ Chí Minh			Không đạt
318	MN-318	Bùi Việt	Hải	Nam	26/7/1990	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	76	Đạt
319	MN-319	Nguyễn Thế	Hạnh	Nam	10/12/1978	Bà Rịa - Vũng Tàu	20.50	48	Không đạt
320	MN-320	Trần Hồng	Hạnh	Nữ	17/12/1982	Tây Ninh	39.00	68	Không đạt
321	MN-321	Thái Thị Kiều	Hạnh	Nữ	11/7/1981	Cần Thơ	28.00	44	Không đạt
322	MN-322	Võ Thị Minh	Hạnh	Nữ	16/6/1981	Tp. Hồ Chí Minh	26.63	66	Không đạt
323	MN-323	Phùng Mỹ	Hạnh	Nữ	10/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	26.00	68	Không đạt
324	MN-324	Lê Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	24/01/1995	Bình Phước	31.00	28	Không đạt
325	MN-325	Son Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	15/3/1989	Lâm Đồng	17.00	54	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
326	MN-326	Lưu Tấn	Hạnh	Nam	08/7/1995	Tp. Hồ Chí Minh	39.50	74	Không đạt
327	MN-327	Kim Thị	Hạnh	Nữ	11/6/1977	Tây Ninh			Không đạt
328	MN-328	Nguyễn Đại	Hào	Nam	12/1/1994	Tây Ninh	38.00	78	Không đạt
329	MN-329	Nguyễn Thế	Hào	Nam	15/01/1975	Tp. Hồ Chí Minh	15.75	66	Không đạt
330	MN-330	Nguyễn Văn	Hào	Nam	11/5/1987	Bình Phước	12.75	36	Không đạt
331	MN-331	Huỳnh Thị	Hào	Nữ	14/10/1991	Cần Thơ	39.00	54	Không đạt
332	MN-332	Đỗ Thị Bích	Hằng	Nữ	18/5/1978	Tp. Hồ Chí Minh	8.00		Không đạt
333	MN-333	Nguyễn Thị Kim	Hằng	Nữ	20/5/1990	Tp. Hồ Chí Minh	44.75	78	Không đạt
334	MN-334	Thái Thị Kim	Hằng	Nữ	19/01/1992	Bình Dương	50.50	80	Đạt
335	MN-335	Huỳnh Thị Như	Hằng	Nữ	25/4/1978	Tp. Hồ Chí Minh	36.00	50	Không đạt
336	MN-336	Chữ Thị	Hằng	Nữ	28/5/1993	Tp. Hồ Chí Minh	36.88	82	Không đạt
337	MN-337	Huỳnh Thị	Hằng	Nữ	04/02/1984	Bình Thuận	20.00	40	Không đạt
338	MN-338	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	24/5/1982	Bình Thuận	19.25	28	Không đạt
339	MN-339	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	22/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	41.50	92	Không đạt
340	MN-340	Phạm Thị	Hằng	Nữ	04/02/1992	Lâm Đồng	35.88	52	Không đạt
341	MN-341	Phạm Thị	Hằng	Nữ	01/01/1983	Sóc Trăng	16.50	42	Không đạt
342	MN-342	Trình Thị	Hằng	Nữ	13/7/1992	Lâm Đồng	37.38	74	Không đạt
343	MN-343	Dương Thị Thu	Hằng	Nữ	09/9/1995	Đồng Nai	34.63	80	Không đạt
344	MN-344	Hà Thị Thu	Hằng	Nữ	18/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	40.38	70	Không đạt
345	MN-345	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	24/12/1968	Tp. Hồ Chí Minh	32.38	72	Không đạt
346	MN-346	Tổng Thuý	Hằng	Nữ	14/10/1997	Lâm Đồng	28.50	44	Không đạt
347	MN-347	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	Nữ	30/4/1998	Đồng Tháp	40.75	56	Không đạt
348	MN-348	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	23/10/1995	Long An	27.50	42	Không đạt
349	MN-349	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	22/5/1997	Tp. Hồ Chí Minh	42.50	68	Không đạt
350	MN-350	Lê Gia	Hân	Nữ	23/7/1998	Long An	30.00	50	Không đạt
351	MN-351	Nguyễn Khả	Hân	Nữ	18/02/1997	Vĩnh Long	30.88	62	Không đạt
352	MN-352	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	15/6/1989	Đồng Tháp	44.00	48	Không đạt
353	MN-353	Đặng Thị	Hân	Nữ	02/9/1990	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	68	Đạt
354	MN-354	Hồ Thị	Hân	Nữ	20/10/1989	Long An	31.50	50	Không đạt
355	MN-355	Thiều Thị	Hân	Nữ	20/6/1984	Tp. Hồ Chí Minh	28.50	54	Không đạt
356	MN-356	Trương Vũ	Hân	Nam	11/12/1984	Đồng Nai	26.75	50	Không đạt
357	MN-357	Phạm Thị Hồng	Hậu	Nữ	26/7/1994	Tây Ninh	41.50	60	Không đạt
358	MN-358	Nguyễn Kim	Hậu	Nữ	15/01/1992	Bình Thuận	43.00	60	Không đạt
359	MN-359	Hồ Văn	Hậu	Nam	10/01/1991	Bến Tre	38.75	74	Không đạt
360	MN-360	Lê Văn	Hậu	Nam	20/11/1997	Cần Thơ	50.13	90	Đạt
361	MN-361	Nguyễn Xuân	Hậu	Nam	11/01/1964	Bình Dương	17.38	34	Không đạt
362	MN-362	Vũ Thị	Hiền	Nữ	11/5/1991	Bình Dương	50.00	68	Đạt
363	MN-363	Tổng Thị Diệu	Hiền	Nữ	02/7/1982	Long An	29.50	66	Không đạt
364	MN-364	Mai Thị Ngọc	Hiền	Nữ	28/8/1976	Đồng Nai	39.25	42	Không đạt
365	MN-365	Vũ Thị Thái	Hiền	Nữ	3/10/1986	Đồng Nai	26.25	56	Không đạt
366	MN-366	Nguyễn Thanh	Hiền	Nữ	03/5/1986	Bình Dương	12.63	52	Không đạt
367	MN-367	Phạm Quang Thanh	Hiền	Nữ	03/6/1983	Bình Dương	31.50	70	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
368	MN-368	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	17/4/1994	Lâm Đồng	51.00	82	Đạt
369	MN-369	Dương Thu	Hiền	Nữ	29/6/1989	Tp. Hồ Chí Minh	38.00	64	Không đạt
370	MN-370	Thắm Thu	Hiền	Nữ	15/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	34.38	82	Không đạt
371	MN-371	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	20/02/1987	Tp. Hồ Chí Minh	27.88	52	Không đạt
372	MN-372	Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	15/10/1984	Bà Rịa - Vũng Tàu	42.75	60	Không đạt
373	MN-373	Phạm Thúy	Hiền	Nữ	22/3/1996	Tp. Hồ Chí Minh	29.38	76	Không đạt
374	MN-374	Trần Thúy	Hiền	Nữ	15/8/1985	Tp. Hồ Chí Minh	41.75	70	Không đạt
375	MN-375	Nguyễn Văn	Hiền	Nam	10/4/1975	Đồng Nai	23.00	68	Không đạt
376	MN-376	Hoàng Ngọc	Hiệp	Nam	24/12/1990	Đồng Nai	31.50	68	Không đạt
377	MN-377	Nguyễn Thị Như	Hiệp	Nữ	25/9/1984	Lâm Đồng	25.00	40	Không đạt
378	MN-378	Đường Tấn	Hiệp	Nam	22/11/1982	Bến Tre	33.25	46	Không đạt
379	MN-379	Thân Xuân	Hiệp	Nam	20/11/1976	Đồng Nai	20.50	36	Không đạt
380	MN-380	Nguyễn Doãn	Hiếu	Nam	20/6/1990	Tp. Hồ Chí Minh	30.25	70	Không đạt
381	MN-381	Mai Thanh	Hiếu	Nam	21/7/1992	Tp. Hồ Chí Minh	12.50	58	Không đạt
382	MN-382	Lê Thị Thanh	Hiếu	Nữ	15/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	37.75	74	Không đạt
383	MN-383	Ngô Thị Thanh	Hiếu	Nữ	29/02/1996	Tiền Giang	23.00	58	Không đạt
384	MN-384	Đào Thị	Hiếu	Nữ	03/5/1972	Tp. Hồ Chí Minh			Không đạt
385	MN-385	Trần Lê Trung	Hiếu	Nam	13/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh	23.13	60	Không đạt
386	MN-386	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	20/10/1990	Đồng Nai	31.25	56	Không đạt
387	MN-387	Phạm Văn	Hiếu	Nam	29/5/1975	Tp. Hồ Chí Minh	33.38	62	Không đạt
388	MN-388	Võ Văn	Hiếu	Nam	07/8/1990	Tp. Hồ Chí Minh	43.00	74	Không đạt
389	MN-389	Nguyễn Quang	Hiếu	Nam	28/11/1975	Bà Rịa - Vũng Tàu	27.88	66	Không đạt
390	MN-390	Dương Văn	Hiếu	Nam	05/11/1991	Bà Rịa - Vũng Tàu	38.75	86	Không đạt
391	MN-391	Đoàn Văn	Hình	Nam	16/6/1979	Bình Phước	26.13	54	Không đạt
392	MN-392	Lê Mai	Hoa	Nữ	06/9/1980	Tp. Hồ Chí Minh	28.00	66	Không đạt
393	MN-393	Phạm Thị Hồng	Hoa	Nữ	19/9/1985	Bến Tre	33.00	68	Không đạt
394	MN-394	Lê Thị Kim	Hoa	Nữ	14/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	63.25	74	Đạt
395	MN-395	Mai Thị Kim	Hoa	Nữ	20/9/1960	Tây Ninh	18.00	56	Không đạt
396	MN-396	Phạm Thị Kim	Hoa	Nữ	04/3/1992	Tây Ninh	43.00	70	Không đạt
397	MN-397	Huỳnh Văn Ngọc	Hoa	Nam	14/02/1991	Đồng Nai	47.00	78	Không đạt
398	MN-398	Lương Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	14/11/1989	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	70	Đạt
399	MN-399	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	02/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	45.50	62	Không đạt
400	MN-400	Lục Thị Thanh	Hoa	Nữ	10/10/1984	Kiên Giang	44.50	66	Không đạt
401	MN-401	Lưu Thị	Hoa	Nữ	13/3/1980	Đồng Nai	8.75	66	Không đạt
402	MN-402	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	20/01/1991	Tp. Hồ Chí Minh	40.00	70	Không đạt
403	MN-403	Huỳnh Hữu	Hoà	Nam	27/01/1997	Lâm Đồng	51.25	82	Đạt
404	MN-404	Nguyễn Duy	Hòa	Nam	15/3/1996	Tp. Hồ Chí Minh	60.13	76	Đạt
405	MN-405	Trần Hiệp	Hòa	Nam	10/6/1977	Tp. Hồ Chí Minh	27.00	52	Không đạt
406	MN-406	Nguyễn Lê Khánh	Hòa	Nam	15/12/1996	Bình Dương	40.50	64	Không đạt
407	MN-407	Hồ Thị Mỹ	Hòa	Nữ	14/10/1985	Tiền Giang	31.50	56	Không đạt
408	MN-408	Trần Thị Ngọc	Hòa	Nữ	10/11/1987	Bình Thuận	32.50	54	Không đạt
409	MN-409	Dương Châu Thái	Hòa	Nam	16/5/1996	Đồng Nai	36.00	68	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
410	MN-410	Trần Phạm Thái	Hòa	Nam	22/8/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	26.60	68	Không đạt
411	MN-411	Đặng Thị	Hòa	Nữ	16/6/1984	Bình Thuận	22.88	46	Không đạt
412	MN-412	Trịnh Thanh	Hoài	Nam	02/11/1989	Bình Dương	43.00	68	Không đạt
413	MN-413	Đinh Thị	Hoài	Nữ	10/2/1993	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	74	Đạt
414	MN-414	Đoàn Thị	Hoài	Nữ	06/7/1980	Lâm Đồng	36.00	56	Không đạt
415	MN-415	Trần Thị	Hoài	Nữ	02/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	37.50	66	Không đạt
416	MN-416	Lê Văn	Hoài	Nam	23/4/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	50.00	76	Đạt
417	MN-417	Thái Kim	Hoàn	Nữ	24/12/1991	Đồng Nai	33.00	72	Không đạt
418	MN-418	Thân Khải	Hoàn	Nam	08/8/1993	Đồng Nai	15.00	58	Không đạt
419	MN-419	Trần Chấn	Hoàng	Nam	02/01/1971	Cần Thơ	40.50	64	Không đạt
420	MN-420	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	18/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	35.50	70	Không đạt
421	MN-421	Phan Khánh	Hoàng	Nam	16/11/1983	Tp. Hồ Chí Minh	24.38	58	Không đạt
422	MN-422	Tăng Long	Hoàng	Nam	02/12/1988	Kiên Giang	21.50	64	Không đạt
423	MN-423	Lê Minh	Hoàng	Nam	15/7/1975	Cần Thơ	18.00	48	Không đạt
424	MN-424	Nguyễn Thiện	Hoàng	Nam	25/01/1993	Đồng Nai	10.88	44	Không đạt
425	MN-425	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	20/02/1978	An Giang	34.38	74	Không đạt
426	MN-426	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	02/4/1991	Bà Rịa - Vũng Tàu			Không đạt
427	MN-427	Nguyễn Xuân	Hoàng	Nam	08/10/1984	Bà Rịa - Vũng Tàu	18.88	44	Không đạt
428	MN-428	Nguyễn Long	Hồ	Nam	01/12/1993	Đồng Tháp	28.88	68	Không đạt
429	MN-429	Trần Đông	Hồ	Nam	16/7/1987	Kiên Giang	28.25	62	Không đạt
430	MN-430	Bùi Thị Ánh	Hồng	Nữ	22/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	51.38	74	Đạt
431	MN-431	Lê Thị Ánh	Hồng	Nữ	17/5/1977	Tp. Hồ Chí Minh	25.88	50	Không đạt
432	MN-432	Nguyễn Kim	Hồng	Nữ	07/2/1993	Tp. Hồ Chí Minh	19.75	62	Không đạt
433	MN-433	La	Hồng	Nam	05/7/1963	An Giang	27.00	64	Không đạt
434	MN-434	Lê Đăng Minh	Hồng	Nam	09/6/1992	Lâm Đồng	31.00	52	Không đạt
435	MN-435	Dương Thị Mỹ	Hồng	Nữ	08/12/1973	Cần Thơ	8.50	46	Không đạt
436	MN-436	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	07/4/1995	Bình Phước			Không đạt
437	MN-437	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	12/6/1988	Đồng Nai	12.50	52	Không đạt
438	MN-438	Trần Thị	Hồng	Nữ	20/02/1991	Bình Dương			Không đạt
439	MN-439	Vũ Thị	Hồng	Nữ	11/11/1988	Kiên Giang	29.25	58	Không đạt
440	MN-440	Đông Thu	Hồng	Nữ	24/4/1966	Tây Ninh	5.00	38	Không đạt
441	MN-441	Đỗ Thị Thúy	Hồng	Nữ	04/4/1987	Tây Ninh	33.50	50	Không đạt
442	MN-442	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	Nữ	19/6/1981	Bình Dương	18.38	40	Không đạt
443	MN-443	Nguyễn Công	Huân	Nam	27/3/1984	Bà Rịa - Vũng Tàu	33.50	80	Không đạt
444	MN-444	Vương Đức	Huân	Nam	23/11/1993	Tp. Hồ Chí Minh	24.63	82	Không đạt
445	MN-445	Tân Hương	Huê	Nữ	26/12/1980	Đồng Nai	8.50	44	Không đạt
446	MN-446	Hà Hoa	Huê	Nữ	09/01/1990	Đồng Nai	17.50	44	Không đạt
447	MN-447	Nguyễn Thị Thu	Huê	Nữ	05/10/1987	Long An	25.75	62	Không đạt
448	MN-448	Chung Văn	Huê	Nam	11/11/1991	Trà Vinh	14.25	46	Không đạt
449	MN-449	Nguyễn Anh	Hùng	Nam	08/8/1979	Tp. Hồ Chí Minh	11.75	58	Không đạt
450	MN-450	Trần Phúc	Hùng	Nam	10/8/1989	Bà Rịa - Vũng Tàu	21.88	64	Không đạt
451	MN-451	Đỗ Phương	Hùng	Nam	23/12/1982	Cần Thơ	20.00	62	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
452	MN-452	Lê Tiến	Hùng	Nam	19/10/1993	Tp. Hồ Chí Minh	37.75	82	Không đạt
453	MN-453	Nguyễn Tý	Hùng	Nam	10/12/1990	Đồng Tháp	10.38	52	Không đạt
454	MN-454	Lê Thiết	Hùng	Nam	31/10/1969	Tp. Hồ Chí Minh	18.13	74	Không đạt
455	MN-455	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	09/10/1981	Cần Thơ	31.00	60	Không đạt
456	MN-456	Nguyễn Việt	Hùng	Nam	24/7/1967	Long An	19.63	44	Không đạt
457	MN-457	Nguyễn Xuân	Hùng	Nam	27/5/1985	Bình Phước	2.50		Không đạt
458	MN-458	Nguyễn Đăng	Huy	Nam	14/9/1982	Bình Thuận	21.00	46	Không đạt
459	MN-459	Nguyễn Đức	Huy	Nam	23/4/1995	Bình Thuận	35.38	76	Không đạt
460	MN-460	Nguyễn Đức	Huy	Nam	12/7/1997	Long An	22.38	66	Không đạt
461	MN-461	Huỳnh Gia	Huy	Nam	01/11/1991	Long An	25.25	38	Không đạt
462	MN-462	Nguyễn Minh	Huy	Nam	06/6/1995	An Giang	38.13	52	Không đạt
463	MN-463	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	16/11/1980	Tp. Hồ Chí Minh	38.25	54	Không đạt
464	MN-464	Võ Thế	Huy	Nam	20/6/1983	Trà Vinh	7.75	56	Không đạt
465	MN-465	Lê Văn	Huy	Nam	05/6/1987	Bình Phước	33.25	52	Không đạt
466	MN-466	Nguyễn Văn	Huy	Nam	11/5/1994	Tp. Hồ Chí Minh	37.50	60	Không đạt
467	MN-467	Lê Vũ	Huy	Nam	07/5/1992	Bình Thuận	39.00	70	Không đạt
468	MN-468	Nguyễn Vũ	Huy	Nam	25/4/1993	Long An	38.00	84	Không đạt
469	MN-469	Lê Thị Ngọc	Huyền	Nữ	07/10/1990	Bình Thuận	17.25	50	Không đạt
470	MN-470	Phạm Thị	Huyền	Nữ	29/8/1994	Đắk Nông	30.25	58	Không đạt
471	MN-471	Đoàn Thị Kim	Huyền	Nữ	05/2/1995	Tp. Hồ Chí Minh	48.00	80	Không đạt
472	MN-472	Hoàng Thanh	Huyền	Nữ	18/6/1984	Tp. Hồ Chí Minh	37.75	68	Không đạt
473	MN-473	Thái Thanh	Huyền	Nữ	19/3/1978	Tp. Hồ Chí Minh	41.63	68	Không đạt
474	MN-474	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	21/02/1995	Bình Dương	36.75	58	Không đạt
475	MN-475	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	26/8/1990	Đồng Nai	39.75	50	Không đạt
476	MN-476	Lê Thị	Huyền	Nữ	16/11/1991	Đắk Nông	36.25	60	Không đạt
477	MN-477	Văn Thị	Huyền	Nữ	06/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	74	Đạt
478	MN-478	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	12/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	35.75	66	Không đạt
479	MN-479	Hoàng Thị Thu	Huyền	Nữ	01/11/1986	Đắk Nông	35.88	48	Không đạt
480	MN-480	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	10/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	43.50	80	Không đạt
481	MN-481	Trương Thị Vũ	Huyền	Nữ	19/11/1990	Bạc Liêu			Không đạt
482	MN-482	Nguyễn Văn	Huyền	Nam	08/6/1970	Lâm Đồng	22.13	62	Không đạt
483	MN-483	Cao	Huỳnh	Nam	09/10/1984	Long An	37.50	42	Không đạt
484	MN-484	Nguyễn Thị Diễm	Huỳnh	Nữ	16/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	51.13	78	Đạt
485	MN-485	Lê Thị Như	Huỳnh	Nữ	08/9/1991	Bạc Liêu	37.63	42	Không đạt
486	MN-486	Phạm Duy	Hung	Nam	22/9/1966	Tp. Hồ Chí Minh	32.75	70	Không đạt
487	MN-487	Nguyễn Đình	Hung	Nam	05/01/1974	Bà Rịa - Vũng Tàu	28.25	64	Không đạt
488	MN-488	Lê Hồng	Hung	Nam	02/9/1975	Tp. Hồ Chí Minh	38.63	76	Không đạt
489	MN-489	Nguyễn Phong	Hung	Nam	18/5/1995	Cần Thơ	48.00	84	Không đạt
490	MN-490	Nguyễn Văn	Hung	Nam	01/5/1991	Bà Rịa - Vũng Tàu	50.75	76	Đạt
491	MN-491	Nguyễn Văn	Hung	Nam	14/9/1990	Bình Phước	37.00	46	Không đạt
492	MN-492	Nguyễn Thị Diễm	Huong	Nữ	17/02/1990	Tp. Hồ Chí Minh	36.75	70	Không đạt
493	MN-493	Hà Thị Hồng	Huong	Nữ	13/10/1984	Tp. Hồ Chí Minh	28.88	60	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
494	MN-494	Nguyễn Thị Kim	Hương	Nữ	05/3/1966	Tây Ninh	35.00	64	Không đạt
495	MN-495	Phạm Lan	Hương	Nữ	25/11/1983	Tp. Hồ Chí Minh	35.50	58	Không đạt
496	MN-496	Lê Thị Lan	Hương	Nữ	01/10/1973	Tp. Hồ Chí Minh	30.25	58	Không đạt
497	MN-497	Lê Thị Thanh	Hương	Nữ	10/9/1985	Tp. Hồ Chí Minh	34.00	78	Không đạt
498	MN-498	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	28/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	38.63	88	Không đạt
499	MN-499	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	15/4/1982	Tp. Hồ Chí Minh	11.25	50	Không đạt
500	MN-500	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	21/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	92	Đạt
501	MN-501	Lê Thị	Hương	Nữ	13/3/1984	Bình Dương	29.25	78	Không đạt
502	MN-502	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	03/4/1984	Bình Thuận	17.13	36	Không đạt
503	MN-503	Phạm Thị	Hương	Nữ	15/7/1994	Bình Phước	39.75	64	Không đạt
504	MN-504	Trịnh Thị	Hương	Nữ	20/8/1965	Tp. Hồ Chí Minh	11.00	42	Không đạt
505	MN-505	Trần Thị Thiên	Hương	Nữ	08/6/1966	Hậu Giang	11.38	52	Không đạt
506	MN-506	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	07/02/1985	Tp. Hồ Chí Minh	16.75	58	Không đạt
507	MN-507	Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	08/9/1996	Cần Thơ	20.63	84	Không đạt
508	MN-508	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	20/3/1984	Long An	20.63	50	Không đạt
509	MN-509	Lê Thị Xuân	Hương	Nữ	20/8/1978	Tp. Hồ Chí Minh	18.00	66	Không đạt
510	MN-510	Đỗ Thị	Hương	Nữ	10/01/1993	Bình Phước	35.38	68	Không đạt
511	MN-511	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	18/7/1987	Tp. Hồ Chí Minh	40.13	68	Không đạt
512	MN-512	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	31/12/1984	Tp. Hồ Chí Minh	16.00	50	Không đạt
513	MN-513	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	20/9/1983	Đắk Nông	8.63	48	Không đạt
514	MN-514	Nguyễn Quang	Hương	Nam	19/8/1987	Đắk Nông	29.63	68	Không đạt
515	MN-515	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	16/11/1989	Bến Tre	38.50	80	Không đạt
516	MN-516	Nguyễn Thế	Hữu	Nam	03/6/1972	Cần Thơ	13.38	62	Không đạt
517	MN-517	Đào Trung	Kiên	Nam	06/7/1967	Long An	5.63	40	Không đạt
518	MN-518	Hoa Ngô Trung	Kiên	Nam	21/9/1994	Long An	6.75	42	Không đạt
519	MN-519	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	28/8/1982	Long An	3.00	42	Không đạt
520	MN-520	Triệu Tuấn	Kiệt	Nam	07/3/1990	Sóc Trăng	16.50	48	Không đạt
521	MN-521	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	Nữ	18/8/1993	Đồng Nai	35.75	84	Không đạt
522	MN-522	Trần Thị Lộc	Kiều	Nữ	03/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	51.88	70	Đạt
523	MN-523	Trần Thị Ngọc	Kiều	Nữ	15/9/1980	Bà Rịa - Vũng Tàu	37.50	64	Không đạt
524	MN-524	Bùi Thị	Kiều	Nữ	02/4/1985	Cần Thơ	50.63	76	Đạt
525	MN-525	Cao Thị Mỹ	Kim	Nữ	06/6/1996	Bình Dương	26.88	64	Không đạt
526	MN-526	Nèang Sóc	Kim	Nữ	03/8/1989	Long An	24.38	74	Không đạt
527	MN-527	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	Nữ	31/7/1998	Lâm Đồng	38.00	46	Không đạt
528	MN-528	Trà Thanh	Kính	Nam	19/01/1987	Bình Phước	28.75	60	Không đạt
529	MN-529	Y Phích	Ktla	Nam	09/5/1994	Tp. Hồ Chí Minh	40.50	68	Không đạt
530	MN-530	Nguyễn Minh	Khá	Nam	05/10/1988	Kiên Giang	27.25	72	Không đạt
531	MN-531	Nguyễn Hoàng	Khải	Nam	28/5/1985	Hậu Giang	30.50	62	Không đạt
532	MN-532	Hà Thanh	Khải	Nam	04/4/1985	Hậu Giang	29.38	56	Không đạt
533	MN-533	Đặng Duy	Khanh	Nam	17/9/1984	Tp. Hồ Chí Minh	34.63	68	Không đạt
534	MN-534	Hoàng	Khanh	Nam	01/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	35.38	64	Không đạt
535	MN-535	Lê Hồng	Khanh	Nam	12/11/1989	Vĩnh Long	27.25	62	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
536	MN-536	Đỗ Nguyễn Minh	Khanh	Nữ	06/7/1997	Tp. Hồ Chí Minh	26.00	52	Không đạt
537	MN-537	Nguyễn Huỳnh Trúc	Khanh	Nữ	17/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	39.88	90	Không đạt
538	MN-538	Hồ Nguyễn Hoàng	Khánh	Nam	08/9/1995	Cần Thơ	52.00	82	Đạt
539	MN-539	Trương Hồng	Khánh	Nữ	07/7/1987	Đồng Nai	38.25	48	Không đạt
540	MN-540	Liêu Hữu	Khánh	Nam	15/9/1992	Tp. Hồ Chí Minh	33.50	70	Không đạt
541	MN-541	Phan Minh	Khánh	Nam	01/02/1985	Tp. Hồ Chí Minh	46.00	62	Không đạt
542	MN-542	Hà Hoàng Ngọc	Khánh	Nữ	25/3/1986	Bà Rịa - Vũng Tàu	32.50	58	Không đạt
543	MN-543	Chế Quang	Khánh	Nam	25/4/1994	Lâm Đồng	53.00	82	Đạt
544	MN-544	Kim Văn	Khánh	Nam	17/11/1996	Lâm Đồng	32.88	70	Không đạt
545	MN-545	Nguyễn Văn	Khánh	Nam	10/5/1992	Long An	35.50	52	Không đạt
546	MN-546	Đặng Vũ	Khánh	Nam	23/02/1996	Tây Ninh	43.13	62	Không đạt
547	MN-547	Trần Anh	Khoa	Nam	11/6/1989	Tp. Hồ Chí Minh	30.00	56	Không đạt
548	MN-548	Lữ Thái Đăng	Khoa	Nam	22/10/1987	Bình Thuận	9.00	50	Không đạt
549	MN-549	Nguyễn Thị Hoàng	Khoa	Nữ	07/3/1987	Tp. Hồ Chí Minh	31.25	64	Không đạt
550	MN-550	Nguyễn Minh	Khoa	Nam	04/4/1981	Đồng Nai	12.25	56	Không đạt
551	MN-551	Trần Đình	Khoái	Nam	05/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	33.38	88	Không đạt
552	MN-552	Nguyễn Văn	Khoái	Nam	05/4/1996	Đắk Nông	30.13	46	Không đạt
553	MN-553	Trần Thị Kim	Khôe	Nữ	17/11/1994	Cần Thơ	35.00	50	Không đạt
554	MN-554	Trịnh Ngọc Anh	Khôi	Nam	13/01/1984	Tp. Hồ Chí Minh	34.00	74	Không đạt
555	MN-555	Nguyễn Thị Bảo	Khuyên	Nữ	15/10/1994	Đắk Nông	31.63	60	Không đạt
556	MN-556	Trần Thị	Khuyên	Nữ	04/1/1980	Cần Thơ	25.00	62	Không đạt
557	MN-557	Bùi Ngọc	Khuyến	Nữ	20/3/1991	Cần Thơ	33.25	58	Không đạt
558	MN-558	Dương An	Khuong	Nam	22/6/1992	Bình Dương	37.75	56	Không đạt
559	MN-559	Trần Duy	Khuong	Nam	14/9/1979	Tp. Hồ Chí Minh	17.38	66	Không đạt
560	MN-560	Lương Diễm	Lam	Nữ	05/6/1993	Cà Mau	50.63	76	Đạt
561	MN-561	Đàm Thị Mỹ	Lan	Nữ	04/4/1994	Lâm Đồng	50.88	72	Đạt
562	MN-562	Ngô Ngọc Phương	Lan	Nữ	18/7/1993	Tiền Giang	14.50	52	Không đạt
563	MN-563	Dương Thị	Lan	Nữ	09/9/1987	Bà Rịa - Vũng Tàu	38.75	74	Không đạt
564	MN-564	Ngô Minh	Lâm	Nam	14/10/1989	Tp. Hồ Chí Minh	25.63	64	Không đạt
565	MN-565	Huỳnh Ngọc	Lâm	Nam	22/8/1975	Tp. Hồ Chí Minh	34.00	72	Không đạt
566	MN-566	Nguyễn Quang	Lâm	Nam	21/6/1994	Đắk Nông	25.13	62	Không đạt
567	MN-567	Cao Xuân	Lâm	Nam	15/10/1962	Trà Vinh	28.25	40	Không đạt
568	MN-568	Lữ Thạch	Lân	Nam	04/11/1996	Lâm Đồng	24.50	56	Không đạt
569	MN-569	Nguyễn Thị Lê	Lê	Nữ	10/3/1994	Tp. Hồ Chí Minh	33.75	80	Không đạt
570	MN-570	Trần Thị	Lê	Nữ	01/02/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	53.50	74	Đạt
571	MN-571	Phạm Mỹ	Lệ	Nữ	16/01/1992	Tp. Hồ Chí Minh	38.50	62	Không đạt
572	MN-572	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	Nữ	16/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	35.88	76	Không đạt
573	MN-573	Trương Thị Mỹ	Lệ	Nữ	06/3/1985	Tp. Hồ Chí Minh	51.50	68	Đạt
574	MN-574	Cao Thu	Lệ	Nữ	22/02/1992	Bình Thuận	11.50	56	Không đạt
575	MN-575	Lê Thị Ngọc	Liêm	Nữ	08/3/1992	Bình Thuận			Không đạt
576	MN-576	Nguyễn Thanh	Liêm	Nam	19/5/1984	Tp. Hồ Chí Minh	16.25	48	Không đạt
577	MN-577	Nguyễn Thới	Liêm	Nam	28/11/1992	Đồng Nai	20.88	58	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
578	MN-578	Đào Thị Kim	Liên	Nữ	28/11/1995	Đồng Nai	51.38	64	Đạt
579	MN-579	Phan Thị Mai	Liên	Nữ	15/11/1980	Tp. Hồ Chí Minh	33.25	58	Không đạt
580	MN-580	Đàm Thị	Liên	Nữ	10/12/1992	Đồng Nai	34.75	72	Không đạt
581	MN-581	Đỗ Thị	Liên	Nữ	15/10/1988	Đồng Nai	51.13	78	Đạt
582	MN-582	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	30/10/1979	Long An			Không đạt
583	MN-583	Trương Hoàng Thùy	Liên	Nữ	31/01/1978	Bình Thuận	28.13	62	Không đạt
584	MN-584	Lê Thị Bích	Liễu	Nữ	09/12/1967	Tp. Hồ Chí Minh	21.75	32	Không đạt
585	MN-585	Phùng Chí	Linh	Nam	14/3/1978	Bà Rịa - Vũng Tàu	15.13	60	Không đạt
586	MN-586	Nguyễn Duy	Linh	Nam	22/02/1993	Lâm Đồng			Không đạt
587	MN-587	Võ Ngọc Hà	Linh	Nữ	29/7/1995	Lâm Đồng	40.50	74	Không đạt
588	MN-588	Nguyễn Thị Hoàng	Linh	Nữ	30/6/1993	Bình Dương	36.63	78	Không đạt
589	MN-589	Hoàng Khánh	Linh	Nữ	06/11/1995	Đắk Nông	16.63	58	Không đạt
590	MN-590	Mạch Thị Khánh	Linh	Nữ	20/12/1994	Bình Phước	33.63	88	Không đạt
591	MN-591	Trịnh Vân Khánh	Linh	Nữ	02/10/1990	Tp. Hồ Chí Minh	29.25	68	Không đạt
592	MN-592	Hoàng Mỹ	Linh	Nữ	12/8/1993	Bình Phước	52.63	78	Đạt
593	MN-593	Đặng Thị Mỹ	Linh	Nữ	14/01/1982	Tp. Hồ Chí Minh	25.63	46	Không đạt
594	MN-594	Võ Thị Mỹ	Linh	Nữ	25/6/1997	Tp. Hồ Chí Minh	21.75	52	Không đạt
595	MN-595	Nguyễn Như Ngọc	Linh	Nữ	27/8/1997	Tp. Hồ Chí Minh	52.13	72	Đạt
596	MN-596	Lê Thị Ngọc	Linh	Nữ	09/12/1982	Đồng Tháp	15.25	62	Không đạt
597	MN-597	Lê Nguyễn Phương	Linh	Nữ	07/01/1994	Tp. Hồ Chí Minh	31.00	84	Không đạt
598	MN-598	Dương Thị Phương	Linh	Nữ	07/8/1993	Cần Thơ	38.38	52	Không đạt
599	MN-599	Lê Thị	Linh	Nữ	23/8/1984	Tp. Hồ Chí Minh	16.13	54	Không đạt
600	MN-600	Phạm Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	07/01/1989	Bình Dương	37.00	80	Không đạt
601	MN-601	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	22/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	40.00	68	Không đạt
602	MN-602	Cao Thị Thùy	Linh	Nữ	15/8/1982	Cần Thơ	27.00	46	Không đạt
603	MN-603	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	25/9/1993	Bình Dương	55.00	82	Đạt
604	MN-604	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	12/6/1990	Cần Thơ	20.00	44	Không đạt
605	MN-605	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	10/11/1984	Long An	29.88	60	Không đạt
606	MN-606	Nguyễn Trọng	Linh	Nam	10/6/1996	Bình Thuận	30.00	62	Không đạt
607	MN-607	Đoàn Thị Trúc	Linh	Nữ	01/6/1995	Tiền Giang	30.38	54	Không đạt
608	MN-608	Hồ Thị Trúc	Linh	Nữ	13/8/1987	Tp. Hồ Chí Minh	23.50	72	Không đạt
609	MN-609	Nguyễn Thị Trúc	Linh	Nữ	05/9/1993	Cần Thơ	21.50	52	Không đạt
610	MN-610	Phạm Thị Trúc	Linh	Nữ	10/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	40.00	74	Không đạt
611	MN-611	Phạm Thị Vỹ	Linh	Nữ	01/01/1979	Cần Thơ	29.63	70	Không đạt
612	MN-612	Phan Đình Hồng	Linh	Nam	29/4/1997	Tp. Hồ Chí Minh	23.63	74	Không đạt
613	MN-613	Võ Hồng	Linh	Nữ	19/4/1989	Cần Thơ	35.13	70	Không đạt
614	MN-614	Đậu Khắc	Linh	Nam	19/02/1992	Đồng Nai	30.38	78	Không đạt
615	MN-615	Đặng Cẩm	Loan	Nữ	19/5/1987	Tp. Hồ Chí Minh	21.13	36	Không đạt
616	MN-616	Đặng Thị Hồng	Loan	Nữ	13/9/1972	Đồng Nai	15.50	50	Không đạt
617	MN-617	Lê Thị Phương	Loan	Nữ	23/11/1988	An Giang	22.00	54	Không đạt
618	MN-618	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	03/10/1982	Sóc Trăng	14.13	36	Không đạt
619	MN-619	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	14/11/1993	Tp. Hồ Chí Minh	37.38	74	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
620	MN-620	Huỳnh Đức	Long	Nam	18/10/1991	Lâm Đồng	30.63	64	Không đạt
621	MN-621	Nguyễn Đức	Long	Nam	29/4/1995	Bình Dương	53.13	54	Đạt
622	MN-622	Thái Hoàng	Long	Nam	14/12/1995	Bình Dương	39.63	52	Không đạt
623	MN-623	Nguyễn Kim	Long	Nam	10/9/1991	Tp. Hồ Chí Minh	28.88	68	Không đạt
624	MN-624	Nguyễn Phước	Long	Nam	08/01/1994	Bình Phước	41.38	66	Không đạt
625	MN-625	Lê Sỹ	Long	Nam	21/6/1982	Bình Dương	19.38	64	Không đạt
626	MN-626	Phạm Tâm	Long	Nam	10/01/1989	Đồng Nai			Không đạt
627	MN-627	Trần Thanh	Long	Nam	01/3/1995	Cần Thơ	33.63	62	Không đạt
628	MN-628	Tiết Thiên	Long	Nam	24/11/1973	Tp. Hồ Chí Minh	29.25	62	Không đạt
629	MN-629	Trần Thái	Lộc	Nam	02/12/1992	Đồng Nai	38.00	72	Không đạt
630	MN-630	Hoàng Thị	Lộc	Nữ	15/12/1990	Tp. Hồ Chí Minh	53.38	80	Đạt
631	MN-631	Nguyễn Thị	Lộc	Nữ	25/02/1996	Bình Dương	33.13	70	Không đạt
632	MN-632	Nguyễn Ngọc	Lời	Nam	05/02/1992	Tp. Hồ Chí Minh	52.38	68	Đạt
633	MN-633	Nguyễn Khắc	Lợi	Nam	25/01/1981	Tp. Hồ Chí Minh	11.75	58	Không đạt
634	MN-634	Lưu Quốc	Lợi	Nam	06/02/1989	Bạc Liêu	31.13	72	Không đạt
635	MN-635	Phùng Quốc	Lợi	Nam	07/02/1980	Tây Ninh	23.63	60	Không đạt
636	MN-636	Ngô Thị	Lợi	Nữ	16/01/1975	Bình Phước	30.00	64	Không đạt
637	MN-637	Nguyễn Thị	Lựa	Nữ	25/5/1991	Tp. Hồ Chí Minh	25.75	78	Không đạt
638	MN-638	Nông Đức	Luân	Nam	18/02/1986	Đồng Nai	21.63	86	Không đạt
639	MN-639	Võ Huỳnh Thanh	Luân	Nam	13/6/1982	Bình Thuận	19.38	52	Không đạt
640	MN-640	Đặng Văn	Luân	Nam	07/5/1995	Cần Thơ	12.50	48	Không đạt
641	MN-641	Đồng Thanh	Luận	Nam	01/01/1996	Bình Dương	50.38	80	Đạt
642	MN-642	Nguyễn Thị Thảo	Luận	Nữ	03/02/1994	Lâm Đồng	36.38	60	Không đạt
643	MN-643	Đặng Thị Hồng	Luyện	Nữ	25/5/1987	Bến Tre	28.50	60	Không đạt
644	MN-644	Nguyễn Thị	Luyện	Nữ	02/10/1990	Tp. Hồ Chí Minh	28.75	60	Không đạt
645	MN-645	Phạm Thị	Luyện	Nữ	10/11/1993	Bình Dương	42.88	84	Không đạt
646	MN-646	Trương Thị	Luyện	Nữ	02/02/1989	Đồng Nai	34.63	72	Không đạt
647	MN-647	Nguyễn Văn	Luyện	Nam	03/11/1990	Tp. Hồ Chí Minh	37.25	62	Không đạt
648	MN-648	Nguyễn Hữu	Lực	Nam	20/11/1990	Bình Dương	52.25	76	Đạt
649	MN-649	Trần Quốc	Lực	Nam	15/10/1994	Đắk Nông	50.50	82	Đạt
650	MN-650	Nguyễn Văn	Lực	Nam	16/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	33.50	70	Không đạt
651	MN-651	Trần Văn	Lượng	Nam	16/4/1987	Tiền Giang	28.00	58	Không đạt
652	MN-652	Nguyễn Bá	Lương	Nam	10/4/1988	Cần Thơ	26.25	46	Không đạt
653	MN-653	Hoàng Đình	Lương	Nam	19/4/1994	Đồng Nai	20.25	56	Không đạt
654	MN-654	Nguyễn Hoàng	Lưu	Nam	28/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	31.75	64	Không đạt
655	MN-655	Trần Thị	Lựu	Nữ	20/3/1993	Cần Thơ	17.25	54	Không đạt
656	MN-656	Nguyễn Thị Hương	Ly	Nữ	07/8/1979	Bà Rịa - Vũng Tàu	17.75	58	Không đạt
657	MN-657	Chế Thị Mỹ	Ly	Nữ	02/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	38.88	74	Không đạt
658	MN-658	Nguyễn Thảo	Ly	Nữ	04/3/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu			Không đạt
659	MN-659	Đỗ Thị Trúc	Ly	Nữ	13/6/1992	Cần Thơ	30.38	28	Không đạt
660	MN-660	Trần Thị Trúc	Ly	Nữ	03/01/1988	Bến Tre	36.63	46	Không đạt
661	MN-661	Phan Công	Lý	Nam	06/4/1991	Long An	30.63	52	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
662	MN-662	Trần Hải	Lý	Nữ	13/6/1984	Tp. Hồ Chí Minh	31.25	68	Không đạt
663	MN-663	Trần Thị Hoa	Lý	Nữ	15/9/1995	Tp. Hồ Chí Minh	37.38	72	Không đạt
664	MN-664	Vũ Thị Hoàng	Mai	Nữ	18/01/1988	Đồng Nai	38.00	58	Không đạt
665	MN-665	Nguyễn Thị Huyền	Mai	Nữ	29/12/1997	Bình Dương	33.75	78	Không đạt
666	MN-666	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	03/8/1994	Tp. Hồ Chí Minh	52.88	68	Đạt
667	MN-667	Bùi Thị Ngọc	Mai	Nữ	07/02/1986	Cần Thơ	50.75	74	Đạt
668	MN-668	Đào Thị Phương	Mai	Nữ	20/9/1990	Tp. Hồ Chí Minh	50.88	80	Đạt
669	MN-669	Hà Thị Tuyết	Mai	Nữ	07/7/1995	Tp. Hồ Chí Minh	50.13	78	Đạt
670	MN-670	Trịnh Từ	Mai	Nam	22/7/1960	Bà Rịa - Vũng Tàu	16.63	52	Không đạt
671	MN-671	Hoàng Thị	Mai	Nữ	22/5/1985	Long An	65.00	88	Đạt
672	MN-672	Phạm Thị	Mai	Nữ	11/7/1985	Tây Ninh	20.50	40	Không đạt
673	MN-673	Nguyễn Thị Trúc	Mai	Nữ	31/10/1985	Bình Dương	59.00	58	Đạt
674	MN-674	Nguyễn Thị Xuân	Mai	Nữ	27/10/1994	Tây Ninh	27.50	48	Không đạt
675	MN-675	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	25/10/1976	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	60	Đạt
676	MN-676	Ngô Hoàng	Mẫn	Nam	20/7/1993	Tp. Hồ Chí Minh	28.00	56	Không đạt
677	MN-677	Nông Thị Trà	Mi	Nữ	21/12/1989	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	70	Đạt
678	MN-678	Đinh Thị Bảo	Minh	Nữ	04/10/1989	Bình Phước	59.50	68	Đạt
679	MN-679	Lại Thị Bình	Minh	Nữ	27/8/1975	Tp. Hồ Chí Minh			Không đạt
680	MN-680	Chiêm Duy	Minh	Nam	07/01/1966	Kiên Giang			Không đạt
681	MN-681	Trần Hoài	Minh	Nam	29/11/1972	Tây Ninh			Không đạt
682	MN-682	Nguyễn Hoàng	Minh	Nữ	25/7/1993	Bình Thuận	15.00	40	Không đạt
683	MN-683	Trịnh Hoàng	Minh	Nam	20/8/1983	Tp. Hồ Chí Minh	38.50	58	Không đạt
684	MN-684	Cao Nguyễn Nhật	Minh	Nam	18/7/1992	Lâm Đồng	28.00		Không đạt
685	MN-685	Trần Quang	Minh	Nam	17/10/1999	Lâm Đồng	53.50	62	Đạt
686	MN-686	Nguyễn Thị Quế	Minh	Nữ	26/3/1992	Bình Dương	51.00	70	Đạt
687	MN-687	Lê Thị Tuyết	Minh	Nữ	27/11/1976	Bình Thuận	14.50	44	Không đạt
688	MN-688	Lê Thị	Minh	Nữ	14/5/1984	Tp. Hồ Chí Minh	17.00	46	Không đạt
689	MN-689	Lưu Thị	Minh	Nữ	26/8/1997	Bình Dương	51.00	76	Đạt
690	MN-690	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	04/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh			Không đạt
691	MN-691	Phạm Xuân	Minh	Nam	12/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	38.00	66	Không đạt
692	MN-692	Nguyễn Thị	Mộng	Nữ	28/10/1978	Tp. Hồ Chí Minh	34.00	44	Không đạt
693	MN-693	Nguyễn Thị Kiều	Mơ	Nữ	24/7/1985	Tp. Hồ Chí Minh	40.00	54	Không đạt
694	MN-694	Phạm Thị Thúy	Mơ	Nữ	12/12/1984	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	70	Đạt
695	MN-695	Nguyễn Thị	Mùi	Nữ	19/3/1991	Long An	69.00	92	Đạt
696	MN-696	Mai Đức	Mùng	Nam	10/3/1993	Bình Phước	43.25	56	Không đạt
697	MN-697	Hồ Văn	Mùng	Nam	28/01/1997	Cần Thơ	52.00	68	Đạt
698	MN-698	Đinh Danh	Mười	Nam	10/10/1988	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	68	Đạt
699	MN-699	Lê Hoàng Diễm	My	Nữ	07/11/1993	Tp. Hồ Chí Minh	34.00	52	Không đạt
700	MN-700	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	19/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	66	Đạt
701	MN-701	Hoàng Nguyễn Hà	My	Nữ	21/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	51.38	56	Đạt
702	MN-702	Nguyễn Thị	My	Nữ	12/4/1997	Lâm Đồng	54.50	72	Đạt
703	MN-703	Trần Thị	My	Nữ	02/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	54.25	70	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
704	MN-704	Nguyễn Thị Kim	Mỹ	Nữ	29/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	60	Đạt
705	MN-705	Cái Thị	Mỹ	Nữ	22/8/1995	Tp. Hồ Chí Minh	37.50	84	Không đạt
706	MN-706	Đặng Văn	Mỹ	Nam	12/12/1976	Bình Phước	21.63	56	Không đạt
707	MN-707	Khuất Đại	Nam	Nam	02/02/1968	Đồng Nai			Không đạt
708	MN-708	Nguyễn Hải	Nam	Nam	20/12/1996	Cà Mau	24.25	60	Không đạt
709	MN-709	Nguyễn Hải	Nam	Nam	22/12/1976	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	58	Đạt
710	MN-710	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	15/3/1980	Lâm Đồng	18.50	52	Không đạt
711	MN-711	Vương Thị Phương	Nam	Nữ	30/12/1990	Tây Ninh	57.75	70	Đạt
712	MN-712	Thái Quốc	Nam	Nam	07/3/1993	Tp. Hồ Chí Minh	57.50	74	Đạt
713	MN-713	Trần Quốc	Nam	Nam	28/5/1983	Bình Dương	37.38	70	Không đạt
714	MN-714	Nguyễn Trung	Nam	Nam	04/5/1989	Long An	29.38	60	Không đạt
715	MN-715	Thái Trung	Nam	Nam	07/6/1981	Cần Thơ			Không đạt
716	MN-716	Nguyễn Thành Trung	Nam	Nam	04/8/1989	Tiền Giang	29.88	56	Không đạt
717	MN-717	Đinh Văn	Nam	Nam	01/11/1997	Bình Dương	34.13	72	Không đạt
718	MN-718	Nguyễn Văn	Nam	Nam	26/6/1980	Đồng Nai	29.88	46	Không đạt
719	MN-719	Đỗ Xuân	Nam	Nam	26/3/1977	Tp. Hồ Chí Minh	11.50	60	Không đạt
720	MN-720	Lương Thị	Nau	Nữ	02/8/1962	Tp. Hồ Chí Minh	30.00	48	Không đạt
721	MN-721	Nguyễn Bé	Năm	Nữ	10/11/1985	Cần Thơ	23.13	70	Không đạt
722	MN-722	Trịnh Thị	Năm	Nữ	06/4/1991	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	72	Đạt
723	MN-723	Lê Văn	Năng	Nam	16/10/1978	Tp. Hồ Chí Minh	28.88	70	Không đạt
724	MN-724	Phan Thị Út	Nị	Nữ	18/4/1990	Bến Tre	22.88	50	Không đạt
725	MN-725	Phạm Thị Thuý	Ninh	Nữ	20/6/1993	Lâm Đồng	37.88	62	Không đạt
726	MN-726	Nguyễn Thị	Nuong	Nữ	13/10/1984	Cần Thơ	53.63	60	Đạt
727	MN-727	Mai Thị Thu	Nuong	Nữ	10/10/1998	Đồng Nai	55.88	68	Đạt
728	MN-728	Nguyễn Thị Thùy	Nuong	Nữ	25/11/1989	Tp. Hồ Chí Minh	19.38	52	Không đạt
729	MN-729	Nguyễn Thị Hồng	Nga	Nữ	24/12/1994	Kiên Giang	25.50	72	Không đạt
730	MN-730	Nguyễn Thị Hồng	Nga	Nữ	06/4/1978	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	74	Đạt
731	MN-731	Nguyễn Quỳnh	Nga	Nữ	20/11/1989	Đồng Nai	31.00	56	Không đạt
732	MN-732	Lê Thị Quỳnh	Nga	Nữ	16/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh	35.75	82	Không đạt
733	MN-733	Trần Thị Quỳnh	Nga	Nữ	27/5/1992	Tp. Hồ Chí Minh	34.75	76	Không đạt
734	MN-734	Huỳnh Thị Tô	Nga	Nữ	18/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	64	Đạt
735	MN-735	Tô Thị Thanh	Nga	Nữ	14/8/1995	Tp. Hồ Chí Minh	39.75	58	Không đạt
736	MN-736	Đặng Thị	Nga	Nữ	10/3/1995	Tp. Hồ Chí Minh	37.75	50	Không đạt
737	MN-737	Hoàng Thị	Nga	Nữ	10/01/1981	Bà Rịa - Vũng Tàu	24.25	52	Không đạt
738	MN-738	Đinh Thị Thiên	Nga	Nữ	04/10/1991	Tp. Hồ Chí Minh	36.13	88	Không đạt
739	MN-739	Lê Văn Anh	Nga	Nam	01/5/1989	Tp. Hồ Chí Minh	44.13	66	Không đạt
740	MN-740	Phạm Thị	Nga	Nữ	20/10/1986	Đồng Nai	21.00	56	Không đạt
741	MN-741	Trịnh Thị Hồng	Ngát	Nữ	31/10/1994	Bình Dương	50.25	68	Đạt
742	MN-742	Phạm Phan Bảo	Ngân	Nữ	14/8/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	14.25	54	Không đạt
743	MN-743	Võ Huỳnh	Ngân	Nữ	07/11/1994	Tiền Giang	50.50	72	Đạt
744	MN-744	Vũ Hồ Kim	Ngân	Nữ	20/10/1990	Đồng Nai	24.13	54	Không đạt
745	MN-745	Đoàn Thị Kim	Ngân	Nữ	30/3/1994	Long An	15.00	54	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
746	MN-746	Huỳnh Thị Kim	Ngân	Nữ	04/7/1996	Long An	21.75	64	Không đạt
747	MN-747	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	19/9/1997	Tây Ninh	42.00	52	Không đạt
748	MN-748	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	28/4/1996	Hậu Giang	35.63	52	Không đạt
749	MN-749	Phạm Minh	Ngân	Nữ	09/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	55.50	78	Đạt
750	MN-750	Phan Thị Ngọc	Ngân	Nữ	28/6/1994	Đồng Nai	27.25	56	Không đạt
751	MN-751	Trần Ngọc	Ngân	Nam	05/10/1988	Đồng Tháp	27.00	50	Không đạt
752	MN-752	Lý Thiên	Ngân	Nữ	26/11/1993	Cần Thơ	45.75	74	Không đạt
753	MN-753	Nguyễn Thu	Ngân	Nữ	03/02/1992	Bình Dương	42.38	64	Không đạt
754	MN-754	Lê Thị Thùy	Ngân	Nữ	17/5/1994	Tp. Hồ Chí Minh	34.13	78	Không đạt
755	MN-755	Trần Thủy	Ngân	Nữ	17/7/1991	Bình Dương			Không đạt
756	MN-756	Nguyễn Thị Tuyết	Nghĩa	Nữ	30/9/1980	Long An	23.25	46	Không đạt
757	MN-757	Nguyễn Đình	Nghĩa	Nam	02/4/1983	Tp. Hồ Chí Minh	17.38	58	Không đạt
758	MN-758	Trần Hiếu	Nghĩa	Nam	14/8/1991	Long An	22.25	36	Không đạt
759	MN-759	Trương Hoàng	Nghĩa	Nam	14/6/1996	Hậu Giang	36.88	70	Không đạt
760	MN-760	Nguyễn Hồng	Nghĩa	Nam	26/5/1983	Bình Dương	25.25	32	Không đạt
761	MN-761	Vũ Huỳnh	Nghĩa	Nam	30/10/1967	Tp. Hồ Chí Minh	30.88	26	Không đạt
762	MN-762	Trần Hữu	Nghĩa	Nam	04/01/1981	Cần Thơ	35.75	46	Không đạt
763	MN-763	Trần Trọng	Nghĩa	Nam	14/9/1967	Bình Dương	18.63	56	Không đạt
764	MN-764	Nguyễn Văn	Nghĩa	Nam	24/02/1991	Đồng Tháp	19.50	58	Không đạt
765	MN-765	Nguyễn Việt	Nghĩa	Nam	17/9/1991	Bình Phước	38.00	42	Không đạt
766	MN-766	Mạc Thị Mỹ	Ngoan	Nữ	01/10/1993	Kiên Giang	50.00	64	Đạt
767	MN-767	Trương Thị Mỹ	Ngoan	Nữ	08/9/1997	Cần Thơ			Không đạt
768	MN-768	Ngân Thị	Ngoan	Nữ	25/5/1993	Bình Thuận	43.25	72	Không đạt
769	MN-769	Đoàn Lê Bảo	Ngọc	Nữ	16/7/1986	An Giang	13.38	42	Không đạt
770	MN-770	Nguyễn Thị Bé	Ngọc	Nữ	07/2/1994	Bến Tre	39.38	58	Không đạt
771	MN-771	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	28/7/1969	Tp. Hồ Chí Minh	35.00	68	Không đạt
772	MN-772	Hồ Thị Bích	Ngọc	Nữ	30/5/1992	Bà Rịa - Vũng Tàu	26.13	56	Không đạt
773	MN-773	Lâm Thị Bích	Ngọc	Nữ	29/6/1994	Bình Dương	32.00	68	Không đạt
774	MN-774	Nguyễn Thị Châu	Ngọc	Nữ	28/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	44.50	78	Không đạt
775	MN-775	Lê Duy	Ngọc	Nam	25/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	72	Đạt
776	MN-776	Nguyễn Duy	Ngọc	Nam	16/4/1991	Bình Phước	23.13	56	Không đạt
777	MN-777	Nguyễn Đình	Ngọc	Nam	22/7/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.38	88	Đạt
778	MN-778	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	17/02/1995	Lâm Đồng	41.50	50	Không đạt
779	MN-779	Đặng Minh	Ngọc	Nam	14/6/1994	Long An	28.38	48	Không đạt
780	MN-780	Hồ Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	23/9/1988	Tây Ninh	32.13	54	Không đạt
781	MN-781	Thạch Thị Phương	Ngọc	Nữ	24/9/1992	Cần Thơ	50.63	68	Đạt
782	MN-782	Trần Thị Thanh	Ngọc	Nữ	22/01/1979	Tp. Hồ Chí Minh	24.63	56	Không đạt
783	MN-783	Lưu Thị	Ngọc	Nữ	23/01/1991	Bà Rịa - Vũng Tàu	35.00	66	Không đạt
784	MN-784	Trần Thị	Ngọc	Nữ	10/6/1986	Đồng Nai	34.50	62	Không đạt
785	MN-785	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	07/5/1994	Tp. Hồ Chí Minh	36.63	58	Không đạt
786	MN-786	Nguyễn Văn	Ngọc	Nam	25/5/1983	Bình Dương	40.25	84	Không đạt
787	MN-787	Nguyễn Y	Ngọc	Nữ	06/7/1991	Hậu Giang	20.13	48	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
788	MN-788	Hà	Nguyễn	Nam	01/01/1990	Đồng Tháp	25.38	62	Không đạt
789	MN-789	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyễn	Nữ	17/11/1994	Long An	37.63	54	Không đạt
790	MN-790	Nguyễn Thị Kim	Nguyễn	Nữ	10/8/1996	Bến Tre	37.00	72	Không đạt
791	MN-791	Trần Phước	Nguyễn	Nam	21/7/1992	Kiên Giang	30.38	58	Không đạt
792	MN-792	Mai Thái	Nguyễn	Nam	01/02/1995	Bình Dương	35.25	76	Không đạt
793	MN-793	Nguyễn Thanh	Nguyễn	Nam	01/4/1978	Tp. Hồ Chí Minh	28.00	62	Không đạt
794	MN-794	Nguyễn Thảo	Nguyễn	Nữ	10/5/1990	Hậu Giang	23.75	42	Không đạt
795	MN-795	Nguyễn Thảo	Nguyễn	Nữ	08/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	34.38	68	Không đạt
796	MN-796	Trần Quang Thảo	Nguyễn	Nam	28/02/1981	Đồng Nai	23.13	76	Không đạt
797	MN-797	Đoàn Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	14/8/1985	Bình Dương	27.63	50	Không đạt
798	MN-798	Phạm Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	06/9/1996	Long An	12.38	62	Không đạt
799	MN-799	Vũ Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	11/01/1989	Bình Phước	20.63	50	Không đạt
800	MN-800	Phan Thế	Nguyễn	Nam	22/01/1972	Bình Thuận			Không đạt
801	MN-801	Nguyễn Trường	Nguyễn	Nam	17/02/1978	Tp. Hồ Chí Minh	35.50	90	Không đạt
802	MN-802	Nguyễn Song	Nguyễn	Nam	25/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	41.75	80	Không đạt
803	MN-803	Đình Thị	Nguyễn	Nữ	25/11/1991	Bình Dương	50.63	64	Đạt
804	MN-804	Nguyễn Thị	Nguyễn	Nữ	07/10/1991	Lâm Đồng	37.63	78	Không đạt
805	MN-805	Tạ Trọng	Nguyễn	Nam	30/5/1980	Cà Mau	19.38	40	Không đạt
806	MN-806	Hồ Chí	Nguyễn	Nam	30/6/1997	Tp. Hồ Chí Minh	34.13	74	Không đạt
807	MN-807	Nguyễn Hoàng Như	Nguyễn	Nữ	29/3/1984	Tp. Hồ Chí Minh	37.50	60	Không đạt
808	MN-808	Lê Thị	Nguyễn	Nữ	12/12/1987	Lâm Đồng	32.63	74	Không đạt
809	MN-809	Lữ Thị Thùy	Nguyễn	Nữ	01/4/1992	Tp. Hồ Chí Minh	32.75	60	Không đạt
810	MN-810	Lương Nguyễn	Ngũ	Nam	12/5/1984	Bình Thuận	21.63	48	Không đạt
811	MN-811	Mai Bá	Ngũ	Nam	10/6/1994	Tp. Hồ Chí Minh	42.88	72	Không đạt
812	MN-812	Trang Thanh	Nhã	Nam	01/01/1979	Tp. Hồ Chí Minh	13.50	62	Không đạt
813	MN-813	Trương Thị Đình	Nhàn	Nữ	14/11/1973	Tp. Hồ Chí Minh	21.00	64	Không đạt
814	MN-814	Huỳnh Ngọc	Nhàn	Nữ	24/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	38.50	72	Không đạt
815	MN-815	Nguyễn Thị Tuyết	Nhàn	Nữ	29/5/1986	Đồng Tháp	51.63	72	Đạt
816	MN-816	Lê Thanh	Nhàn	Nữ	15/7/1996	Bến Tre	53.38	78	Đạt
817	MN-817	Lê Thị Thanh	Nhàn	Nữ	08/3/1979	Đồng Nai	30.00	54	Không đạt
818	MN-818	Hà Thị	Nhanh	Nữ	12/9/1996	Cần Thơ	53.50	84	Đạt
819	MN-819	Trịnh Thị Út	Nhâm	Nữ	13/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	22.75	68	Không đạt
820	MN-820	Nguyễn Thị Ái	Nhân	Nữ	10/5/1982	An Giang			Không đạt
821	MN-821	Phùng Bá	Nhân	Nam	21/4/1983	Tp. Hồ Chí Minh	29.75	58	Không đạt
822	MN-822	Nguyễn Đức	Nhân	Nam	17/7/1981	Đồng Nai	23.38	56	Không đạt
823	MN-823	Nguyễn Hữu	Nhân	Nam	22/7/1985	Vĩnh Long	36.75	48	Không đạt
824	MN-824	Lê Tấn	Nhân	Nam	18/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	50.13	72	Đạt
825	MN-825	Lê Thanh	Nhân	Nam	07/11/1998	Cần Thơ	42.00	56	Không đạt
826	MN-826	Lê Kim Thành	Nhân	Nam	25/4/1999	Lâm Đồng	20.75	46	Không đạt
827	MN-827	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	02/8/1997	Bình Dương	29.50	68	Không đạt
828	MN-828	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	25/3/1990	Tp. Hồ Chí Minh	50.63	74	Đạt
829	MN-829	Nguyễn Hoài	Nhân	Nam	05/12/1995	Kiên Giang	24.50	60	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
830	MN-830	Nguyễn Khắc Sinh	Nhật	Nam	03/11/1989	Tp. Hồ Chí Minh	27.88	50	Không đạt
831	MN-831	Hà Thanh	Nhật	Nam	10/3/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	43.75	84	Không đạt
832	MN-832	Tê Thị Cẩm	Nhi	Nữ	16/8/1982	Sóc Trăng	26.25	50	Không đạt
833	MN-833	Cao Thị Hà	Nhi	Nữ	03/7/1996	Đồng Nai	51.75	74	Đạt
834	MN-834	Phạm Thị Hoàng	Nhi	Nữ	27/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	41.00	68	Không đạt
835	MN-835	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	Nữ	16/3/1997	Bình Dương	16.75	56	Không đạt
836	MN-836	Quách Khả	Nhi	Nữ	26/4/1997	Tp. Hồ Chí Minh	45.75	80	Không đạt
837	MN-837	Phạm Ngọc	Nhi	Nữ	14/9/1995	Đồng Nai	40.50	78	Không đạt
838	MN-838	Bùi Thị Quỳnh	Nhi	Nữ	01/10/1995	Bình Phước	30.88	44	Không đạt
839	MN-839	Nguyễn Thị Tố	Nhi	Nữ	28/8/1997	Cần Thơ	30.88	62	Không đạt
840	MN-840	Trần Tuyết	Nhi	Nữ	26/8/1994	Tp. Hồ Chí Minh	22.63	64	Không đạt
841	MN-841	Huỳnh Trần Thanh	Nhi	Nữ	01/02/1996	Bình Dương	35.25	74	Không đạt
842	MN-842	Lưu Thúy	Nhi	Nữ	03/6/1993	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	74	Đạt
843	MN-843	Phan Thị Thúy	Nhi	Nữ	29/8/1988	Kiên Giang	28.50	52	Không đạt
844	MN-844	Huỳnh Thị Uyên	Nhi	Nữ	07/5/1993	Bình Thuận	15.25	48	Không đạt
845	MN-845	Đào Yến	Nhi	Nữ	08/9/1995	Tp. Hồ Chí Minh	37.50	66	Không đạt
846	MN-846	Huỳnh Thị Yến	Nhi	Nữ	28/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	25.63	56	Không đạt
847	MN-847	Trống A	Nhi	Nam	03/10/1978	Đồng Nai	21.75	42	Không đạt
848	MN-848	Lê Thị Ngọc	Nhi	Nữ	22/4/1974	Bình Thuận	16.63	50	Không đạt
849	MN-849	Mai Hoàng	Nho	Nam	02/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	38.00	78	Không đạt
850	MN-850	Đỗ Thị Cẩm	Nhung	Nữ	28/6/1986	Bình Dương	14.00	46	Không đạt
851	MN-851	Nguyễn Thị Hoa	Nhung	Nữ	07/8/1991	Tp. Hồ Chí Minh	39.38	62	Không đạt
852	MN-852	Lê Hồng	Nhung	Nữ	02/4/1990	Long An	24.25	52	Không đạt
853	MN-853	Phạm Hồng	Nhung	Nữ	13/02/1991	Tp. Hồ Chí Minh	20.13	68	Không đạt
854	MN-854	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	01/3/1992	Tp. Hồ Chí Minh	35.63	66	Không đạt
855	MN-855	Trương Thị Hồng	Nhung	Nữ	27/5/1985	Bình Phước	32.75	52	Không đạt
856	MN-856	Trần Hồng	Nhung	Nữ	20/02/1979	Cà Mau	19.25	46	Không đạt
857	MN-857	Bùi Thị Hương	Nhung	Nữ	08/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	30.50	64	Không đạt
858	MN-858	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	Nữ	23/9/1976	Bình Dương	8.19	56	Không đạt
859	MN-859	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	Nữ	30/01/1984	Long An	31.25	70	Không đạt
860	MN-860	Cao Thị	Nhung	Nữ	28/6/1982	Tp. Hồ Chí Minh	50.75	76	Đạt
861	MN-861	Đàm Thị	Nhung	Nữ	09/8/1993	Tp. Hồ Chí Minh	34.25	70	Không đạt
862	MN-862	Lê Thị	Nhung	Nữ	27/10/1984	Tp. Hồ Chí Minh	34.50	70	Không đạt
863	MN-863	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	07/6/1996	Tp. Hồ Chí Minh	19.25	74	Không đạt
864	MN-864	Trần Thị	Nhung	Nữ	05/02/1988	Tp. Hồ Chí Minh	31.75	62	Không đạt
865	MN-865	Vũ Thị Thùy	Nhung	Nữ	23/02/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	39.25	68	Không đạt
866	MN-866	Huỳnh Thị Bích	Nhu	Nữ	17/10/1993	Đồng Tháp	29.63	72	Không đạt
867	MN-867	Đào Thị Hà	Nhu	Nữ	01/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	78	Đạt
868	MN-868	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhu	Nữ	01/01/1995	Hậu Giang	32.00	54	Không đạt
869	MN-869	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhu	Nữ	07/02/1995	Long An	38.25	84	Không đạt
870	MN-870	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhu	Nữ	22/8/1996	Long An	34.75	68	Không đạt
871	MN-871	Chiêm Quỳnh	Nhu	Nữ	19/12/1992	Tp. Hồ Chí Minh	33.13	86	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
872	MN-872	Tạ Thị Quỳnh	Nhu	Nữ	03/12/1984	Bà Rịa - Vũng Tàu	36.50	68	Không đạt
873	MN-873	Dương Thị	Nhu	Nữ	03/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	64.50	78	Đạt
874	MN-874	Phạm Thị	Nhu	Nữ	25/8/1984	Đắk Nông	36.00	62	Không đạt
875	MN-875	Tia Thụy	Nhu	Nữ	03/8/1988	Tp. Hồ Chí Minh	40.00	72	Không đạt
876	MN-876	Nguyễn Yến	Nhu	Nữ	15/9/1984	Cần Thơ	51.50	68	Đạt
877	MN-877	Phan Khắc	Như	Nam	30/6/1976	Long An	35.50	52	Không đạt
878	MN-878	Ngô Minh	Nhựt	Nam	16/5/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	40.25	72	Không đạt
879	MN-879	Lê Minh Hoàng	Oanh	Nữ	09/3/1989	Lâm Đồng	50.50	58	Đạt
880	MN-880	Phạm Hoàng	Oanh	Nam	18/01/1983	Long An	18.50	54	Không đạt
881	MN-881	Trần Thị Kiều	Oanh	Nữ	15/7/1989	Bến Tre	22.50	44	Không đạt
882	MN-882	Ngô Lê Kim	Oanh	Nữ	26/11/1995	Bình Phước	22.50	70	Không đạt
883	MN-883	Võ Thị Ngọc	Oanh	Nữ	08/7/1973	Tp. Hồ Chí Minh			Không đạt
884	MN-884	Nguyễn Thị Phương	Oanh	Nữ	03/5/1995	Cần Thơ	36.00	58	Không đạt
885	MN-885	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	05/9/1991	Bình Dương	54.50	80	Đạt
886	MN-886	Phạm Thị Trâm	Oanh	Nữ	04/10/1993	Lâm Đồng	42.25	58	Không đạt
887	MN-887	Tô Ngọc	Phát	Nam	08/12/1970	Tp. Hồ Chí Minh	24.50	62	Không đạt
888	MN-888	Nguyễn Quang	Phát	Nam	12/02/1995	Bình Dương	33.00	66	Không đạt
889	MN-889	Trần Văn	Phát	Nam	16/02/1987	Hậu Giang	23.00	40	Không đạt
890	MN-890	Trần Thị Cà	Phê	Nữ	06/5/1988	Cần Thơ	28.50	52	Không đạt
891	MN-891	Kim Thị Sô	Phi	Nam	25/02/1993	Trà Vinh			Không đạt
892	MN-892	Nguyễn Thị Hà	Phiên	Nữ	03/9/1996	Bình Phước	38.50	66	Không đạt
893	MN-893	Nguyễn Hà	Phong	Nam	30/11/1969	Tp. Hồ Chí Minh	28.50	46	Không đạt
894	MN-894	Nguyễn Hùng	Phong	Nam	12/5/1978	Tp. Hồ Chí Minh	31.50	64	Không đạt
895	MN-895	Nguyễn Phước	Phong	Nam	23/7/1988	An Giang	21.50	58	Không đạt
896	MN-896	Hoàng Tuấn	Phong	Nam	17/4/1996	Bình Phước	54.00	52	Đạt
897	MN-897	Ngô Thanh	Phong	Nam	31/7/1989	Hậu Giang	19.50	42	Không đạt
898	MN-898	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	19/3/1982	Long An	53.50	50	Đạt
899	MN-899	Phạm Thanh	Phong	Nam	20/9/1994	Cần Thơ	46.50	68	Không đạt
900	MN-900	Trần Thanh	Phong	Nam	20/11/1972	Đồng Tháp	27.00	44	Không đạt
901	MN-901	Trần Văn	Phong	Nam	01/01/1972	Tp. Hồ Chí Minh	63.50	80	Đạt
902	MN-902	Nguyễn Thị Hồng	Phú	Nữ	23/02/1995	Đồng Nai	45.25	74	Không đạt
903	MN-903	Trần Thị	Phú	Nữ	10/11/1985	Lâm Đồng	32.00	58	Không đạt
904	MN-904	Phạm Công	Phúc	Nam	02/01/1980	Tp. Hồ Chí Minh	51.50	78	Đạt
905	MN-905	Hứa Thị Diễm	Phúc	Nữ	24/9/1997	Đồng Tháp	56.50	84	Đạt
906	MN-906	Nguyễn Duy	Phúc	Nam	24/11/1986	Đồng Nai	38.00	48	Không đạt
907	MN-907	Lưu Hoàng	Phúc	Nam	01/9/1976	Tp. Hồ Chí Minh	36.50	60	Không đạt
908	MN-908	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	21/4/1994	Cần Thơ	36.25	70	Không đạt
909	MN-909	Võ Hoàng	Phúc	Nam	10/8/1995	Long An	19.00	58	Không đạt
910	MN-910	Nguyễn Hồng	Phúc	Nữ	13/11/1993	Tây Ninh	33.00	62	Không đạt
911	MN-911	Nguyễn Hữu	Phúc	Nam	08/01/1979	Tp. Hồ Chí Minh	47.50	48	Không đạt
912	MN-912	Nguyễn Minh	Phúc	Nam	16/9/1996	Bình Dương	51.50	76	Đạt
913	MN-913	Nguyễn Ngọc	Phúc	Nam	07/9/1997	Đồng Tháp	60.50	76	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
914	MN-914	Nguyễn Đỗ Thái	Phúc	Nam	19/7/1973	Tp. Hồ Chí Minh	36.25	50	Không đạt
915	MN-915	Đoàn Thanh	Phúc	Nam	02/9/1983	Tp. Hồ Chí Minh	34.00	62	Không đạt
916	MN-916	Nguyễn Thanh	Phúc	Nam	14/6/1996	Tp. Hồ Chí Minh	43.25	68	Không đạt
917	MN-917	Nguyễn Phạm Thiên	Phúc	Nam	30/10/1991	Tp. Hồ Chí Minh	38.50	52	Không đạt
918	MN-918	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	10/10/1990	Bình Thuận	30.00	78	Không đạt
919	MN-919	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	30/9/1964	Cần Thơ	12.00	44	Không đạt
920	MN-920	Lê Việt	Phúc	Nam	03/10/1988	Lâm Đồng	20.50	68	Không đạt
921	MN-921	Đặng Quang	Phục	Nam	18/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	18.00	62	Không đạt
922	MN-922	Huỳnh Kim	Phụng	Nữ	27/01/1993	Lâm Đồng	53.00	70	Đạt
923	MN-923	Nguyễn Kim	Phụng	Nữ	16/6/1984	Tp. Hồ Chí Minh	28.13	56	Không đạt
924	MN-924	Thái Mỹ	Phụng	Nữ	19/12/1995	Đồng Tháp	20.50	64	Không đạt
925	MN-925	Trần Quang	Phụng	Nam	12/02/1997	Bình Dương	14.50	42	Không đạt
926	MN-926	Trần Văn	Phụng	Nam	13/12/1958	Bình Phước			Không đạt
927	MN-927	Đình Việt	Phụng	Nam	18/10/1977	Đắk Nông	12.00	58	Không đạt
928	MN-928	Đặng Hoàng	Phước	Nam	27/02/1993	Tp. Hồ Chí Minh	52.00	72	Đạt
929	MN-929	Mai Văn	Phước	Nam	25/7/1987	Bình Phước	23.50	52	Không đạt
930	MN-930	Bùi Bích	Phương	Nữ	18/3/1993	Tp. Hồ Chí Minh	21.00	54	Không đạt
931	MN-931	Phan Thị Cà	Phương	Nữ	07/5/1995	Kiên Giang	19.13	68	Không đạt
932	MN-932	Nguyễn Đình	Phương	Nam	05/10/1984	Lâm Đồng	12.75	52	Không đạt
933	MN-933	Đỗ Hoàng	Phương	Nam	04/01/1973	Tp. Hồ Chí Minh	3.50	46	Không đạt
934	MN-934	Phạm Khắc	Phương	Nam	02/10/1971	Cần Thơ	12.00	48	Không đạt
935	MN-935	Huỳnh Lan	Phương	Nữ	15/02/1989	Hậu Giang	50.50	46	Không đạt
936	MN-936	Mai Lâm	Phương	Nam	25/5/1983	Tp. Hồ Chí Minh	19.00	54	Không đạt
937	MN-937	Trương Thị Loan	Phương	Nữ	04/02/1990	Cần Thơ	50.00	82	Đạt
938	MN-938	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	27/10/1968	Đồng Nai	17.13	32	Không đạt
939	MN-939	Nguyễn Ngọc	Phương	Nam	18/3/1974	Long An	32.50	66	Không đạt
940	MN-940	Trần Thị Quế	Phương	Nữ	26/7/1983	Bà Rịa - Vũng Tàu	13.50	52	Không đạt
941	MN-941	Thạch	Phương	Nam	06/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	23.13	64	Không đạt
942	MN-942	Lý Thanh	Phương	Nam	07/7/1979	Sóc Trăng	22.50	62	Không đạt
943	MN-943	Nguyễn Thanh	Phương	Nam	20/01/1997	Cà Mau	22.00	50	Không đạt
944	MN-944	Phan Thanh	Phương	Nam	06/6/1994	Đắk Nông	33.38	56	Không đạt
945	MN-945	Lâm Thị Thanh	Phương	Nữ	09/01/1988	Tiền Giang	32.25	64	Không đạt
946	MN-946	Ngô Thị	Phương	Nữ	06/6/1995	Tp. Hồ Chí Minh	41.63	68	Không đạt
947	MN-947	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	05/02/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	31.88	58	Không đạt
948	MN-948	Trần Thị	Phương	Nữ	29/10/1990	Tp. Hồ Chí Minh	38.00	86	Không đạt
949	MN-949	Trương Thị	Phương	Nữ	01/7/1992	Tây Ninh	26.88	80	Không đạt
950	MN-950	Bùi Thị Thu	Phương	Nữ	20/8/1994	Tp. Hồ Chí Minh	37.88	80	Không đạt
951	MN-951	Vương Thị Thu	Phương	Nữ	24/02/1993	Tp. Hồ Chí Minh	25.13	88	Không đạt
952	MN-952	Phạm Văn	Phương	Nam	24/6/1965	Tp. Hồ Chí Minh	7.00	64	Không đạt
953	MN-953	Phạm Bích	Phượng	Nữ	22/12/1987	Lâm Đồng	21.75	58	Không đạt
954	MN-954	Đình Thị Bích	Phượng	Nữ	31/10/1978	Kiên Giang	11.75	42	Không đạt
955	MN-955	Phạm Thị Bích	Phượng	Nữ	27/8/1995	Bình Phước	50.25	54	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
956	MN-956	Huỳnh Kim	Phượng	Nữ	22/7/1985	Bình Dương	12.50	46	Không đạt
957	MN-957	Bạch Thị Kim	Phượng	Nữ	20/01/1995	Bình Dương	32.50	56	Không đạt
958	MN-958	Hoàng Thị	Phượng	Nữ	28/02/1992	Bình Thuận	26.75	46	Không đạt
959	MN-959	Trần Trúc	Phượng	Nữ	12/3/1987	Bến Tre	17.25	48	Không đạt
960	MN-960	Phạm Hưng	Quang	Nam	23/01/1986	Tp. Hồ Chí Minh	32.00	58	Không đạt
961	MN-961	Trương Vinh	Quang	Nam	01/8/1967	Tp. Hồ Chí Minh	18.00	56	Không đạt
962	MN-962	Nguyễn Xuân	Quang	Nam	08/9/1991	Tp. Hồ Chí Minh	27.00	64	Không đạt
963	MN-963	Nguyễn Minh	Quân	Nam	02/01/1992	Tiền Giang	50.63	82	Đạt
964	MN-964	Đỗ Trung	Quân	Nam	23/02/1994	Lâm Đồng	37.50	90	Không đạt
965	MN-965	Đỗ Trung	Quân	Nam	28/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	23.75	64	Không đạt
966	MN-966	Trần Văn	Quân	Nam	03/9/1995	Tp. Hồ Chí Minh	25.63	44	Không đạt
967	MN-967	Bùi Thị Kim	Quý	Nữ	28/5/1992	Tp. Hồ Chí Minh	53.63	80	Đạt
968	MN-968	Võ Nhựt	Quý	Nam	17/11/1994	Bến Tre	30.75	72	Không đạt
969	MN-969	Trần Bảo	Quốc	Nam	20/5/1988	Lâm Đồng	10.63	42	Không đạt
970	MN-970	Nguyễn Chí	Quốc	Nam	14/7/1986	Bình Dương	7.25	52	Không đạt
971	MN-971	Trương Vương	Quốc	Nam	01/01/1979	Hậu Giang			Không đạt
972	MN-972	Trần Đức	Quý	Nam	14/6/1984	Tp. Hồ Chí Minh	38.25	72	Không đạt
973	MN-973	Phạm Ngọc	Quý	Nam	09/3/1993	Cần Thơ	16.00	50	Không đạt
974	MN-974	Nguyễn Tấn	Quý	Nam	25/8/1995	Tp. Hồ Chí Minh	18.75	66	Không đạt
975	MN-975	Nguyễn Thị Xuân	Quý	Nữ	10/9/1986	Tp. Hồ Chí Minh	39.63	60	Không đạt
976	MN-976	Nguyễn Thị Cẩm	Quyên	Nữ	16/9/1991	Sóc Trăng	28.25	56	Không đạt
977	MN-977	Võ Thị Hồng	Quyên	Nữ	10/11/1996	Tiền Giang	10.75	40	Không đạt
978	MN-978	Nguyễn Thị Kim	Quyên	Nữ	10/02/1987	Bình Thuận	35.75	74	Không đạt
979	MN-979	Trần Thị Ngọc	Quyên	Nữ	25/12/1975	Bình Dương	17.00	42	Không đạt
980	MN-980	Hoàng Nguyễn Tú	Quyên	Nữ	27/02/1991	Bình Phước	51.50	80	Đạt
981	MN-981	Võ Thị Thảo	Quyên	Nữ	28/7/1996	Cần Thơ	51.00	68	Đạt
982	MN-982	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	17/12/1983	Đồng Tháp	32.00	62	Không đạt
983	MN-983	Bùi Thuý	Quyên	Nữ	12/9/1994	Lâm Đồng	28.75	60	Không đạt
984	MN-984	Trần Thuý	Quyên	Nữ	28/9/1992	Tp. Hồ Chí Minh	36.38	54	Không đạt
985	MN-985	Chu Quốc	Quyên	Nam	14/01/1988	Đồng Nai	41.25	48	Không đạt
986	MN-986	Nguyễn Văn	Quyên	Nam	20/9/1992	Đồng Nai	5.75	38	Không đạt
987	MN-987	Trần Văn	Quyết	Nam	02/02/1989	Tp. Hồ Chí Minh	44.50	64	Không đạt
988	MN-988	Nguyễn Thụy Cẩm	Quỳnh	Nữ	11/7/1982	Cần Thơ	16.25	48	Không đạt
989	MN-989	Mai Như	Quỳnh	Nữ	09/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	50.38	80	Đạt
990	MN-990	Ngô Thị Như	Quỳnh	Nữ	17/12/1993	Tp. Hồ Chí Minh	45.25	80	Không đạt
991	MN-991	Nguyễn Thanh	Quỳnh	Nam	26/7/1996	Tp. Hồ Chí Minh	41.75	46	Không đạt
992	MN-992	Chu Thị Thủy	Quỳnh	Nữ	06/7/1992	Tp. Hồ Chí Minh	25.13	72	Không đạt
993	MN-993	Nguyễn Quốc	Rạng	Nam	20/9/1995	Bình Phước	40.63	72	Không đạt
994	MN-994	Thái Huỳnh Ái	Sa	Nữ	01/9/1991	Tp. Hồ Chí Minh	39.00	68	Không đạt
995	MN-995	Trần Văn	Sách	Nam	01/01/1962	Hậu Giang			Không đạt
996	MN-996	Lê Chiêu	Sang	Nam	22/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	37.75	76	Không đạt
997	MN-997	Nguyễn Minh	Sang	Nam	28/02/1995	Bình Phước	43.38	76	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
998	MN-998	Ung Thị Ngọc	Sang	Nữ	02/10/1984	Tp. Hồ Chí Minh	31.75	78	Không đạt
999	MN-999	Kiều Quang	Sang	Nam	24/12/1991	Tây Ninh	16.00	64	Không đạt
1000	MN-1000	Đình Văn Thanh	Sang	Nam	04/4/1986	Kiên Giang	21.13	48	Không đạt
1001	MN-1001	Nguyễn Thành	Sang	Nam	19/12/1980	Cà Mau			Không đạt
1002	MN-1002	Đỗ Thị	Sang	Nữ	25/6/1988	Tp. Hồ Chí Minh	43.63	50	Không đạt
1003	MN-1003	Trần Thọ	Sang	Nữ	07/4/1992	An Giang	37.88	58	Không đạt
1004	MN-1004	Phan Thị Thu	Sang	Nữ	02/6/1992	Bình Phước	33.50	62	Không đạt
1005	MN-1005	Châu Văn	Sang	Nam	13/10/1971	Đồng Nai	12.75	48	Không đạt
1006	MN-1006	Nguyễn Văn	Sáu	Nam	27/01/1984	Đắk Nông	26.00	54	Không đạt
1007	MN-1007	Nguyễn Thị	Sáu	Nữ	06/3/1976	Tp. Hồ Chí Minh			Không đạt
1008	MN-1008	Hoàng Thị	Sâm	Nữ	21/01/1987	Lâm Đồng	48.38	72	Không đạt
1009	MN-1009	Thạch Thị Hồng	Sen	Nữ	06/8/1985	Bà Rịa - Vũng Tàu	32.75	50	Không đạt
1010	MN-1010	Nguyễn Văn	Sĩ	Nam	26/02/1996	Cần Thơ	50.63	80	Đạt
1011	MN-1011	Nguyễn Văn	Sinh	Nam	03/4/1991	Đồng Nai	7.25		Không đạt
1012	MN-1012	Nguyễn Văn	Sở	Nam	01/10/1975	Tp. Hồ Chí Minh	14.50	38	Không đạt
1013	MN-1013	Nguyễn Hoàng	Sơn	Nam	09/02/1970	Tp. Hồ Chí Minh	26.00	62	Không đạt
1014	MN-1014	Phạm Hoàng	Sơn	Nam	15/12/1993	Kiên Giang	52.00	48	Không đạt
1015	MN-1015	Phan Hoàng	Sơn	Nam	19/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	27.00	50	Không đạt
1016	MN-1016	Lê Minh	Sơn	Nam	21/11/1987	Vĩnh Long	51.00	56	Đạt
1017	MN-1017	Phạm Ngọc	Sơn	Nam	06/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	66.50	68	Đạt
1018	MN-1018	Phạm Hữu Phi	Sơn	Nam	29/4/1987	Bà Rịa - Vũng Tàu	32.00	76	Không đạt
1019	MN-1019	Trần Tây	Sơn	Nam	28/12/1978	Tp. Hồ Chí Minh			Không đạt
1020	MN-1020	Đỗ Thái	Sơn	Nam	16/5/1990	Đồng Nai	40.00	46	Không đạt
1021	MN-1021	Đặng Trung	Sơn	Nam	09/4/1978	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	76	Đạt
1022	MN-1022	Nguyễn Văn	Sơn	Nam	17/3/1983	Bình Dương	35.00	40	Không đạt
1023	MN-1023	Nguyễn Văn	Sơn	Nam	13/8/1987	Tiền Giang	50.00	44	Không đạt
1024	MN-1024	Phạm Văn	Sơn	Nam	20/10/1976	Đắk Nông	37.50	40	Không đạt
1025	MN-1025	Đoàn Thị Kim	Sương	Nữ	21/02/1984	Đồng Nai	17.50	40	Không đạt
1026	MN-1026	Trần Thị Nữ	Sương	Nữ	27/6/1992	Bình Thuận	40.50	62	Không đạt
1027	MN-1027	Phan Thị Thu	Sương	Nữ	23/10/1974	Tp. Hồ Chí Minh			Không đạt
1028	MN-1028	Nguyễn Văn	Sương	Nam	12/3/1993	Đồng Nai	61.00	76	Đạt
1029	MN-1029	Đình Hữu	Sỹ	Nam	12/5/1979	Lâm Đồng	30.63	50	Không đạt
1030	MN-1030	Nguyễn	Sỹ	Nam	11/11/1975	Bà Rịa - Vũng Tàu	50.00	66	Đạt
1031	MN-1031	Võ Anh	Tài	Nam	08/11/1994	Bình Thuận			Không đạt
1032	MN-1032	Lê Thị Đại	Tài	Nữ	27/7/1996	Bình Thuận	36.00	58	Không đạt
1033	MN-1033	Nguyễn Đức	Tài	Nam	03/8/1987	Long An	51.00	64	Đạt
1034	MN-1034	Huỳnh Hữu	Tài	Nam	01/01/1989	Bình Dương	20.00	60	Không đạt
1035	MN-1035	Bùi Tấn	Tài	Nam	03/12/1988	Long An	37.50	70	Không đạt
1036	MN-1036	Võ Tuấn	Tài	Nam	01/9/1990	Lâm Đồng	16.50		Không đạt
1037	MN-1037	Mạch Thành	Tài	Nam	27/5/1996	Bến Tre	43.13	82	Không đạt
1038	MN-1038	Nguyễn Thành	Tài	Nam	29/10/1991	Đồng Nai	29.00	64	Không đạt
1039	MN-1039	Đặng Hồng	Tám	Nam	18/10/1964	Cần Thơ	26.50	62	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1040	MN-1040	Phạm Văn	Tàu	Nam	28/12/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.75	76	Đạt
1041	MN-1041	Trần Thị Băng	Tâm	Nữ	30/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	58.50	86	Đạt
1042	MN-1042	Trần Công	Tâm	Nam	28/11/1990	Bình Phước	50.50	54	Đạt
1043	MN-1043	Nguyễn Hồng	Tâm	Nữ	02/5/1984	Bến Tre	28.00	54	Không đạt
1044	MN-1044	Trần Thị Linh	Tâm	Nữ	15/3/1991	Tp. Hồ Chí Minh	71.00	80	Đạt
1045	MN-1045	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	16/9/1983	Tp. Hồ Chí Minh	41.88	60	Không đạt
1046	MN-1046	Trần Đoàn Ngọc	Tâm	Nam	20/12/1993	Lâm Đồng			Không đạt
1047	MN-1047	Đoàn Nhật	Tâm	Nam	20/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	63.00	80	Đạt
1048	MN-1048	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	09/9/1984	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	58	Đạt
1049	MN-1049	Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	04/10/1976	Tây Ninh	35.50	56	Không đạt
1050	MN-1050	Võ Thị Thanh	Tâm	Nữ	26/3/1977	Lâm Đồng	22.00	36	Không đạt
1051	MN-1051	Lê Thành	Tâm	Nam	02/8/1979	Tp. Hồ Chí Minh	34.00	52	Không đạt
1052	MN-1052	Lê Xuân	Tâm	Nam	01/7/1994	Tp. Hồ Chí Minh	52.50	78	Đạt
1053	MN-1053	Võ Thị Tố	Tâm	Nữ	21/7/1988	Bà Rịa - Vũng Tàu	54.00	56	Đạt
1054	MN-1054	Phạm Duy	Tân	Nam	15/8/1998	Tp. Hồ Chí Minh	36.50	74	Không đạt
1055	MN-1055	Phạm Ngọc	Tân	Nam	06/3/1984	Lâm Đồng	41.25	58	Không đạt
1056	MN-1056	Nguyễn Thanh	Tân	Nam	24/01/1970	Lâm Đồng	7.50	42	Không đạt
1057	MN-1057	Nguyễn Thanh	Tân	Nam	20/9/1986	Tp. Hồ Chí Minh	26.50	62	Không đạt
1058	MN-1058	Nguyễn Hùng	Tấn	Nam	04/9/1987	Tiền Giang	37.38	56	Không đạt
1059	MN-1059	Phạm Huỳnh	Tấn	Nam	19/5/1988	Bình Phước	14.50	46	Không đạt
1060	MN-1060	Phùng Minh	Tấn	Nam	13/6/1978	Vĩnh Long	4.00	36	Không đạt
1061	MN-1061	Lê Thanh	Tấn	Nam	27/10/1986	Trà Vinh	26.75	74	Không đạt
1062	MN-1062	Nguyễn Thanh	Tấn	Nam	20/4/1974	Đồng Nai	32.00	54	Không đạt
1063	MN-1063	Lê Thị Cẩm	Tiền	Nữ	05/8/1992	Hậu Giang	9.75	60	Không đạt
1064	MN-1064	Trần Thị Cẩm	Tiền	Nữ	02/7/1995	Tiền Giang	23.75	78	Không đạt
1065	MN-1065	Lê Đình	Tiền	Nam	15/10/1987	Lâm Đồng	23.50	46	Không đạt
1066	MN-1066	Phạm Thị Kiều	Tiền	Nữ	25/01/1987	Tiền Giang	43.25	80	Không đạt
1067	MN-1067	Nguyễn Mỹ	Tiền	Nữ	04/8/1982	An Giang	22.25	56	Không đạt
1068	MN-1068	Huỳnh Thị Mỹ	Tiền	Nữ	24/9/1989	Tp. Hồ Chí Minh	30.88	76	Không đạt
1069	MN-1069	Nguyễn Thị Mỹ	Tiền	Nữ	11/7/1982	Tp. Hồ Chí Minh			Không đạt
1070	MN-1070	Đỗ Ngọc	Tiền	Nam	10/9/1986	Tp. Hồ Chí Minh	24.75	68	Không đạt
1071	MN-1071	Lê Thị Ngọc	Tiền	Nữ	27/3/1988	Tp. Hồ Chí Minh	18.25		Không đạt
1072	MN-1072	Nguyễn Hoàng Đương	Tiền	Nữ	10/3/1990	Bình Thuận	29.25	52	Không đạt
1073	MN-1073	Nguyễn Thị	Tiền	Nữ	13/4/1997	Cần Thơ	35.25	92	Không đạt
1074	MN-1074	Phan Thị Thủy	Tiền	Nữ	24/02/1991	Lâm Đồng	46.25	68	Không đạt
1075	MN-1075	Bùi Thị Thủy	Tiền	Nữ	08/10/1990	Bến Tre	25.25	74	Không đạt
1076	MN-1076	Nguyễn Thị Thủy	Tiền	Nữ	05/11/1995	An Giang	30.00	72	Không đạt
1077	MN-1077	Nguyễn Thị Bích	Tiền	Nữ	01/01/1989	Cần Thơ	32.75	66	Không đạt
1078	MN-1078	Trần Quốc	Tiền	Nam	09/12/1988	Đồng Tháp	28.50	64	Không đạt
1079	MN-1079	Nguyễn Minh	Tiền	Nam	23/5/1982	Tp. Hồ Chí Minh	31.75	68	Không đạt
1080	MN-1080	Phan Minh	Tiến	Nam	03/4/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	28.75	60	Không đạt
1081	MN-1081	Đỗ Quốc	Tiến	Nam	05/10/1992	Bình Phước	24.88	70	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1082	MN-1082	Đào Văn	Tiến	Nam	22/3/1964	Bình Thuận	16.75	40	Không đạt
1083	MN-1083	Hà Văn	Tiến	Nam	02/5/1977	Đồng Nai	21.25	52	Không đạt
1084	MN-1084	Nguyễn Thị	Tiện	Nữ	23/4/1993	Tp. Hồ Chí Minh	40.13	72	Không đạt
1085	MN-1085	Nguyễn Vũ	Tiếng	Nam	04/11/1977	Cần Thơ	14.75	34	Không đạt
1086	MN-1086	Thái Hồng	Tiền	Nữ	25/10/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	30.13	62	Không đạt
1087	MN-1087	Nguyễn Thúc	Til	Nam	22/8/1997	An Giang	23.25	68	Không đạt
1088	MN-1088	Nông Văn	Tin	Nam	29/8/1989	Tp. Hồ Chí Minh	32.50	74	Không đạt
1089	MN-1089	Lâm Quang	Tín	Nam	15/4/1988	Cần Thơ	13.25	62	Không đạt
1090	MN-1090	Phùng Thanh	Tín	Nam	07/9/1993	Cần Thơ	16.50	52	Không đạt
1091	MN-1091	Nguyễn Thành	Tín	Nam	09/12/1992	Tp. Hồ Chí Minh	35.25	72	Không đạt
1092	MN-1092	Nguyễn Trung	Tín	Nam	14/10/1987	Kiên Giang	36.75	72	Không đạt
1093	MN-1093	Lưu Văn	Tình	Nam	01/01/1988	Hậu Giang	23.25	64	Không đạt
1094	MN-1094	Nguyễn Thị Ngọc	Toàn	Nữ	26/10/1983	Tp. Hồ Chí Minh	50.88	70	Đạt
1095	MN-1095	Trần Cao Thanh	Toàn	Nữ	13/9/1988	Tp. Hồ Chí Minh	36.50	76	Không đạt
1096	MN-1096	Lê Trần Thiện	Toàn	Nam	25/10/1995	Long An	29.75	74	Không đạt
1097	MN-1097	Phạm Xuân	Toàn	Nam	28/10/1975	Tp. Hồ Chí Minh	18.63	60	Không đạt
1098	MN-1098	Đình Thanh	Tòng	Nam	15/6/1984	Bình Dương	25.13	46	Không đạt
1099	MN-1099	Nguyễn Thanh	Tòng	Nam	02/12/1984	Hậu Giang	20.63	46	Không đạt
1100	MN-1100	Mai Anh	Tú	Nam	17/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	45.75	74	Không đạt
1101	MN-1101	Bùi Cẩm	Tú	Nữ	17/4/1992	Cần Thơ	23.25	60	Không đạt
1102	MN-1102	Hứa Thị Cẩm	Tú	Nữ	21/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	34.50	70	Không đạt
1103	MN-1103	Phạm Thị Cẩm	Tú	Nữ	10/11/1981	Hậu Giang	26.25	46	Không đạt
1104	MN-1104	Tô Minh	Tú	Nam	15/6/1989	Lâm Đồng	34.25	70	Không đạt
1105	MN-1105	Đỗ Thanh	Tú	Nam	07/7/1991	Tp. Hồ Chí Minh	36.38	82	Không đạt
1106	MN-1106	Lê Thanh	Tú	Nam	27/10/1982	Tây Ninh	12.00	62	Không đạt
1107	MN-1107	Trần Thị	Tú	Nữ	11/11/1966	Tp. Hồ Chí Minh	30.25	66	Không đạt
1108	MN-1108	Đỗ Trọng	Tú	Nam	14/6/1992	Trà Vinh	35.00	48	Không đạt
1109	MN-1109	Vũ Văn	Tú	Nam	26/10/1972	Tp. Hồ Chí Minh	22.75	52	Không đạt
1110	MN-1110	Lê Ngọc	Tuân	Nam	24/02/1981	Tp. Hồ Chí Minh	23.50	62	Không đạt
1111	MN-1111	Cao Anh	Tuấn	Nam	13/10/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	45.50	48	Không đạt
1112	MN-1112	Đặng Anh	Tuấn	Nam	27/8/1994	Bình Phước	34.50	64	Không đạt
1113	MN-1113	Vũ Khanh Anh	Tuấn	Nam	06/7/1982	Tây Ninh	24.75	38	Không đạt
1114	MN-1114	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	25/6/1994	Tp. Hồ Chí Minh	42.00	70	Không đạt
1115	MN-1115	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	03/02/1984	Vĩnh Long	18.50	66	Không đạt
1116	MN-1116	Trần Anh	Tuấn	Nam	17/12/1979	Tp. Hồ Chí Minh	51.38	62	Đạt
1117	MN-1117	Trần Anh	Tuấn	Nam	24/10/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.63	86	Đạt
1118	MN-1118	Vũ Anh	Tuấn	Nam	25/10/1996	Trà Vinh	51.25	80	Đạt
1119	MN-1119	Lê Quốc Bảo	Tuấn	Nam	20/02/1980	Bình Thuận	31.35	66	Không đạt
1120	MN-1120	Nguyễn Duy	Tuấn	Nam	27/9/1990	Đồng Nai	31.00	48	Không đạt
1121	MN-1121	Trương Đình	Tuấn	Nam	11/3/1992	Đồng Nai	50.25	66	Đạt
1122	MN-1122	Vũ Đoàn	Tuấn	Nam	25/12/1978	Bình Phước	32.25	76	Không đạt
1123	MN-1123	Lê Hoàng	Tuấn	Nam	20/12/1989	Sóc Trăng	39.25	68	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1124	MN-1124	Lê Sanh Hồng	Tuấn	Nam	23/5/1982	Bến Tre	35.75	48	Không đạt
1125	MN-1125	Chu Mạnh	Tuấn	Nam	25/9/1990	Bình Dương	31.63	66	Không đạt
1126	MN-1126	Nguyễn Mạnh	Tuấn	Nam	20/02/1987	Tp. Hồ Chí Minh	39.50	66	Không đạt
1127	MN-1127	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	06/10/1989	Tp. Hồ Chí Minh	38.75	66	Không đạt
1128	MN-1128	Trương Ngọc	Tuấn	Nam	22/5/1984	Cần Thơ	17.63	44	Không đạt
1129	MN-1129	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	01/5/1982	An Giang	17.13	54	Không đạt
1130	MN-1130	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	30/4/1990	Bình Dương	41.75	74	Không đạt
1131	MN-1131	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	18/12/1969	Tiền Giang	9.00	22	Không đạt
1132	MN-1132	Nguyễn Thành	Tuấn	Nam	01/4/1997	Bình Thuận	50.50	52	Đạt
1133	MN-1133	Bùi Văn	Tuấn	Nam	18/02/1987	Lâm Đồng	9.00	52	Không đạt
1134	MN-1134	Mông Văn	Tuấn	Nam	27/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh	33.63	68	Không đạt
1135	MN-1135	Đinh Vũ	Tuấn	Nam	03/4/1990	Tp. Hồ Chí Minh	39.50	54	Không đạt
1136	MN-1136	Lê Xuân	Tuấn	Nam	17/6/1996	Bình Phước	30.75	66	Không đạt
1137	MN-1137	Nguyễn Lê Phú	Túc	Nam	27/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	40.63	66	Không đạt
1138	MN-1138	Nguyễn Bùi	Tùng	Nam	20/3/1988	Tây Ninh	55.50	74	Đạt
1139	MN-1139	Lê Quang Hoàng	Tùng	Nam	24/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	50.63	86	Đạt
1140	MN-1140	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	29/3/1989	Bình Dương	44.00	72	Không đạt
1141	MN-1141	Nguyễn Văn	Tùng	Nam	10/02/1967	Đồng Nai	25.13	56	Không đạt
1142	MN-1142	Nguyễn Văn	Tùng	Nam	04/8/1988	Lâm Đồng	43.25	44	Không đạt
1143	MN-1143	Nông Thị	Tuyền	Nữ	26/6/1991	Lâm Đồng	52.25	70	Đạt
1144	MN-1144	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	Nữ	06/01/1994	Cần Thơ	26.00	54	Không đạt
1145	MN-1145	Trần Thị Bích	Tuyền	Nữ	17/02/1995	Trà Vinh	27.50	54	Không đạt
1146	MN-1146	Phan Thị Kim	Tuyền	Nữ	20/7/1987	Cần Thơ	41.50	74	Không đạt
1147	MN-1147	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	Nữ	29/4/1986	Bình Dương	21.88	66	Không đạt
1148	MN-1148	Nguyễn Từ Ngọc	Tuyền	Nữ	11/4/1989	Bình Dương	39.88	60	Không đạt
1149	MN-1149	Trần Ngọc	Tuyền	Nữ	14/5/1987	Cần Thơ	34.88	64	Không đạt
1150	MN-1150	Trần Ngọc	Tuyền	Nam	09/6/1986	Tp. Hồ Chí Minh	38.00	68	Không đạt
1151	MN-1151	Bùi Thanh	Tuyền	Nữ	29/6/1995	Bình Phước	34.75	68	Không đạt
1152	MN-1152	Bùi Thị Thanh	Tuyền	Nữ	13/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	59.50	86	Đạt
1153	MN-1153	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	15/9/1991	Hậu Giang	18.00	56	Không đạt
1154	MN-1154	Phạm Thị Thanh	Tuyền	Nữ	05/6/1986	Tiền Giang	42.75	42	Không đạt
1155	MN-1155	Võ Thị Thanh	Tuyền	Nữ	17/5/1988	Tây Ninh	27.63	52	Không đạt
1156	MN-1156	Nguyễn Đình	Tuyền	Nam	27/5/1971	Tp. Hồ Chí Minh	33.25	56	Không đạt
1157	MN-1157	Võ Thị Hồng	Tuyền	Nữ	24/02/1992	Kiên Giang	46.75	62	Không đạt
1158	MN-1158	Trần Huỳnh Kim	Tuyền	Nữ	03/4/1997	Bình Thuận	24.63	60	Không đạt
1159	MN-1159	Vũ Thị Ánh	Tuyệt	Nữ	29/7/1993	Lâm Đồng	61.25	78	Đạt
1160	MN-1160	Uông Ánh	Tuyệt	Nữ	23/3/1999	Lâm Đồng	21.00	54	Không đạt
1161	MN-1161	Phạm Bích	Tuyệt	Nữ	17/10/1976	Tp. Hồ Chí Minh	51.25	60	Đạt
1162	MN-1162	Trương Thị Minh	Tuyệt	Nữ	23/5/1980	Tp. Hồ Chí Minh	39.00	60	Không đạt
1163	MN-1163	Lê Thị Thanh	Tuyệt	Nữ	02/01/1982	Long An	16.75	46	Không đạt
1164	MN-1164	Đỗ Thị	Tuyệt	Nữ	12/02/1982	Bà Rịa - Vũng Tàu	52.25	72	Đạt
1165	MN-1165	Nguyễn Thị	Tuyệt	Nữ	26/3/1986	Bình Dương	28.63	56	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1166	MN-1166	Phạm Thị	Tuyết	Nữ	15/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	39.25	82	Không đạt
1167	MN-1167	Võ Thị Vũ	Tuyết	Nữ	26/11/1978	Tp. Hồ Chí Minh	36.75	58	Không đạt
1168	MN-1168	Vũ Thị	Tứ	Nữ	19/5/1976	Tp. Hồ Chí Minh	41.75	68	Không đạt
1169	MN-1169	Lê Lam	Tước	Nữ	21/8/1997	Tiền Giang	36.25	62	Không đạt
1170	MN-1170	Trần Hồng	Tươi	Nam	22/5/1988	Trà Vinh	32.75	48	Không đạt
1171	MN-1171	Lê Văn Thanh	Tường	Nam	15/7/1994	Tp. Hồ Chí Minh	60.88	82	Đạt
1172	MN-1172	Trần Sắc	Từu	Nam	01/6/1980	Hậu Giang	17.00	48	Không đạt
1173	MN-1173	Phan Hoàng	Thạch	Nam	23/7/1987	Đồng Nai	32.50	50	Không đạt
1174	MN-1174	Nguyễn Văn	Thạch	Nam	10/11/1984	An Giang	30.63	56	Không đạt
1175	MN-1175	Huỳnh Hoàng Hồng	Thái	Nam	09/5/1996	Cần Thơ	29.50	68	Không đạt
1176	MN-1176	Trần Thị Phương	Thái	Nữ	23/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	45.75	84	Không đạt
1177	MN-1177	Đỗ Quang	Thái	Nam	13/7/1985	Đồng Nai	35.00	42	Không đạt
1178	MN-1178	Huỳnh Quốc	Thái	Nam	20/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	27.00	62	Không đạt
1179	MN-1179	Ngô Bình	Thanh	Nữ	17/01/1994	Hậu Giang	32.38	70	Không đạt
1180	MN-1180	Trương Diệp	Thanh	Nữ	15/11/1984	Đồng Tháp	13.00	62	Không đạt
1181	MN-1181	Mai Đức	Thanh	Nam	01/01/1975	Bình Dương	32.75	70	Không đạt
1182	MN-1182	Trần Thị Hoài	Thanh	Nữ	05/4/1991	Bình Dương	31.00	60	Không đạt
1183	MN-1183	Đoàn Kim	Thanh	Nam	08/02/1960	Bạc Liêu	10.50	48	Không đạt
1184	MN-1184	Lê Thị Mỹ	Thanh	Nữ	28/11/1993	Hậu Giang	18.75	68	Không đạt
1185	MN-1185	Trương Thị Mỹ	Thanh	Nữ	20/11/1972	Trà Vinh	22.00	38	Không đạt
1186	MN-1186	Tô Thị Nam	Thanh	Nữ	09/4/1996	Long An	40.38	78	Không đạt
1187	MN-1187	Liêu Nguyệt	Thanh	Nữ	09/11/1986	Bình Dương	39.50	62	Không đạt
1188	MN-1188	Nguyễn Thới Phương	Thanh	Nữ	24/09/1993	Tp. Hồ Chí Minh	52.75	78	Đạt
1189	MN-1189	Võ Trần Phương	Thanh	Nam	03/3/1984	Bến Tre	21.50	66	Không đạt
1190	MN-1190	Võ Trần Quý	Thanh	Nam	17/08/1995	Bến Tre	36.75	54	Không đạt
1191	MN-1191	Nguyễn Quý	Thanh	Nam	09/7/1968	Đồng Nai	21.63	36	Không đạt
1192	MN-1192	Hồ Thị	Thanh	Nữ	08/10/1974	Tây Ninh	8.81	48	Không đạt
1193	MN-1193	Huỳnh Ngọc Thiên	Thanh	Nam	13/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	40.50	86	Không đạt
1194	MN-1194	Lê Văn	Thanh	Nam	28/11/1990	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	74	Đạt
1195	MN-1195	Trương Thị Yên	Thanh	Nữ	30/9/1990	Lâm Đồng	35.75	74	Không đạt
1196	MN-1196	Nguyễn Thị Yên	Thanh	Nữ	18/10/1993	Bình Dương	43.38	78	Không đạt
1197	MN-1197	Nguyễn Công	Thành	Nam	27/7/1993	Tp. Hồ Chí Minh	50.25	80	Đạt
1198	MN-1198	Đàm Chí	Thành	Nam	30/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	42.38	68	Không đạt
1199	MN-1199	Đặng Chí	Thành	Nam	11/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	53.50	86	Đạt
1200	MN-1200	Nguyễn Đức	Thành	Nam	15/10/1978	Đồng Nai	24.75	62	Không đạt
1201	MN-1201	Nguyễn Thái Hiếu	Thành	Nam	10/9/1987	Bến Tre	28.00	52	Không đạt
1202	MN-1202	Nguyễn Minh	Thành	Nam	01/3/1989	Tp. Hồ Chí Minh	52.25	82	Đạt
1203	MN-1203	Trang Như	Thành	Nam	27/01/1992	Tp. Hồ Chí Minh	34.50	78	Không đạt
1204	MN-1204	Nguyễn Phước	Thành	Nam	16/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	40.50	72	Không đạt
1205	MN-1205	Phạm Phước	Thành	Nam	24/02/1979	Đồng Tháp	30.00	64	Không đạt
1206	MN-1206	Phan Tất	Thành	Nam	17/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	38.38	56	Không đạt
1207	MN-1207	Lương Thanh	Thành	Nam	14/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	39.88	70	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1208	MN-1208	Nguyễn Trung	Thành	Nam	26/9/1985	Bình Phước	11.75	48	Không đạt
1209	MN-1209	Lê Văn	Thành	Nam	19/4/1985	Tp. Hồ Chí Minh	25.75	52	Không đạt
1210	MN-1210	Phạm Văn	Thành	Nam	11/6/1977	Tp. Hồ Chí Minh	12.88	58	Không đạt
1211	MN-1211	Đình Viêt	Thành	Nam	16/01/1979	Lâm Đồng	30.75	48	Không đạt
1212	MN-1212	Lê Việt	Thành	Nam	11/8/1991	Đồng Nai	40.75	66	Không đạt
1213	MN-1213	Võ Quang	Thành	Nam	25/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	35.63	82	Không đạt
1214	MN-1214	Đặng Thị Bích	Thảo	Nữ	14/11/1977	Tp. Hồ Chí Minh	31.75	46	Không đạt
1215	MN-1215	Phạm Thị Bích	Thảo	Nữ	26/3/1963	Bình Dương	20.25	52	Không đạt
1216	MN-1216	Nguyễn Đức	Thảo	Nam	06/9/1992	Tp. Hồ Chí Minh	40.63	66	Không đạt
1217	MN-1217	Huỳnh Kim	Thảo	Nữ	28/02/1983	Bình Dương	35.88	42	Không đạt
1218	MN-1218	Nguyễn Thị Lan	Thảo	Nữ	03/11/1996	Lâm Đồng	23.75	58	Không đạt
1219	MN-1219	Nguyễn Thị Mai	Thảo	Nữ	27/7/1989	Bình Thuận	31.38	64	Không đạt
1220	MN-1220	Đặng Minh	Thảo	Nam	13/4/1979	Cà Mau	24.50	62	Không đạt
1221	MN-1221	Đình Ngô Ngọc	Thảo	Nữ	17/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	41.75	40	Không đạt
1222	MN-1222	Trần Hồ Phương	Thảo	Nữ	18/7/1996	Tp. Hồ Chí Minh	17.38	60	Không đạt
1223	MN-1223	Hoàng Nữ Phương	Thảo	Nữ	30/10/1997	Lâm Đồng	29.00	44	Không đạt
1224	MN-1224	Huỳnh Ngọc Phương	Thảo	Nữ	19/8/1984	Tp. Hồ Chí Minh	17.88	46	Không đạt
1225	MN-1225	Đoàn Thị Phương	Thảo	Nữ	23/12/1992	Tp. Hồ Chí Minh	53.75	78	Đạt
1226	MN-1226	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	26/5/1994	Bình Dương	59.75	94	Đạt
1227	MN-1227	Võ Phương	Thảo	Nữ	01/11/1988	Bến Tre	44.25	58	Không đạt
1228	MN-1228	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	23/11/1985	Tiền Giang	42.13	64	Không đạt
1229	MN-1229	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	05/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh	50.75	68	Đạt
1230	MN-1230	Phạm Thị Thanh	Thảo	Nữ	09/5/1992	Bến Tre	25.00	58	Không đạt
1231	MN-1231	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	18/3/1993	Bình Dương	51.38	76	Đạt
1232	MN-1232	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	28/4/1997	Bình Thuận	35.63	46	Không đạt
1233	MN-1233	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	04/12/1985	Tp. Hồ Chí Minh	39.25	84	Không đạt
1234	MN-1234	Trần Thị	Thảo	Nữ	13/7/1985	Bà Rịa - Vũng Tàu	51.75	84	Đạt
1235	MN-1235	Trần Thị	Thảo	Nữ	13/11/1995	Lâm Đồng	26.75	54	Không đạt
1236	MN-1236	Trịnh Thị	Thảo	Nữ	03/02/1996	Bình Phước			Không đạt
1237	MN-1237	Bùi Thị Thu	Thảo	Nữ	23/10/1995	Cần Thơ	30.75	56	Không đạt
1238	MN-1238	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	22/8/1995	Bình Dương	40.50	64	Không đạt
1239	MN-1239	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	08/3/1996	Bình Dương	34.25	76	Không đạt
1240	MN-1240	Võ Thị Thu	Thảo	Nữ	30/7/1995	Tp. Hồ Chí Minh	36.75	82	Không đạt
1241	MN-1241	Nguyễn Văn	Thảo	Nam	22/8/1993	Cần Thơ	33.88	50	Không đạt
1242	MN-1242	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	01/10/1990	Tp. Hồ Chí Minh	30.50	68	Không đạt
1243	MN-1243	Bùi Thị Ngọc	Thẩm	Nữ	15/7/1967	Hậu Giang	25.25	58	Không đạt
1244	MN-1244	Lê Thị	Thẩm	Nữ	24/4/1974	Đồng Tháp	34.75	64	Không đạt
1245	MN-1245	Trương Thị	Thẩm	Nữ	01/01/1995	Cần Thơ	31.00	78	Không đạt
1246	MN-1246	Phạm Chí	Thắng	Nam	07/10/1981	Tp. Hồ Chí Minh	32.25	66	Không đạt
1247	MN-1247	Trần Chiến	Thắng	Nam	10/01/1960	Kiên Giang			Không đạt
1248	MN-1248	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	31/8/1982	Lâm Đồng	22.25	56	Không đạt
1249	MN-1249	Trần Đức	Thắng	Nam	05/11/1982	Tp. Hồ Chí Minh	20.25	54	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1250	MN-1250	Phan Hồng	Thắng	Nam	23/6/1990	Lâm Đồng	22.50	64	Không đạt
1251	MN-1251	Lữ Minh	Thắng	Nam	01/5/1999	Bến Tre	27.75	44	Không đạt
1252	MN-1252	Trương Quang	Thắng	Nam	30/8/1979	Bình Thuận	8.00	50	Không đạt
1253	MN-1253	Lê Trần Thiện	Thắng	Nam	26/7/1994	Long An	24.25	68	Không đạt
1254	MN-1254	Hoàng Văn	Thắng	Nam	09/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	69.13	92	Đạt
1255	MN-1255	Huỳnh Kim	Thắm	Nữ	25/6/1990	Hậu Giang	32.50	52	Không đạt
1256	MN-1256	Phạm Hoàng	Thân	Nam	15/11/1988	Trà Vinh	7.50	50	Không đạt
1257	MN-1257	Trần Ngọc	Thân	Nam	01/8/1991	Kiên Giang	29.25	78	Không đạt
1258	MN-1258	Dương Minh	Thật	Nam	15/01/1976	Sóc Trăng	13.25	38	Không đạt
1259	MN-1259	Hồ Thị Đông	Thị	Nữ	02/8/1995	Sóc Trăng	7.00	46	Không đạt
1260	MN-1260	Phạm Đăng Khánh	Thị	Nữ	03/11/1997	Tiền Giang	23.63	56	Không đạt
1261	MN-1261	Nguyễn Thị Minh	Thị	Nữ	14/9/1993	Long An	26.63	56	Không đạt
1262	MN-1262	Trần Thị Ngọc	Thị	Nữ	11/12/1986	Lâm Đồng	39.88	70	Không đạt
1263	MN-1263	Nguyễn Thị	Thị	Nữ	30/4/1993	Tp. Hồ Chí Minh	37.88	76	Không đạt
1264	MN-1264	Nguyễn Quang	Thị	Nam	06/3/1985	Tây Ninh	11.75	40	Không đạt
1265	MN-1265	Đoàn Nam	Thiên	Nam	19/02/1989	Bình Phước	35.33	66	Không đạt
1266	MN-1266	Lê Đức	Thiện	Nam	18/02/1996	Long An	40.03	60	Không đạt
1267	MN-1267	Huỳnh Minh	Thiện	Nam	31/8/1990	Long An	25.38	52	Không đạt
1268	MN-1268	Võ Minh	Thiện	Nam	12/3/1981	Đồng Tháp	26.38	62	Không đạt
1269	MN-1269	Nguyễn	Thiện	Nam	11/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	32.25	62	Không đạt
1270	MN-1270	Huỳnh Phước	Thiện	Nam	01/2/1992	Cà Mau	28.13	50	Không đạt
1271	MN-1271	Nguyễn Lâm Phương	Thiện	Nam	02/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	28.50	66	Không đạt
1272	MN-1272	Đàm Văn	Thiện	Nam	01/3/1992	Tp. Hồ Chí Minh	39.63	84	Không đạt
1273	MN-1273	Thân Văn	Thiện	Nam	01/11/1973	Tp. Hồ Chí Minh	16.75	50	Không đạt
1274	MN-1274	Trần Văn	Thiệt	Nam	03/5/1990	Tây Ninh	22.75	72	Không đạt
1275	MN-1275	Đàm Văn	Thin	Nam	16/6/1993	Bình Phước	33.38	72	Không đạt
1276	MN-1276	Phạm Ngọc	Thịnh	Nam	10/6/1994	Long An	28.13	56	Không đạt
1277	MN-1277	Ngô Nguyễn Trường	Thịnh	Nam	02/12/1992	Tp. Hồ Chí Minh	25.13	72	Không đạt
1278	MN-1278	Hoàng Xuân	Thịnh	Nam	28/10/1991	Tp. Hồ Chí Minh	30.88	74	Không đạt
1279	MN-1279	Trần Hữu	Thọ	Nam	19/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	24.00	56	Không đạt
1280	MN-1280	Tạ Quang	Thọ	Nam	10/9/1985	Tp. Hồ Chí Minh	31.88	48	Không đạt
1281	MN-1281	Nguyễn Thanh	Thọ	Nam	13/5/1986	Bình Dương	28.63	78	Không đạt
1282	MN-1282	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	24/6/1984	Long An	11.75	54	Không đạt
1283	MN-1283	Võ Thị Kim	Thoa	Nữ	19/9/1971	Kiên Giang	33.38	54	Không đạt
1284	MN-1284	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	19/11/1990	Bình Dương	50.00	68	Đạt
1285	MN-1285	Dương Việt	Thoại	Nam	09/10/1979	Tp. Hồ Chí Minh	16.25	58	Không đạt
1286	MN-1286	Phạm Phi	Thoàng	Nam	21/11/1986	Cà Mau	16.63	60	Không đạt
1287	MN-1287	Lý Minh	Thống	Nam	03/8/1985	Cần Thơ	22.75	66	Không đạt
1288	MN-1288	Trần	Thống	Nam	23/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	24.13	56	Không đạt
1289	MN-1289	Đoàn Thị Kim	Thơ	Nữ	22/4/1979	Long An	29.13	38	Không đạt
1290	MN-1290	Nguyễn Thành	Thơ	Nam	28/4/1961	Đồng Tháp			Không đạt
1291	MN-1291	Trần Thị	Thơ	Nữ	21/7/1993	Bình Thuận	33.50	86	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1292	MN-1292	Nguyễn Thị	Thom	Nữ	15/3/1981	Tây Ninh	32.50	62	Không đạt
1293	MN-1293	Nguyễn Thị	Thom	Nữ	13/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	50.13	68	Đạt
1294	MN-1294	Triệu Thị	Thom	Nữ	03/4/1994	Lâm Đồng	34.00	62	Không đạt
1295	MN-1295	Trần Thị Cẩm	Thu	Nữ	14/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	80	Đạt
1296	MN-1296	Đào Thị Hoài	Thu	Nữ	08/5/1986	Bình Phước	33.38	76	Không đạt
1297	MN-1297	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	19/01/1990	Tp. Hồ Chí Minh	46.25	84	Không đạt
1298	MN-1298	Nguyễn Thị Mộng	Thu	Nữ	17/10/1984	Tiền Giang	12.19	26	Không đạt
1299	MN-1299	Lê Thị Nguyệt	Thu	Nữ	20/10/1991	Cần Thơ	41.00	76	Không đạt
1300	MN-1300	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	15/8/1997	Bình Dương	38.25	62	Không đạt
1301	MN-1301	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	06/8/1979	Lâm Đồng	28.13	56	Không đạt
1302	MN-1302	Trần Thị	Thu	Nữ	25/11/1992	Đắk Nông	24.88	64	Không đạt
1303	MN-1303	Võ Minh	Thuận	Nam	04/7/1979	Bình Dương	27.00	56	Không đạt
1304	MN-1304	Lê Phúc	Thuận	Nam	04/9/1990	Bình Phước	32.50	52	Không đạt
1305	MN-1305	Nguyễn Phương	Thuận	Nam	21/5/1991	Long An	8.75	40	Không đạt
1306	MN-1306	Nguyễn Thị	Thuận	Nữ	01/6/1991	Bình Dương	40.50	62	Không đạt
1307	MN-1307	Lê Văn	Thuận	Nam	03/12/1973	Tây Ninh			Không đạt
1308	MN-1308	Lê Văn	Thuận	Nam	14/12/1972	Tp. Hồ Chí Minh	23.38	70	Không đạt
1309	MN-1309	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	10/6/1993	Bến Tre	50.00	90	Đạt
1310	MN-1310	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	09/5/1991	Cần Thơ	19.75	46	Không đạt
1311	MN-1311	Nguyễn Thị Mộng	Thủy	Nữ	25/9/1991	Bình Phước	54.50	84	Đạt
1312	MN-1312	Hoàng Thị Lệ	Thủy	Nữ	10/10/1996	Bình Phước	28.25	42	Không đạt
1313	MN-1313	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	10/6/1987	Lâm Đồng	37.25	52	Không đạt
1314	MN-1314	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	02/01/1994	Bình Phước	27.00	58	Không đạt
1315	MN-1315	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	12/12/1987	Bình Phước	18.25	48	Không đạt
1316	MN-1316	Đông Thị Minh	Thùy	Nữ	08/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	78	Đạt
1317	MN-1317	Nguyễn Thị Như	Thùy	Nữ	10/6/1985	Bình Dương	33.25	58	Không đạt
1318	MN-1318	Trần Thị	Thùy	Nữ	29/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	53.75	78	Đạt
1319	MN-1319	Nhâm Thị Bích	Thủy	Nữ	19/6/1989	Sóc Trăng	38.25	78	Không đạt
1320	MN-1320	Phạm Ngọc	Thủy	Nữ	21/01/1988	Tp. Hồ Chí Minh	54.50	80	Đạt
1321	MN-1321	Trần Thị Thái	Thủy	Nữ	20/02/1983	Tây Ninh	27.50	68	Không đạt
1322	MN-1322	Bùi Thanh	Thủy	Nữ	27/01/1994	Cần Thơ	25.75	52	Không đạt
1323	MN-1323	Ngô Lê Thanh	Thủy	Nữ	05/6/1994	Tp. Hồ Chí Minh	38.00	64	Không đạt
1324	MN-1324	Lê Thị Thanh	Thủy	Nữ	25/11/1993	Bình Dương	27.25	70	Không đạt
1325	MN-1325	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	30/11/1983	Tiền Giang	33.50	60	Không đạt
1326	MN-1326	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	05/11/1978	Tp. Hồ Chí Minh	19.00	48	Không đạt
1327	MN-1327	Hoàng Thị	Thủy	Nữ	10/12/1979	Bà Rịa - Vũng Tàu	27.25	54	Không đạt
1328	MN-1328	Mai Thị	Thủy	Nữ	14/9/1997	Long An	42.00	74	Không đạt
1329	MN-1329	Nịnh Thị	Thủy	Nữ	08/3/1995	Đắk Nông	54.38	74	Đạt
1330	MN-1330	Nông Thị	Thủy	Nữ	12/7/1992	Đồng Nai	34.50	72	Không đạt
1331	MN-1331	Phan Thị	Thủy	Nữ	13/8/1992	Bình Dương	51.50	80	Đạt
1332	MN-1332	Lê Thiện	Thủy	Nữ	10/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	27.25	58	Không đạt
1333	MN-1333	Huỳnh Thu	Thủy	Nữ	28/5/1978	Vĩnh Long	23.88	66	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1334	MN-1334	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	12/10/1989	An Giang	28.50	68	Không đạt
1335	MN-1335	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	16/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	28.25	84	Không đạt
1336	MN-1336	Lê Thanh	Thúy	Nữ	19/3/1991	Tp. Hồ Chí Minh	54.25	74	Đạt
1337	MN-1337	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	25/9/1994	Bình Thuận	4.00	66	Không đạt
1338	MN-1338	Trịnh Thanh	Thúy	Nữ	02/02/1992	Vĩnh Long	34.75	70	Không đạt
1339	MN-1339	Cao Thị	Thúy	Nữ	15/5/1990	Tp. Hồ Chí Minh	38.75	74	Không đạt
1340	MN-1340	Mai Thị	Thúy	Nữ	27/02/1991	Tp. Hồ Chí Minh	33.25	74	Không đạt
1341	MN-1341	Ngô Thị	Thúy	Nữ	02/7/1994	Tp. Hồ Chí Minh	40.50	78	Không đạt
1342	MN-1342	Phạm Diệp Anh	Thư	Nam	01/01/1978	Bạc Liêu	28.75	50	Không đạt
1343	MN-1343	Lê Anh	Thư	Nữ	21/02/1996	Hậu Giang	33.50	62	Không đạt
1344	MN-1344	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	20/10/1996	Cần Thơ	41.50	80	Không đạt
1345	MN-1345	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23/9/1995	Cần Thơ	28.50	70	Không đạt
1346	MN-1346	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	15/02/1994	Long An	38.50	72	Không đạt
1347	MN-1347	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	23/11/1991	Bình Thuận	32.25	72	Không đạt
1348	MN-1348	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	03/9/1982	Tp. Hồ Chí Minh	38.63	60	Không đạt
1349	MN-1349	Bùi Nguyệt Đoan	Thư	Nữ	02/6/1979	Tp. Hồ Chí Minh	24.63	62	Không đạt
1350	MN-1350	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	04/12/1996	Cần Thơ	50.50	74	Đạt
1351	MN-1351	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	01/6/1996	Tp. Hồ Chí Minh	39.50	72	Không đạt
1352	MN-1352	Lê Thị Minh	Thư	Nữ	14/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	33.75	78	Không đạt
1353	MN-1353	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	12/12/1992	Tp. Hồ Chí Minh	40.88	76	Không đạt
1354	MN-1354	Võ Thị Minh	Thư	Nữ	14/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	22.38	76	Không đạt
1355	MN-1355	Vũ Minh	Thư	Nữ	27/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	52.00	86	Đạt
1356	MN-1356	Đỗ Nguyễn Nam	Thư	Nữ	15/3/1995	Tây Ninh	22.75	64	Không đạt
1357	MN-1357	Phan Đoàn Thanh	Thư	Nữ	05/10/1995	Tây Ninh			Không đạt
1358	MN-1358	Nguyễn Chí	Thức	Nam	04/01/1993	Hậu Giang	51.25	88	Đạt
1359	MN-1359	Nguyễn Duy	Thức	Nam	01/11/1980	Đồng Nai	30.38	70	Không đạt
1360	MN-1360	Cao Văn	Thức	Nam	07/3/1971	Bình Dương	13.63	56	Không đạt
1361	MN-1361	Lê Hoài	Thương	Nam	27/7/1994	Tp. Hồ Chí Minh	43.50	74	Không đạt
1362	MN-1362	Đặng Thị Hoài	Thương	Nữ	30/8/1993	Tp. Hồ Chí Minh	50.38	72	Đạt
1363	MN-1363	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	01/3/1997	Tp. Hồ Chí Minh	55.25	80	Đạt
1364	MN-1364	Trần Hoài	Thương	Nữ	19/6/1998	Tp. Hồ Chí Minh	51.38	76	Đạt
1365	MN-1365	Doãn Thị	Thương	Nữ	12/7/1999	Lâm Đồng	42.00	54	Không đạt
1366	MN-1366	Lê Thị	Thương	Nữ	10/10/1995	Bình Dương	51.63	68	Đạt
1367	MN-1367	Võ Thị	Thương	Nữ	23/3/1984	Lâm Đồng	25.88	54	Không đạt
1368	MN-1368	Trần Văn	Thường	Nam	19/9/1964	Kiên Giang	5.00	28	Không đạt
1369	MN-1369	Ngô Văn	Thượng	Nam	01/01/1989	Đồng Nai	30.50	66	Không đạt
1370	MN-1370	Vũ Đan	Thy	Nữ	18/10/1993	Tp. Hồ Chí Minh	40.75	82	Không đạt
1371	MN-1371	Tăng Thụy Thanh	Trà	Nữ	16/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	31.25	56	Không đạt
1372	MN-1372	Trần Thị Anh	Trang	Nữ	15/4/1982	Đồng Tháp	34.50	54	Không đạt
1373	MN-1373	Nguyễn Thị Cẩm	Trang	Nữ	14/01/1987	Bình Phước	61.50	76	Đạt
1374	MN-1374	Nguyễn Thị Đoan	Trang	Nữ	28/8/1984	Tp. Hồ Chí Minh	40.88	68	Không đạt
1375	MN-1375	Bùi Thị Hà	Trang	Nữ	21/7/1994	Lâm Đồng	31.88	62	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1376	MN-1376	Võ Hà	Trang	Nữ	21/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	38.88	50	Không đạt
1377	MN-1377	Dương Huyền	Trang	Nữ	21/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	38.00	64	Không đạt
1378	MN-1378	Hà Huyền	Trang	Nữ	07/02/1992	Tp. Hồ Chí Minh	37.75	80	Không đạt
1379	MN-1379	Trần Ngọc Huyền	Trang	Nữ	06/9/1999	Vĩnh Long	43.25	72	Không đạt
1380	MN-1380	Vũ Thanh Huyền	Trang	Nữ	24/7/1992	Bình Thuận	44.75	62	Không đạt
1381	MN-1381	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	01/5/1989	Tây Ninh	39.38	66	Không đạt
1382	MN-1382	Trà Huyền	Trang	Nữ	12/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	20.63	68	Không đạt
1383	MN-1383	Danh Thị Kiều	Trang	Nữ	24/5/1990	Kiên Giang	55.50	72	Đạt
1384	MN-1384	Phạm Thị Linh	Trang	Nữ	24/9/1984	Bình Dương	24.75	62	Không đạt
1385	MN-1385	Trần Thị Mai	Trang	Nữ	09/11/1991	Long An	29.25	42	Không đạt
1386	MN-1386	Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	24/8/1991	Bình Dương	34.88	70	Không đạt
1387	MN-1387	Đoàn Quỳnh	Trang	Nữ	01/8/1991	Vĩnh Long	42.25	70	Không đạt
1388	MN-1388	Phan Thị Tân	Trang	Nữ	16/4/1994	Bình Thuận	39.00	68	Không đạt
1389	MN-1389	Đông Thanh	Trang	Nam	29/8/1976	Đồng Nai	29.50	56	Không đạt
1390	MN-1390	Đỗ Hoàng Thảo	Trang	Nữ	01/6/1984	Lâm Đồng	35.75	56	Không đạt
1391	MN-1391	Huỳnh Ngọc Thảo	Trang	Nữ	07/02/1989	An Giang	29.88	64	Không đạt
1392	MN-1392	Đặng Thị Thảo	Trang	Nữ	24/6/1993	Bình Thuận	28.88	36	Không đạt
1393	MN-1393	Hồ Thị	Trang	Nữ	08/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	34.63	76	Không đạt
1394	MN-1394	Lê Thị	Trang	Nữ	06/3/1990	Đắk Nông	41.75	64	Không đạt
1395	MN-1395	Lê Thị	Trang	Nữ	09/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	90	Đạt
1396	MN-1396	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	25/02/1991	Tp. Hồ Chí Minh	34.00	70	Không đạt
1397	MN-1397	Nguyễn Thụy Thiên	Trang	Nữ	22/01/1988	Cần Thơ	16.25		Không đạt
1398	MN-1398	Thái Thu	Trang	Nữ	12/9/1996	Tp. Hồ Chí Minh	33.00	82	Không đạt
1399	MN-1399	Đinh Thị Thu	Trang	Nữ	22/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	82	Đạt
1400	MN-1400	Huỳnh Thị Thu	Trang	Nữ	18/6/1991	Bình Phước	33.75	68	Không đạt
1401	MN-1401	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	10/4/1993	Cần Thơ	30.25	68	Không đạt
1402	MN-1402	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	28/10/1983	Tp. Hồ Chí Minh	40.38	72	Không đạt
1403	MN-1403	Phạm Thùy	Trang	Nữ	19/7/1990	Tây Ninh	32.13	48	Không đạt
1404	MN-1404	Huỳnh Thụy Thùy	Trang	Nữ	25/4/1980	Đồng Tháp	32.50	54	Không đạt
1405	MN-1405	Trần Thùy	Trang	Nữ	27/7/1994	Tp. Hồ Chí Minh	39.25	88	Không đạt
1406	MN-1406	Phạm Xuân	Trang	Nữ	16/8/1991	Tp. Hồ Chí Minh	42.63	84	Không đạt
1407	MN-1407	Đào Công	Tráng	Nam	06/01/1978	Đồng Nai	22.25	50	Không đạt
1408	MN-1408	Phương Văn	Tráng	Nam	13/4/1990	Đắk Nông	25.13	56	Không đạt
1409	MN-1409	Đỗ Quốc	Trảng	Nam	08/6/1996	Cà Mau	42.50	78	Không đạt
1410	MN-1410	Nguyễn Thị Ngọc	Trắng	Nữ	11/10/1992	Cần Thơ	33.00	56	Không đạt
1411	MN-1411	Nguyễn Bảo	Trâm	Nữ	10/01/1997	Bến Tre	26.00	64	Không đạt
1412	MN-1412	Phạm Thị Bích	Trâm	Nữ	27/7/1997	Long An	30.88	90	Không đạt
1413	MN-1413	Lê Ngọc Mai	Trâm	Nữ	18/9/1995	Tp. Hồ Chí Minh	44.13	80	Không đạt
1414	MN-1414	Hồ Ngọc Minh	Trâm	Nữ	03/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	42.00	62	Không đạt
1415	MN-1415	Nguyễn Phan Ngọc	Trâm	Nữ	19/6/1995	Bình Dương	44.25	78	Không đạt
1416	MN-1416	Lê Thị Ngọc	Trâm	Nữ	25/7/1997	Lâm Đồng	44.63	62	Không đạt
1417	MN-1417	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	17/11/1992	Bình Dương	51.25	68	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1418	MN-1418	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	07/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	51.50	70	Đạt
1419	MN-1419	Vũ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	10/10/1993	Bình Phước	33.38	82	Không đạt
1420	MN-1420	Vũ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	15/7/1991	Tp. Hồ Chí Minh	34.75	70	Không đạt
1421	MN-1421	Phan Thị Như	Trâm	Nữ	16/6/1989	Bình Thuận	41.00	82	Không đạt
1422	MN-1422	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	Nữ	13/11/1987	Lâm Đồng	33.63	64	Không đạt
1423	MN-1423	Lê Thanh	Trâm	Nữ	01/4/1981	Tp. Hồ Chí Minh	32.00	76	Không đạt
1424	MN-1424	Ngô Thị	Trâm	Nữ	10/10/1985	Bình Thuận	27.00	54	Không đạt
1425	MN-1425	Cao Thị Thùy	Trâm	Nữ	12/7/1996	Đồng Nai	37.13	66	Không đạt
1426	MN-1426	Trần Ngọc Đông	Trâm	Nam	09/9/1988	Bình Thuận	27.25	70	Không đạt
1427	MN-1427	Hà Bảo	Trân	Nam	22/8/1987	An Giang	33.25	60	Không đạt
1428	MN-1428	Phạm Nguyễn Huyền	Trân	Nữ	05/6/1992	Cần Thơ	51.50	90	Đạt
1429	MN-1429	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	05/12/1996	Bến Tre	36.75	54	Không đạt
1430	MN-1430	Trần Huyền	Trân	Nữ	03/10/1989	Cần Thơ	37.25	62	Không đạt
1431	MN-1431	Trần Kỳ	Trân	Nữ	12/3/1986	Cần Thơ	38.00	66	Không đạt
1432	MN-1432	Lê Thị Khánh	Trân	Nữ	23/8/1980	Tp. Hồ Chí Minh	22.25	68	Không đạt
1433	MN-1433	Nguyễn Minh	Trần	Nam	02/11/1986	Trà Vinh	38.13	80	Không đạt
1434	MN-1434	Dương Mộng	Tri	Nam	03/7/1972	Tp. Hồ Chí Minh			Không đạt
1435	MN-1435	Trần Tiểu	Tri	Nữ	29/01/1991	Lâm Đồng	34.65	74	Không đạt
1436	MN-1436	Võ Đức	Trí	Nam	05/7/1982	Cần Thơ	41.38	66	Không đạt
1437	MN-1437	Lê Minh	Trí	Nam	23/12/1978	Vĩnh Long	24.50	46	Không đạt
1438	MN-1438	Phạm Minh	Trí	Nam	02/11/1983	Long An	14.63	44	Không đạt
1439	MN-1439	Phạm Minh	Trí	Nam	27/02/1995	Long An	30.98	80	Không đạt
1440	MN-1440	Phạm Văn	Trí	Nam	25/3/1987	Lâm Đồng	27.75	44	Không đạt
1441	MN-1441	Nguyễn Hữu	Triển	Nam	28/8/1996	Bình Dương	30.75	66	Không đạt
1442	MN-1442	Võ Minh	Triều	Nam	20/10/1961	Trà Vinh	15.38	38	Không đạt
1443	MN-1443	Nguyễn Thị Xuân	Triều	Nữ	15/9/1971	Tp. Hồ Chí Minh			Không đạt
1444	MN-1444	Châu Thị Mai	Trình	Nữ	12/3/1984	An Giang	24.00	62	Không đạt
1445	MN-1445	Trịnh Lê Tú	Trình	Nữ	11/4/1997	Bình Phước	33.25	54	Không đạt
1446	MN-1446	Nguyễn Thị Tú	Trình	Nữ	06/4/1993	Tây Ninh	25.88	58	Không đạt
1447	MN-1447	Đỗ Thị Tuyết	Trình	Nữ	26/3/1989	Đồng Nai	17.81	70	Không đạt
1448	MN-1448	Nguyễn Thị	Trình	Nữ	26/11/1996	Bình Phước	61.75	88	Đạt
1449	MN-1449	Võ Vương Khánh	Trình	Nam	02/4/1990	Tp. Hồ Chí Minh	25.88	50	Không đạt
1450	MN-1450	Vũ Ngọc	Triu	Nam	05/02/1969	Bà Rịa - Vũng Tàu	8.25		Không đạt
1451	MN-1451	Nguyễn Đức	Trọng	Nam	13/12/1992	Bình Phước	21.63	58	Không đạt
1452	MN-1452	Nguyễn Hữu	Trọng	Nam	12/6/1997	Long An	37.50	68	Không đạt
1453	MN-1453	Trần Kim	Trọng	Nam	14/8/1972	Tp. Hồ Chí Minh			Không đạt
1454	MN-1454	Phan Ngọc	Trúc	Nam	05/7/1980	Bình Dương	35.25	70	Không đạt
1455	MN-1455	Trần Cao Thanh	Trúc	Nữ	28/12/1996	Bình Phước	38.25	74	Không đạt
1456	MN-1456	Lữ Thanh	Trúc	Nữ	19/11/1981	Bến Tre	39.63	66	Không đạt
1457	MN-1457	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	16/12/1984	Tiền Giang	21.00	60	Không đạt
1458	MN-1458	Trương Thùy	Trúc	Nữ	26/10/1978	Tp. Hồ Chí Minh	12.75	54	Không đạt
1459	MN-1459	Trần Hữu	Trung	Nam	06/5/1995	Bến Tre	17.16	64	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1460	MN-1460	Trần Phan Minh	Trung	Nam	29/5/1990	Tp. Hồ Chí Minh	25.50	52	Không đạt
1461	MN-1461	Võ Minh	Trung	Nam	10/5/1962	Bạc Liêu	14.75	54	Không đạt
1462	MN-1462	Đoàn Phạm Sơn	Trung	Nam	12/3/1979	Long An	52.00	82	Đạt
1463	MN-1463	Nguyễn Hữu	Trực	Nam	03/3/1994	Bình Dương	35.38	64	Không đạt
1464	MN-1464	Nguyễn Văn	Trực	Nam	15/12/1978	Trà Vinh	16.13	54	Không đạt
1465	MN-1465	Huỳnh Cao	Trường	Nam	10/11/1971	Long An	27.38	62	Không đạt
1466	MN-1466	Đỗ Lê Cao Đăng	Trường	Nam	28/01/1980	Tp. Hồ Chí Minh	18.56	62	Không đạt
1467	MN-1467	Nguyễn Công	Trường	Nam	17/6/1995	Bình Thuận	18.63	46	Không đạt
1468	MN-1468	Đinh Nhật	Trường	Nam	08/7/1983	Bến Tre	38.72	88	Không đạt
1469	MN-1469	Lê Nhật	Trường	Nam	08/11/1995	Long An	50.63	68	Đạt
1470	MN-1470	Ngô Nguyễn Nhật	Trường	Nam	10/5/1991	Tiền Giang	16.38	54	Không đạt
1471	MN-1471	Lê Vũ Nhật	Trường	Nam	01/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	34.78	80	Không đạt
1472	MN-1472	Trần Nguyễn Gia	Uyên	Nữ	23/11/1996	Cần Thơ	29.00	70	Không đạt
1473	MN-1473	Newsye Hồng	Uyên	Nữ	16/7/1995	Lâm Đồng	8.25	46	Không đạt
1474	MN-1474	Ngô Thị Minh	Uyên	Nữ	28/12/1975	Tp. Hồ Chí Minh	13.50	38	Không đạt
1475	MN-1475	Lê Phương	Uyên	Nữ	10/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	33.80	78	Không đạt
1476	MN-1476	Dương Thị Tú	Uyên	Nữ	21/10/1985	Sóc Trăng	25.50	66	Không đạt
1477	MN-1477	Nguyễn Thị Uyên	Uyên	Nữ	04/11/1983	Tp. Hồ Chí Minh	19.63	72	Không đạt
1478	MN-1478	Lê Bình	Vàng	Nữ	07/5/1989	An Giang	13.13	34	Không đạt
1479	MN-1479	Trần Công	Văn	Nam	01/4/1974	Tp. Hồ Chí Minh	27.88	58	Không đạt
1480	MN-1480	Phan Văn	Thông	Nam	08/6/1976	Tây Ninh	19.25	54	Không đạt
1481	MN-1481	Nguyễn Cẩm	Vân	Nữ	13/01/1985	Long An	11.16	46	Không đạt
1482	MN-1482	Nguyễn Thị Hải	Vân	Nữ	01/10/1987	Lâm Đồng	13.25	48	Không đạt
1483	MN-1483	Hà Thị Hồng	Vân	Nữ	02/8/1995	Tp. Hồ Chí Minh	55.38	92	Đạt
1484	MN-1484	Mạch Ngọc	Vân	Nữ	17/10/1981	Đồng Nai	14.57	40	Không đạt
1485	MN-1485	Nguyễn Phi	Vân	Nữ	14/3/1992	Long An	25.63	64	Không đạt
1486	MN-1486	Phạm Thanh	Vân	Nữ	17/6/1982	Bình Dương	37.63	62	Không đạt
1487	MN-1487	Phan Thị	Vân	Nữ	14/9/1985	Bình Dương	13.17	48	Không đạt
1488	MN-1488	Lê Thị Thu	Vân	Nữ	03/8/1990	An Giang	17.00	32	Không đạt
1489	MN-1489	Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	13/6/1982	Tp. Hồ Chí Minh	26.13	76	Không đạt
1490	MN-1490	Hoàng Thúy	Vân	Nữ	13/3/1993	Tp. Hồ Chí Minh	27.63	80	Không đạt
1491	MN-1491	Lê Thị Thúy	Vân	Nữ	10/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	44.63	80	Không đạt
1492	MN-1492	Hồ Thị Tường	Vi	Nữ	21/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	42.25	60	Không đạt
1493	MN-1493	Trần Văn	Vi	Nam	17/5/1974	Tp. Hồ Chí Minh	24.38	74	Không đạt
1494	MN-1494	Nguyễn Thị Thúy	Viên	Nữ	19/7/1991	Tp. Hồ Chí Minh	23.13	78	Không đạt
1495	MN-1495	Nguyễn Viết	Viện	Nam	16/9/1978	Tp. Hồ Chí Minh	3.84	42	Không đạt
1496	MN-1496	Nguyễn Thị	Viết	Nữ	15/9/1991	Bình Dương	28.63	56	Không đạt
1497	MN-1497	Võ Hoàng	Việt	Nam	28/11/1992	Bình Thuận	31.25	64	Không đạt
1498	MN-1498	Phạm Thế	Việt	Nam	25/11/1979	Tp. Hồ Chí Minh	14.13	56	Không đạt
1499	MN-1499	Vũ Thiên	Việt	Nam	18/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	41.13	76	Không đạt
1500	MN-1500	Nguyễn Út	Việt	Nam	17/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	41.50	76	Không đạt
1501	MN-1501	Hoàng Văn	Việt	Nam	18/8/1993	Lâm Đồng	26.16	64	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1502	MN-1502	Trần Văn	Việt	Nam	18/01/1996	Lâm Đồng	14.33	50	Không đạt
1503	MN-1503	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	16/9/1963	Tp. Hồ Chí Minh	29.00	66	Không đạt
1504	MN-1504	Trần Quang	Vinh	Nam	25/11/1997	Lâm Đồng	26.50	50	Không đạt
1505	MN-1505	Vũ Văn	Vinh	Nam	23/3/1991	Bình Thuận	23.50	72	Không đạt
1506	MN-1506	Từ Phùng Xuân	Vinh	Nam	14/3/1986	Bình Thuận	32.13	56	Không đạt
1507	MN-1507	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	27/7/1985	Hậu Giang	14.75	54	Không đạt
1508	MN-1508	Hồ Phương	Vũ	Nam	1986	An Giang	29.38	70	Không đạt
1509	MN-1509	Lê Huỳnh Phương	Vũ	Nam	29/10/1991	Tp. Hồ Chí Minh	27.13	64	Không đạt
1510	MN-1510	Bùi Thanh	Vũ	Nam	16/3/1980	Tp. Hồ Chí Minh	24.50	46	Không đạt
1511	MN-1511	Ca Thanh	Vũ	Nam	01/8/1982	Tp. Hồ Chí Minh	9.25	56	Không đạt
1512	MN-1512	Nguyễn Thanh	Vũ	Nam	09/3/1992	Đồng Nai	15.75	56	Không đạt
1513	MN-1513	Trần Thiên	Vũ	Nam	30/5/1966	Bến Tre	14.25	46	Không đạt
1514	MN-1514	Nguyễn Trọng	Vũ	Nam	07/11/1983	Đồng Nai	7.25	38	Không đạt
1515	MN-1515	Trần Cát Uy	Vũ	Nam	26/3/1989	Bình Phước	12.38	54	Không đạt
1516	MN-1516	Đặng Hoàng	Vui	Nam	01/4/1971	Cần Thơ	6.50	62	Không đạt
1517	MN-1517	Hoàng Đình	Vương	Nam	27/5/1991	Tp. Hồ Chí Minh	25.75	62	Không đạt
1518	MN-1518	Nguyễn Minh	Vương	Nam	08/4/1985	Lâm Đồng	41.06	78	Không đạt
1519	MN-1519	Nguyễn Quốc	Vương	Nam	03/8/1971	Cần Thơ			Không đạt
1520	MN-1520	Nguyễn Thị Hồng	Vy	Nữ	15/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	52.00	82	Đạt
1521	MN-1521	Huỳnh Nguyễn Lan	Vy	Nữ	11/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	51.13	64	Đạt
1522	MN-1522	Nguyễn Ngọc	Vy	Nữ	27/10/1994	Sóc Trăng	29.75	62	Không đạt
1523	MN-1523	Nguyễn Thị Phương	Vy	Nữ	17/02/1983	An Giang	21.88	46	Không đạt
1524	MN-1524	Kiều Tường	Vy	Nữ	24/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	55.38	78	Đạt
1525	MN-1525	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	Nữ	31/12/1993	Tp. Hồ Chí Minh	39.13	74	Không đạt
1526	MN-1526	Nguyễn Thị Thúy	Vy	Nữ	01/10/1996	Long An	40.63	60	Không đạt
1527	MN-1527	Trần Thị Tường	Vy	Nữ	12/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	62.50	90	Đạt
1528	MN-1528	Lê Kim Thanh	Vy	Nữ	27/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	35.13	72	Không đạt
1529	MN-1529	Nguyễn Hoàng Uyên	Vy	Nữ	02/8/1995	Bình Dương	31.50	64	Không đạt
1530	MN-1530	Nguyễn Thị	Vy	Nữ	26/8/1995	Đồng Nai	25.13	78	Không đạt
1531	MN-1531	Huỳnh Thị	Xa	Nữ	08/5/1989	Sóc Trăng	33.00	58	Không đạt
1532	MN-1532	Đặng Đồng	Xuân	Nam	01/8/1984	Bạc Liêu	28.25	46	Không đạt
1533	MN-1533	Bạch Thị Thanh	Xuân	Nữ	22/4/1985	Đồng Tháp	32.25	58	Không đạt
1534	MN-1534	Lê Phan Thùy	Xuân	Nữ	01/01/1976	Bình Thuận	15.38	48	Không đạt
1535	MN-1535	Nguyễn Việt	Xuân	Nam	03/01/1990	Kiên Giang	26.38	60	Không đạt
1536	MN-1536	Bùi Thị Quế	Xuyên	Nữ	19/8/1988	Trà Vinh	33.75	64	Không đạt
1537	MN-1537	Võ Thị Thê	Xuyên	Nữ	13/12/1993	Đồng Tháp	37.88	90	Không đạt
1538	MN-1538	Phùng Văn	Xuyên	Nam	04/12/1988	Đắk Nông	50.63	60	Đạt
1539	MN-1539	Phạm Thái Kim	Yên	Nữ	03/6/1994	Tp. Hồ Chí Minh	52.25	84	Đạt
1540	MN-1540	Tô Việt	Yên	Nam	14/10/1982	Bình Thuận	23.88	66	Không đạt
1541	MN-1541	Vũ Xuân	Yên	Nam	10/10/1976	Long An	28.88	50	Không đạt
1542	MN-1542	Nguyễn Thị Hải	Yên	Nữ	23/7/1984	Tp. Hồ Chí Minh	39.13	54	Không đạt
1543	MN-1543	Phạm Thị Hải	Yên	Nữ	08/3/1987	Bình Thuận	34.50	58	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1544	MN-1544	Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	18/10/1995	Đồng Nai	42.25	70	Không đạt
1545	MN-1545	Bùi Thị Hồng	Yến	Nữ	05/5/1994	Tây Ninh	50.75	74	Đạt
1546	MN-1546	Huỳnh Thị Hồng	Yến	Nữ	02/6/1982	Sóc Trăng	19.13	40	Không đạt
1547	MN-1547	Trần Thị Hồng	Yến	Nữ	16/5/1981	Tp. Hồ Chí Minh	34.00	54	Không đạt
1548	MN-1548	Lâm Huỳnh	Yến	Nữ	10/8/1990	An Giang	34.88	64	Không đạt
1549	MN-1549	Bùi Thị Kim	Yến	Nữ	21/10/1995	An Giang	32.00	66	Không đạt
1550	MN-1550	Phạm Thị Kim	Yến	Nữ	20/7/1990	An Giang	53.00	70	Đạt
1551	MN-1551	Nguyễn Thị Minh	Yến	Nữ	11/7/1973	Tp. Hồ Chí Minh			Không đạt
1552	MN-1552	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	15/3/1992	Tiền Giang	20.25	52	Không đạt
1553	MN-1553	Hồ Thị	Yến	Nữ	16/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	52.25	56	Đạt

Handwritten signature



**DANH SÁCH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT KẾT QUẢ
KỶ KIỂM TRA TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG LẦN THỨ NĂM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1404 /QĐ-HĐKT ngày 08/5/2025
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm)

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	MB-14	Trần Duy	Anh	Nam	12/12/1997	Hà Nội	58.63	88
2	MB-24	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	22/10/1998	Hà Nội	51.00	64
3	MB-35	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	01/5/1994	Hà Nội	50.00	72
4	MB-36	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	19/6/1996	Quảng Ninh	54.38	62
5	MB-37	Vương Quốc	Anh	Nam	05/9/1997	Hà Nội	51.13	74
6	MB-38	Hồ Vũ Quỳnh	Anh	Nữ	30/5/1990	Hà Nội	60.00	76
7	MB-48	Lương Thị Trung	Anh	Nữ	09/11/1994	Hà Nội	56.00	62
8	MB-60	Đặng Thị Vân	Anh	Nữ	22/10/1986	Hải Phòng	51.75	78
9	MB-67	Hứa Ngọc	Ánh	Nam	23/01/1994	Hà Nội	51.00	74
10	MB-68	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	10/10/1994	Hà Nội	62.50	76
11	MB-71	Trần Ngọc	Ánh	Nữ	15/6/1993	Nghệ An	51.00	70
12	MB-85	Mã Đình	Bà	Nam	01/11/1993	Yên Bái	53.25	84
13	MB-86	Nguyễn Thị Hồng	Bích	Nữ	11/4/1993	Quảng Ninh	52.00	84
14	MB-87	Đào Thị	Bích	Nữ	15/10/1989	Hà Nội	59.50	76
15	MB-93	Vũ Thanh	Bình	Nữ	14/11/1986	Lào Cai	63.75	62
16	MB-95	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	01/9/1992	Bắc Ninh	50.50	60
17	MB-111	Bùi Lê Lan	Chi	Nữ	01/6/1989	Gia Lai	53.50	74
18	MB-112	Quách Linh	Chi	Nữ	17/3/1995	Thái Nguyên	51.00	84
19	MB-116	Phạm Chí	Chiến	Nam	31/7/1996	Đà Nẵng	51.00	74
20	MB-120	Nguyễn Thị Mai	Chinh	Nữ	14/4/1985	Hải Phòng	50.75	82
21	MB-125	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	14/12/1990	Bắc Giang	50.63	76
22	MB-144	Doãn Bảo	Cường	Nam	30/10/1992	Hà Nội	50.50	62
23	MB-148	Nguyễn Khắc	Cường	Nam	15/01/1981	Đà Nẵng	50.25	86
24	MB-149	Khổng Trọng	Cường	Nam	13/6/1994	Phú Thọ	52.75	74
25	MB-158	Nguyễn Ngọc	Đại	Nam	25/9/1990	Hà Nội	50.38	74
26	MB-163	Lê Thị Linh	Đan	Nữ	18/8/1992	Quảng Bình	51.13	64
27	MB-167	Hoàng Hữu	Đạo	Nam	15/5/1995	Bắc Giang	50.88	74
28	MB-173	Nguyễn Hoàng	Diễm	Nữ	28/12/1989	Quảng Nam	51.25	68
29	MB-175	Nguyễn Thị Xuân	Diễm	Nữ	10/8/1995	Quảng Nam	51.75	86

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
30	MB-176	Hà Thị	Diên	Nữ	15/02/1994	Thái Nguyên	52.00	66
31	MB-179	Trương Ngọc	Diệp	Nữ	26/11/1997	Đắk Lắk	69.25	84
32	MB-180	Dương Thị	Diệp	Nữ	10/12/1995	Thái Nguyên	58.13	84
33	MB-189	Nguyễn Thục	Đoan	Nữ	22/5/1991	Quảng Ngãi	51.00	74
34	MB-202	Ngô Thanh Huỳnh	Đức	Nam	07/11/1997	Hà Nội	52.88	74
35	MB-208	Đinh Thị Kiều	Dung	Nữ	08/3/1989	Bình Định	53.38	84
36	MB-213	Phạm Thị Kim	Dung	Nữ	14/7/1992	Hòa Bình	52.00	50
37	MB-237	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	20/8/1992	Hải Phòng	50.38	70
38	MB-258	Trương Mỹ	Duyên	Nữ	21/7/1996	Thái Nguyên	50.13	74
39	MB-266	Hoàng Thị Hương	Giang	Nữ	02/6/1999	Hà Nội	54.13	74
40	MB-270	Bùi Thị Thu	Giang	Nữ	01/02/1993	Phú Thọ	50.63	68
41	MB-281	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	01/10/1994	Hà Nội	50.00	54
42	MB-288	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	18/8/1995	Hòa Bình	50.00	84
43	MB-296	Trần Thu	Hà	Nữ	01/5/1994	Hà Nội	53.63	74
44	MB-331	Vương Thanh	Hằng	Nữ	28/3/1996	Hà Nội	54.38	62
45	MB-332	Bùi Thị	Hằng	Nữ	19/9/1992	Hà Nội	61.50	82
46	MB-336	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	16/8/1991	Thanh Hóa	50.88	60
47	MB-350	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	30/10/1989	Thanh Hóa	53.88	70
48	MB-354	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	16/4/1995	Nghệ An	60.75	64
49	MB-355	Nguyễn Thị	Hành	Nữ	09/5/1986	Hà Tĩnh	54.50	70
50	MB-356	Chu Thị Bích	Hạnh	Nữ	16/9/1991	Hà Nội	55.00	66
51	MB-362	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	26/6/1991	Nghệ An	51.25	68
52	MB-363	Hứa Thị Hồng	Hạnh	Nữ	07/8/1993	Đắk Lắk	60.25	74
53	MB-364	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	03/11/1980	Hà Nội	55.00	56
54	MB-368	Vũ Huy	Hạnh	Nam	14/8/1982	Hải Phòng	50.00	58
55	MB-372	Hoàng Thị	Hạnh	Nữ	21/3/1993	Thái Nguyên	53.00	60
56	MB-374	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	13/11/1984	Quảng Nam	54.75	68
57	MB-380	Đỗ Như	Hào	Nữ	09/9/1996	Vĩnh Phúc	54.25	66
58	MB-391	Lê Thị	Hiên	Nữ	10/4/1998	Hà Nội	52.00	76
59	MB-395	Tiêu Thị Minh	Hiên	Nữ	21/3/1990	Hải Dương	50.88	76
60	MB-415	Phan Thị Thu	Hiên	Nữ	24/7/1993	Hà Nội	50.25	72
61	MB-420	Nguyễn Văn	Hiện	Nam	10/5/1990	Hải Phòng	59.13	74
62	MB-422	Lê Đình	Hiệp	Nam	08/11/1997	Hà Nội	58.00	76
63	MB-424	Chế Thị Hồng	Hiệp	Nữ	23/01/1995	Bình Định	59.75	86
64	MB-425	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	25/10/1990	Hòa Bình	50.00	68
65	MB-426	Đỗ Lê Anh	Hiếu	Nam	20/12/1988	Thừa Thiên Huế	50.25	52
66	MB-429	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	Nữ	18/9/1989	Hải Phòng	58.25	70
67	MB-430	Phan Thị	Hiếu	Nữ	20/10/1991	Nghệ An	50.13	68
68	MB-434	Trần Trung	Hiếu	Nam	28/11/1997	Hà Nội	50.63	78
69	MB-439	Trần Thị Minh	Hoa	Nữ	27/10/1991	Hải Phòng	56.88	78

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
70	MB-440	Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	24/9/1996	Hà Nội	52.00	70
71	MB-442	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	12/6/1993	Bắc Ninh	50.00	86
72	MB-447	Bùi Thị Thanh	Hòa	Nữ	18/11/1976	Bình Định	50.00	72
73	MB-448	Bùi Thị	Hòa	Nữ	23/01/1992	Quảng Ninh	50.63	74
74	MB-449	Đỗ Thị	Hòa	Nữ	16/11/1990	Hà Nội	58.75	82
75	MB-451	Vũ Trung	Hòa	Nam	30/12/1996	Hà Nam	58.50	76
76	MB-453	Trần Nguyễn Bích	Hoài	Nữ	02/6/1994	Thừa Thiên Huế	52.00	62
77	MB-457	Võ Thị	Hoài	Nữ	27/8/1994	Nghệ An	65.50	78
78	MB-460	Trịnh Thị	Hoan	Nữ	15/5/1990	Thanh Hóa	53.00	68
79	MB-461	Phan Duy	Hoàn	Nam	25/4/1991	Thái Nguyên	62.00	70
80	MB-470	Nguyễn Thị Bích	Hồng	Nữ	19/7/1998	Kon Tum	52.50	74
81	MB-471	Vũ Diệu	Hồng	Nữ	12/7/1993	Lạng Sơn	58.50	62
82	MB-473	Lê Thị Thanh	Hồng	Nữ	06/5/1990	Nghệ An	50.00	76
83	MB-477	Dương Thị	Hồng	Nữ	01/7/1995	Hà Nội	61.50	66
84	MB-478	Hà Thị	Hồng	Nữ	02/12/1996	Thanh Hóa	50.00	56
85	MB-480	Lê Thị	Hồng	Nữ	20/9/1995	Đà Nẵng	59.00	76
86	MB-493	Hoàng Thị Thanh	Huệ	Nữ	05/6/1983	Hải Phòng	51.38	68
87	MB-494	Đàm Thị	Huệ	Nữ	12/8/1992	Hà Nội	53.00	66
88	MB-501	Vũ Mạnh	Hùng	Nam	04/10/1966	Hà Nội	54.63	66
89	MB-518	Hoàng Ngọc	Hưng	Nam	24/9/1991	Thanh Hóa	50.50	68
90	MB-537	Cao Thị Thu	Hương	Nữ	02/4/1996	Hà Nội	50.13	68
91	MB-550	Lê Thị	Hường	Nữ	02/7/1976	Quảng Trị	51.00	88
92	MB-552	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	15/6/1993	Hà Nội	51.75	80
93	MB-567	Phạm Quang	Huy	Nam	08/01/1988	Nghệ An	51.75	78
94	MB-570	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	Nữ	05/9/1990	Đắk Lắk	54.88	68
95	MB-581	Mai Thị	Huyền	Nữ	24/4/1994	Điện Biên	51.00	82
96	MB-585	Phạm Thị	Huyền	Nữ	20/11/1990	Hải Phòng	52.00	70
97	MB-605	Nguyễn Quốc Bảo	Khôi	Nam	03/8/1999	Hưng Yên	50.25	70
98	MB-629	Nguyễn Đình	Lam	Nam	07/7/1990	Đắk Lắk	52.50	76
99	MB-636	Lư Ngọc	Lan	Nữ	03/8/1992	Hà Nội	51.63	80
100	MB-641	Lê Thị	Lan	Nữ	13/02/1990	Đắk Lắk	53.00	72
101	MB-643	Lê Thị	Lan	Nữ	21/12/1993	Thanh Hóa	50.50	70
102	MB-646	Ngô Thị	Lan	Nữ	28/5/1994	Hà Nội	59.50	64
103	MB-651	Lê Thị Yến	Lan	Nữ	28/10/1993	Gia Lai	50.00	72
104	MB-655	Nguyễn Thị Như	Lê	Nữ	04/7/1995	Quảng Nam	59.63	78
105	MB-663	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	08/7/1995	Hà Nội	50.00	60
106	MB-670	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	14/12/1994	Hà Nội	55.75	92
107	MB-671	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	05/12/1995	Hà Nội	50.50	68
108	MB-673	Phạm Thị Diệu	Linh	Nữ	19/10/1995	Bắc Ninh	50.50	82
109	MB-675	Vũ Diệu	Linh	Nữ	08/4/1994	Phú Thọ	50.00	70

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
110	MB-676	Nguyễn Thị Giang	Linh	Nữ	03/7/1994	Hà Nội	50.00	58
111	MB-677	Từ Công Hải	Linh	Nam	14/8/1992	Quảng Bình	66.50	80
112	MB-680	Phạm Lâm Khánh	Linh	Nữ	31/01/1987	Đà Nẵng	50.00	54
113	MB-681	Phạm Thị Khánh	Linh	Nữ	10/7/1995	Ninh Bình	50.50	68
114	MB-682	Trương Khánh	Linh	Nữ	23/10/1997	Đà Nẵng	50.50	54
115	MB-683	Vũ Mạnh	Linh	Nam	15/6/1989	Thanh Hóa	51.00	60
116	MB-685	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	13/12/1996	Hà Tĩnh	50.00	56
117	MB-691	Hoàng Nhật	Linh	Nam	17/8/1990	Quảng Bình	50.00	86
118	MB-692	Hoàng Phương	Linh	Nữ	03/12/1997	Bắc Ninh	53.50	86
119	MB-694	Bùi Thị	Linh	Nữ	01/6/1991	Hải Dương	55.50	80
120	MB-695	Bùi Thị	Linh	Nữ	02/02/1988	Thái Bình	50.00	66
121	MB-699	Trần Thị	Linh	Nữ	19/9/1995	Khánh Hòa	59.00	80
122	MB-700	Bùi Thùy	Linh	Nữ	11/10/1981	Thái Nguyên	52.50	74
123	MB-712	Phan Thị Thanh	Loan	Nữ	08/6/1992	Phú Thọ	61.00	76
124	MB-719	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	06/12/1996	Thanh Hóa	55.25	82
125	MB-726	Lê Bá Hoàng	Long	Nam	01/8/1995	Khánh Hòa	50.63	78
126	MB-737	Phạm Văn	Long	Nam	06/02/1995	Ninh Thuận	50.13	62
127	MB-739	Nguyễn Văn	Luân	Nam	10/3/1991	Hà Nội	58.50	70
128	MB-742	Vũ Quang	Lương	Nam	02/3/1998	Thanh Hóa	50.13	70
129	MB-744	Đỗ Thị	Lương	Nữ	31/12/1996	Hà Nội	54.00	84
130	MB-745	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	26/10/1990	Thái Nguyên	58.25	74
131	MB-752	Nguyễn Thị Lưu	Luyến	Nữ	30/5/1990	Phú Thọ	50.25	74
132	MB-754	Chu Cẩm	Ly	Nữ	25/8/1992	Đắk Lắk	53.00	68
133	MB-755	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	24/9/1990	Nghệ An	50.38	72
134	MB-756	Trịnh Thảo	Ly	Nữ	26/11/1995	Thanh Hóa	50.25	76
135	MB-758	Lê Thủy	Ly	Nữ	06/6/1996	Quảng Nam	55.25	76
136	MB-760	Trần Trang	Ly	Nữ	05/9/1994	Phú Thọ	50.25	54
137	MB-766	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	08/02/1992	Đắk Lắk	51.25	68
138	MB-772	Trần Thị	Mai	Nữ	19/9/1992	Hà Nội	52.75	72
139	MB-786	Đỗ Anh	Minh	Nam	31/01/1996	Thanh Hóa	55.50	82
140	MB-787	Phan Bình	Minh	Nam	10/12/1993	Đắk Lắk	53.63	84
141	MB-811	Nguyễn Hải	Nam	Nam	16/8/1990	Hải Phòng	51.13	84
142	MB-814	Nguyễn Nhật	Nam	Nam	21/12/1994	Hà Nội	68.38	86
143	MB-820	Phạm Văn	Nam	Nam	15/8/1993	Hà Nội	51.50	64
144	MB-822	Nguyễn Hồng	Nga	Nữ	23/7/1994	Hà Nội	50.75	78
145	MB-824	Nguyễn Thị Phương	Nga	Nữ	13/3/1994	Hà Nội	56.38	78
146	MB-831	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	04/01/1990	Thanh Hóa	50.88	70
147	MB-835	Ngô Thị Phương	Ngân	Nữ	19/9/1997	Nam Định	54.63	74
148	MB-846	Cáp Thị Bảo	Ngọc	Nữ	21/10/1994	Gia Lai	53.63	86
149	MB-858	Hồ Thanh Minh	Ngọc	Nữ	04/8/1987	Bắc Ninh	51.88	72

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
150	MB-866	Hoàng Văn	Ngọc	Nam	06/12/1990	Quảng Ninh	50.50	74
151	MB-883	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	Nữ	06/02/1994	Kon Tum	50.75	80
152	MB-885	Vũ Thị	Nhân	Nữ	10/02/1996	Hà Nội	53.25	84
153	MB-886	Hoàng Quốc	Nhân	Nam	05/11/1992	Nghệ An	52.00	84
154	MB-887	Phạm Thị	Nhanh	Nữ	30/11/1964	Hà Nội	50.50	70
155	MB-889	Đoàn Thị Nhi	Nhật	Nữ	07/8/1991	Đắk Lắk	56.38	66
156	MB-890	Lê Văn	Nhật	Nam	03/5/1986	Hà Nội	56.25	64
157	MB-898	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/8/1999	Hà Nội	52.13	62
158	MB-899	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	21/3/1994	Hà Nội	52.50	74
159	MB-900	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/12/1995	Hà Nội	51.75	72
160	MB-907	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	10/01/1997	Lào Cai	52.75	66
161	MB-912	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	14/4/1979	Hà Nội	51.63	74
162	MB-914	Vũ Thị Thùy	Ninh	Nữ	02/12/1994	Hà Nội	51.38	70
163	MB-922	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	28/10/1996	Hà Nội	51.75	72
164	MB-930	Trần Tiên	Phát	Nam	06/8/1998	Hà Nội	62.00	70
165	MB-944	Phan Thị Hà	Phuong	Nữ	25/5/1993	Lào Cai	65.75	72
166	MB-945	Trịnh Thị Hà	Phuong	Nữ	06/3/1995	Thanh Hóa	57.50	80
167	MB-947	Phạm Thị Hồng	Phuong	Nữ	02/6/1991	Thái Bình	58.50	82
168	MB-948	Nguyễn Lan	Phuong	Nữ	06/7/1988	Hà Nội	56.00	74
169	MB-951	Lê Mai	Phuong	Nữ	24/02/1995	Hà Nội	55.25	60
170	MB-952	Nguyễn Mai	Phuong	Nữ	18/11/1996	Phú Thọ	57.38	72
171	MB-964	Hà Thị	Phuong	Nữ	24/7/1992	Hòa Bình	53.50	74
172	MB-966	Lương Thị	Phuong	Nữ	20/01/1995	Hà Nội	52.50	50
173	MB-967	Nguyễn Thị	Phuong	Nữ	20/8/1991	Bắc Giang	54.00	68
174	MB-968	Nguyễn Thị	Phuong	Nữ	21/11/1994	Hải Dương	60.25	66
175	MB-969	Nguyễn Thị	Phuong	Nữ	15/11/1994	Ninh Bình	62.50	70
176	MB-974	Trương Thị Thu	Phuong	Nữ	23/3/1991	Hà Nội	65.50	82
177	MB-984	Nguyễn Thị	Phuong	Nữ	29/4/1993	Hà Nội	54.75	84
178	MB-986	Nguyễn Thị	Phuong	Nữ	29/11/1983	Hà Nội	60.25	80
179	MB-987	Phan Thị	Phuong	Nữ	24/10/1996	Nghệ An	52.75	74
180	MB-997	Lê Việt	Quang	Nam	08/4/1981	Bình Định	51.63	84
181	MB-999	Nguyễn Thị Hồng	Quý	Nữ	20/02/1996	Đà Nẵng	51.63	68
182	MB-1010	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	05/8/1999	Hà Nội	57.13	88
183	MB-1014	Hoàng Văn	Quyên	Nam	10/5/1991	Hà Nội	53.63	82
184	MB-1017	Đỗ Như	Quỳnh	Nữ	19/6/1993	Thanh Hóa	54.25	72
185	MB-1021	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	17/01/1997	Quảng Trị	55.25	70
186	MB-1025	Chu Thị	Quỳnh	Nữ	12/12/1997	Hà Nội	50.00	80
187	MB-1029	Trương Thị Xuân	Quỳnh	Nữ	14/10/1997	Quảng Nam	50.00	66
188	MB-1051	Hà Ngọc	Son	Nam	21/8/1993	Bắc Ninh	50.25	64
189	MB-1062	Nguyễn Anh	Tài	Nam	24/7/1987	Hải Phòng	51.75	68

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
190	MB-1069	Doãn Thị	Tâm	Nữ	04/10/1990	Đắk Lắk	50.75	68
191	MB-1071	Phạm Thị	Tâm	Nữ	04/11/1984	Hải Dương	55.00	76
192	MB-1086	Trần Thị Hồng	Thắm	Nữ	31/5/1983	Vĩnh Phúc	50.50	64
193	MB-1087	Trương Thị Hồng	Thắm	Nữ	09/6/1995	Hà Nội	66.50	84
194	MB-1089	Luong Thị	Thắm	Nữ	15/9/1992	Quảng Ninh	58.00	68
195	MB-1090	Trần Cao	Thắng	Nam	19/3/1991	Hà Nội	51.75	80
196	MB-1092	Nguyễn Đăng	Thắng	Nam	17/6/1991	Hà Nội	55.25	80
197	MB-1094	Ngô Mạnh	Thắng	Nam	31/10/1994	Hà Nội	55.88	90
198	MB-1097	Đỗ Quang	Thắng	Nam	23/7/1995	Hà Nội	55.10	82
199	MB-1102	Nguyễn Thị Huyền	Thanh	Nữ	15/10/1990	Hà Nội	55.75	60
200	MB-1103	Nguyễn Kim	Thanh	Nữ	21/9/1996	Hà Nội	60.50	70
201	MB-1104	Hoàng Thị Kim	Thanh	Nữ	12/02/1992	Hà Nội	66.75	66
202	MB-1108	Phạm Thị Thanh	Thanh	Nữ	20/11/1996	Hà Nội	50.25	54
203	MB-1111	Hoàng Thị	Thanh	Nữ	03/6/1991	Thanh Hóa	52.00	74
204	MB-1119	Từ Mạnh	Thành	Nam	19/12/1971	Hà Nội	50.25	60
205	MB-1120	Võ Thị Mỹ	Thành	Nữ	14/9/1992	Quảng Nam	50.50	78
206	MB-1124	Phạm Văn	Thành	Nam	12/01/1994	Ninh Thuận	56.50	84
207	MB-1126	Mai Ngọc	Thảo	Nữ	05/4/1987	Ninh Thuận	50.50	56
208	MB-1127	Lê Phương	Thảo	Nữ	16/02/1993	Đắk Lắk	53.50	80
209	MB-1133	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	22/9/1995	Hải Phòng	55.00	66
210	MB-1136	Trần Phương	Thảo	Nữ	07/8/1993	Hà Nội	50.50	82
211	MB-1143	Lê Thị	Thảo	Nữ	01/8/1993	Hà Nội	50.00	70
212	MB-1144	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	19/8/1988	Nghệ An	50.75	56
213	MB-1148	Trịnh Thị	Thảo	Nữ	03/10/1992	Hòa Bình	53.38	78
214	MB-1149	Vũ Thị	Thảo	Nữ	27/9/1991	Hà Nội	50.88	74
215	MB-1151	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	05/4/1995	Hà Nội	53.75	84
216	MB-1152	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	09/4/1989	Quảng Nam	54.00	74
217	MB-1156	Tạ Thị Thu	Thảo	Nữ	24/9/1995	Hà Nội	55.50	80
218	MB-1157	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	23/7/1995	Hà Nội	53.00	72
219	MB-1158	Vũ Thu	Thảo	Nữ	08/9/1997	Hà Nội	55.50	84
220	MB-1161	Vũ Thị	Thêu	Nữ	04/9/1990	Thái Bình	53.50	70
221	MB-1166	Nguyễn Tấn Trường	Thọ	Nam	16/01/1993	Quảng Nam	55.50	82
222	MB-1172	Cao Thị	Thoa	Nữ	29/9/1995	Hà Nội	55.00	76
223	MB-1177	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	05/9/1993	Lào Cai	53.50	76
224	MB-1178	Phan Thị Hoài	Thu	Nữ	02/8/1993	Hà Nội	50.25	78
225	MB-1180	Hoàng Lệ	Thu	Nữ	08/10/1995	Hà Nội	51.75	80
226	MB-1189	Trần Thị Xuân	Thu	Nữ	19/02/1996	Quảng Ninh	50.25	76
227	MB-1191	Trần Anh	Thư	Nữ	29/4/1981	Ninh Thuận	53.00	86
228	MB-1192	Nguyễn Thị Hồng	Thư	Nữ	28/6/1997	Hà Nội	50.00	80
229	MB-1223	Hoàng Thị	Thúy	Nữ	09/02/1994	Hà Nội	51.25	70

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
230	MB-1224	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	20/11/1992	Bình Định	58.00	82
231	MB-1227	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	05/01/1995	Quảng Ninh	70.88	94
232	MB-1229	Trần Thị	Thúy	Nữ	09/02/1987	Hải Dương	51.63	70
233	MB-1233	Doãn	Thùy	Nam	30/3/1984	Quảng Ninh	50.88	74
234	MB-1241	Cầm Thị Kim	Thùy	Nữ	07/10/1993	Son La	52.38	78
235	MB-1257	Trần Lê Thu	Thùy	Nữ	09/7/1995	Đà Nẵng	50.63	74
236	MB-1258	Nguyễn Thu	Thùy	Nữ	01/8/1995	Hà Nội	59.63	84
237	MB-1261	Trương Thị Thu	Thùy	Nữ	25/9/1992	Hà Nội	53.75	74
238	MB-1265	Đông Thị Minh	Thy	Nữ	22/8/1996	Đà Nẵng	52.50	64
239	MB-1267	Bùi Thị Thủy	Tiên	Nữ	29/01/1995	Hải Phòng	57.38	60
240	MB-1271	Hoàng Trung	Tiến	Nam	19/7/1995	Hà Nội	56.25	58
241	MB-1273	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	10/4/1995	Hà Tĩnh	54.00	80
242	MB-1295	Phạm Bảo	Trân	Nữ	31/5/1986	Phú Yên	52.63	74
243	MB-1296	Lê Thị Đài	Trang	Nữ	27/10/1993	Kon Tum	52.38	74
244	MB-1316	Lê Quỳnh	Trang	Nữ	01/01/1981	Hải Phòng	50.50	56
245	MB-1319	Lê Thị Quỳnh	Trang	Nữ	08/02/1997	Nghệ An	50.00	76
246	MB-1327	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	03/7/1994	Hà Nội	51.63	68
247	MB-1328	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10/5/1993	Quảng Bình	51.25	70
248	MB-1335	Lại Thị Thu	Trang	Nữ	26/9/1996	Hà Nội	51.25	78
249	MB-1339	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	15/8/1992	Hà Nội	53.75	72
250	MB-1346	Bùi Văn	Tri	Nam	06/7/1985	Nghệ An	50.50	82
251	MB-1347	Nguyễn Thị Huyền	Trinh	Nữ	08/02/1988	Hà Nội	50.63	86
252	MB-1348	Mai Ngọc	Trinh	Nữ	07/7/1993	Đắk Lắk	50.25	90
253	MB-1354	Mã Thị	Trinh	Nữ	10/5/1991	Hà Nội	50.00	74
254	MB-1379	Dương Quang	Tú	Nam	10/10/1992	Gia Lai	50.25	84
255	MB-1409	Nguyễn Văn	Tuyền	Nam	10/12/1979	Thừa Thiên Huế	54.75	90
256	MB-1412	Đỗ Thị	Tuyền	Nữ	24/5/1990	Hà Nội	50.25	80
257	MB-1414	Vũ Mai	Tuyết	Nữ	26/10/1991	Hà Nội	51.00	66
258	MB-1415	Đỗ Thị Thanh	Tuyết	Nữ	21/01/1993	Hà Nội	60.50	74
259	MB-1417	Văn Thị	Tuyết	Nữ	17/12/1996	Thanh Hóa	53.00	78
260	MB-1422	Nguyễn Hoàng Phi	Uyên	Nữ	10/8/1991	Nghệ An	58.00	64
261	MB-1423	Lê Thị Cẩm	Vân	Nữ	20/7/1991	Quảng Ninh	51.00	70
262	MB-1426	Hồ Hà	Vân	Nữ	18/02/1986	Đắk Lắk	50.25	62
263	MB-1427	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	29/11/1993	Hà Nội	53.75	66
264	MB-1428	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	03/3/1998	Hà Nội	51.25	80
265	MB-1431	Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	16/8/1988	Nam Định	50.25	76
266	MB-1433	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	15/9/1991	Nghệ An	52.50	66
267	MB-1436	Trần Thị	Vân	Nữ	10/7/1993	Hà Tĩnh	54.25	76
268	MB-1438	Lê Thị Tường	Vân	Nữ	08/5/1983	Hải Dương	50.00	74
269	MB-1442	Nguyễn Thị Anh	Vi	Nữ	16/12/1997	Kon Tum	53.25	94

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
270	MB-1443	Trần Nguyễn Thảo	Vi	Nữ	05/4/1996	Gia Lai	51.88	60
271	MB-1449	Lê Xuân	Vĩ	Nữ	28/8/1993	Quảng Nam	50.25	68
272	MB-1458	Hán Văn	Vinh	Nam	25/9/1993	Phú Thọ	50.00	86
273	MB-1470	Trần Trọng	Vượng	Nam	15/01/1963	Quảng Bình	50.63	84
274	MB-1477	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	26/3/1984	Nghệ An	50.50	60
275	MB-1479	Phạm Thanh	Xuyên	Nam	03/8/1990	Hà Nội	50.50	70
276	MB-1492	Đỗ Thị Hoàng	Yến	Nữ	09/10/1992	Quảng Ninh	53.88	62
277	MN-02	Trần Thị Nhân	Ái	Nữ	15/01/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	50.50	68
278	MN-23	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	04/10/1993	Tp. Hồ Chí Minh	54.75	78
279	MN-30	Nguyễn Hồ Như	Anh	Nữ	01/11/1993	Tây Ninh	52.50	76
280	MN-32	Tạ Quý	Anh	Nam	30/4/1983	Đồng Nai	50.00	64
281	MN-34	Cầm Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	16/3/1997	Lâm Đồng	55.50	76
282	MN-40	Đặng Thị Vân	Anh	Nữ	28/10/1996	Bình Dương	56.00	82
283	MN-41	Đỗ Thị Vân	Anh	Nữ	24/12/1993	Đồng Nai	50.50	90
284	MN-43	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	25/12/1991	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	62
285	MN-45	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	26/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	52.00	58
286	MN-46	Trần Hoàng Quang	Ánh	Nữ	12/02/1981	Tp. Hồ Chí Minh	60.50	80
287	MN-54	Nguyễn Minh	Bảo	Nam	19/5/1994	Vĩnh Long	52.00	86
288	MN-60	Nguyễn Văn	Bi	Nam	18/3/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	86
289	MN-76	Đỗ Thị	Bình	Nữ	22/10/1992	Bình Dương	52.25	66
290	MN-79	Trần Văn	Bình	Nam	17/9/1996	Bình Phước	68.00	94
291	MN-85	Trương Văn	Can	Nam	19/10/1992	Cần Thơ	50.25	70
292	MN-88	Hà Văn	Cánh	Nam	24/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	62.63	70
293	MN-91	Nguyễn Thế	Cần	Nam	22/12/1986	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	76
294	MN-93	Lê Minh	Có	Nam	16/6/1997	Cần Thơ	59.63	80
295	MN-95	Vũ Thành	Công	Nam	02/5/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.13	76
296	MN-100	Nguyễn Cao	Cường	Nam	08/12/1990	Tp. Hồ Chí Minh	58.88	84
297	MN-103	Nguyễn Đức	Cường	Nam	12/4/1993	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	82
298	MN-104	Lê Hồng	Cường	Nam	07/5/1993	Tp. Hồ Chí Minh	55.00	76
299	MN-111	Nguyễn Việt	Cường	Nam	21/8/1988	Bà Rịa - Vũng Tàu	51.50	64
300	MN-114	Võ Thị	Chân	Nữ	01/01/1996	Cà Mau	50.50	72
301	MN-117	Phạm Ngọc Minh	Châu	Nữ	30/4/1991	Tp. Hồ Chí Minh	58.00	86
302	MN-120	Hồ Thị Mặc	Chi	Nữ	20/6/1997	Tp. Hồ Chí Minh	58.88	80
303	MN-132	Nguyễn	Chính	Nam	26/6/1997	Tp. Hồ Chí Minh	50.25	74
304	MN-150	Lê Thị	Diệp	Nữ	20/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	55.13	74
305	MN-162	Phạm Ngọc Phương	Dung	Nữ	24/8/1994	Đồng Nai	50.00	68
306	MN-164	Trần Thị Phương	Dung	Nữ	06/10/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.63	78
307	MN-166	Cao Thị Thùy	Dung	Nữ	14/02/1992	Tp. Hồ Chí Minh	50.25	70
308	MN-186	Võ Cao Phương	Duy	Nam	17/8/1995	Bạc Liêu	50.00	62
309	MN-187	Nguyễn Quốc	Duy	Nam	21/7/1993	Long An	50.75	74

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
310	MN-191	Phạm Thị Hải	Duyên	Nữ	05/8/1993	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	74
311	MN-193	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	28/8/1996	Long An	50.00	80
312	MN-194	Phan Thị Mỹ	Duyên	Nữ	17/9/1995	Cần Thơ	61.25	62
313	MN-197	Danh	Dương	Nam	07/9/1995	Cần Thơ	54.25	64
314	MN-204	Phan Thụy Thùy	Dương	Nữ	15/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	52.63	76
315	MN-207	Lương Văn	Đa	Nam	22/12/1985	Lâm Đồng	50.33	60
316	MN-209	Kiều Ngọc	Đài	Nữ	17/3/1995	Tp. Hồ Chí Minh	56.50	62
317	MN-210	Nguyễn Trang	Đài	Nữ	06/10/1991	Cà Mau	55.13	70
318	MN-212	Bùi Văn	Đại	Nam	27/02/1996	Cần Thơ	52.63	76
319	MN-214	Võ	Đang	Nam	02/8/1995	Tây Ninh	50.13	72
320	MN-218	Lý Thị Hồng	Đào	Nữ	30/6/1988	Cà Mau	57.00	66
321	MN-219	Cao Thị Ngọc	Đào	Nữ	07/9/1995	Long An	51.50	66
322	MN-220	Nguyễn Hữu	Đạt	Nam	02/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	58.50	66
323	MN-222	Nguyễn Phước	Đạt	Nam	28/3/1992	Long An	51.38	82
324	MN-225	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	26/7/1994	Tây Ninh	51.25	80
325	MN-226	Võ Thành	Đạt	Nam	27/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	58.25	84
326	MN-233	Võ Thị Hồng	Đẹp	Nữ	13/7/1987	Cần Thơ	56.00	62
327	MN-234	Đàm Thị	Đẹp	Nữ	25/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	51.50	78
328	MN-235	Phan Minh	Điền	Nam	18/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	50.75	82
329	MN-240	Trần Chí	Đĩnh	Nam	11/10/1996	Cà Mau	50.75	76
330	MN-251	Phạm Nguyên	Đông	Nam	11/7/1995	Đắk Nông	50.50	68
331	MN-279	Hoàng Thị	Giang	Nữ	15/4/1994	Bình Phước	51.13	74
332	MN-283	Võ Thị Cẩm	Giang	Nữ	15/5/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	56.25	76
333	MN-289	Lữ Ngọc	Hà	Nữ	02/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	56.50	86
334	MN-295	Nông Thị Thu	Hà	Nữ	01/11/1998	Đồng Nai	50.00	62
335	MN-296	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	11/01/1994	Lâm Đồng	50.50	56
336	MN-298	Trần Thị Việt	Hà	Nữ	29/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	59.00	78
337	MN-299	Lê Văn	Hạ	Nam	13/6/1975	Bình Thuận	53.00	58
338	MN-308	Nguyễn Thị Minh	Hải	Nữ	19/8/1986	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	72
339	MN-311	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	02/9/1987	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	60
340	MN-318	Bùi Việt	Hải	Nam	26/7/1990	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	76
341	MN-334	Thái Thị Kim	Hàng	Nữ	19/01/1992	Bình Dương	50.50	80
342	MN-353	Đặng Thị	Hân	Nữ	02/9/1990	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	68
343	MN-360	Lê Văn	Hậu	Nam	20/11/1997	Cần Thơ	50.13	90
344	MN-362	Vũ Thị	Hiên	Nữ	11/5/1991	Bình Dương	50.00	68
345	MN-368	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	17/4/1994	Lâm Đồng	51.00	82
346	MN-394	Lê Thị Kim	Hoa	Nữ	14/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	63.25	74
347	MN-398	Lương Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	14/11/1989	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	70
348	MN-403	Huỳnh Hữu	Hoà	Nam	27/01/1997	Lâm Đồng	51.25	82
349	MN-404	Nguyễn Duy	Hòa	Nam	15/3/1996	Tp. Hồ Chí Minh	60.13	76

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
350	MN-413	Đinh Thị	Hoài	Nữ	10/2/1993	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	74
351	MN-416	Lê Văn	Hoài	Nam	23/4/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	50.00	76
352	MN-430	Bùi Thị Ánh	Hồng	Nữ	22/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	51.38	74
353	MN-477	Văn Thị	Huyền	Nữ	06/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	74
354	MN-484	Nguyễn Thị Diễm	Huỳnh	Nữ	16/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	51.13	78
355	MN-490	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	01/5/1991	Bà Rịa - Vũng Tàu	50.75	76
356	MN-500	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	21/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	92
357	MN-522	Trần Thị Lộc	Kiều	Nữ	03/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	51.88	70
358	MN-524	Bùi Thị	Kiều	Nữ	02/4/1985	Cần Thơ	50.63	76
359	MN-538	Hồ Nguyễn Hoàng	Khánh	Nam	08/9/1995	Cần Thơ	52.00	82
360	MN-543	Chế Quang	Khánh	Nam	25/4/1994	Lâm Đồng	53.00	82
361	MN-560	Lương Diễm	Lam	Nữ	05/6/1993	Cà Mau	50.63	76
362	MN-561	Đàm Thị Mỹ	Lan	Nữ	04/4/1994	Lâm Đồng	50.88	72
363	MN-570	Trần Thị	Lê	Nữ	01/02/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	53.50	74
364	MN-573	Trương Thị Mỹ	Lệ	Nữ	06/3/1985	Tp. Hồ Chí Minh	51.50	68
365	MN-578	Đào Thị Kim	Liên	Nữ	28/11/1995	Đồng Nai	51.38	64
366	MN-581	Đỗ Thị	Liên	Nữ	15/10/1988	Đồng Nai	51.13	78
367	MN-592	Hoàng Mỹ	Linh	Nữ	12/8/1993	Bình Phước	52.63	78
368	MN-595	Nguyễn Như Ngọc	Linh	Nữ	27/8/1997	Tp. Hồ Chí Minh	52.13	72
369	MN-603	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	25/9/1993	Bình Dương	55.00	82
370	MN-621	Nguyễn Đức	Long	Nam	29/4/1995	Bình Dương	53.13	54
371	MN-630	Hoàng Thị	Lộc	Nữ	15/12/1990	Tp. Hồ Chí Minh	53.38	80
372	MN-632	Nguyễn Ngọc	Lời	Nam	05/02/1992	Tp. Hồ Chí Minh	52.38	68
373	MN-641	Đông Thanh	Luận	Nam	01/01/1996	Bình Dương	50.38	80
374	MN-648	Nguyễn Hữu	Lực	Nam	20/11/1990	Bình Dương	52.25	76
375	MN-649	Trần Quốc	Lực	Nam	15/10/1994	Đắk Nông	50.50	82
376	MN-666	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	03/8/1994	Tp. Hồ Chí Minh	52.88	68
377	MN-667	Bùi Thị Ngọc	Mai	Nữ	07/02/1986	Cần Thơ	50.75	74
378	MN-668	Đào Thị Phương	Mai	Nữ	20/9/1990	Tp. Hồ Chí Minh	50.88	80
379	MN-669	Hà Thị Tuyết	Mai	Nữ	07/7/1995	Tp. Hồ Chí Minh	50.13	78
380	MN-671	Hoàng Thị	Mai	Nữ	22/5/1985	Long An	65.00	88
381	MN-673	Nguyễn Thị Trúc	Mai	Nữ	31/10/1985	Bình Dương	59.00	58
382	MN-675	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	25/10/1976	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	60
383	MN-677	Nông Thị Trà	Mi	Nữ	21/12/1989	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	70
384	MN-678	Đinh Thị Bảo	Minh	Nữ	04/10/1989	Bình Phước	59.50	68
385	MN-685	Trần Quang	Minh	Nam	17/10/1999	Lâm Đồng	53.50	62
386	MN-686	Nguyễn Thị Quế	Minh	Nữ	26/3/1992	Bình Dương	51.00	70
387	MN-689	Lưu Thị	Minh	Nữ	26/8/1997	Bình Dương	51.00	76
388	MN-694	Phạm Thị Thúy	Mơ	Nữ	12/12/1984	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	70
389	MN-695	Nguyễn Thị	Mùi	Nữ	19/3/1991	Long An	69.00	92

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
390	MN-697	Hồ Văn	Mừng	Nam	28/01/1997	Cần Thơ	52.00	68
391	MN-698	Đinh Danh	Mười	Nam	10/10/1988	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	68
392	MN-700	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	19/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	66
393	MN-701	Hoàng Nguyễn Hà	My	Nữ	21/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	51.38	56
394	MN-702	Nguyễn Thị	My	Nữ	12/4/1997	Lâm Đồng	54.50	72
395	MN-703	Trần Thị	My	Nữ	02/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	54.25	70
396	MN-704	Nguyễn Thị Kim	Mỹ	Nữ	29/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	60
397	MN-709	Nguyễn Hải	Nam	Nam	22/12/1976	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	58
398	MN-711	Vương Thị Phương	Nam	Nữ	30/12/1990	Tây Ninh	57.75	70
399	MN-712	Thái Quốc	Nam	Nam	07/3/1993	Tp. Hồ Chí Minh	57.50	74
400	MN-722	Trịnh Thị	Năm	Nữ	06/4/1991	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	72
401	MN-726	Nguyễn Thị	Nuong	Nữ	13/10/1984	Cần Thơ	53.63	60
402	MN-727	Mai Thị Thu	Nuong	Nữ	10/10/1998	Đồng Nai	55.88	68
403	MN-730	Nguyễn Thị Hồng	Nga	Nữ	06/4/1978	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	74
404	MN-734	Huỳnh Thị Tố	Nga	Nữ	18/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	64
405	MN-741	Trịnh Thị Hồng	Ngát	Nữ	31/10/1994	Bình Dương	50.25	68
406	MN-743	Võ Huỳnh	Ngân	Nữ	07/11/1994	Tiền Giang	50.50	72
407	MN-749	Phạm Minh	Ngân	Nữ	09/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	55.50	78
408	MN-766	Mạc Thị Mỹ	Ngoan	Nữ	01/10/1993	Kiên Giang	50.00	64
409	MN-775	Lê Duy	Ngọc	Nam	25/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	72
410	MN-777	Nguyễn Đình	Ngọc	Nam	22/7/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.38	88
411	MN-781	Thạch Thị Phương	Ngọc	Nữ	24/9/1992	Cần Thơ	50.63	68
412	MN-803	Đinh Thị	Nguyễn	Nữ	25/11/1991	Bình Dương	50.63	64
413	MN-815	Nguyễn Thị Tuyết	Nhàn	Nữ	29/5/1986	Đồng Tháp	51.63	72
414	MN-816	Lê Thanh	Nhàn	Nữ	15/7/1996	Bến Tre	53.38	78
415	MN-818	Hà Thị	Nhanh	Nữ	12/9/1996	Cần Thơ	53.50	84
416	MN-824	Lê Tấn	Nhân	Nam	18/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	50.13	72
417	MN-828	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	25/3/1990	Tp. Hồ Chí Minh	50.63	74
418	MN-833	Cao Thị Hà	Nhi	Nữ	03/7/1996	Đồng Nai	51.75	74
419	MN-842	Lưu Thúy	Nhi	Nữ	03/6/1993	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	74
420	MN-860	Cao Thị	Nhung	Nữ	28/6/1982	Tp. Hồ Chí Minh	50.75	76
421	MN-867	Đào Thị Hà	Nhu	Nữ	01/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	78
422	MN-873	Dương Thị	Nhu	Nữ	03/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	64.50	78
423	MN-876	Nguyễn Yên	Nhu	Nữ	15/9/1984	Cần Thơ	51.50	68
424	MN-879	Lê Minh Hoàng	Oanh	Nữ	09/3/1989	Lâm Đồng	50.50	58
425	MN-885	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	05/9/1991	Bình Dương	54.50	80
426	MN-896	Hoàng Tuấn	Phong	Nam	17/4/1996	Bình Phước	54.00	52
427	MN-898	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	19/3/1982	Long An	53.50	50
428	MN-901	Trần Văn	Phùng	Nam	01/01/1972	Tp. Hồ Chí Minh	63.50	80
429	MN-904	Phạm Công	Phúc	Nam	02/01/1980	Tp. Hồ Chí Minh	51.50	78

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
430	MN-905	Hứa Thị Diễm	Phúc	Nữ	24/9/1997	Đồng Tháp	56.50	84
431	MN-912	Nguyễn Minh	Phúc	Nam	16/9/1996	Bình Dương	51.50	76
432	MN-913	Nguyễn Ngọc	Phúc	Nam	07/9/1997	Đồng Tháp	60.50	76
433	MN-922	Huỳnh Kim	Phụng	Nữ	27/01/1993	Lâm Đồng	53.00	70
434	MN-928	Đặng Hoàng	Phước	Nam	27/02/1993	Tp. Hồ Chí Minh	52.00	72
435	MN-937	Trương Thị Loan	Phương	Nữ	04/02/1990	Cần Thơ	50.00	82
436	MN-955	Phạm Thị Bích	Phượng	Nữ	27/8/1995	Bình Phước	50.25	54
437	MN-963	Nguyễn Minh	Quân	Nam	02/01/1992	Tiền Giang	50.63	82
438	MN-967	Bùi Thị Kim	Quý	Nữ	28/5/1992	Tp. Hồ Chí Minh	53.63	80
439	MN-980	Hoàng Nguyễn Tú	Quyên	Nữ	27/02/1991	Bình Phước	51.50	80
440	MN-981	Võ Thị Thảo	Quyên	Nữ	28/7/1996	Cần Thơ	51.00	68
441	MN-989	Mai Như	Quỳnh	Nữ	09/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	50.38	80
442	MN-1010	Nguyễn Văn	Sĩ	Nam	26/02/1996	Cần Thơ	50.63	80
443	MN-1016	Lê Minh	Son	Nam	21/11/1987	Vĩnh Long	51.00	56
444	MN-1017	Phạm Ngọc	Son	Nam	06/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	66.50	68
445	MN-1021	Đặng Trung	Son	Nam	09/4/1978	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	76
446	MN-1028	Nguyễn Văn	Sương	Nam	12/3/1993	Đồng Nai	61.00	76
447	MN-1030	Nguyễn	Sỹ	Nam	11/11/1975	Bà Rịa - Vũng Tàu	50.00	66
448	MN-1033	Nguyễn Đức	Tài	Nam	03/8/1987	Long An	51.00	64
449	MN-1040	Phạm Văn	Tàu	Nam	28/12/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.75	76
450	MN-1041	Trần Thị Băng	Tâm	Nữ	30/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	58.50	86
451	MN-1042	Trần Công	Tâm	Nam	28/11/1990	Bình Phước	50.50	54
452	MN-1044	Trần Thị Linh	Tâm	Nữ	15/3/1991	Tp. Hồ Chí Minh	71.00	80
453	MN-1047	Đoàn Nhật	Tâm	Nam	20/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	63.00	80
454	MN-1048	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	09/9/1984	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	58
455	MN-1052	Lê Xuân	Tâm	Nam	01/7/1994	Tp. Hồ Chí Minh	52.50	78
456	MN-1053	Võ Thị Tố	Tâm	Nữ	21/7/1988	Bà Rịa - Vũng Tàu	54.00	56
457	MN-1094	Nguyễn Thị Ngọc	Toàn	Nữ	26/10/1983	Tp. Hồ Chí Minh	50.88	70
458	MN-1116	Trần Anh	Tuấn	Nam	17/12/1979	Tp. Hồ Chí Minh	51.38	62
459	MN-1117	Trần Anh	Tuấn	Nam	24/10/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.63	86
460	MN-1118	Vũ Anh	Tuấn	Nam	25/10/1996	Trà Vinh	51.25	80
461	MN-1121	Trương Đình	Tuấn	Nam	11/3/1992	Đồng Nai	50.25	66
462	MN-1132	Nguyễn Thành	Tuấn	Nam	01/4/1997	Bình Thuận	50.50	52
463	MN-1138	Nguyễn Bùi	Tùng	Nam	20/3/1988	Tây Ninh	55.50	74
464	MN-1139	Lê Quang Hoàng	Tùng	Nam	24/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	50.63	86
465	MN-1143	Nông Thị	Tuyên	Nữ	26/6/1991	Lâm Đồng	52.25	70
466	MN-1152	Bùi Thị Thanh	Tuyền	Nữ	13/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	59.50	86
467	MN-1159	Vũ Thị Ánh	Tuyết	Nữ	29/7/1993	Lâm Đồng	61.25	78
468	MN-1161	Phạm Bích	Tuyết	Nữ	17/10/1976	Tp. Hồ Chí Minh	51.25	60
469	MN-1164	Đỗ Thị	Tuyết	Nữ	12/02/1982	Bà Rịa - Vũng Tàu	52.25	72

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
470	MN-1171	Lê Văn Thanh	Tường	Nam	15/7/1994	Tp. Hồ Chí Minh	60.88	82
471	MN-1188	Nguyễn Thới Phương	Thanh	Nữ	24/09/1993	Tp. Hồ Chí Minh	52.75	78
472	MN-1194	Lê Văn	Thanh	Nam	28/11/1990	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	74
473	MN-1197	Nguyễn Công	Thành	Nam	27/7/1993	Tp. Hồ Chí Minh	50.25	80
474	MN-1199	Đặng Chí	Thành	Nam	11/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	53.50	86
475	MN-1202	Nguyễn Minh	Thành	Nam	01/3/1989	Tp. Hồ Chí Minh	52.25	82
476	MN-1225	Đoàn Thị Phương	Thảo	Nữ	23/12/1992	Tp. Hồ Chí Minh	53.75	78
477	MN-1226	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	26/5/1994	Bình Dương	59.75	94
478	MN-1229	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	05/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh	50.75	68
479	MN-1231	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	18/3/1993	Bình Dương	51.38	76
480	MN-1234	Trần Thị	Thảo	Nữ	13/7/1985	Bà Rịa - Vũng Tàu	51.75	84
481	MN-1254	Hoàng Văn	Thắng	Nam	09/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	69.13	92
482	MN-1284	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	19/11/1990	Bình Dương	50.00	68
483	MN-1293	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	13/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	50.13	68
484	MN-1295	Trần Thị Cẩm	Thu	Nữ	14/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	80
485	MN-1309	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	10/6/1993	Bến Tre	50.00	90
486	MN-1311	Nguyễn Thị Mộng	Thùy	Nữ	25/9/1991	Bình Phước	54.50	84
487	MN-1316	Đông Thị Minh	Thùy	Nữ	08/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	78
488	MN-1318	Trần Thị	Thùy	Nữ	29/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	53.75	78
489	MN-1320	Phạm Ngọc	Thủy	Nữ	21/01/1988	Tp. Hồ Chí Minh	54.50	80
490	MN-1329	Nịnh Thị	Thủy	Nữ	08/3/1995	Đắk Nông	54.38	74
491	MN-1331	Phan Thị	Thủy	Nữ	13/8/1992	Bình Dương	51.50	80
492	MN-1336	Lê Thanh	Thúy	Nữ	19/3/1991	Tp. Hồ Chí Minh	54.25	74
493	MN-1350	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	04/12/1996	Cần Thơ	50.50	74
494	MN-1355	Vũ Minh	Thư	Nữ	27/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	52.00	86
495	MN-1358	Nguyễn Chí	Thức	Nam	04/01/1993	Hậu Giang	51.25	88
496	MN-1362	Đặng Thị Hoài	Thương	Nữ	30/8/1993	Tp. Hồ Chí Minh	50.38	72
497	MN-1363	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	01/3/1997	Tp. Hồ Chí Minh	55.25	80
498	MN-1364	Trần Hoài	Thương	Nữ	19/6/1998	Tp. Hồ Chí Minh	51.38	76
499	MN-1366	Lê Thị	Thương	Nữ	10/10/1995	Bình Dương	51.63	68
500	MN-1373	Nguyễn Thị Cẩm	Trang	Nữ	14/01/1987	Bình Phước	61.50	76
501	MN-1383	Danh Thị Kiều	Trang	Nữ	24/5/1990	Kiên Giang	55.50	72
502	MN-1395	Lê Thị	Trang	Nữ	09/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	90
503	MN-1399	Đinh Thị Thu	Trang	Nữ	22/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	82
504	MN-1417	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	17/11/1992	Bình Dương	51.25	68
505	MN-1418	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	07/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	51.50	70
506	MN-1428	Phạm Nguyễn Huyền	Trân	Nữ	05/6/1992	Cần Thơ	51.50	90
507	MN-1448	Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	26/11/1996	Bình Phước	61.75	88
508	MN-1462	Đoàn Phạm Sơn	Trung	Nam	12/3/1979	Long An	52.00	82
509	MN-1469	Lê Nhật	Trường	Nam	08/11/1995	Long An	50.63	68

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
510	MN-1483	Hà Thị Hồng	Vân	Nữ	02/8/1995	Tp. Hồ Chí Minh	55.38	92
511	MN-1520	Nguyễn Thị Hồng	Vy	Nữ	15/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	52.00	82
512	MN-1521	Huỳnh Nguyễn Lan	Vy	Nữ	11/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	51.13	64
513	MN-1524	Kiều Tường	Vy	Nữ	24/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	55.38	78
514	MN-1527	Trần Thị Tường	Vy	Nữ	12/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	62.50	90
515	MN-1538	Phùng Văn	Xuyên	Nam	04/12/1988	Đắk Nông	50.63	60
516	MN-1539	Phạm Thái Kim	Yên	Nữ	03/6/1994	Tp. Hồ Chí Minh	52.25	84
517	MN-1545	Bùi Thị Hồng	Yên	Nữ	05/5/1994	Tây Ninh	50.75	74
518	MN-1550	Phạm Thị Kim	Yên	Nữ	20/7/1990	An Giang	53.00	70
519	MN-1553	Hồ Thị	Yên	Nữ	16/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	52.25	56

ly